

NGUYỄN THÀNH LONG

GIỮA TRONG XANH

vh



isachinfo

Giữa Trong Xanh

Tác giả: Nguyễn Thành Long

Thể loại: Tập Truyện Ngắn

Biên tập: N.H.K

Bìa: N.H.K

Created by: <http://isach.info>

Date: 13-July-2016

Kho ebook online
<http://isach.info>

1 — LẶNG LẼ SAPA

RỒI cầu cây số 4 một quãng, xe trèo lên núi. Và người ta liền có cái cảm giác là lạ tự mình, một mình mình, không phải đang ngồi trên xe mà đang bay là là trong màu xanh nhiều vẻ, nhiều điệu, vô tận của rừng trong tiết thu lạnh hầu như vĩnh viễn sườn tây Yên Sơn. Mây hắt từng chiếc quạt trắng lên từ các thung lũng. Chỉ thấy thấp thoáng ở phía trước một vệt hình ba góc màu vàng chính là đoạn đường mình vừa qua. Đi một lúc lâu, ngừng lên, vẫn thấy cái vệt ba góc đó. Đến bây giờ, người lái xe già mới cất tiếng nói:

— Con suối có thác trắng xóa ta vừa qua là trạm rừng. Một lúc nữa thì tới Sa Pa. Bác không ghé thăm Sa Pa ư? Họa sĩ nào cũng đến Sa Pa! Ở đây tha hồ vẽ. Tôi đi đường này ba mươi hai năm. Trước Cách mạng tháng Tám, tôi chở lên chở về mãi nhiều họa sĩ như bác. Họa sĩ Tô Ngọc Vân này, họa sĩ Hoàng Kiệt này...

Thật là đột ngột! Nhà hội họa có tuổi mỉm cười thay lời đáp. Lúc này, ở bên Lào Cai, lúc xe sắp nổ máy, thấy hàng ghế thứ ba chật vì đôi vợ chồng Mèo trẻ mua vé không cùng chuyến nhưng nhất định không rời nhau, bác lái xe mời ông lên ghế đầu, ngồi giữa bác và một cô gái. Ông vừa yên chỗ, bác lái xe ngắm nghía thế nào hỏi ngay: “Bác là họa sĩ à?” À ra thế — ông nghĩ thầm — bác ta từng quen nhiều họa sĩ. Cũng là một tay lái có máu nghệ thuật đây.

— Nực cười, lúc còn trẻ, tôi cũng qua đường này nhiều lần chứ. Giá vẽ, hộp màu, cuộn giấy, lịch kích lắm thứ. Thế nhưng chẳng ai nhận ra tôi. Bây giờ già rồi, đi đâu trong túi cũng mỗi cuốn sổ con này thôi, vậy mà ai cũng nói đúng mình làm nghề gì, không lẫn đi đâu được. Cô đấy, hôm qua cô chẳng hỏi tôi thế là gì?

Cô gái nhếch mép cười, có vẻ rất bằng lòng về việc ông được chuyển lên ngồi cạnh cô. Sau một đêm và một ngày đi tàu từ Hà Nội, cùng ngồi trong một ngăn toa cứ chật dần lên, đến nơi lại không có cách nào khác đành gộp hành lý tuồn vào một chiếc đòn gánh cùng khênh đến khách sạn cách thị xã bốn cây, sau một đoạn đường như vậy, người ta coi nhau như là bà con. Nhà họa sĩ có cái cảm giác lẫn lộn thường có ở tuổi già nhanh chóng coi cô con gái là con. Ông là họa sĩ, chăm đi, chăm vẽ, luôn luôn ghi về những chuyến đi, nhưng không bao giờ thấy mình biết tận hưởng những khoảnh khắc hiện tại của mình, lúc nào cũng nuôi nhớ những cảnh đã qua, lúc nào cũng khao khát cái đang trước.

— Tuần lễ này, ở nhà, anh em định làm tiệc tiễn tôi về hưu. Tôi xin anh em hoãn bữa tiệc đến cuối tuần sau. Đợi tôi đi chuyến “thực tế” này về đã. Tôi không muốn có quãng nổi nào hết, dù là một ngày, một đêm, vài giờ, giữa hai giai đoạn của đời mình. Đối với một nghệ sĩ, trong cuộc đời, có hai hồi thích nhất, đó là hồi mình còn trẻ, và hồi này của tôi. Mình có thể năng nổ đi, vẽ, như thời thanh niên. Mình có thêm sự chín chắn hồi ấy mình chưa có. Không bi quan, không ảo tưởng, tôi cho tôi cũng còn được mười năm sống nữa. Phải vẽ được cái gì suốt đời mình thích, cô nhỉ?

Ông dễ dàng cởi mở với cô gái những lời tự tin mà, đã già, ông vẫn giữ một sự khiêm tốn vô lý, không bao giờ dám thổ lộ với bạn bè. Còn cô gái là kỹ sư vừa đỗ, đi nhận việc ở ty nông nghiệp Lai Châu. Lần đầu ra khỏi Hà Nội, qua cuộc đời học trò chật hẹp, bước vào cuộc sống bát ngát, mới tinh, cái gì cũng làm cho cô háo hức. Cô cứ nhìn ra ngoài cửa xe, mắt lạng lẽ mà say mê. Cô là thanh niên thê ra trường có thể đi bất kỳ đâu, làm bất kỳ gì, nhận bất kỳ lương, hướng tiếp đón thế nào, cô thấy lòng cô cũng nhẹ nhàng. Sự thật thì cô cũng có lần yêu, nhưng rồi xóa ngay vì biết mình nhầm.

Hai ngày sống gần nhau, với sự nhạy cảm riêng của người nghệ sĩ, nhà họa họa già biết điều đó. Ông nói như nói một điều hiển nhiên và không quan trọng:

— Đối với một người khao khát trời rộng, sự dứt bỏ một tình yêu nhiều khi lại nhẹ lòng.

Người con gái xúc động vì đột nhiên nghe một người đã già diễn tả bằng lời cảm nghĩ vốn mơ hồ và lả tả của mình. Từ phút đó trở đi, hai người gần nhau thêm một mức nữa.

— Hay đấy. Tôi cũng đi Lai Châu. Tôi sẽ đóng vai ông bố già đưa con gái lần đầu ra làm việc. Ông bố hơi lẩm cẩm một chút, nhưng ai cũng thông cảm thương con và cẩn thận như thế là phải. Tôi sẽ đưa cô đến ty, giao cô tận tay ông trưởng ty, nhờ ông ta hết sức giúp cô, xem qua chỗ ăn, chỗ nằm của cô như một ông bố thật sự, rồi tôi quay về. Cô không lo đâu. Chuyến đi này không phải là chuyến đi cô sẽ nhớ suốt đời hay sao? Tôi chắc đến già cô vẫn nhớ.

Như vậy đấy, bắt đầu sự thân thiết giữa cô gái và ông già vui tính.

— Chúng ta vừa qua Sa Pa. Bác không nhận ra ư? — Người lái xe bỗng nhiên lại hỏi.

— Có. Tôi có nhận ra chứ. Sa Pa bắt đầu với những rặng đồi. Và với những đàn bò lang cổ có đeo chuông ở các đồng cỏ trong lưng hai bên đường. Chỗ ấy là Tả Phình phải không bác? — nhà họa sĩ trả lời.

— Vâng. Bác không thích dừng lại Sa Pa à?

— Thích chứ, thích lắm, thích từ thời tôi còn trẻ kia. Chính vì thế mà tôi muốn bác vượt luôn. Thế nào tôi cũng về ở hẳn đây những năm cuối trong đời. Tôi đã định như thế. Nhưng bây giờ chưa phải lúc.

— Bác sợ Sa Pa buồn chứ gì?

Nhà họa sĩ phá lên cười:

— Buồn thì ai mà chả sợ? Nó như con dấn gặm nhấm người ta! Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời.

Những nét hờn hờ trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi bằng một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kỳ lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương rơi xuống đường cái luồn cả vào gầm xe. Mọi người trong xe có cái cảm giác thật lạ: ai cũng biết rồi ra không phải là như thế, nhưng ai cũng lo xe chệt nát mất những cụm mây đẹp quá hoặc chúng làm kẹt xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:

— Cái gì thế?

Bác lái xe xướng to:

— Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nhà họa sĩ nói vội vã:

— Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hẳn.

Không hiểu sao nói đến đây, bác lái xe lại liếc nhìn cô gái. Cô bắt giắc đỏ mặt lên.

— Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Cách đây bốn năm, có hôm tôi cũng đang đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chắn ngang đường, phải hãm lại. Một anh thanh niên ở đâu chạy đến, hè với tôi và khách đi xe đẩy khúc cây ra một bên cho xe đi. Hỏi ở đây mà ai đẩy cây ra giữa đường thế này, anh chỉ đỏ mặt. Thì ra anh ta mới lên nhận việc, sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo, chưa quen, thèm người quá, anh ta kiếm kế dừng xe lại để gặp chúng tôi, nhìn trông và nói chuyện một lát. Kia, anh ta kia.

Những lời giới thiệu trước ấy làm nhà họa sĩ già xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ. Ông không chú ý cô con gái cũng vúi chặt vào vai ông, nửa vì tò mò, nửa để tự vệ chống lại một cái gì đó. Người con trai đưa cho bác lái xe một gói nhỏ.

— Cái gì thế này? Bác lái xe hỏi.

— Củ tam thất cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. Hôm nọ bác chẳng bảo là bác gái vừa ốm dậy là gì?

Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe một gói giấy:

— Còn đây là sách tôi mua hộ anh.

Người con trai mừng quýnh, cầm cuốn sách, còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bây giờ đã xuống đất tất cả. Kẻ đang vươn vai, người ngồi bệt xuống ven đường giở thức ăn mang theo ra. Bác lái xe dắt anh ta lại chỗ nhà hội họa và cô gái:

— Đây, tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kỹ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá. Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh.

Anh thanh niên đỏ mặt, rõ ràng luống cuống, chỉ đáp ứng được mấy tiếng:

— Vâng, mời bác và cô lên chơi. Nhà cháu kia. Lên cái bậc cấp kia, trên ấy có cái nhà đấy. Nước sôi đã có sẵn, nhưng cháu về trước một tí. Bác và cô lên ngay nhé.

Nói xong, chạy vụt đi, cũng tắt tả như khi đến.

— Bác và cô lên với anh ấy một tí. Thế nào bác cũng thích vẽ anh ta. Người lái xe lại nói. “a”

Thấy anh thanh niên vội vã chạy về trước, họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kỹ sư chỉ “ô”! lên một tiếng. Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vòng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

— Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích. Ở đây, tôi ăn bằng hoa.

Trồng cây nào mọc cây ấy. Đơn, thược dược, bạch chỉ, hướng dương, cô thấy không? Tôi không biết kỷ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tết. Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ. Cũng là những điều ta ít nghĩ. Việc ấy làm bác già và cô gái cảm động và cuốn hút ngay. Cô ôm bó hoa vào ngực, bạo dạn nhìn thẳng vào mặt anh. Anh thanh niên bất gặp cái nhìn đó, phúi vội giọt mồ hôi trên sống mũi, mỉm cười, hạ giọng hỏi:

— Cũng đoàn viên, phỏng?

— Vâng. Cô gái nói sẽ.

— Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa — người con trai bất chợt quyết định. Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định với gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cái cốc ly phân mà đo. Cái này là máy nhật quang ký, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm không nhìn máy, cháu nhìn gió lay lá, hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm: bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hục như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được. Cái lặng im giờ ấy nó kích thích như chè đặc.

Anh thanh niên đang nói dừng lại. Và tại sao họa sĩ cảm giác mình bối rối? Vì nhắc thấy người con gái nhỏ nhỏ, e lệ, đứng giữa các luống đơn, không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, nhìn trân trân người con trai? Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được nghe, ôi, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài.

— Anh nói nữa đi — ông giục.

— Báo cáo hết! — người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ. Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chè đã ngấm rồi đấy.

Thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục cả chính người họa sĩ già. Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà, đảo nhìn qua một lượt trước khi ngồi xuống ghế. Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, thoáng, có vẻ là trụ sở cơ quan hơn là nhà, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách. Họa sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới, dường như làm việc ấy hộ bố. Cô không trở lại bàn giữa và ngồi ngay xuống trước chiếc bàn học con, lật xem bìa một cuốn sách rồi để lại nguyên lật mở như cũ. Anh thanh niên rót nước chè mời bác già, ngoảnh lại tìm cô gái, thấy cô đang đọc, liền bưng cái chén con đến yên lặng đặt trước mặt cô.

Họa sĩ nhấp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp, không dấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn:

— Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian? Rằng anh “thèm” người lắm?

Anh thanh niên bật cười khanh khách:

— Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một- mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phăngxipăng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một-mình hơn cháu. Đã có đường ô tô lên đến đấy đâu? Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lý tưởng chứ. Giá chuyển cháu lên đấy, cháu đi ngay. Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngấm nghĩ nhiều: — Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kỹ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia nó lẻ loi một- mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công

việc là hai, sao gọi là một-mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Bác chẳng hạn, sáng tác vất vả thật, nhưng sáng tác xong cái hàng ngày hàng giờ bác ôm ấp, suy nghĩ, nhào nặn, nâng niu vật vữa, có phải bác thấy bác gắn chặt với chung quanh thành một khối không? Cháu cứ tự nói: công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng tự hỏi: cái nhớ xe nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô hội thì tồi, tồi lắm. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

— Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Một người viết một vẽ.

— Quê anh ở đâu thế? họa sĩ hỏi.

— Quê cháu Lào Cai này thôi, cháu chưa hề ra khỏi tỉnh. Đây là chỗ đi xa nhất của cháu trong tỉnh. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một – không. Lúc này cháu có nói đoàn bác và cô là đoàn thứ hai lên thăm cháu trong vòng sáu tháng. Đoàn trước là một chú lái máy bay. Nhân dịp tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy, các chú lại cử một chú lên thăm cháu. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc: “Thế là một – hòa nhé!”

Chưa hòa đâu bác ạ: cháu xem báo thấy bố cháu vừa được phong là dũng sĩ cấp ưu tú, được huân chương quân công. Nhưng từ hôm ấy, biết thêm ý nghĩa công việc mình như vậy, cháu sống thật hạnh phúc. Ô, bác vẽ cháu đấy à? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.

Phải, người họa sĩ già vừa nói chuyện, tay vừa bắt giắc hí hoáy vào cuốn sổ tì lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ

thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời. Ông thấy ngòi bút của ông bắt lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được “đề cao” lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phát họa như ông làm đây hay rồi vẽ dầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như hiểu một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài, vất vả, biết đâu là cùng. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách.

Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:

— Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Để cháu giới thiệu những người khác đáng cho bác vẽ hơn. Ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa chẳng hạn. Ông kỹ sư ngày này sang ngày khác ngồi im trong vườn xu hào, rình xem cách ông lấy phần, thụ phần cho hoa xu hào, rồi, để được theo ý mình, tự ông cầm một chiếc que, mỗi chín mười giờ sáng, lúc hoa tung cánh, đi từng cây xu hào làm thay cho ông. Hàng vạn cây như vậy. Để làm gì? Để củ xu hào nhân dân toàn miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn trước. Bác ơi, cháu chưa thấy nhà văn nghệ cổ kim nào thể hiện hình ảnh như vậy đây. Ông kỹ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá. Bác về Sa Pa vẽ ông ta đi, bác.

Hay là: đồng chí nghiên cứu khoa học của cơ quan cháu ở dưới ấy đây. Có thể nói đồng chí ấy trong tư thế sẵn sàng suốt ngày chờ sét. Nửa đêm mưa gió rét buốt, mặc, cứ nghe sét là đồng chí choáng choàng chạy ra. Như thế mười một năm. Mười một năm không một ngày xa cơ quan. Không đi đến đâu mà tìm vợ. Đồng chí cứ sợ nhỡ có sét lại vắng mặt mình. Đồng chí đang làm một cái bản đồ sét riêng cho nước ta. Có cái bản đồ ấy thì lắm của bác ạ. Của chìm nông, của chìm sâu trong lòng đất đều có thể biết, quý giá lắm. Trán đồng chí cứ hói dần đi. Nhưng cái bản đồ sét thì sắp xong rồi. Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước. Bác có thể vẽ đồng chí ấy nữa.

Cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy

nghĩ trong cái vắng vẻ vọi vọi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuộn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng. Ví dụ như quan niệm về cái đất Sa Pa mà ông quyết định sẽ chỉ đến nghỉ ngơi giai đoạn cuối trong đời, mà ông yêu nhưng vẫn còn tránh.

Những bản khoản ấy làm cho nhà họa không nhận xét được gì ở cô con gái ngồi trước mặt đằng kia. Những điều cô cùng nghe, cộng với những điều cô khám phá thấy trên hai trang sách hay đang đọc dở của người con trai làm cô bàng hoàng. Có phải cái ánh sáng trong quyển sách rơi sang, làm cho cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới? Có phải cái cảm giác bàng hoàng, đáng lẽ cô phải biết khi cô yêu, bây giờ cô mới biết, giúp cô đánh giá đúng hơn mối tình nhạt nhẽo mà cô đã bỏ, và yên tâm hơn về quyết định của mình? Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô. Và vì một cái gì đó nữa mà lúc này cô chưa kịp nghĩ kỹ. Cô lay hoay tìm trong túi xách. Nhà họa sĩ thì còn trở lại, nhưng cô, trong trời đất Tây Bắc bạt ngàn, trong cuộc đời mông mênh nói chung, chốc nữa, chắc là cô sẽ đi luôn, biến mất, có cái gì tặng lại anh ta, để, như anh ta nói, kỷ niệm lần gặp gỡ này. Một cái cón con gì rồi ra có thể biến thành một chút xiu dịu dàng, một chút xiu dũng cảm trong cuộc sống của anh ta? Một cuốn sách, một món trang trí nhỏ chẳng hạn? Không, hiện giờ trong cái túi xách của cô không có vật gì như thế.

— Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thông thả đi đến chỗ bác già.

— Ô! cô còn quên chiếc mùi xoa đây này!

Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kỹ sư nhếch mép, mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vọi đi.

— Chào anh — đến bữa trưa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh, những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy:

— Chào anh.

Lần đầu, chính là anh thanh niên quay mặt đi. Anh ấn cái làn vào tay bác già và nói vội vã:

— Cái này để ăn trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ “ốp” rồi. Thôi, chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé.

Hai ông con theo bậc cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nhìn đồng hồ nói một mình:

— Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chị cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ “ốp” đâu? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ? Cô gái liếc nhìn bác già một cái rất nhanh, tự nhiên hồi hộp, nhưng vẫn im lặng.

Lào Cai tháng sáu.

Hà Nội tháng bảy, 1970

2 — BUỔI SÁNG THẦN TIÊN

“Vẽ một cảnh cây đẹp, ta thấy có gió”

CON chó”, những khi bố nựng Bé, Bố gọi trạch đi là “con tro”, với một âm *tro* rất rung, “con *tro* của Bố”. Mẹ nhận xét: Bé sinh sau nên hưởng lại của Chị nhiều thứ: quần áo, đồ chơi, và cả cái tên ấy. Bố ôm chặt Bé vào ngực Bố mà gọi thế. Lúc nào Bé cũng cãi lại: “— Con là con Bố, sao con lại là con *tro* được?” Bố nói: “— Vì không may nên Bố mới đẻ ra con *tro*”. Bé bắt đầu lý sự cùn: “— Bố xem con có khác gì Bố nào?”. Bố chỉ vào đầu bé: “— Cái này của con nó ngốc lắm. Rõ ràng là đầu con *tro*”. Đến lúc bí, Bé nói liều: “— Thế hời bé, Bố cũng...” Thế là Mẹ quát tướng lên: “— Bé không được hỗn nào!”. Cả nhà cười âm.

Trong gian nhà nhỏ của Bé, buổi tối thật là vui. Bôn “bố con” (hai tiếng ấy của Bố thân mật bao gồm cả Mẹ) nằm lăn ra dưới sàn gỗ mà đùa. Cuối một ngày, mỗi người làm tròn việc của mình, bây giờ họ thấy thoải mái, không ai có cảm giác mình có lỗi với ai. Công việc vỡ một khu đất rất lớn để trồng chè của Bố ở huyện Bắc Quang mỗi ngày tiến thêm một bước: hoặc Bố đã xin được tiền của chính phủ, hoặc đã chở được máy kéo máy cày từ Hà Nội lên. Mẹ sung sướng phô với cả nhà đã nhờ nhạy cảm mà đánh lui được dễ dàng một con sốt dài ngày của một em bé. Chị thì ngoẹo đầu sang bên vai một tí — Ôi, Chị đã học đến lớp tám rồi mà cứ như trẻ con ấy! — Chị cười mà đố Bố: “— Bố đoán xem toán con được mấy điểm nào?”. Còn Bé, Bé khoe được cô giáo khen là ăn nhanh, tiến bộ rõ rệt và được cắm cờ đỏ trên bảng. Bà dọn dẹp đã xong, ngồi xếp xuống sàn như mọi người, tựa lưng vào cái thành giường của Bà mà ngủ gà ngủ gật. Con mèo lang trắng đen của nhà lúc ấy cũng có mặt đấy, xoải cả bốn chân ra nhìn hết người nọ đến người kia và thở rất gấp rất mạnh, như cả ngày nó cũng mắc bận lắm bây giờ mới thở được một ít.

Nhưng tối nay rõ ràng là không giống mọi tối. Bố không về ăn cơm nhà. Sau một thời gian dài sửa soạn và xếp đặt, sáng ngày mai, công việc phá hoang và trồng chè ở Bắc Quang bắt đầu. Đêm nay bố phải ở luôn dưới ấy, hẹn mai, sau buổi lễ, mới sẽ đèo qua nhà một tí. Cả nhà rất thích công việc của Bố. Có hôm Bố trải bản đồ lên ngay sàn mà giảng cho Mẹ: “Rồi ta sẽ bắc ở đây một cái cầu, ta xây ở đây một cái hồ chứa nước, dưới kia ta cho một bến cảng”. Ôi, Bé rất thích! rất thích! câu chuyện của Bố có cái gì cứ lấp la lấp lánh như cổ tích. “*Con Em được thăng Anh cho ngôi đấng sau nó, trên lưng Cừu Thần*

để bay đi chơi. Con Em thích quá, cứ vỗ tay reo, bắt chợt rơi xuống, hóa thành cánh đồng Lũng Cú bây giờ”. Đây, những cái cầu, cái hồ, cái cang, những nông trường và nhà máy chè của Bố cũng phảng phất như thế.

Nhưng tối nay, không khí trong nhà rất phân vân. Bao nhiêu việc ngẫu nhiên gặp nhau một lúc. Ngày mai là ngày nghỉ của trường mẫu giáo, Bé ở nhà, không đi học. Ở nhà có Bà, có Chị. Chị đi học buổi chiều, nhưng có Bé ở nhà thì bao giờ cũng có Bà, mọi việc chợ búa, Bà phải lo từ hôm trước. Nhưng sáng mai, Mẹ phải giới thiệu Bà đi bệnh viện khám vì Bà kêu bỗng nhiên chóng mặt quá lắm. Bà đã già, đã kêu chóng mặt là phải cẩn thận, Mẹ bảo thế. Còn Chị cũng phải lao động, cái ấy chiều nay Chị mới biết. Thế ai ở nhà với Bé? Không ai ở nhà với Bé được thì làm thế nào? Mẹ mang Bé theo đến bệnh viện ư? Không được. Hay Chị xin nghỉ một buổi? Lâu lâu mới có một buổi lao động, không nghỉ được. Hay mẹ xin nghỉ làm? Cái đó càng không được: bao nhiêu trẻ em ôm đang đợi Mẹ! Hay Bà hoãn đến hôm khác hãy đi khám? Cũng không được nữa. Một đời Bà làm lụng chăm chỉ, săn sóc mọi người, Bà mới mệt một lần, phải để Bà đi khám đúng lúc. Hay mang Bé đi gửi? Gửi ai?

Mèo ta là kẻ tinh ý nhất nhà. Tính như tuổi người, nó cũng ngót nghét lên năm rồi đấy, chỉ kém Bé ít thôi. Ôi, lên một tháng, mèo con bị bệnh tưởng chết, Bà đã đưa xuống bếp cho nó sưởi và có chết thì chết dưới đó. Không ngờ nửa đêm, Bố mở cửa ra, thấy nó phục trước cửa. Thật lạ mà nó tìm được lối leo lên cầu thang, và leo được để về nhà: từ lúc đẻ ra, nó đã đi khỏi buồng bao giờ đâu? Bố thương, bắt chước Mẹ, chữa cho Mèo như Mẹ chữa cho người, lấy thuốc của Bé cho Mèo uống, lấy sữa của Bé cho Mèo ăn. Thế mà nó sống được đấy. Nó sống được, lớn lên, tự mình coi mình như người nhà, tự đảm lấy việc giữ nhà, kể cả việc bầu bạn với Bé, từ khi Bé mới lên một cơ. Ngày ấy, một hôm, Bé nằm ngủ trên giường của Bà, bỗng lăn rơi xuống sàn, thế mà vẫn ngủ. Bà đang ở trong buồng tắm, chợt Mèo đến lấy răng cắn vào gấu quần kéo Bà đi. Bà theo Mèo trở vào nhà thì thấy Bé đang nằm như vậy. Ấy, sự tích Mèo là thế.

Năm năm trời, tối nào Mèo cũng nằm ngấm ngấm hết mặt người nọ cho đến mặt người kia, thuộc từng giọng cười, thậm chí từng câu đùa, nên tối nay Mèo chú ý biết trong nhà có việc lo lắng. Và đến lúc nghe Mẹ nói thì Mèo hiểu cả. Trông nét mặt của Mẹ, Mèo thương quá. “Tội nghiệp” — Mèo nghĩ — chớ để cho Mẹ phải lo lắng như thế!”. Mèo đến, nghiêng mình, cọ lông vào chân Bé.

Đang nằm, Bé chợt nhồm dậy, ngồi lọt thỏm trong vòng tay của Mẹ. Bé có

cảm giác Mẹ sắp nói những điều thật hệ trọng, những điều ấy Mẹ chưa nói với Bé bao giờ:

— Tổ trưởng tổ Gà của Mẹ có thật giỏi như cô giáo khen không? Sáng mai, con hãy “trực nhà” cho Mẹ một buổi, như cô giáo vẫn hay giao cho con trực lớp ấy mà. Mẹ sắp sẵn tất cả cho con, cả quả nữa, con chỉ thức dậy và quanh quần chơi trong buồng, không đi đâu, thế thôi. Mẹ cho con nhiều phấn màu để con vẽ nhé. Con vẽ thật nhiều vào, thật đẹp vào để Bố về Bố khen con là họa sĩ của Bố chứ không phải là con tro đâu. Có lẽ Bố sẽ về trước, vào quãng mười giờ Bố sẽ về nhận ca, trực thay con. Con mà làm được thế thì con vừa giúp được Mẹ, giúp được Bà, giúp được Chị, mà cũng giúp được các bạn đang ốm của con ở bệnh viện nữa!

Nghe phải ở nhà một mình, thoát đầu, Bé hốt lắm, Chị cũng hốt, chứ không ư, mắt Chị tò mò và chờ đợi nhìn Bé thế kia. Nhưng có cách nào nữa không? Ở nhà một mình buồn: ai chả có lúc ở nhà một mình? Sợ: sợ cái gì nào? Hòa bình rồi, bom đạn hết rồi... Mà Mẹ khôn lắm: “tổ trưởng tổ Gà”, “trực nhà”, “trực lớp”, “cô giáo khen”, “Bố về nhận ca”, Mẹ nói cứ ngọt ngọt là!

Mèo ta, đến lúc ấy, rúc rúc cái đầu nhỏ xíu của mình vào bụng Bé thủ thủ:

— Mình đồng ý đi cho Mẹ vui lòng. Mình chỉ phải ở nhà một mình có một buổi chứ người ta hôm nào cũng phải ở nhà một mình thì sao? Mình đồng ý đi, để được cả nhà khen là dũng cảm! Người ta sẽ giúp mình trông nhà, sẽ chơi với mình, không sao đâu.

— Mà Mẹ phải để nhiều đường cho con uống nước cơ — Bé bật nói lên, mặc cả như thế.

Không ngờ Bé nhận lời ngay, Mẹ mừng cuống lên, ôm lấy Bé hôn lấy hôn để. Chị cũng chồm tới hôn Bé, và đưa cho Bé tất cả phần vải thiều buộc lại bằng một sợi len xanh mà Chị mới ăn có hai quả. Sau đó, cả nhà tíu tít đi chuẩn bị cho buổi “trực” của Bé.

Hôm nào mà Mèo chẳng phải ở nhà một mình. Thế nhưng đêm nay Mèo cũng thao thức mãi. Mèo có cảm giác ngày mai, công việc trông nom nhà cửa cần chu đáo hơn mọi ngày, vì ngày mai có Bé cũng ở nhà nữa. Mẹ lo âu nhường ấy cơ mà! Cô ả hát hay, múa dẻo, vẽ cũng tài, nhưng nhiều cái cũng lớ ngớ lắm thật cơ. Ôi chao, mai cửa sẽ không khóa, mình mà xuống sân, lại lân la chấp tay xem lũ trẻ “oản tù tì” thì ở trên này, người ta biết xoay xở thế nào? Một mặt phải giữ nhà, một mặt lại phải trông chừng mình...

Bốn giờ sáng, chiếc đồng hồ chuông reo lên một hồi dài. Nhưng Chị vẫn ngủ say. Thường ngày vẫn thế. Chị hẹn dậy sớm, để giờ chuông, nhưng chuông reo mặc chuông reo, Chị vẫn ngủ. Thấy Chị không động tĩnh gì cả, đến lúc

ấy, Bố mới lên tiếng gọi. Hôm nay không có Bố ở nhà, Mèo cho đó là việc của mình, chui vào màn, đến bên Chị, ghé xuống tai Chị mà “meo! meo!” lên mấy tiếng. Chị mở bừng mắt vừa thấy Mèo đang ngoạm vai mình mà kéo, sức nhớ ra, hốt hoảng ngồi dậy.

Mẹ đứng lên thông thả đi bật đèn.

Chị rửa mặt chải tóc vừa xong, ăn xong, vừa bạn đến gọi. Hôm nay lao động tận cây số bốn, bạn Chị lại Chị đi bằng xe đạp. Người ra khỏi nhà sau Chị là Bà. Bệnh viện Bà phải đến không cùng chỗ làm việc của Mẹ nên Bà phải đi bộ, và Bà phải đến sớm để xếp giấy thứ tự ở phòng khám. Một cuộc đi bộ sáng sớm mùa này cũng có ích cho sức khỏe của Bà. Bà đi có một tí, thế mà cũng bịn rịn, đến bên Bé hãy còn ngủ, vuốt ve mãi, và nói nựng đến buồn cười “Cái đít! cái đít!” rồi mới đi. Mẹ sắp sẵn xôi sáng và nước trên bàn, để cả hai quả chuối và lọ đường với cái thìa ở đấy nữa, cho cái bô vào trong nhà. Và đề phòng nhỡ Bé nghịch có thể gây tai nạn, Mẹ lẳng lẽ đi tắt điện, tháo cầu chì và cất hộp dao cạo của Bố vào trong cái cặp ở đầu tủ. Mẹ đi mở rộng các cửa, nhìn lại trên bàn xem hộp phấn màu Mẹ để sẵn tối qua cho Bé còn đấy không, thông thả đi lấy thêm mấy cuốn tranh truyện, và vơi sẵn một ít nước trong xô ra cái chậu con, cho bé rửa tay.

Đến lúc ấy, Mẹ mới đến lay Bé dậy.

— Con *tro* của Mẹ! Dậy chơi với Mẹ tí đi, rồi Mẹ đi làm việc!

Bé mở mắt liền. Hai mắt vốn rất đẹp của Bé, sau một giấc ngủ dài, càng to ra, và chỉ thấy tuyến lòng đen. Bé mở mắt, nhớ ra công việc Mẹ giao cho Bé hôm nay và ngồi dậy ngay. “— Ôi chao, con gái Mẹ ngoan quá!”. Mẹ nói thế và bế Bé ra buồng tắm, rửa, lau, thay quần áo cho Bé, đưa Bé vào, đặt Bé ngồi lên ghế ngay ngắn. Rồi Mẹ nói:

— Con ăn quà sáng, uống nước như mọi hôm ở trường ấy nhé. Rồi bắt đầu làm công tác cho Mẹ nhé. Chỉ cần con chẳng đi đâu, con chơi một mình vui vẻ, thế thôi. Bây giờ gần sáu giờ. Mười giờ bố về, hẳn thế. Giờ này, Bố cũng dẫn đàn máy kéo ra khu rừng nữa, bắt đầu phát hoang đây. Con tưởng tượng xem: vùng ấy bao đời hoang vắng bỗng sáng nay, cơ man người và ngựa, áo váy yên cương thật đẹp, cùng với một đàn xe bánh xích cờ xí rợp trời âm ầm tấn công vào rừng rú và đầm lầy. Trên một chiếc xe bánh xích ấy, có Bố, ngồi phía sau một lá cờ đỏ phấp phật, cứ như là ông tướng... Con có thích không? Con thi đua với Bố nhé. Hai bố con thi đua với nhau nhé. Mười giờ bố về. Thế. Con ngoan lắm. Mẹ hôn con cái nữa rồi Mẹ đi làm.

Đến lúc sắp sửa phải thật sự ở nhà một mình, Bé cũng thấy nghèn nghẹn ở cổ. Nhưng muộn rồi; làm khó dễ cho Mẹ bây giờ là thế nào? Tội qua đã hứa

rồi, bây giờ trả lại ngân ngữ sao được? Không mà, Bé không tồi thế đâu. Bé thu hết can đảm cho nét mặt được tự nhiên và ngửa mặt cho Mẹ hôn. Bé cố gắng lắm nên mồm Bé chỉ mếu có một tí thôi. Mẹ hôn lên cái mồm ấy và dắt xe đạp ra cửa, không quên cúi xuống vuốt lưng Mèo một cái:

— Mèo ở nhà chơi với Bé nhé. Rồi Bé cho quà.

Mẹ đi xuống khỏi cầu thang rồi, Mèo nhảy lên bàn, bước đến gần nhìn kỹ hai mắt Bé. “Khóc à! — Mèo hỏi — Xoàng thế!” Bé nhướn to hai mắt, nói thật, hai mắt Bé cũng có hơi cay cay một tí, dí sát mắt Mèo đáp: “Đâu nào?”. Mèo cười sằng sặc và nói: “Mẹ bảo cho người ta quà đấy. Nhớ đấy”. Xong, Mèo nhảy xuống bàn, bước ra nằm xuống ở vụng gác của mình: trước cửa.

o O o

Sáng hôm ấy của mùa hè năm 1973, Hà Giang có một việc rất lạ. Từ Vị Xuyên, lên Mèo Vạc, từ Thanh Thủy xuống Hoàng Xu Phì, khắp các huyện, có bao nhiêu chim đều nháo nhác bay lên trời cả, liệng rất nhiều vòng tít trên mây xanh, một lúc rất lâu mới lại đổ xuống. Đổ xuống, chim lại khuất trong những rừng non rừng già vô số của Hà Giang, nhưng ức triệu giống chim khác nhau vẫn không ngớt xôn xao về một việc gì vừa mới xảy ra đó. Những người già trăm tuổi quả quyết rằng trong cuộc đời rất dài của họ chưa hề thấy sự việc như thế này bao giờ. Từ đây mà những người khác, trẻ hơn, luận ra rằng đây chỉ có thể là điềm lành, chắc là động rừng do khai phá làm nông trường lâm trường gì đây. Và các ông chủ tịch huyện, ban đầu cũng kinh ngạc như ai, sức nhớ ra cái kế hoạch của tỉnh mà mình được biết từ lâu, cái kế hoạch ấy nó to lớn quá đến nỗi chính mình cũng không ngờ là nó đến ngay thế; các ông chủ tịch huyện “à!” lên một cách sung sướng. Và chỉ mười phút sau, khắp các phố huyện, khắp các bản làng đều biết rằng: “Thế là công việc ở Bắc Quang đã bắt đầu rồi! Bắc Quang bắt đầu vỡ trống làm vùng kinh tế mới”.

Trong lúc đó, ở Bắc Quang, để buổi lễ “ra quân” thêm phần long trọng, người ta mời những người đứng đầu tỉnh, huyện, ủy ban nông nghiệp, các kỹ sư, các nhà báo, mỗi người lên ngồi trên một chiếc xe bánh xích cùng với đồng chí lái máy, khi các xe ấy bắt đầu lao vào màu xanh mênh mông của rừng. Công cuộc lao động lớn lao ở đây mở đầu như một ngày hội. Người khắp các bản trên các sườn núi đi ngựa xuống xem, áo, váy đen, đỏ, vàng, bạc chói ngời. Bọn ngựa thấy đàn xe bánh xích to lớn, oai vệ, vừa ghen vừa sợ, hí vang trời và cứ chực chồm lên. Các chủ ngựa, khi là một cô gái, khi là một em bé, khó khăn lắm mới giữ được dây cương, có người còn sợ những “con” xe xích không lồ kia có thể sỏ vào con ngựa bé nhỏ của mình, nhưng mắt họ lại chăm

chầm dần vào sự việc đang diễn ra. Mỗi chiếc xe xích tiến lên, cây cối liền đổ rạp xuống, những cánh tay sắt rất dài đằng trước nó tung lên, ném lên để mở đường đi, trong lúc các lưỡi cày nó kéo theo sau lật ngay các thảm cỏ để lộ một mầu đất nâu đen bóng sáng như mầu máu tươi lập tức bốc hơi. Hơi nóng của đất mới vỡ quện thành một lớp khói mỏng lãnh đăng như còn cố che lại cho ngực đất không quen trần trụi. Những người đi xem, tiến lên sau xe reo hò âm ỉ, trên mảnh đất nghìn năm bị phong kín nay được giải phóng. Có người nhặt một hòn đá để ngang mặt xem xét. Chỉ có loài chim là nháo nhác kinh sợ vì thấy dinh lũy của mình bị tấn công. Chúng vụt bay bắn lên trên không, cao tít tắp, rồi mới hạ thấp dần xuống, quần đảo hàng nghìn vòng, tìm hiểu việc gì xảy ra. Chim các vùng chung quanh, rồi trong toàn tỉnh, thấy thế cùng bất giác bay lên. Bên dưới, mặt đất đang nhộn nhịp như thế, trên bầu trời, tiếng cánh vỗ, tiếng chim chiêm chiêm hỏi nhau, hàng triệu đôi cánh che ánh nắng mai, tạo thành một bóng rợp rất đối rêu rắt.

Ngồi trên một chiếc xe xích ấy, Bố của Bé rất vui. Ông là người rất mê Hà Giang. Ở Hà Giang, bất cứ đứng đâu cũng thấy được trời đất nước non thật là đẹp. Những cảnh một trăm lần nhìn, một trăm lần gọi cho người ta những cảm nghĩ cao quý. Như ở đây chẳng hạn, hãy ngoảnh mặt ra sau, bạn sẽ thấy một ngọn đồi; sau đồi là núi; sau núi là núi nữa; mặt trời lên, mù trắng bốc lên che tất cả chỉ để lại có các chóp đỉnh, các chóp đỉnh ấy trôi dập dềnh trên những biển mây. Làm việc một lúc, ngừng lên nữa, lại đã thấy trắng hết, chỉ còn một quả đồi gần, tưởng chừng như sau quả đồi ấy đã là vũ trụ mênh mông. Nhưng mà không, trong cái che khuất ấy, còn có núi, cơ man núi, và sông, và người, cơ man người, trong cái che khuất ấy là nước Việt Nam giàu có và anh hùng trải dài đến tận Cà Mau, mà đây mới chỉ là điểm bắt đầu.

Sáng nay, thật là một quang cảnh mới. Nó vừa là như thế, vừa không là như thế. Như một rò phong lan, vắt vẻo trên chóp thân cây, bao giờ cũng đẹp, nhưng trước cơn mưa mùa hè, hoa lan nở, rò lan liền mang một vẻ đẹp khác. Hàng trăm gia đình Mèo đã xuống núi và đến ở đây, hàng trăm gia đình nữa sẽ đến, hàng nghìn nam nữ thanh niên Mèo sẽ trở nên công nhân nông trường và nhà máy ở đây, sẽ líu lo hát những bài hát khác những bài họ vẫn hát, có rạo rực tiếng máy cày và hình ảnh những búp tay trắng hồng hái chè trong đó... Ông có một chút tự hào vì mình có góp vào đây một ít công sức...

Ôi, bây giờ ông là người lớn rồi, nên ông không hiểu được nữa tiếng chim như trẻ con vẫn hay đoán hiểu. Nếu không, ông tất đã nghe câu chuyện sau đây của hai con chim, là hai con chích chòe nhỏ xíu, cánh chỗ trắng thì trắng muốt, chỗ đen thì đen tuyền, vừa mới bạo dạn sà xuống đỗ ngay lên đầu máy

xe xích và chăm chăm nhìn ông. Trên đất nước ta, hễ là người tốt, ta đi bất cứ đâu, trong đám đông, thế nào cũng có người nhận ra ta. Một con chích chòe đã nhận ra ông:

— Bác này là Bố con Bé đây mà!

— Bé nào? — con chim kia hỏi.

— Bé ở thị xã, nhà gác có cửa sổ treo đầy phong lan, hôm nọ cậu với tớ đến chén một quả vải thiều ấy mà, cậu không nhớ à?

— Ừ, Bác ta là người hiền lành đấy, cảm thấy mừng con bao giờ — Con chim vừa nói vừa đưa chiếc cánh tí xíu huých bạn một cái — Thế cậu nói đi. Cậu hãy hỏi Bác ta tại sao lại làm thế?

Con chim kia nhích tới một bước nhỏ, há mỏ, cổ họng thở rất dữ, rồi lùi lại ngay, đến lượt mình lấy cánh huých bạn:

— Cậu có ý kiến thì cậu nói trước đi, sao lại đùn cho tớ? Cậu mà nói trước, tớ sẽ nói tiếp ngay. Nào!

Bỗng máy xe nổ một tiếng mạnh quá. Hai con chim giật bắn người, bay vọt lên cao.

o O o

Mẹ đi xong, còn lại một mình, bỗng nhiên Bé thấy việc “trực nhà” không lấy gì làm ghê gớm cả. Có phải vì dù thế nào thì Bé cũng chỉ còn lại có một mình và Bé không muốn trưa nay lại gặp Bà, Bố, Mẹ, Chị, mà phải xấu hổ cúi gằm mặt xuống? Hay vì hộp phấn màu lần đầu Mẹ giao hết cho Bé chứ không phải một viên bẻ đôi như mọi bận, những viên phấn màu đối với Bé bao giờ cũng hứa hẹn rất nhiều thú vui? Bé ăn quà sáng, thông thả ăn sạch đĩa và uống cạn cốc như ở trường. Giờ này mọi hôm, ở trường mẫu giáo học sinh đã vào lớp và bắt đầu tiết vẽ. Bé ôm hộp phấn, tụt xuống ghế, đứng một lúc ngắm nghía cái sàn nhà. Ý nghĩ có thể vẽ một bức tranh “đề tài tự do” như cô giáo độ này thường bảo, nhưng là một bức tranh thật to, ý nghĩ ấy cuốn hút Bé liền. “Hôm nay mình có thể vẽ hết cả cái sàn này mà không sợ bị mắng — Bé nghĩ — Bà cũng chẳng la hét lên đâu”.

Những bà mẹ, chính là những người đã sinh ra nghệ thuật. Nếu bà mẹ tự mình không làm lấy được thì trong đám con cái, tất có một đứa nào đó sẽ khắc họa được bằng nghệ thuật cái tâm hồn yêu mến của bà. Những lời Mẹ nói về công việc của Bố, lúc Mẹ ra đi, không ngờ làm cho Bé hết sức thích vẽ. Thích lắm. Được tự do vẽ, bắt tay vào vẽ liền thấy mình muốn cái gì có cái ấy, muốn vẽ cái gì vẽ cái ấy, trò chơi ấy làm cho Bé cảm thấy việc “trực nhà” trở nên dễ chịu. Bé mê mải, quên hết mọi sự, kể cả việc hay thèm nước đường, chỉ còn biết có vẽ mà thôi.

Bé bắt đầu lấy một viên phấn vàng, vẽ ngay giữa sàn một chiếc xe bánh xích. Xe bánh xích hao hao giống xe tăng, mà xe tăng thì Bé đã từng được thấy. Khác xe tăng ở chỗ nó không có ụ súng, và trên tay lái thấy rõ chú lái với một người nữa ngồi cạnh. Bé bặm môi, nắn nót xong một chiếc xe bánh xích đầu tiên, đứng lên, bước lui một bước, neho mắt nhìn cái mình vừa vẽ. “Không được! — Bé chột lắc đầu — Vẽ thế này, Bố lại chê, bảo đó là một chiếc xe bánh xích bằng bông, không phải xe thật. Xe thật phải chạy chứ, phải lao chứ! Rào... rào... rào... rào...!”. Nhưng trong tranh xe đang chạy khác xe đang đứng thế nào nhỉ? Chưa biết vẽ thế nào, nhưng hăng cứ phải xóa đi đã. Không vẽ thì thôi, vẽ phải cho đúng. Bé lấy giẻ lau, nhúng giẻ vào chậu thau, và làm biến mất, không còn vết tích chiếc xe bánh xích vừa sản xuất đầu tiên thật là đồ sộ. Ý nghĩ phải làm cho xe chạy, chạy nhanh để vùng kinh tế chóng nên, chè chóng trông, ý nghĩ ấy làm cho tay bé cuống lên. Vì cuống, nên nét vẽ nhiều khi không thật vừa ý. Bé lại phải chùi đi chùi lại nhiều lần. Nhưng mặc. “Đã muốn làm cái gì, khi đã biết chắc cái ấy là tốt, phải làm bằng được”. Bố dặn thế. Bé vẽ một chiếc xe bánh xích thứ hai, rồi thứ ba. Trên chiếc xe bánh xích lần này có Bố của Bé. Để người ta không nhầm với các bác, các chú khác, Bé lấy phấn xanh cẩn thận chấm lên má bên trái của Bố một cái nốt ruồi. Chẳng bao lâu, từ trong bàn tay nhỏ xíu của bé, ùn ùn tuôn ra một đàn đông đúc máy phát quang, máy cày, máy kéo chạy âm âm, từ gầm tủ đến tận bìa lò sưởi. Và rừng nứa với những lá nứa nhỏ li ti và rậm rạp đổ xuống ràn rạt trước và bên dưới đàn xe xích kiên quyết ấy, bắn lên cao và rơi xuống hai bên đàn xe. Và, thật là một sự gặp gỡ kỳ diệu của tâm hồn trẻ thơ và cảnh vật thật bên ngoài, Bé bắt đầu vẽ chim. Có cây có lá, phải có chim. Và, ôi chao, chim các loài bao đời làm tổ trong rừng nứa này chắc là phải lạ lắm và xao xác lắm sáng hôm nay! Bé vẽ như thế. Bé vẽ chim bay hoảng loạn, hoảng loạn nhưng vẫn từng đàn theo hình mũi tên. Phút chốc, trong căn buồng nhỏ của gia đình Bé, tràn đầy tiếng máy kéo, tiếng chim đập cánh, tiếng cây nứa, cành nứa gãy đổ. Bé say sưa và vui thích ghì một chiếc xe bánh xích lại cắm cho nó một lá cờ đỏ sao vàng, hay níu lại một con chim phượng chèo thêm cho nó một cái cánh.

Bỗng cảm thấy Mèo từ ngoài cửa sổ vào, nhảy tới một cái sau lưng như vồ cái gì, Bé mắng: “Mèo!”. Bé mắng ba lần như thế vẫn không ăn thua, mà nghe mèo meo meo càng to hơn, rồi chột thấy Mèo ngoạm lấy khủy áo Bé, kéo giật: “Xem kìa — Mèo nói — ở đâu kéo đến đây chực đánh cắp cái gì đấy! Hồng hết phong lan của Bố còn gì!”

Bé ngoảnh lại, nhìn lên và đứng sững.

Chim!

Chim ở đâu về nhiều thế! Chúng đậu trên tất cả các thanh lá sách cửa chớp, trên thanh cửa sổ, bên trên cửa kính, đậu kín cả các dây phơi. Chúng đậu lên trên các rò phong lan. Cả một chùm chim vắt vẻo vào một cái rễ hoa phi công thiên, cứ đung đưa đung đưa như là chúng nó đang chơi đu. Chim cắt, chim bìm bịp, chim thiên đường, chim vẹt, sáo mỏ ngà, vàng anh, chích chòe, đầu riu, chào mào, se sẻ, đủ các loại chim, dày đặc trước các cửa sổ như những bức rèm, mắt chăm chăm nhìn Bé.

Trong cả bọn, có hai con bạo nhất, chính là hai con chích chòe lúc này đã đậu trước mũi xe bánh xích, trước mặt Bố của Bé, bây giờ chúng bay tọt vào trong buồng và sà xuống sàn nhà. Chân chỉ vừa chạm đất, đã nghe Mèo “hực!” một cái, hai con chích chòe ù té bay rồi đậu lại trên cửa sổ. Một con giận quá phát run, mắt đỏ ngầu thò đầu vào nói luôn:

— Bạn Bé! Bạn hãy bảo bố Bạn! Sao lại như thế? Bé hơi tự ái, chấp tay sau lưng, giọng đánh đá:

— Này! Ăn nói thế à? Làm sao?

Con chích chòe thứ hai cũng không vừa, bộp chát ngay:

— Còn sao nữa? Tinh mơ, người ta vừa thức dậy đánh răng rửa mặt, đã đưa xe xích đến làm âm lên.

Thế là Bé rõ chuyện. Kể ra cũng tội nghiệp chúng thật đấy. Bé ôn tồn giảng cho đàn chim:

— Người ta làm nông trường chứ làm gì mà mình sợ? Người ta sẽ trồng chè thay vào những loại cây hoang vớ vẩn của mình ấy. Rồi sợ mình không đủ ở được khắp các cây chè! Hãy ở tạm đâu đấy ít lâu không được ư?

Tất cả bọn chim nghe nói, đồng thanh chê bai một lượt. (Ôi chim hót thì hay, nhưng khi chúng chanh chua cãi vã, nghe sao khô thế!). Chúng nó nói, giọng dài thọt:

— Cây-chè-thấp-lè-tè-ấy-à? Bé nguýt một cái rồi dài:

— Mình thấp lẽ tè thì có! Không biết giống chè san Hà Giang là thế nào à?

Rồi người ta sẽ làm bao nhiêu nhà ở đây. Khôi mái nhà, trần nhà, tha hồ ở ầm! Chứ đến mùa gió Đông—Bắc mà cứ ngủ ngoài trời mãi ư?

Bọn chim bắt đầu nghe ra. Một con bảo:

— Bạn Bé nói nữa đi.

Bé biết mình nói có kết quả, thích lắm, ngược mặt cười thân mật, hỏi bọn chúng:

— Các cậu đại lắm, các cậu chả hiểu gì sắt mà lại phôi bò! Ở đâu có người mà ở đây chả có nhiều thức ăn, các cậu nghĩ xem? Lại ngựa nữa chứ! Ở khu

rừng nửa ấy, nào có cái quả cái hạt gì, các cậu phải đi ăn xa lắm, vất vả lắm, không phải thế ư?

Đúng là thế, nên bọn chim đều gật đầu, thú vị vì bạn Bé biết tường tận cuộc sống khó khăn của mình. Đến lúc ấy, con chim chích chòe thứ nhất, bước hẳn xuống thành cửa sổ, dịu giọng hỏi:

— Bạn Bé này! Minh còn vải thiều hôm nọ không?

Thấy Bé còn chưa hiểu, con chích chòe thứ hai nũng nịu nói thêm:

— Sáng nay, chạy bán sống bán chết, đã kịp ăn uống gì đâu!

Bé nghe thế thương tình, sức nhớ chùng vải thiều chị cho tối qua, mang ra ba quả, bóc đặt ở ba cửa sổ thết đàn chim. Chim xúm lại mổ, vừa ăn vừa tranh nhau chí chöhe.

Mèo ta ngồi hóng chuyện, không giận bọn chim nữa, nhưng thấy Bé cho chim ăn thì ghen. Mèo đến cọ vào chân Bé: “— Mẹ dặn không nhớ à? Mẹ dặn không nhớ à?”. Bé mở hộp lấy cho Mèo một chiếc bích-quy là thức mà Mèo thích nhất.

Bọn chim ăn xong, quyết định trở về Bắc Quang, “đi xe bánh xích cho nó bõ”, chào Bé râm ran. Một con, vẫn là một trong hai con chích chòe ấy, tha luôn chiếc vỏ vải, cọng còn lủng lẳng một sợi len xanh.

Đàn chim bay qua bệnh viện. Các trẻ em ốm đừa vừa tiêm thuốc xong, đừa sắp đến lượt mình tiêm thuốc đều đang nhăn nhó như nhau, bỗng tất cả ngồi dậy chạy hết ra ngoài bao lơn và vỗ tay reo. Mẹ, mặc áo khoác ngoài trắng, đội mũ trắng, hốt hải chạy ra gọi chúng vào để bảo chúng phải nằm xuống, nhưng đối với một thầy thuốc chữa cho trẻ, việc các bệnh nhân tí hon nhảy lên reo như thế là một việc không gì vui bằng. Vì như thế chứng tỏ rằng các cháu sắp khỏi rồi. Mẹ vất vả lắm nhưng không uổng công. Đến lúc cô y tá, hộ lý cũng chạy hết ra bao lơn và trầm trồ đàn chim. Mẹ đang cười, nét mặt Mẹ thật rạng rỡ, chợt nhìn thấy con chim ngoạm cái vỏ vải thiều có sợi len xanh. Mẹ hơi ngỡ, liên tưởng đến hai đứa con gái của mình, Mẹ tự mắng Mẹ là vớ vẩn lúc nào cũng nghĩ đến hai đứa con gái, và Mẹ trở vào phòng bệnh, lại lao vào công việc.

o O o

Đúng mười giờ, Bố về thật. Bố còn rón rén lên cầu thang, bắt chợt Bé — Ôi chao! Bé một mình trông nhà! Bây giờ Bố mới biết — Bố bắt chợt Bé đứng gần bên cửa sổ, ngóng theo cái gì ở chân trời.

Bố sẽ đến ôm Bé lên, siết vào trong ngực, áp môi Bố vào má Bé, âu yếm hỏi:

— Con tìm kiếm cái gì thế?

Bé một tay vắt cổ Bố, một tay chỉ vào bức tranh của mình ở sàn nhà:
— Bố ơi, con vẽ chim, con đếm ba mươi con rõ ràng, bây giờ đếm lại chỉ còn có hai nhăm.

Bé trở về phía núi xanh xa, nói quyết:

— Vừa có một lũ chim thật ở đây!

Bố trở mắt nhìn kỹ bức tranh của Bé, kêu lên:

— Ôi! Bé vẽ tiến bộ thật cơ!

Hà Giang, mùa đông 1972

mùa xuân 1973

Hà Nội, tháng 6-1973

3 — GIỮA TRONG XANH

I

NUỐC Nam: bão bề bề lộ từng vạt lớn ốc hút hình cánh quạt. Sóng dội nhẹ, lùi ra với tiếng ốc va vào nhau lỏn ngổn. Trong một thoáng, hai đảo nổi liền nhau bằng một kè dài, cát phủ màu tro nước dâm dấp vừa ướt bàn chân.

Anh chủ nhiệm, cũng là bí thư chi bộ mới được bầu, gặp một em bé cầm một chiếc lao dài. Đi quãng nữa, anh trông thấy một người đàn ông đứng tuổi, anh ta, hai tay chắp sau lưng, lưng thừng như đi chơi:

— Ông đi săn khi đầy dư? Bảo con gái chịu khó dậy sớm cào ngán, chớ săn khi. Tôi bảo rồi đấy nhé.

— Có đi săn khi đâu ạ? — Người đàn ông nói lúng túng.

Từ ngoài khơi, thuyền vào bờ vùn vụt. Những chiếc buồm nâu to nặng lấp lóa căng phồng từng thớ sụn xếp trong giây lát, đáy thuyền rin rít ra vào bãi. Bến vừa vắng vẻ đáy chốc đã chằng chịt tua tủa đầy dây buồm, cột buồm. “Ngày hàn lộ, thuyền hợp tác Thái Bình vào đợi gió đây”. Anh chủ nhiệm lẩm bẩm. Thuyền vừa neo, người đánh cá đã nhảy xuống nước, quần nâu áo nâu mặc vội, nón chóp quang dầu rái thể nón lính thú ngày xưa, lũ lượt lên lối rừng phi lao vào đảo.

— Anh em đi đâu đấy? — anh chủ nhiệm hỏi — Con gái làng tôi đang đào sà sùng cả kia thôi?

— Chả dám động đến con gái làng ông. Háo lắm, chỉ xin ông ít bí ít mướp thôi.

— Còn đấy, vào bảo trưởng cửa hàng cô ấy đưa đi. Không được say sưa, bày chuyện ăn uống đặc sản là được.

Kè cát mới lộ ra với nước triều xuống phút chốc đầy người, tuyền phụ nữ. Họ đều mặc áo cánh trắng, tay trái xách một chiếc giỏ song, tay phải một cái mai nhỏ, xăm xăm nhìn xuống cát. Chợt họ đặt giỏ xuống cát, phóng mạnh mai, cùng lúc nhảy tới một cái nhẹ, một chân kiên quyết đạp ấn sòng mai. Hắt cát ướt lên họ nhặt từ trong tổ cát một con cá sùng dài màu hồng. Bỏ con cá sùng vào trong giỏ họ lại đi. Khoan thai hơn là những chị em bắt bọ cẩu. Con bọ cẩu thân tròn như thân nhện, cũng màu hồng. Người bắt bọ cẩu lúi húi như trẻ con đi nhặt vỏ sò.

Anh chủ nhiệm nhận ra một người từ xa. Chắc chắn là mình không nhầm, anh thở ra khe khẽ, lại bước tiếp. Sau lưng anh, đàn trẻ về học đi hàng ngang, nói cười bi bô, một đứa thổi sáo vi vút.

Cô y sĩ kêu lên khi mở cửa, nhìn thấy trước mặt mình, ngay trong trạm xá của mình, là anh chủ nhiệm đồng thời là bí thư. Hai hàng răng sáng lấp lánh cắn ngậm lại ngay một tiếng buột kêu kinh ngạc như thể cô đang cắn ngậm một bông hoa.

Từ lúc anh ở ủy ban huyện về nhận lại chức chủ nhiệm, giờ cô mới được gặp anh, và việc ấy làm cho cô mừng rỡ hết sức. Nói chung, mấy năm nay, cô mới gặp anh. Bắt đầu chống Mỹ, cứu nước, vùng đảo tình hình ác liệt ngay, và anh thì được điều lên trên ấy. Ngày ấy, cô còn là một đứa trẻ, bây giờ cô là y sĩ. Bố đi thuyền thơ núp hết bóng núi nọ lại bóng núi kia tranh máy bay giặc, phát thơ nhận thơ cho bà con sơ tán. Ba ngày một, bố đi, về bưu điện Cái Ràng, ghé cổng nhà trọ gọi con gái, cho mấy con cá khô, có khi chỉ là một rá ốc hút. Cô đủ chí học hết bảy, lại ra cả Đầm Hà học cả lớp y sĩ. Nhờ bố đã đành, còn nhờ những người khuyến khích như anh. Ngày ấy, chủ nhiệm một hôm gọi hết con trai con gái mười bảy mười tám đến bảo: “Trong rừng kia còn vết tích quân Nguyên ngày xưa hết lương nướng người ăn đấy. Năm 1954, thằng Mỹ đã lăm le xâm lược, nó đổ bộ lên cái kè đảo ta ngoài kia chứ đâu. Xã ta là xã đảo, sông biển bốn bề, nhiều cái khó khăn lắm. Đi lại không thuận tiện, cán bộ ít, nhưng một vùng đất cổ thế, nhiều lịch sử thế, phải đuổi kịp đất liền chứ. Giờ hợp tác, bọn tớ lo, văn hóa xã hội phần các cậu nhé. Cậu nào đi đánh Mỹ cứ đi. Còn các cậu ở nhà, tớ phân công: mấy cậu học dựng cho cái trường cấp hai, mấy cậu học kế toán, mấy cậu học máy nổ. Cứ học sẵn, làm gì sau hẵng hay. Còn cô, cô đi y sĩ. Thanh niên chân dài vai rộng, ở nhà đi cào ngao đợi bố mẹ gả bán lấy vài ba nghìn đồng, làm mười lăm mười bảy rồi, ăn uống hết một ngày cưới, sống thế phí đi. Nhà nào không lo được cho con học, bảo hợp tác chúng tớ lo cho”.

Hợp tác lúc ấy chỉ mới hai mươi bốn hộ, vừa đánh Mỹ vừa xây, mới gọi là hơi vững, trên điều anh đi. Xã xin mãi, anh mới lại được về. Hai trăm mười lăm xã viên bầu ba cấp, anh lại trúng chủ nhiệm, trúng luôn bí thư, Cô y sĩ loáng thoáng nhìn thấy anh trong vài cuộc họp, chẳng có dịp gì để hỏi chuyện anh cả. Hôm nay, đây. Tưởng anh có lịch, nay theo lịch đến làm việc ở trạm xá, cô y sĩ thoát đầu rất lúng túng giữa tình thân riêng sẵn có và phép tắc công tác đối với cấp trên.

Anh chủ nhiệm nét mặt không vui, Anh không vào nhà, chỉ liếc nhìn cái áo nâu có mấy chỗ vá của cô y sĩ, đứng hỏi trong ánh nắng xiên và ngay câu đầu tiên:

— Ông chủ tịch mặt trận xã hấp hối, trạm xá có biết không? Giọng anh xẵng, cụt ngủn, rõ rệt không bằng lòng.

“A” cô y sĩ kêu lên. Khuôn mặt rất đẹp vừa hớn hờ của cô chợt tái đi rồi trở lại hồng. Cô thở hắt ra một cái trăn trăn lại được nhanh chóng, và sự chủ động ấy đặt hai chấm tối giận dữ lên hai mắt xanh sắc của cô.

— Ông ấy nằm xuống, nhà ông ấy không tin thuốc tây, cho người gác cổng ngăn em, anh có đẩy đâu mà biết? Em tìm anh hết thôn dưới lại thôn trên! Nhưng mà ông ấy chết thế nào được! Không, ông ấy không chết đâu!

— Cô bảo thế nào? — đến lượt anh chủ nhiệm kinh ngạc chăm chú nhìn kỹ cô y sĩ, Ông ấy sáu, bảy ngày không ăn, hơi thở khô khè, mắt đã dại, bà con đến viếng vòng trong vòng ngoài, vợ con ra vào mếu máo. Người bàn lên bệnh viện huyện, người bàn về nhà, tính cả chuyện đi Ba-Mùn lấy cây xẻ gỗ cho kịp. Tôi cho một thuyền đi huyện ngay bây giờ. Trời này dễ đến tối mới bốc gió đông, vát sáng mai mới tới. Cô bảo sao?

Cô y sĩ vẫn không hết giận dữ, dần giọng nói khẳng khái:

— Ông ta không chết được đâu! Gia đình bảo ông ta bị cảm nặng. Em cho có lẽ bị phổi đấy thôi. Cảm nặng là thế nào? Em đưa ông nghe tới, bảo kỹ chất kim không cho khám. Em đưa thuốc tới, bảo bệnh năm tuổi, kiêng thuốc tây, chỉ mài vỏ bào ngư, rồi mật gấu đỏ, tin có bào ngư, có mật gấu thì không cần thuốc thang gì nữa, không cần ăn. Người bệnh yếu đi vì thế. Bào ngư, mật gấu không ăn thua, đến lúc ấy mới cuồng lên. Nhưng em đã trông thấy ông ta ho rồi. Đúng là viêm phổi, có thể nặng nhưng cũng chỉ là viêm phổi, không phải lo quá đâu.

— Cô chắc chắn như thế? — anh chủ nhiệm hỏi vặn.

— Chắc — cô y sĩ trả lời, giọng vẫn còn giận dỗi.

Nhưng anh chủ nhiệm thì đã dịu hẳn, các nét lo âu trên mặt đều giãn ra, anh có vẻ suy nghĩ, xúc động nữa là đằng khác.

— Bây giờ thế này — anh nói chậm rãi. Tôi đến tìm cô cũng vì mục đích này thôi. Chi ủy chủ trương đưa ra ông chủ tịch mặt trận lên bệnh viện huyện. Ông ta là một cán bộ tốt, lại là cán bộ dân tộc, đối với ông, cần có chính sách, và chu đáo. Ông ta sẽ không hề gì đâu, tôi tin cô. Nhưng dân dịp này, chi ủy muốn ông ta được nghỉ ngơi bồi dưỡng ít lâu. Năm qua ông ta cũng vất vả. Vả, bây giờ, ở nhà ông ta rồi tinh. Ai lại người bệnh nằm đó mà người thăm cứ nườm nượp, kể lễ, than vãn, khóc lóc râm ran. Sức yếu dần, thấy xung quanh thế, không biết thực ra mình ốm thế nào, gan như tôi, hiểu biết như tôi, cũng có thể hốt.

Chợt anh nhìn thẳng vào mắt cô, hỏi:

— Cô không có áo trắng mặt ngoài ư?

Một thoáng hồng xáu hỏ rợn qua má cô y sĩ. Minh để anh ấy gõ cửa đến mấy

lượt, thế nào mà anh ấy chẳng đoán ra mình đang ngồi khâu chiếc áo cánh nâu này.

— Có — cô đáp khẽ.

Anh thở ra một tiếng nhẹ:

— Cô mặc áo trắng y sĩ vào đi với tôi. Hay đi đến công nhà người bệnh rồi hăng mặc, tùy. Trước mắt mọi người, tôi muốn ai cũng nhìn thấy cô là y sĩ, là đồng chí y sĩ của xã. Tôi giao công tác cho đồng chí đó và đồng chí đó có đủ tin thần, có đủ chuyên môn, mạnh dạn đảm đương. Cô hiểu tôi không? Cô thu xếp để đưa ông chủ tịch mặt trận lên huyện. Tôi sẽ có giấy nói rõ, kéo trên ấy người ta lại chê cô là y sĩ mà không chữa được một ca viêm phổi. Đáng lẽ tôi phải đi, nhưng cô đi lợi cho người bệnh hơn chứ. Vả, cô giúp tôi, hợp tác đang lúc bận quá.

Một lúc sau, hai người đi lại bãi sà sùng để về nhà ông chủ tịch mặt trận xã.

Anh chủ nhiệm bước rất rảo, cô y sĩ xách một chiến lán có đủ đồ dùng cho người bệnh, lúp xúp chạy theo anh. Họ vừa đi vừa nói với nhau như thế.

— Hôm nay, trời này dễ có cá mè. Cô để tôi lại nhà, tôi có thể đi vớt cho hợp tác một tấn.

Chợ nhớ người mình nhận ra ban sáng khi qua bãi này, anh hỏi tiếp:

— Cô đã dặn cô y tá về việc cô xuống huyện chứ? Đang giờ làm việc, sao cô ta đi đào sà sùng?

— Y tá mà không đồng thời là xã viên *dur*? Hợp tác trả bọn tôi có mười lăm công, bận bịu rồi rít đêm hôm lúc nào không biết, gặp lúc không ai đau ốm để đãi gì, y sĩ, y tá cứ ăn trắng mặc trơn ngồi bàn giấy mà không chết với bà con *dur*? Vả, đào sà sùng để kiếm thêm công.

Anh chủ nhiệm thở dài:

— Chết thật, các cô lại bàn tính lý luận như thế! Nhưng thôi, rồi ta giải quyết dần. Cô cứ chữa cho ông chủ tịch mặt trận khỏi hăng. Đánh Mỹ, cứu nước xong, đời sống bình thường của nhân dân được lập lại và mở mang thêm, sò vào đâu cũng nhiều việc lắm. Như có cái đến trạm xá của cô tôi mới biết.

Dưới cái mái đỏ lóe, chỉ bốn giường, dành một cho người trực thế là đủ *dur*? Cái trường lúc giặc Mỹ đánh bom, nó bằng gianh, bây giờ nó bằng ngói, thế là ưu điểm. Nhưng học trò tăng lên lại không chú ý. Một gian có khi chứa hai lớp, cô giáo xoay sang phía này dạy lớp một, xoay sang phía kia, ấy dạy lớp hai. Nhưng thôi, xã ta là xã đảo, bốn năm đánh Mỹ ba trăm trận, lại còn cơn bão số tám tai ác hơn ba trăm trận nữa, hạ một máy bay, mất có một người, hợp tác vẫn còn, thế cũng là giỏi. Nhưng không có cái đại hội xã viên vừa rồi, không gỡ được nhé. Thu nhật sáng kiến, phần đầu mấy tháng nay, mới sửa

được hai vàng lưới nhâm, năm đôi lưới mòi. May cái vụ nam, ta đạt hai mươi tấn! Giờ cần kíp phải nâng sản xuất lên. Bà con phấn khởi tính chặn âm mưu mới của giặc Mỹ; trạm xá, trường học, thông tin... tất cả đều ở đấy. Cô giúp tôi một tay, cô nhé.

Việc anh kể hết một loạt những công việc bề bộn và việc anh cứ lặp lại câu ấy làm cô gái cảm động thật tình. Chân trần dẫm lên bãi cát nước mặn thân thuộc của quê hương, chạy lúp xúp theo người lãnh đạo của xã, vừa là ông anh lớn, cô bàng hoàng như nhớ một cảnh gì đó, một điều gì đó đã xưa xa, hay đã thoáng thấy từ trước bây giờ mới sống đây. Có lẽ chỉ là kỷ niệm một mơ tưởng mà thôi, những mơ tưởng ấy chợt biến là sự thực, cái ấy làm cho người thanh niên bước vào đời như có cánh bay.

II

— Còn chú, sao chú không nói? Chú thay mặt nhân dân đảo biển phải không?

Ông chủ tịch mặt trận xã Biển Mới bàng hoàng đứng lên:

— Thưa Bác, cháu biết được ít tiếng phổ thông, cháu chỉ nói được tiếng Phạ.

— Được. Chú cứ nói bằng tiếng Phạ đi.

Không phải tôi không biết tiếng phổ thông. Nhưng chỉ quen nghe, không quen nói. Nói, cái mũi cứ cứng cứng thế nào, sợ không được rõ, sợ người ta cười. Thường ở những cuộc họp người nhiều dân tộc, tôi không hay nói.

Không ngờ bác lại bảo cứ nói bằng tiếng Phạ. Tôi run lẩy, nhưng biết là phải vâng lời Bác. Tôi loay quanh mãi để nói kính chúc Bác mạnh khỏe và về lòng biết ơn của dân tộc tôi. Rằng người dân tộc chúng cháu mấy trăm năm giống cái vỏ sò, vỏ hà dạt theo sóng biển tấp vào bãi cát, mặc mưa, mặc nắng, nhờ có Bác, có Đảng nay mới có cơm, có áo, có thuyền, có nghề, mới đứng dậy làm người. Ông Người thấm nhuần dân tộc cháu như muối trong gió khơi. Tôi biết Bác rất giỏi, nghe được nhiều thứ tiếng trên đời, nhưng thực không ngờ Bác còn nghe được cả tiếng Phạ của dân tộc tôi. nét mặt Bác rất hiền từ, Bác nhìn tôi mỉm cười và xúc động. Tôi biết những điều tôi nói về hạnh phúc của bà con chúng tôi làm cho bác vui lòng. Kinh ngạc xiết bao, Bác trả lời tôi bằng tiếng Phạ, vâng, bằng tiếng Phạ rất sôi. Bác gửi lời thăm và căn dặn đến nửa tiếng. Những điều bác căn dặn ấy làm cho tất cả bà con chúng tôi bàng hoàng khi tôi về kể lại ở sân họp tác, bàng hoàng mãi cho đến bây giờ. Bác căn dặn chúng tôi phải xếp đặt lại nhà cửa cho thoáng, cho gọn gàng, có nhà tắm cho đàn bà con gái, ăn ở có vệ sinh. Bác bảo có một nguyện vọng — Bác nói như vậy đấy — nhân dân Biển Mới ai còn sống dưới thuyền hãy lên bờ mà ở để tránh nguy hiểm cho người già và trẻ con, cho các cháu được học,

cho có thêm cái rau cái dưa mà ăn... Thật không ngờ lúc bấy giờ Người chưa bước chân tới mà đã hiểu một cách tỉ mỉ và hăng lo nghĩ như thế cho bà con dân tộc chúng tôi, vài cái thôn bé nhỏ trên một hòn đảo con con ngoài biển khơi tí tấp...

Đến đây, ông chủ tịch mặt trận xã mở mắt. Ông rùng mình nhắm lại ngay. Màu vải trắng làm ông sực nhớ tiếng khóc tiễn đưa ông nghe trước khi thiếp đi, của mẹ và vợ con ông. Tiếng khóc ban đầu còn sùt sùi, có các bà hàng xóm đến thăm phụ họa, trở nên ồn ào, gào xé, khi người ta đặt ông lên vồng, che kín bằng mấy lớp chăn, vồng ông ra khỏi nhà để xuống thuyền. Nhà nhà đổ ra bến xem đông kịt cảnh đưa ông chủ tịch mặt trận xã đi. Mọi người ái ngại như đang chứng kiến một đám ma thật sự. Người bệnh vốn đã yếu quá, nhìn nghe biết tất cả những cái ấy qua một làn sương ngày càng dày đặc, thẳng thốt thật sự, trở nên mê lịm hẳn.

— Có sao không cô? Nếu tuyệt vọng thì không cần đưa đi nữa?

Anh chủ nhiệm kiêm bí thư, dùng uy quyền của tập thể, trước mỗi lo sợ bó tay của mọi người, gần như rút người bệnh ra khỏi gia đình để đưa đi bệnh viện, đến lúc ấy cũng đâm hoang mang. Chính cô y sĩ nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và khẩn trương, trấn tĩnh anh:

— Em xử trí rồi mà. Không sao cả đâu, tình hình này mà để ông ta lại nhà, ông ta chết thật chứ không chơi, anh thấy đấy.

Lần đầu tiên người đàn ông cũng sốt ruột muốn cho thuyền đẩy ngay, nhìn vào hai mắt cô:

— Tôi tin vào cô được chứ?

Đó là một câu mặc cả không ai dùng với những người thầy thuốc. Cô y sĩ kinh ngạc ngược mắt, hai mắt xanh của gái đảo mở rất to nhìn lại anh. Một giây

— Được.

Khi ông tỉnh dậy lần nữa, người bệnh nhận ra mình đang nằm trong một căn buồng của bệnh viện, với màu trắng của vải và mùi thuốc. Cô y sĩ đã xếp đặt dọn dẹp khoang thuyền như thế. Cánh tay phải của người bệnh được buộc yên, nói với một ống cao su dài dẫn đến cái lọ trắng trong veo đang treo trên trần mui kia. Ông cảm thấy đầu mình nhẹ bỗng, lạ thực đấy, sau một tuần đau ốm lâu dễ bằng nửa đời người. Trí nhớ ông lần lần trọn vẹn. Ông biết ra mình vẫn còn sống, mình sống rồi.

— Bác tỉnh rồi đấy, bớt sốt rồi đấy!

Cô y sĩ reo lên, vừa đặt một bàn tay ấm lên trên trán ông, và ông nhìn thấy cô mặc áo ngoài trắng, đang ngồi cạnh ông, hai mắt không chớp dò sắc mặt ông

chăm chú.

Đến bây giờ ông mới rên lên một tiếng khẽ. Cô y sĩ mỉm cười.

— Tôi đang ở đâu đây cô? — giọng yếu ớt, ông hỏi.

— Ấy, bác đừng động mạnh. Cháu đang truyền kháng sinh và nước ngọt cho bác. Bác có thấy đói không? Truyền xong, cháu bón cho bác một tí sữa nhé. Cháu đang đưa bác về huyện đây. Bác gọi cháu sớm, có phải chẳng đến nổi không? Thật ra, bây giờ, bác cũng chẳng cần về huyện đâu. Nhưng đó là quyết định của chi bộ, cốt bác được nghỉ. Đáng lẽ đồng chí bí thư thân hành đưa bác đi, nhưng xem nước xem gió thế nào đó, hôm nay có thể có mòi. Cả ban lãnh đạo tiếc, vì tối qua đã nhớ một tấn phèn. Phèn vào rồi phèn lại ra, canh cá sơ xuất thế. Đồng chí ấy bảo lấy mòi xong có thể đuổi theo thuyền ta. Nhưng thật bác chẳng can gì đâu mà lo, chỉ yếu quá vì không ăn đấy mà. Cô y sĩ còn nói nữa, cố ý nói rất lâu, từng câu ngắn, giọng hơi ngọng một chút, như con gái đang làm nũng kẻ lẽ với bố, như thể vỗ về. Trong lúc ấy, sóng biển thật nhẹ, thật trong, thật bát ngát, đung đưa người ông khe khẽ. Nhịp sóng, giọng dịu dàng của cô gái, yên tĩnh của mệnh mông, và cái cảm giác hơi choáng ngợp một chút của thuốc đang từng giọt từng giọt rơi xuống ống cao su luôn vào người, làm ông thiu thiu trở lại

Kỳ quặc thật đấy, ông lại mơ tiếp giấc mơ khi này còn bỏ dở. Lần này tôi lại có dịp được gặp bác đây. Cháu đã có thể thưa với Bác tuyên bằng tiếng Việt. Cháu kể chuyện sáng hôm ấy khi thuyền vừa cập bến, bà con dân tộc theo cháu lên luôn sân họp tác, tất cả đều ứa nước mắt khi nghe Bác căn dặn thế nào. Thưa Bác, xã Biển Mới nay không còn thôn ở dưới nước nữa đâu. Vâng lời Bác, tất cả mọi người đã lên bờ ở, được anh chị em Việt giúp làm nhà, đều có vườn, có nương, các cụ già còn lập tổ trồng cây nữa chứ. Các cháu lớn nhỏ đều được học. Bà con cháu bước đầu cũng biết cần kiệm, biết phơi khô con cá, bẹ ngô để dành. Nhiều nhà đã để con gái tự ý lựa chọn, không còn tục gả bán. Đảo chúng cháu nước trong xanh lấp lánh như thấp đèn dưới đáy biển. Ra khơi, sâu đến mười sải nước, còn thấy con hải sâm bơi, con cá dìa to bằng chiếc đĩa tây rúc đầu ngủ trong chùm trai ngọc. Bốn năm đánh Mỹ, nhân dân đảo trung kiên. Con đang trực chiến, giao vũ khí và ba trăm công lại cho bố, đi bộ đội. Con hy sinh, bố đòi được đi cá thay cho con. Chị lương thực một chèo một chiếc lẵng con nấp vào bìa sóng mang từng yên gạo cho từng nhà ở từng hang sơ tán.

Trong mơ, trí nhớ của ông chủ tịch lần lần đi tới những nét mặt hiền hòa mà kiên quyết của mọi người dân đảo thân thuộc, đồng bào, đồng chí, anh bí thư,

cô y sĩ... mà ông biết từ khi họ còn tấm bé, họ phấn đấu dùng cảm để trở thành cán bộ, hết lòng hết sức với nhân dân và với bà con dân tộc ông. Vẫn trong mơ, ông cảm thấy bồi hồi và chảy nước mắt thật sự. Lần này được nghỉ một thời gian, mình sẽ có dịp thưa với Bác cận kề về tấm lòng biết ơn và trung thực của bà con mình, về tất cả những con người như thế. Trong cơn mơ, ông thật quên bẵng một điều, cái điều khi thức, ta cũng muốn quên. Nếu nhớ ra điều ấy, không phải ông chỉ bồi hồi mà sẽ bật khóc thật to lên. Rằng cuộc gặp lại để báo cáo với Bác về sự tiến bộ của mỗi người và của bà con đảo, mấy năm dài vẫn lớn vồn trong tiềm thức của ông chủ tịch mặt trận và của mọi người trên đảo, cuộc gặp định ninh ấy đã không còn, không bao giờ còn có nữa, vì Bác đã mất rồi.

Thấy giọt nước mắt lăn xuống thái dương người bệnh, tưởng ông vẫn thức mà nghĩ miên man vì lo sợ, cô y sĩ hốt hoảng:

— Không mà! Cháu đã báo bác chẳng sao đâu mà! Bệnh bác đang lui, cháu xin đảm bảo đấy!

Cô cầm bàn tay răn reo của ông già, áp lên chính trên trán ông:

— Đây, bác không thấy là bác đã bớt sốt rồi *dur*?

Ông già mở mắt bờ ngỡ. Ông nhìn cô gái rất lâu và nhếch mép:

— Cảm ơn cô. Bây giờ là ngày hay đêm hả cô?

Đến lượt cô gái giật mình. Từ lúc thuyền đầy, cô cũng không lòng nào chú ý đến điều đó. Cô vội vã lùa qua một bên mảnh ván dùng làm cánh cửa sổ, để lộ một ô hình chữ nhật nhỏ. Lập tức, thật nhanh, một luồng sáng trắng xanh từ bên ngoài lùa vào trong khoang thuyền, chạy xô tất cả đến chỗ bác già, ngả dài lên gối ông. Khuôn mặt cô gái vụt viền một đường sáng thanh tú.

Cô gái kêu lên một tiếng kinh ngạc. Cô vẫn giữ từ bé, giữ mãi như người ta giữ một lẽ sống của đời mình, hình ảnh tuyệt đẹp, khoảng trong xanh bao la của trời nước quê hương bằng pha lê màu ngọc bích, mịn và muột mà, vang ngân và đắm đuối. Nhưng cô chưa hề tận mắt một mình bắt gặp cái cảnh huyền ảo như đêm trăng giữa trùng khơi này, trời biển đồng hừng một màu trắng bạc, cái màu trắng bạc chói lòa như có cả tiếng nhạc, xóa tất cả mọi ranh giới, dường cả những ranh giới trong lòng ta. Ta không còn cảm giác đang bơi với thuyền, mà đang đi lên, đi lên, lên mãi cái gì sán lạn lăm, cao lăm.

Cô gái thò đầu ra ngoài ô cửa. Gần mạn thuyền, dưới mắt cô, ánh trăng vẽ lên mặt nước trong những đường vằn màu vàng, chính là bìa các con sóng; những đường vằn màu vàng ấy lại phản chiếu trên mặt cát đáy biển thành những đường vằn sinh đôi khác màu sậm, tất cả cái đó điệp, rời ra, lại điệp,

giống vô số đàn chim chấp chới.

Cô gái bỗng sực tỉnh. Đâu đó vừa có xảy ra một cái gì đó. Cô thốt nghe thấy một tiếng gì, có lẽ chỉ là một tiếng động, một tiếng cựa mình thôi, rất đông, rất xa, rất khẽ. Có lẽ là tiếng cá nẹ chằng. Gió yên, trời tản, không gian chợt bốc lên một mùi thơm mỏng mảnh. Người cô gái bưng bưng khi cô thấy, mình nữa, mình cũng có lần nghe được mùi thơm ấy, mà người ta bảo, trong cả vùng đảo biển, chỉ anh chủ nhiệm trẻ tuổi kia là người phát hiện tài nhất. Vừa nghĩ thế, lập tức cô thấp thoáng thấy trong ánh bụi trắng bụi sương chấp chới ở đằng tít tắp, có bóng thuyền. Cái ấy có thực không? Hay chỉ là ảo tưởng, ảo ảnh thường gặp ở biển khơi đây? Hay chỉ là tấm lòng cô gái chờ đợi? Đúng lúc ấy, từ mặt biển sáng đằng xa vọng tới những hồi gõ đập vào ván thuyền. Lốc cốc, lốc cốc, đục, giòn và giục giã, từng hồi dài. Rồi im lặng. Im lặng. Rồi chợt lại nổi ran lên hồi nữa, lốc cốc, lốc cốc. Đàn cá mòi bên kia chương cát đã vào lưới. Lại đàn cá nữa tới. Người đánh đã giải “chiều” thêm lên trên. Tiếng gõ xua cá trong sương chợt biến thành rất thân cận, rất đời, cảnh huyền ảo của trời nước bao la.

Huyện Cẩm Phả tháng mười

Hà Nội tháng chạp năm 1970

4 — ĐÀ LẠT HOA HƯƠNG

NGƯỜI đàn bà mặc áo choàng màu xanh sáng, đeo kính, mặt kính tròn rất to màu khói tỏa từ Nha Trang lên không nói, xuống xe, bỗng đến bên tôi:

— Thưa ông, ông đến ty Văn hóa ă? Ban Tuyên huấn ă? Hơi xa đấy, đường lại quanh co khó hỏi, để tôi đưa ông đi.

Tôi ngại:

— Cô có hành lý, đưa tôi đi thế nào được? Cảm ơn cô, chỉ nhờ cô chỉ đường giúp cho tôi thôi.

— Ông cũng có hành lý, người đàn bà nói. Ông không thể vừa đi vừa hỏi như thế. Hay mời ông vào tạm nhà tôi, nhà tôi ở trên dốc này thôi, rửa mặt uống nước nghỉ ngơi thoải mái đã. Rồi tôi sẽ gọi dây nói cho cho Ban Tuyên huấn hay ty Văn hóa cho người đến đón ông. Hay tôi lấy *honda* đưa ông đến. Nhà tôi không có ai ở “bên kia” đâu, ông đừng ngại. Ông cũng có thể ở tại nhà tôi và hằng ngày đi làm việc ở khu hay ở tỉnh nữa: được thế thì ông già tôi thích lắm. bây giờ ta đi dài dài về phía này, ông.

Mỗi khi nhớ tới Đà Lạt, tôi lại nhớ cái hình ảnh mảnh khảnh của người phụ nữ Đà Lạt đầu tiên mình gặp đó, trước mắt tôi, non một ngày, chỉ ngồi yên, không ăn quả, không nói chuyện, tưởng chừng không nhúc nhích, ngay ngắn, điềm đạm, lễ phép, không rõ nhận xét thế nào biết là tôi cần về một cơ quan tuyên huấn và sẵn sàng giúp đỡ như thế. Nhất là tôi nhớ giọng nói thanh tao, chừng mực, niềm nở, tế nhị của chị. Cái cảm tưởng về Đà Lạt tôi có năm phút đầu tiên khi bước xuống thành phố cao nguyên này, tôi dần dần khẳng định mỗi một ngày ở thêm Đà Lạt.

Thành phố là một chiếc nhẫn nạm kim cương mỗi mặt đá một màu đặt trong một cái hộp xanh sẫm làm bằng rừng thông già. Mỗi lần ngừng lên, ta lại kinh ngạc, ta kinh ngạc hoài vì cái đẹp khêu gợi của những cái chao lá thông, chúng tung những hình chớp ánh sáng trắng lên trời, màu trắng rõ động trong lá xối xuống, tỏa khói và hòa tan trong màu xanh ngọc lạnh của da trời.

Những hồ nước vuông vắn, phẳng lì, không chút gợn dưới trời tháng bảy, chúng hơi vắng vẻ và không gắn nhiều vào đời sống thường nhật như những hồ nước ở Hà Nội, nhưng chúng thật là những nét bút không thể thiếu cho sự hài hòa của bức tranh Đà Lạt, lấp lánh trong bóng đêm, thu bớt ánh sáng ban ngày. Và hoa, cả Đà Lạt là một cái biệt thự lớn có đủ các thứ hoa, đơn, lila, macgorit, bêtônha, thược dược, đủ màu sắc lấp ló ú òa khắp nơi, giắt trên các lối đi, các hàng rào, các khu vườn, các cửa sổ, các mái nhà. Và khi ngược mắt

nhìn về đằng trước, ta thấy trên cái thảm xanh rì lấm tấm hoa của Đà Lạt có những chấm xanh đỏ di động, thì đó không phải là hoa đâu, mà là người Đà Lạt đây, những em gái, những bà cụ, những cô thiếu nữ đều mặc sắc sỡ và tự nhiên như nhau với những chiếc áo len, áo choàng ngoài, những chiếc ô nhiều màu sắc của họ.

Tôi bất chợt tôi chú ý tới đèo Pren, không đến đó không được. Thông nhựa, thông trắng, bơ mu, sa mu như một khuỷu Ô Qui Hồ, quăng đường từ Sa Pa lên núi Hoàng Liên. Ở đầu hai miền nước ta, đều là giống cây quân tử ấy. Chỉ một mình nó thôi với vô số những chiếc quạt lá, vô số màu xanh đủ gọi lòng mến trọng quê hương đẹp đẽ và hào hùng. Chỉ khác Ô Qui hồ, đây là một rừng thông non tự mọc, các cây thông già đã bị chặt đi hết, mặt đất lởm chởm đầy thông bụi chính là những gốc cây thông cũ bị phạt ngang lưng, cành non vội nhú ra sum xuê che kín những vết thương. *Trong khu rừng không thời giờ — Người ta dẫn một cây lớn — Một trống không dọc — Run rẩy hình chiếc thùng tròn — sóng soài cạnh gốc cây — Hãy tìm nơi ổ chim ơi — Trong hoài niệm cao vút ấy — Khi nó vẫn rì rào.*

— Thơ Supervielle! Em, một ông Việt cộng...!

Tôi quay lại hai vợ chồng đi *hon đa* vừa tắt máy đi tới.

— Trời, ông!

Người đàn bà kêu lên như vậy và tôi nhận ra chị phụ nữ ở bên xe. Tôi hơi lúng túng vì chưa thực hiện lời hứa đến thăm chị nay đã gặp chị ở đây. Hôm ấy, tôi cáo lỗi, thoái thác là anh em ở ty Văn hóa đã có biết trước, đang đợi tôi. Người chồng mảnh khảnh, mặt hơi xương hơi xanh, trong hốc mắt hai mắt to, đen và thông minh, rất lịch thiệp, tiến đến bắt tay tôi:

— Nhà tôi có nói chuyện. Chúng tôi rất mong ông. Ông già tôi thì mong ông mãi. Rất tiếc là hôm nay ông già đi chùa khác rồi.

— Ông cụ đi tu? — Tôi kêu lên.

— Vâng, ông già là trụ trì, chúng tôi ở chùa, thừa ông — người đàn ông sốt sắng đáp, chúng tôi nói chuyện như quen nhau đã lâu ngày. Nay là ngày ông già phải đi thắp hương ở chùa khác, dưới Tùng Nghĩa, luôn tiện châm cứu. Ông già châm cứu giỏi nổi tiếng ở miệt Lâm Đồng này đây. Tôi nghĩ Phật ở chỗ tôi mà thiêng là nhờ tài châm cứu của sư thầy là chính chứ không phải nhờ sự thành tâm của ông.

— Anh lại nói nhảm rồi — chị vợ có một giọng trách chồng rất nhẹ, rất dễ thương và rõ ràng muốn lái câu chuyện sang hướng khác — Ông đã thăm khắp Đà Lạt ạ?

— Có lẽ tôi đi cũng kha khá. Hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, suối Cam Ly,

ấp Sào Nam, ấp Phước Thành, những khu trồng rau, trồng hoa, các vườn phong lan đẹp tuyệt, tôi đã đi...

Người đàn bà nức lên cười, không đợi tôi hỏi, hồn nhiên nói liền:

— Tôi thấy. Nên Đà Lạt đối với ông không có gì đáng xem nữa, ông ra tận đèo Pren này.

— Đèo Pren này cũng có cái đáng xem, tôi nói. Ở đây mà cũng rõ ràng có sự phá hoại của Mỹ đối với nước ta và bọn tư sản...

Tôi cảm giác như người đàn ông hơi giật mình, như anh lạnh, và bất giác ngoảnh nhìn lại đồi núi. Chúng tôi im lặng bước, nghe tiếng giày của nhau dẫm lên mặt đường nhựa đầy một thảm lá thông lổ chỗ ánh nắng tròn trong mùi hương nồng nồng bắt đầu tỏa lên từ các gốc thông bị thương. Tôi hơi hồi vì đã vô tình nói một câu có đáng dấp dáy đời. Tôi toan phản công để vớt vát lại thì người đàn bà trẻ đón trước câu hỏi của tôi, vẫn cái giọng ngay thẳng hồn nhiên đó:

— Còn hai đứa tôi đi đến đây là để vạch kế hoạch làm ăn. Thời kỳ mới, phải làm một cái gì mới, phải không ông? Đà Lạt có thể làm một nhà máy nước hoa lớn với những gốc po mu vô số kia. tôi có đọc sách tôi biết, gốc po mu có thể dùng làm nước hoa, một thứ nước hoa tốt nhất. Đà Lạt vô khối hoa, khắp Đông Nam Á này không đâu hoa nhiều bằng đây, tại sao Đà Lạt lại không sản xuất nước hoa cơ chứ.

— Anh chị là...

Người đàn bà lại cười nức lên một lần nữa, một lần nữa thật thông minh đoán được câu hỏi của tôi, trả lời, không đợi tôi nói hết:

— Chúng tôi đã nói với ông là chúng tôi ở chùa mà, ở nhờ gian nhà trai của ông già. Chúng tôi hoàn toàn vô sản, chỉ có ý muốn là lớn thôi. Sụp đổ hết ý muốn lớn này đến ý muốn lớn khác. Chế độ cũ, vô sản như chúng tôi làm cái gì được, ông? Kiếm ăn còn chả có. Nhà tôi cũng từng mơ mộng muốn làm nhà văn như ông. Cho nên nghe tôi nói chuyện, anh ấy muốn ông đến chơi quá.

— Em nói nhảm — đến lượt người đàn ông trách vợ, tôi vui vui nhận thấy khi trách vợ, giọng người chồng giống hệt giọng của chị ta. hôm nay nhân gặp ông đây — anh rõ ràng lại muốn chuyển câu chuyện vợ đang nói sang hướng khác, trưa nay, nếu ông chưa nhận lời ở đâu, mời ông đến xơi cơm với vợ chồng tôi. Chắc ông từ nãy giờ nhận xét vợ chồng tôi là người có thể tin cậy được. Ông sẽ nói chuyện miền Bắc cho nghe và đáp lại, chúng tôi, nhất là vợ tôi, sẽ xin hầu chuyện ông về Đà Lạt — nhà tôi biết nhiều chuyện linh tinh lắm.

Không, không, đôi vợ chồng trẻ ấy thật có lý khi họ chọn chỗ ở là rìa một ngọn đồi bát ngát phía đông bắc Đà Lạt này, ven một cái hồ nhỏ nữa, và ở trong gian nhà trai của ngôi chùa nhỏ, xinh xắn, mới tinh, hôm nay im tiếng kinh kệ. Những người thích cảnh vắng lặng bao giờ cũng là người thanh sạch. Cách chợ khoảng một cây số thôi, nhưng cảnh làm cho ta có cảm giác như xa hẳn nơi phồn hoa đô hội. Nhà bày biện đơn sơ, rõ là của đôi vợ chồng trí thức nghèo, mặc dù có một vài thứ tiện nghi.

Sau khi cùng đưa tôi đi một vòng xem chùa, vườn chùa, vườn phong lan có nhiều loại đang nở hoa, hoa rất lạ tôi chưa thấy ở miền Bắc bao giờ, chị vợ sai chồng đi đun nước, lấy cốc bạn con vừa thức dậy, nhưng rõ ràng để tranh thủ nói với tôi:

— Được gặp ông, chúng tôi mừng lắm, ông ạ. Nhà tôi lần đầu gặp ông, đã có vẻ thật tin cậy đối với ông, tôi rất vui. Nhờ ông chuyện trò giúp anh ấy một chút. Nếu ông còn ở đây lâu, lui tới được nhiều thì còn gì bằng. Cần nhất là giúp cho ngọn lửa trong lòng anh ấy được nhen lên. Anh ấy sống khổ lắm, chẳng phải nguy quân nguy quyền gì đâu.

Nghe tiếng giấy ở nhà dưới, chị xốc thùng bé lên vai nói vội vã:

— Chuyện chế tạo nước hoa cũng là cái sáng kiến của tôi, dựng lên một công việc khó khăn để hai đứa cùng nghiên cứu, cùng đeo đuổi, dựng ngọn lửa lên đây thôi. Thế mà chai lọ cũng khiếp đấy, ông ạ. Ngọn lửa ấy mà tắt thì nguy hiểm lắm đấy, tôi biết.

Chị cất cao giọng:

— Hoa thường dùng là hoa nhài, hoa ngọc lan, hoa votive, hoa patsuli, hoa hồng... nhưng Đà Lạt vừa qua lại trồng nhiều quá những loại hoa có sắc mà không có hương, đơn, macgorít, bêngônha... có phải phí không. Phải mười tấn hoa mới cất được một cân *absolu* (“tuyệt đối” tức là tinh, chị nói bằng tiếng Pháp) đó ông.

Nói xong lại nức lên cười, đứng lên bế con xuống nhà dưới để làm cơm. Vừa lúc người chồng xách phích nước sôi lên.

o O o

Anh pha chè với một nụ cười yên lặng trên môi. Tôi bắt đầu hỏi anh về chuyện Đà Lạt đã, hy vọng sự thân thiết của tôi, nó đúng giờ đúng khắc, sẽ khiến anh nói bật ra câu chuyện của anh mà người vợ muốn tôi chú ý. Nhưng hai mắt anh cứ bờ ngõ tỏ ra anh không biết nhiều về chuyện Đà Lạt, chính quê anh. Anh không biết người phụ nữ nào vốn là người sống sót trong số hai một người bị Pháp bắn chết ở Cam Ly năm 1949, được anh em công nhân Đa Nhim cứu chữa. Anh không biết gì hết về phong trào cách mạng ở ấp Sào

Nam và Phước Thành, bàn đạp của kháng chiến Đà Lạt. Anh không biết ngày 4 tháng tư, ngay khi Ủy ban quân quản chưa thành lập, toàn thể cán bộ công nhân Ty Giao thông ra đã kiến nghị hoan nghênh cách mạng, xin cờ, ảnh, cán bộ và vũ khí, và bệnh viện Đà Lạt gửi lên một bản ghi tên toàn thể bác sĩ và nhân viên tuyên bố trung thành với chính quyền nhân dân.

— Tôi đi từ Huế vào đây, nơi nào tôi cũng dừng — tôi nói. Tôi hiểu vì sao Đà Lạt sau ngày giải phóng có một vẻ đàng hoàng tự tin hơn nhiều nơi khác. Đà Lạt là một thành phố chiến đấu.

Tôi thấy anh chăm chăm nhìn tôi, hơi giật mình như anh lạnh, như lúc nãy tôi thấy anh như thể trên đèo Pren.

Tôi ngừng một lát và đổi câu chuyện, tiến lại gần cuộc đời anh thêm một chút. Tôi hỏi về ông cụ anh. Anh nín thính một lúc mới trả lời tôi:

— Ông già có mình tôi là con trai. Ông có nhiều chùa: cái này, một cái ở Tùng Nghĩa, một cái ở Phan Rang, đều do ông dựng lên bằng tiền của thập phương. Mỗi tháng, ông đi xoay vần mỗi chùa mười ngày, thắp hương cho Phật, đồng thời châm cứu cho các gia chủ, như lúc nãy tôi nói với ông.

Chợt anh đổi giọng, như bị kích động, nói rất nhanh:

— Ông già tôi là cơ sở cách mạng đấy, hay cái gì gần giống như vậy. Ông có nhiều tiểu lắm. Hồi vợ chồng tôi chưa về đây, các gian nhà trai này là tiểu ở hết. Các tiểu ấy đều là người cách mạng, tôi biết, đều là người cách mạng mặc áo tu hành, để trốn lính, và để khỏi bị bắt bớ. Giải phóng, họ đi hoạt động hết...

Tôi nghe một tiếng ré ở nhà dưới, và chị vợ chạy lên đứng ở bậc cửa:

— Ai bảo anh thế?

Người chồng như không nghe vợ nói, điềm nhiên tiếp tục:

— Năm nay tôi ba mươi ba tuổi, tôi cũng trốn lính suốt mười lăm năm. Ông già không muốn cho tôi mặc áo tu hành cùng với ông, ông già không cho tôi trốn lính cách đó. Ông cho tôi đi học và mua những giấy tờ giả để tôi không bị bắt lính, bằng tiền của thập phương. Tôi lấy vợ, bắt buộc phải có cách sinh nhai, — lấy vợ mà lại vẫn trông vào tiền của thập phương để sống hóa ra mình là ăn mày thật còn gì, song tôi chẳng biết làm nghề gì để kiếm ăn hết. Tôi đậu đại học văn khoa, nhưng chẳng có trường nào mượn; vì bọn giáo viên quân đội ngụy “biệt phái” chúng loan tin bằng cấp của tôi là bằng mua, thực ra là chúng vậy vo chèn ép, chứ cái bằng đó nó là thực lực của tôi đấy, có phải mua đâu. Vả, đại học văn khoa như heo con, thật nghiện chín phần mười, hầu hết đi làm áp phe, bán hàng xách, bán nước miếng. Vợ tôi cũng đại học văn khoa đấy. Có việc gì mà làm! Một số sĩ diện cái văn khoa của mình,

cày cục vào nghề làm báo. Vào làm báo mới biết có phải là văn chương chữ nghĩa gì đâu. Tờ báo là cái mặt ngoài để lão chủ nhiệm có bề ăm nói ở thượng hạ nghị viện nguy. Mỗi bài báo, bản tin, từ hai dòng trở lên, đều là “săng ta” hết. Mình muốn làm báo, phải làm đàn em của nó, nó sai đâu đánh đó, thậm chí đi mua hộ thuốc lá cho ông chủ nhiệm. Tôi chán đời từ đó. Tôi nhận bữa cái mục vô tội vạ là mục “gia chánh”, đường đường một trang nam nhi, từng ôm cái mộng rất to trở nên văn hào thi sĩ, rốt cục viết mục “gia chánh”, ông nghĩ có buồn không. Tôi từ bé ở chùa, ăn cơm chay là chính, có biết gì gia chánh mà viết, ông? Bao nhiêu thức ăn ngon, hoặc thanh đạm mà vẫn ngon, tôi hằng ngày nghĩ ra, bịa ra, món gì hợp với thời tiết nào, cảnh tình nào thì thêm món gia vị cầu kỳ nào, tôi sử dụng tài hư cấu học được của Thạch Lam trong “Hà Nội 36 phố phường” nhiều hơn là tài nội trợ, và tôi càng chưa hề nếm được những món ăn ấy như thế. Lại nhất là mục “gia chánh” ở báo ấy cũng nổi tiếng, nhưng tôi thì buồn, ngày càng thấy mình như một thứ sống thừa, cặn bã của xã hội. Giải phóng xong, mình so với mọi người càng rõ thêm cái ý mình là đồ bỏ đi đó. Tôi chán lắm ông ạ.

Chị vợ đã bước qua bậc cửa, như chính mình cũng bị cuốn hút, kinh ngạc về những lời người chồng kể chuyện mình với khách, tiến tới gần mãi, và ngồi xuống chiếc ghế trước mặt, nhìn thẳng vào chồng kêu lên:

— Trời! Anh kiểm điểm mọi việc đó mạch lạc sông sẻ sâu sắc vậy từ bao giờ? Anh biết ông già nuôi cán bộ cách mạng từ bao giờ? Sao anh không nói với em?

Người đàn ông, ngược mắt nhìn vợ, cười sè, rồi nói:

— Từ lúc này, ngồi với ông đây. Từ lúc ở trên đèo Pren. Người cách mạng người ta chỉ nhìn một đôi cây người ta cũng thấy ngay sự thật, còn mình thì không thấy gì hết. Ông đây, đến Đà Lạt có năm ngày, ông biết nhiều chuyện Đà Lạt hơn vợ chồng mình. Ông thấy ngay sự thật của Đà Lạt còn mình thì mình không thấy. Ngồi với ông nghe ông kể, anh giận anh lắm, anh tức tối lắm. Anh nhìn lại cuộc đời anh. Đột nhiên, anh hiểu các hành động của ông già. Đúng là như vậy, ông già là một người có lòng, nhưng là một người tiêu cực, giúp người khác làm, hay làm ngơ cho người khác làm, các sư tiểu cũng tưởng ông già không biết, nhưng ông già thì nấp trong chiếc áo vàng, tự mình không làm, không cho con theo nguy đã đành, cũng không cho con làm như các sư tiểu đó, sợ “lây”. Cho nên — anh cười khẩy — con mới nấp danh đàn bà, viết “gia chánh”.

Im lặng một lúc. Người đàn bà ngược mắt nhìn tôi. Tôi nói chậm rãi:

— Anh là người trong sạch.

Người đàn ông, giận mình, sục lên:

— Tôi cũng là một anh bịp, trong sạch nỗi gì?

— Anh trong sạch, — tôi lặp lại một lần nữa. Xã hội cũ là một xã hội bịp, anh nói đúng. Nó làm cho mọi người trở nên ty tiện, vô dụng. Nhưng anh trong sạch. Sao anh không tự hào về cái đó đã? Cần nhất là nhìn thấy sự thật: anh thấy rồi. Tôi mừng cho anh, cái đó không dễ đâu. Tự hào về mình và ôm lấy sự thật đó, anh sẽ tự hào nhiều hơn. Buồn làm gì chuyện cũ, bây giờ là cuộc đời mới. Cuộc đời mới ở đâu có? Nó không phải ở trên núi tràn xuống, nó không phải ở Bắc tràn vô. Nó chủ yếu gồm những người trong sạch như anh đứng dậy làm lại. Với những người muốn trở lại trong sạch.

— Với sự giúp đỡ của ai? — đôi vợ chồng trẻ, trong cuộc đời cũ vốn cô đơn, gần như kêu lên cùng một lúc, cái giọng trong lành của chị dường như giục anh đứng lên.

— Với sự nỗ lực của chính mình. Và sự giúp đỡ của xã hội, mà bây giờ người ta gọi chung là cách mạng. Của tôi nữa, cô chú đồng ý không?

Tôi không chú ý rằng nói lời đó, tôi đã “dấn thân” như cái tiếng người miền Nam hay dùng. Trước mắt tôi, mọi sự đều dễ dàng đối với những người trong sạch muốn đem trái tim mình cống hiến cuộc đời mới. Hiểu biết của tôi, kinh nghiệm của tôi như vậy mà. Một trái tim hừng nóng bây giờ là danh dự của mỗi người. Muốn có trái tim hừng nóng, bản thân anh phải muốn bước ra ngoài cảnh cô độc.

Vô tình tôi nói gần giống ý người vợ dặn tôi lúc nãy nên tôi thấy chị mặt đỏ hồng sung sướng, chị đứng lên đi vội xuống nhà dưới để giấu nỗi sung sướng của chị và để bụng com lên. Dáng chị nhanh nhẹn rất vui. Còn người chồng thì luống cuống và hăng hái trông thấy. “Như mình vừa cho họ cái gì — tôi nói thầm — mà mình đã cho họ cái gì đâu? Chỉ mới là một số lời nói chân thành thôi, và tình bạn — Họ, trong cuộc đời cũ, họ thiếu cái đó”.

Bữa cơm thật nóng ấm. Chúng tôi gọi nhau là “anh” và “cô, chú” bao giờ không biết. Để củng cố thêm mắt nhìn của hai người trẻ tuổi, khẳng định họ trong sự thật, tôi nói thêm về Đà Lạt của chính họ. Về một ông sư khác kiêm cán bộ cách mạng ở chùa L.S. Về cái nghĩa trang Đồi Ba Cây, mồ các chiến sĩ bị giặc xử bắn trong đêm đen của khủng bố, bao giờ cũng tắm đẫm nước hoa của người Đà Lạt.

o O o

Khi tôi rời thành phố cao nguyên ấy, hai vợ chồng nhà báo giữ mục “gia chánh” xưa, người chồng đã được vào làm phóng viên đài phát thanh của địa phương, và cô vợ đang nộp giấy tờ vào một cơ quan xuất khẩu: ở đó cô sẽ có

nhieu dịp nghiên cứu về nước hoa. “Cất hoa, tách ra được cái tinh rồi, nó vẫn chưa là hàng hóa được. Không được nồng gắt quá; không được bằng phẳng quá, mỗi loại nước hoa phải lặn mò trong không gian và trong thời gian mà tìm cái cá tính của mình”. Qua khỏi đèo Pren, tôi bắt gặp tôi vẫn nhớ giọng giảng giải hồn nhiên mơ mộng của cô.

Đà Lạt tháng tám, 1975

5 — LÝ SƠN, MÙA TỎI

I

ĐƯỜNG phố Quy Nhơn đầy cát. Không khí nơi ven biển nhẹ và thoáng mát, nhưng trong lặng lẽ và vô tình, gió đông vẫn thổi những hạt cát từ trên bãi vọt qua đầu người, vọt qua chợ búa và quán xá, vọt qua những nhà lầu đúc hai tầng, ba tầng, đến đọng trên mặt những con đường. Nhưng thử ngồi xuống, lấy tay khỏa, ta chắc chắn tìm thấy một mặt đường rất đen, rất mịn, ấy là mặt đường nơi quê hương cách đây hai chục năm, ngày ta ra đi. Cũng như vậy. Vĩnh Thanh, Trà Bồng, Mỹ Hiệp, Bình Giã, Vạn Tường, Ba Làng An, Lý Sơn... Hãy khỏa ra, khảy ra những bụi bặm của lãng quên và cuộc sống bề ngoài rất tất bật của vùng bị chiếm cũ hôm nay vẫn còn rất chạy vạy vì cơm áo, ta sẽ tìm thấy lại rất rõ những nét mặt của đất nước anh hùng. Một cái ghế ta ngồi, ở đây cũng phảng phất còn giữ cái hơi nóng của một người nào đó, bây giờ thanh thiên bạch nhật là cán bộ cách mạng, trước đây với bao nhọc nhằn và trăm cay nghìn đắng, đóng vai thợ, phu xe, đầy tớ... Trong cuộc đời hoạt động hai ba chục năm dài, những người này cũng không nhớ hết với họ từng đi qua, thậm chí họ không nhớ hết các tên mà họ đã dùng; đối với những ai mong nhớ họ — họ càng trở nên như những cái bóng khi họ trở về tản mác hòa tan trong các địa phương, nhưng những cái mà họ làm nên cho mọi người, cái đó đẹp và to lớn biết bao.

Đó là xúc động và suy nghĩ của tôi, chiều hôm ấy, trong buồng khách của em gái tôi, lần thứ ba tôi có dịp về thăm nhà, trong gần hai năm từ ngày giải phóng. Hai lần trước, thái độ tôi qua loa, tuy không ít phần thân mật. Tôi có ít nhiều ý nghĩ không công bằng đối với cô em gái trở nên khá giả, tuy không phải là tư sản gì, và không kiêu kỳ nhưng tôi cũng không có cử chỉ gì khiến cho những người như em gái tôi hiểu nhầm rằng tôi tán thành cuộc sống của họ. Hẳn em tôi cũng có nhận xét điều đó, và cô chịu đựng, để đến lần thứ ba này, hai năm sau, mới quả quyết được và chỉ cho tôi một bức ảnh vốn cùng đâu đến hai trăm bức ảnh khác, cái phong cảnh, cái chân dung, lồng chung trong một tấm kính mành mùng che kín cả một phía vách của hiệu ảnh, mà tôi vẫn nhìn thấy nhưng không bao giờ xem kỹ.

— Cái ảnh này của anh với các cháu nằm đây hai chục năm, anh.

Hình như tôi giết mình. Đúng, cái ảnh của tôi với các cháu. Ngày tôi sắp sửa ra đi, các cháu bây giờ còn bé, trứng vịt trứng gà, bầu đậu trên lưng cổ tôi. Giữa một rừng các cô gái và các chàng trai, các cặp vợ chồng, cô thì xem hoa

nở, cặp thì chờ trắng lên, có cái ảnh đó. Trong không khí chính trị của miền Nam trước đây, mẹ không thể giữ kỷ niệm về con, vợ không thể nói ra là vợ của chồng, một cái ảnh như vậy có thể gây tai họa. Chí ít là tạo cơ hội cho kẻ địch làm tiền, năm lạng, mười lạng. Nhất là lúc bấy giờ, đêm đêm, tôi hay lên đài phát thanh Hà Nội, tố cáo âm mưu của kẻ địch và kêu gọi đồng bào nơi quê hương giữ vững lòng tin, công tác mà tôi kiên trì làm tận ngày giải phóng Nghĩa Bình.

— Sao? Cô không sợ ư? — tôi không giấu được một chút ghen trong giọng nói, vừa cảm thấy rất đột ngột vừa thấy ào đến trong lương tâm mình cái ấn tượng đáng phàn nàn khi mình thấy mình bắt công.

Rõ ràng là em gái tôi có lương lự một giây. Khi gặp lại nhau, chúng tôi đã trên dưới năm mươi rồi, cô vốn ít học, suốt đời không làm gì khác ngoài những việc hiền thực của người mẹ người vợ, chưa ai một lần buộc cô phải phân tích tỉ mỉ tình cảm của mình như thế. Sự đào xới trí nhớ, sự thành thật cần thiết để trả lời cho người là anh ruột mình. — mà mình treo cái ảnh hai mươi năm, mặc dù việc đó có thể phiền phức, có thể nguy hiểm, và khi trở về, người trong ảnh, hai năm ròng, không hề hay biết việc đó, cũng không hề hỏi, lại do định kiến mà giữ một quãng cách nào đó xúc phạm — tất cả cái đó khiến em gái tôi bật ra nói:

— Sợ chứ sao không? Sợ lắm. Anh tính vúi vào cái gì mà không sợ? Lý lẽ về tình cảm ruột thịt ư? Đối với chúng nó tình cảm đáng giá gì! Lý lẽ về nghệ thuật? Ừ, trái ngược, cái đó đắt có hơn một chút, đây là tiếm hình mà, nhưng đắt gì cũng không bằng năm mươi lạng vàng nó thấy có thể nhân đó mà lấy được của mình. May thì câu này có thể lọt được: “— Tôi thấy đẹp nên cứ tiếc. Chục năm nay tôi chưa chụp được cái nào đẹp như thế. Để làm kiểu “hạnh phúc gia đình” mà cậu! Hay mai, tôi cũng chụp cho cậu một *pô* như thế?” Thật ra, thì chỉ mong những đứa xấu có quen mặt anh không phát hiện ra được, vậy thôi. Ngày nào cũng nơm nớp, căng lắm, như...

Hình như tôi lại giật mình nữa, tôi nghiêng người, giống tai nghe:

— Ban đầu em cũng nghĩ: ảnh của anh mình, mình treo chớ việc gì, ai không có cha mẹ, không có anh. Nhưng bọn địch tập kết tới, biết ngay là không được. Không được nhưng không biết làm thế nào. Hủy đi thì tội anh, lũ nhỏ nó hỏi trả lời thế nào. Cất đi lại nguy hiểm hơn. Thôi cứ giả hồn nhiên bày trưng ra đó. Vả, trong nhà có một người...

Tôi nín thở, không cất tiếng hỏi. Biết rằng những người như cô em gái tôi, đã mở được miệng thì sẽ nói hết.

— Trong nhà có một người, một *con ở* mà, anh (ở ngoài Bắc gọi là người làm

há?) đi chợ, ẵm em, đóng mở cửa, giặt dĩa, đứng quây... Một đứa con gái, lúc ấy hai mươi tuổi. Thấy nó trắng trẻo, tính tình dễ thương, em nhận liền. Mà nó chăm chỉ, dễ thương thiệt, nhất là có tình cảm đối với gia đình, cả nhà chẳng ai có điều gì mắng mỏ nó được. Năm ấy, quân giải phóng đột nhập đánh sập lầu Việt Cường, một trú xá quan trọng của Mỹ ở đây để cảnh cáo việc chúng đánh rộng ra ngoài Bắc, thành phố Qui Nhơn rung dữ như động đất vậy, anh. Nhưng em nhớ rõ ràng, *con ở* nó đi đâu về, mặt mày đỏ lửng, nó đang đứng bên cạnh em, em có hỏi nó mày làm gì mà thở dữ vậy, nó cứ lính qua lính quính như đứa lên cơn rét, bỗng ình một cái trời muốn đổ nhào xuống đất, bát đĩa trên bàn rơi xuống sàn vỡ hết, không ai hiểu việc gì, ai cũng kinh khiếp thì nó, nó vừa như vậy lại chụp lấy mấy đứa nhỏ mà cười như điên tuy sau đó, nhớ ra điều gì, nín bật liền, tỉnh bơ như không. Lầu Việt Cường sập, bọn Mỹ lần đầu chết nhiều vậy, hốt lắm, người mình xôn xao lắm, ai cũng cẩn thận kể thật to lúc đó mình đang đứng đâu ngồi đâu. Em cũng kể: “Tôi đang đứng dưới bếp với mấy đứa nhỏ, với *bà nội* này nè...” Em tự nhận xét tại sao mình lại có ý nhấn mạnh sự có mặt của nó trong nhà lúc đó. Đêm nằm nghĩ lại, cứ lặp nhiều việc nhiều lần lại với nhau, thôi đúng *bà nội* là quân giải phóng rồi. Nhưng người ta đã ở trong nhà mình, đối xử với người ta sao đây? Thôi người ta thì không nỡ: người ta cũng là đàn bà như mình, đáng trang em mình mà người ta dám! Mình chỉ có việc làm ngo như không hề hay biết, chỉ làm thế cũng không làm được hay sao? Nhưng bọn Mỹ mà vớ được *bà nội* thì mình cũng đi đời, bọn trẻ con không biết nhờ ai. Nghĩ mệt lắm, anh! Sau cùng em kệ! Song từ đó, không nói ra, giữa em và *bà nội* như có sự hiểu ngầm. *Bà nội* tiến lên thêm, có đêm không ngủ nhà, có bữa họp hành ngay trong nhà này, có khi mình gặp sợ muốn run luôn. Nhưng một hôm họp xong, nó đột ngột nói xin đi “— Sao đi? Tôi xấu há?” Em cảm thấy mịch lòng. “— Cô dượng sợ quá, nhưng cách mạng biết cô dượng tốt. Nay trên điều em đi. Chỉ xin cô dượng: nếu có người nào của đoàn thể tới, cô dượng cũng cho ở như đã cho em. Khi nào khó khăn quá, cô dượng chỉ cần cất cái ảnh cậu Ba với các cháu kia đi là anh em hiểu. Cô dượng không biết chớ lâu nay chúng em vẫn lấy cái ảnh ấy làm mật hiệu. Luận từ cái ảnh đó mà em vô nhà này”.

II

Như vậy đó, miền Nam. Tôi ngồi lại rất lâu trong buồn, trong bóng hoàng hôn xuống, băng khuâng về nỗi người ngồi im lìm trong ảnh hai chục năm trời là tôi nay đã bước ra, đã về đây, còn người đã ở đây, đã từng chọn tôi làm thước đo lòng trùng hậu của người khác — ít ra là một người, em gái tôi —

thì người ấy nay ở đâu, bị sóng gió cuộc đời thổi dạt vào số phận nào. Lần này nữa không phải là lần đầu tôi cảm thấy mình vừa vượt qua một cái gì như là kinh hoàng, kinh hoàng thấy may mà mình biết sống không có gì đáng hổ thẹn.

Tôi quyết tâm đi tìm cô gái, với chút ít chỉ dẫn rất mơ hồ. Để làm gì, tôi cũng không hiểu rõ, có lẽ để nói một lời cảm ơn, tin chắc rằng mọi người có đôi chút lương tâm đều phải làm như mình, vì đối với chúng ta, sự nhớ ơn nhiều khi thực sự là một nhu cầu.

Vùng Ba Làng An cứ khơi gợi cho tôi ý tưởng về quá khứ và hiện tại mà tôi có dịp nói ở trên: cứ lấy tay khẽ khẩy cái vỏ bình thường của cuộc sống, ta sẽ thấy ngay cái ruột anh hùng của chốn quê hương ngày hôm qua. Hăng chỉ nói đây chính là cái cảng “giải phóng” rất lâu dài của quân ta, tàu ngầm tàu nổi của ta dùng để đổ vũ khí vào khi trên đất liền, vùng Bình Sơn kia, bọn Mỹ và Nam Triều Tiên dày đặc. Một ông lão chèo đò, ông lão chèo đò mà anh chờ đợi lâu quá mới thấy chèo sang, già quá nên trở nên chậm chạp, ông lão chèo đó ấy, anh ơi, cũng là một bậc anh hùng.

Đảo Lý Sơn, ở ngoài khơi Ba Làng An, cách đất liền ba mươi dặm thẳm. Tôi đi ngược con đường ngày ấy du kích đêm đêm vào đất liền đánh giặc. Khởi nói tổ quốc chúng ta đẹp *dễ sợ*. Tôi lại gặp cảnh đứng bên trên mười thước nước xanh trong như một tảng ngọc bích, có thể nhìn xuyên thấu đáy, thấy những viêng mặt trời nhân đôi nhân ba chúng lại soi chúng bên dưới những lớp sóng, và nhìn thấy những con mực ống bơi đứng ở đó. Cảnh tượng chỉ gặp một lần trong đời ở đảo Minh Châu ngoài khơi Hạ Long, tôi lại gặp ở đây, và điều đó bất giác làm tôi chảy nước mắt.

Lý Sơn đang mùa tỏi, từ xa đã trông thấy các sườn núi sáng chói từng mảng bạc, ấy là những vạt tỏi đã đào người ta đem phơi. Lý Sơn không có lúa, chỉ có tỏi, tỏi và ngô. Không khí đảo bàng bạc một mùi béo ngậy và hăng nồng của cây gia vị.

Trong thanh bình, đảo những ngày hôm nay có một sự xao xuyến nhỏ, đây là sự xao xuyến thường thấy trong thời kỳ cải tạo: chính quyền vừa có những lệnh rất chặt chẽ không cho thương nhân từ đất liền ra mua và chuyển tỏi của đảo đi, và khuyên mọi người bán tỏi cho một người mua độc nhất là trạm ngoại thương địa phương. Đó đáng lẽ là một sự công bằng, vì công ty ngoại thương suốt vụ đã cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, và gạo với giá rẻ. Nhưng ở cuộc đời cũ, thói thường vẫn vậy, một khi giá ngoài và giá trong chênh lệch nhau.

Tôi gặp ngay ở bến thuyền hai người phụ nữ, một người được giới thiệu là

chị Mùi, trưởng trạm ngoại thương, và một người nữa trẻ hơn tên là Mai. Mai có vẻ xốc vác năng nổ hơn trong hai người, quần xắn lên tới tận đùi, lội xuống nước ngập bắp chân, lôi kéo lại những dống gánh tỏi đã vượt được trạm kiểm soát để xuống thuyền, miệng nói không nghĩ: “— Này chị, chị không nghe phổ biến sao? Tôi không đi được mà, chị. Chị đã cam kết bán cho nhà nước, sao chị lại mang đi bán cho người buôn được? Hai năm nay, chị ăn gạo bốn hào hai, không phải sao, chị mua phân bón và thuốc trừ sâu giá cung cấp, không phải sao? Sao chị lại làm thế?” Trong những lúc đôi co, có khi Mai đã vận dụng một cách nôm na thật lạ để định nghĩa chủ nghĩa xã hội: “— Chủ nghĩa xã hội không tán thành cái lối của tư sản mại bản mua của nước ngoài hai đồng về bán ở Sài Gòn hai mươi đồng, chủ nghĩa xã hội cũng không tán thành lối của tư sản mua ở Sài Gòn hai mươi đồng về bán ở Quảng Ngãi ba mươi đồng, cũng không tán thành lối mua ở Quảng Ngãi ba mươi đồng về bán ở Ba Làng An ba mươi lăm đồng, cũng không tán thành lối của buôn bán nhỏ mua ở Ba Làng An ba mươi lăm đồng về bán ở Lý Sơn ba mươi tám đồng và người Lý Sơn mua bán lại ngay tại Lý Sơn với giá bốn mươi đồng. Từ hai đồng thành bốn mươi đồng, không là bóc lột, bóc lột tận xương tủy thì còn là gì, hả anh? Chủ nghĩa xã hội nói chung không tán thành tất cả hệ thống bóc lột. Nếu nhà nước đi mua hai đồng về có bán thành bốn đồng thì một đồng là bù đắp tổn phí, một đồng nữa là lời, chỗ lời đó cũng là của nhân dân, nó đi vào trường học, bệnh viện, nhà trẻ...” Mai nói tiếng Bắc, giọng hơi đót và vô tình pha nhiều từ miền Nam, cô kiên nhẫn và dịu dàng, không bao giờ thấy nổi giận trong một công tác phức tạp như thế. Tôi rất kinh ngạc khi được biết cô là người Hà Nội, nhà ở phố Khâm Thiên, kỹ sư đấy, vào trong này, ra tận vùng khơi này thực tập, không phải là nhân viên của trạm ngoại thương đâu.

Mùi lớn tuổi hơn một ít, điềm đạm, ăn mặc giản dị khác hẳn các cô gái trên đảo. Khác với Mai, Mùi cứ để nguyên hai ống quần lội xuống nước, những khi cần lội. Cô trạm trưởng ý chừng ít học, mới ra làm việc, lắng nghe nhiều hơn nói, không giấu những cái nhìn thán phục mỗi khi nghe Mai nói, mắt sáng vui mừng như vừa vỡ ra một điều gì. Sự ghi nhận những điều Mai nói, để nhớ, để thuộc, có khi buộc Mùi cố gắng vát vát: lúc đó, môi dưới cô rung lên, một nếp nhăn nhỏ xếp dọc ở giữa trán. Tôi mục kích cảnh tượng rất đẹp rất xúc động một người cán bộ cơ sở, tìn mọt và thẳm lặng, học những bài học chính trị đầu tiên.

Nhưng dù sao thì hai cô gái đó cũng không phải là cái bóng tôi muốn tìm và cái bóng ấy có tên là Sanh. Và dù sao thì tôi cũng phải kín đáo, không thể

làm ẩm xóm làng lên — đây là vùng mới giải phóng — về nỗi tôi, một người khác lạ từ xa xôi đến, muốn lòng tìm một cô gái tên Sanh không biết với mục đích gì. Cả đảo sẽ bàn tán ngay bây giờ và điều ấy không tiện cho sự đi đứng của tôi. Tôi trước hết không giữ được lòng thèm khát cái cảnh tuyệt đẹp nơi quê hương tôi vừa đặt chân xuống, tôi đi dọc theo bãi biển ven đảo đã, trong người rạo rực sung sướng như chính mình đang ăn cái chất trong và biếc của nước của trời, chất ngọc ngà sáng lóa đến mộng ảo của cát. Rồi tôi đến nhà Ủy ban. Trước hết người ta dẫn tôi đến nơi trọ. Không hay nơi trọ lại chính là nơi tôi đã ghé lúc này, một gian kê ngay gian dùng làm trạm ngoại thương, hai gian thông nhau hầu như một nhà. Thuyền vào đất liền đã đi rồi, cô Mùi cô Mai đã về đó, đang kẻ cân người viết biên lai trả tiền cho những người đã nghe ra bây giờ thuận bán tôi cho trạm.

Người Ủy ban xã giao việc săn sóc cơm nước cho tôi là hai cô chứ không phải ai khác. Tôi ăn rất ngon miệng món nộm tôi non trộn lạc và rất dè dặt con cá chuồn nướng bé bằng nửa bàn tay, nướng vì không có mỡ, mà hai cô chẳng mấy khi động đũa.

Buổi trưa, ở nhà, mối tương quan giữa hai người con gái đảo ngược khác hẳn lúc ở ngoài bến. Người nói lại là Mùi, còn người ngồi trên một cái đòn, kê sổ lên ván và ghi chép lại là Mai. Mùi giảng tỉ mỉ cách trồng tỏi trên đảo như thế nào. Tôi biết là việc này có dính dáng đến cái luận án mà Mai sắp phải nộp, Cũng như thường lệ, cảnh ấy khiến tôi vẫn vợ liên tưởng đến nghề của tôi. Sự mệnh tôi là phải tạo tác nên cái gì đẹp như vậy.

o O o

Tôi ở đảo bảy ngày. Công việc tôi có hai phần: tìm hiểu Lý Sơn trong thời kỳ chống Mỹ và Lý Sơn trong chuyến mình cải tạo ngày nay. Mọi người hiểu ra rất nhanh việc tôi có lợi chung nên đều dành cho tôi sự niềm nở. Người tôi khi thì cảm thấy lâng lâng, khi thì bàng hoàng, khi lại bưng bưng nghe mô tả lại những cảnh tượng cũ: ngày thì đi đánh cá nhưng đêm lại là lãnh đạo xã đầy, họp chi bộ ngay giữa tứ vi là hàng trăm tàu chiến Mỹ nguy và hàng vạn lính — lính đông hơn dân đảo — trước giờ khắc chót khi dịch rút chạy khỏi miền Nam. Những lúc hỏi và ghi đã mệt, tôi thường một mình lững thững trên các triền núi xem làm đất tỏi, tỏi mọc bên trên những lớp đá giống như là phún thạch. Các nương tỏi đã đào hết, bây giờ người ta bắt đầu rải lên một lớp mơ biển xanh trong như bằng nhựa. Các triền núi trơ trụi vẫn toát lên một mùi gây nồng. Trưa về, nghe Mùi, với giọng nói vùng đảo các âm hỏi ngã đều biến thành có dấu sắc, nhưng ở miệng người con gái vẫn không kém dịu dàng, giảng cho Mai mà như giảng cho tôi cách địa phương trồng tỏi:

—... Chẻ phún thạch thành tảng nhỏ, xếp lớp lại thành ruộng... Một lớp mơ, một lớp lá tỏi, một lớp châm biên, đất cát phân trâu... Lấy bò cào mà cào, mỗi lần cào năm rãnh... Múc nước biển từng bậc từ biển lên thầu lưng núi mà tưới. Hai tháng không tưới nữa, bắt đầu vãi phân. Trong rằm sâu đẽ, ngoài rằm sâu ăn, phát hiện chỉ một con sâu trên một lá tỏi thôi, dầu có đang đêm cũng phải đốt đèn lên mà phun thuốc...

Nhưng tôi không tìm thấy Sanh.

Thật là dễ, giữa lúc câu chuyện đang mở ra bề rộng và đến hồi thân mật, bỗng hỏi một câu như hỏi qua:

“— Tôi nghe nói có một cô Sanh đâu cũng ở Lý Sơn này, vào nằm vùng ở Quy Nhơn, có nhiều thành tích lắm? Cô ấy bây giờ làm gì?” Đến mấy người, kể cả bà bí thư Hội Phụ nữ, trả lời tôi: “— Cán bộ đi nằm vùng ở các nơi thì xã này có đến mấy trăm cô, họ đều thuộc những đường dây khác nhau, lại lấy bí danh thay đổi luôn, biết đâu tìm! Tuy vậy, cũng có mấy cô tên Sanh đấy...”

Những cô Sanh ấy đều không phải Sanh. Chim bay cá lặn rồi. *Chim trời cá nước lô xô — Đông tây nam bắc biết mô mà tìm*. Giọng hát ru em đầy màu nắng màu cát buồn hiu hiu của quê hương buổi trưa như muốn an ủi tôi.

III

“— Sanh mà cậu hỏi là em đây, cậu Ba. Hồi hoạt động ở Quy Nhơn, em có một lượt mấy cái tên, có tên ấy. Thật ra, em nhận ra ngay cậu từ lúc cậu bước xuống đảo. Tầm hình của cậu, hàng ngày em nhìn, nó dùng làm mật hiệu cho bọn em, động hay không động, lộ hay không lộ, làm sao em không nhận ra cậu được, nhất là hai mươi hai năm mà cậu vẫn không đổi khác mấy chút. Nhưng biết đâu người lại chẳng giống người cậu Ba? Đến lúc nghe cậu làm việc với ông chủ tịch ngay tại nhà này, thì chẳng còn hồ nghi gì nữa. Nhưng cậu có việc của cậu, cậu có biết em là ai đâu mà bắt quàng làm họ? Mà bắt quàng làm họ để làm gì chứ? Em vào nhà cô Bốn, phận chỉ làm con ở thôi. Ngẫu nhiên cô Bốn mới biết em là người cách mạng. Chợt nghe một con bạn nó kháo: “Trong mấy đứa bay, có đứa nào hồi trước tên Sanh không, mà ông cán bộ Hà Nội ông tìm đó?” Em cảm động quá. Nào em có làm được gì riêng cho cậu, kể cả cho cô Bốn, mà cậu đi tìm em. Nhưng chính vì thế mà em phát khóc lên. Cái hôm em nói em nhưc đầu, em trùm kín chăn là hôm ấy đấy, cậu Ba. Cậu đưa thuốc đưa nước cho em mà em muốn tung chăn ra và nói với cậu: chính em đây và em cảm ơn cậu. Nhưng em nén được, để đến hôm nay là ngày cậu sắp đi. Cảm ơn cậu, nghe, cậu Ba. Em rất nghèo, cha mẹ anh em bị hy sinh hết, tất cả lẽ sống bây giờ chỉ là cách mạng thôi, nên em biết quý

những cử chỉ vô tư như cử chỉ của cậu...”

Tôi mơ chẳng? Không. Mùi, bằng xương bằng thịt đang ngồi trước mặt tôi đó, cô vừa vịn to lên ngọn đèn và nói. Mai thì đi ngủ đã lâu để sáng sớm có công tác vào đất liền. Ánh đèn chiếu sáng một nửa mặt giọng cô trầm tĩnh và dịu dàng, thành thật, mừng rỡ và lễ phép như một đứa cháu gái, đối với tôi, như một đứa cháu gái lớn lên trong những ngày tôi đi vắng. Buồn cười nhất là tôi đi kiếm Sanh, nhưng khi đã tìm thấy Sanh, lại không biết để nói với Sanh cái gì, mãi không bước ra khỏi cái tâm trạng sững sốt. Chính là Sanh, tức Mùi, dừng một lúc, lại nói nữa, đẩy về phía tôi hai cái gói:

— Đây là của em gửi cậu mang giúp cho cô Bốn, đây là em biếu mợ — cậu có mợ chứ, phải không cậu? Từ ngày giải phóng, em chưa có dịp ghé thăm cô Bốn. Về cô Bốn thì em cũng chẳng giúp được gì nhiều: cô Bốn sợ quá, mà em cũng quá cẩn thận. Nhưng bụng dạ cô thế cũng tốt rồi, không có những người dân như thế làm sao mình hoạt động được. Gần đây, có lúc em cũng nghĩ xin làm con nuôi cô Bốn đấy, chắc cô chẳng từ chối đâu, phải không cậu? Chỉ ngặt cô tương đối có tiền, không như cậu...

Và Mùi bắt đầu kể lễ lễ như tất cả những cô cháu gái:

— Em dốt quá, cậu. Cả đời có được học hành gì đâu! Làm sao, cậu? Cậu cho con đều đều viết thư cho cậu, nghe.

Em, con, cậu. Chúng tôi vụt phì cười.

o O o

Tôi thức dậy với cái cảm giác bàng hoàng việc vừa mới xảy ra cho mình. Buổi sáng trên biển quê hương đẹp, tuyệt. Bên kia tường hoa là rặng dừa, là dừa luôn luôn lay động líu ríu như các ngón tay đang đàn, một dây mướp leo lên một cây bàng, một dây thuyền máy sơn xanh cứ lắc lư theo sóng. Rồi là biển, biển xanh thẳm, mênh mang, cuốn hút. Không gian chốc chốc lại rộ lên một hồi máy nổ của những chiếc thuyền bắt đầu sửa soạn để vào đất liền.

Chợt nghe một giọng nói đàn bà từ dưới bến vọng lên tường hoa.

— Các ông các bà nghĩ coi, mỗi năm Nhà nước chu cấp cho một triệu chín con người của tỉnh Nghĩa Bình mình những cái gì, gạo này, dầu này, phân này, thuốc trừ sâu này, đề đập lưới giã này, nhà trẻ trường học này, mà tỉnh mình đưa lại cho Nhà nước cái gì, lại bán chó đâu có cho không, bắt quá vài trăm tấn quế, mấy trăm tấn tỏi, mình làm vậy có công bằng không...

Tôi cảm thấy rất vui, đồng thời một cái gì lẫn buồn trên má. Con người kỳ quặc thật! Tại sao tôi xúc động như vậy khi nghe Mùi, không, cháu Sanh của tôi, hôm nay thay Mai làm hết mọi việc, và tự mình sáng tạo ra những lời giải thích nôm na và chân thành ấy.

Nghĩa Bình tháng 3 tháng 4-1977

6 — HẠNH NHƠN

LẦN này đi Huế, rảnh rồi, tôi sẽ cố tìm cho ra Hạnh Nhơn. Hạnh Nhơn là bạn của em gái tôi. Em gái tôi, hồi nhỏ, trước cách mạng, có bốn người bạn như vậy, thư từ với nhau thân lắm. Tôi không biết bây giờ học sinh gái có những người bạn như vậy không, không biết mặt nhau nhưng chuyện gì cũng kể cho nhau cả, cha mẹ bạn coi như cha mẹ mình, anh bạn coi như anh mình. Hồi ấy tôi mới trưởng thành, mối tình bạn xa xa của các cô đối với tôi là một cái gì thật trong sáng, thật đẹp. Các cô bây giờ trở nên người có chỗ đứng trong xã hội cả, tôi không dám nhận liều, nhưng tôi tin rằng ấy là nhờ buổi mới vào đời, chúng tôi đã rủ nhau đi con đường đúng. Và chính vì con đường ấy đúng nên tình bạn của họ được lâu dài.

Không, không phải, ấy là tôi tóm tắt, sự thực có khác một chút: trong năm người đó, kể cả em gái tôi, ban đầu là như vậy, về sau có một người rơi ra ngoài, bỏ dở nửa chừng, người đó là Hạnh Nhơn. Cần nói rõ Hạnh Nhơn và tôi, chúng tôi chưa hề gặp nhau bao giờ, kháng chiến chống Pháp tôi hoạt động ở Bình Thuận chứ không phải ở Huế. Sắp đến ngày toàn quốc kháng chiến, tôi có nhận được một bức thư của Nhơn than thở hoàn cảnh gia đình mẹ già em đông, nếu có chiến sự anh em sẽ ra đi cả, Nhơn hỏi tôi khuyên Nhơn như thế nào. Tôi nhớ tôi có chép lại cho Nhơn cái câu rất kích thích và xúc động ấy của Ôxtơpơxki: “Ở đời, người ta chỉ sống có một lần...” đó rồi chúng tôi bật tin nhau. Nói bật tin cũng không đúng, vì ở xa tôi cũng có nghe mang máng Nhơn ra công tác ở Nghệ An nhưng đến lúc mọi người tập nập ra Bắc rất vui vẻ sau hiệp định Giơnevơ thì cô lại đi ngược vào thành, vào Huế. Ban đầu chúng tôi cũng hy vọng là cô có công tác. Nhưng lâu dần, trong các anh em chúng tôi, không ai nghĩ đến cô nữa, không nghe ai cùng làm việc nhắc đến cô nữa. Cô em tôi và các cô bạn, thỉnh thoảng gặp nhau, cũng tuyệt không nói đến tên Hạnh Nhơn nữa. Tôi một mình nhận sự bất công đó. Một mình tôi trong suốt mấy chục năm dài giữ một kỷ niệm trẻ thơ, chốc chốc mình bắt gặp mình tiếc ngẩn cho một số phận, và mãi mãi mình tự hỏi mình một câu: bây giờ Nhơn đã sống cuộc đời nào, tất đã có cái gì xảy ra cho Nhơn để Nhơn bỏ kháng chiến mà đi như vậy? Trong hai chục năm, chỉ có một người, một lần tôi hỏi đó, trả lời tôi: “— À, con bé đó làm ở nhà in. Nhà nó mẹ già em đông sao đó.” Cũng người đó, anh Sang, sau giải phóng, đi thành phố Hồ Chí Minh về, kể với tôi: “— Ở miền Nam có cô bé tên là Hạnh Nhơn, trở nên thiếu tá C.I.A, giờ trong trại cải tạo.” Tôi đang rất muốn biết tin về

Nhơn nhưng không hiểu sao rất ngờ vực về điều anh Sang nói, dứt khoát cho anh Sang nhầm, hay sao đó, nói không đúng.

Lần này đi Huế, tôi sẽ tìm cho ra tung tích Hạnh Nhơn. Tôi sẽ bắt đầu bằng cái nhà ở kiệt hai đường Âm Hồn, cái địa chỉ của Nhơn mà ba mươi mấy năm tôi vẫn còn nhớ ấy. Bất luận Nhơn đang sống cuộc đời nào, tôi chắc sự tìm thăm của tôi sẽ làm cho Nhơn cảm động. Và việc ấy rất là đẹp.

Khi tôi quả quyết bước vào cái ngõ kiệt ấy, đặt chân lên bậc thềm bằng đá ong đã sức mẻ của căn nhà gỗ mái thấp lợp bằng ngói âm dương mốc meo cũ kỹ, xung mình mới ở ngoài Bắc vào và hỏi thăm bà Hạnh Nhơn, tôi cảm thấy rất rõ xung quanh tôi có một sự xao xác lạ lẫm. Tôi hỏi mà lại kinh ngạc vì giọng nói có chút mừng rỡ và cuống lên của người đàn bà tiếp tôi, chị phát vào vai một em gái lên mười: “— con qua bên dì Hường bảo chị Nhơn về có khách, khách ở Hà Nội vô, nói chị Nhơn nhanh lên nghe!” Tôi đang có cảm giác bị bao vây bốn phía, có những người quan sát chỉ trỏ tôi tự trong buồng, phía sau cái màn che bàn thờ kia, và sau lưng tôi nữa, ở ngoài cửa, cũng có những em bé, đứa công em, đứa đang gặm một bắp ngô, tò mò trở mắt nhìn tôi không cần che giấu chi tiết. Rõ ràng nhà này đang đợi một người đàn ông nào, đợi hung lắm, và nhầm tôi với ai. Người đàn bà đứng tuổi, hai gò má có đánh một chút phấn hồng, nói xong câu sai con đi tìm chị Nhơn, quay lại phía tôi hỏi liền: “Không dám, xin lỗi ông, ông là ai vậy mà hỏi Hạnh Nhơn?” Sự chờ đợi căng thẳng ấy làm cho tôi đâm ra ngại ngùng. Nếu mình nói họ tên ra thì mình sẽ mang lại thất vọng cho gia đình biết chừng nào! Không ngờ tôi vừa mở miệng nói họ tên ra, người đàn bà đã ré lên một tiếng, những người đứng trong buồng và sau màn tức thì bước hẳn ra ngoài nhìn tôi, “chào ôi, chào ôi!” mừng rỡ, và tất cả đối với tôi lúc bấy giờ, và đối với cuộc đời dài của tôi, đột ngộ như gió như bão, như sụp nhà, tôi không có thì giờ để kịp sững sốt nữa: một người con gái hai hai, hai ba tuổi, to vóc, rất dễ thương, rất xinh, từ ngoài hàng rào chè hót hơ hót hải đâm bổ vào ôm cứng lấy tôi gào lên một tiếng độc nhất: “— Ba!”

Suốt đời tôi, có lẽ không bao giờ tôi có thể quên tiếng gào “— Ba!” đó của Hạnh Nhơn, tiếng gào dữ dội như dồn nén hết hơi hết lực từ hai chục năm (có lẽ tôi cũng hơi lảm cẩm thật nhưng tôi không thể quên cái đó như tôi chưa thể quên nhiều cái khác trong đời). Cháu Nhơn bắt đầu khóc thút thít trên vai tôi trong lúc người đàn bà tiếp tôi òa lên kể lể và đứng lên với một cử chỉ quyết liệt, lùa sang hai bên hai mảnh màn che cái bàn thờ: “— Nay anh mới về hỏi bà Hạnh Nhơn thì bà Hạnh Nhơn đã ra ri đây, ôi chị ơi là chị ơi, sao chị vô phước, đã chờ đợi nhau sao không chờ đợi nhau cho trót, ảnh về chị lại bỏ đi

đâu”. Đang khóc, giọng chị chuyển sang tỉnh như không, nhưng chị xúc động thật tình, nước mắt chảy hai hàng trên gò má chị, mà tôi nhận thấy những người đàn bà mỗi lúc mỗi đông thêm trong nhà cũng đều khóc cả. “— Con gái anh đó, bây giờ tôi giao nó cho anh. Mẹ nó cũng đặt tên nó là Hạnh Nhơn, anh coi kia — chị lại hắt miếng vải điều che tấm ảnh ở giữa bàn thờ lên — hai mẹ con giống nhau như đúc!”

Lần đầu tiên gặp mặt Hạnh Nhơn, tôi gặp như vậy. Tôi đứng lên đến chỗ bàn thờ nhìn trừng trừng vào cái ảnh, cảm thấy nước mắt tôi cũng chảy ra. Tôi nhận bó hương mà người đàn bà vừa đốt tắt cả đưa cho tôi, tôi cúi đầu vái Hạnh Nhơn — mẹ trong lúc Hạnh Nhơn con không lìa tôi một bước, gục đầu lên mép bàn thờ mà khóc. Cái tích tắc đứng trước bàn thờ, trong hương khói, bao giờ cũng kích động: tôi mặt đối mặt với người mình suốt đời băn khoăn tìm kiếm không biết để làm gì, băn khoăn tìm kiếm vì muốn tin rằng trong cái chân lý mà mình đeo đuổi, trong cuộc đời cách mạng mới này, con người không thể chỉ là hạt bụi, không hay đến lúc tìm được ra nhau thì em đã không còn. Cuộc đời của em như thế nào mà em phó thác giọt máu đỏ của em cho anh? Tôi rất bối rối trong tình huống khó xử đó, nhưng trong cái tích tắc đứng trước bàn thờ này, tôi thấy dường như mình mặt đối mặt với chính mình, chính người con trai trong sáng là mình khi mới bước vào đời, tấm lòng nhiệt tình trong sáng đó đã ghi được lòng tin của bấy em nhỏ trong đó có Hạnh Nhơn, vậy thì tôi giải quyết như thế nào ý muốn của người đã khuất? Tôi khê khàng nâng đầu cháu Nhơn lên, bật ra một tiếng đồ dành: “Con!”.

Tôi khó khăn lắm mới thuyết phục được cháu Nhơn để tôi trở về nhà khách một mình. Đêm nay tôi cần suy nghĩ. Trên đường về, có một lúc tôi toan ghé lại đồn công an để nhờ các đồng chí cho thêm một ít điều hiểu biết về hai mẹ con Hạnh Nhơn, nhưng tôi ghìm lại kịp. Vì nếu bà con xung quanh phố Âm Hồn này mà thấy, không khéo lại gây nên sự hiểu nhầm vô ích. Một người chồng, một người cha, mà lại đi hỏi người khác về vợ con mình, đó là điều không ai hiểu làm sao cả, mà tôi phải giữ niềm bí mật của tôi, vì tôi biết, ngoài danh tiết của hương hồn Hạnh Nhơn mà tôi kính trọng, nó có liên quan đến tính mạng của cháu Hạnh Nhơn, con gái cô, mà cô phó thác cho tôi.

Cháu có nói mạ chết ở Vân Dương năm 1968 khi đi đón bộ đội vào Huế: tôi còn cần gì nữa? Người con gái, do hoàn cảnh, phải rời vùng giải phóng, trở về dưới mái nhà gia đình, trong cảnh bịt bùng o ép của giặc, vẫn có ý thức xứng đáng với cuộc đời cũ trước kia: trong những năm qua, tôi đã lặng lẽ tin ở Hạnh Nhơn, và tôi đúng. Mà nếu tôi không đúng, nếu Hạnh Nhơn trở nên xấu, thì lời phó thác ấy có nghĩa là gì, và tôi, với tư cách là một người anh,

một người bạn, một con người, tôi có nhận không?

Hiếm thấy người con gái nào nói đến nỗi khổ của mình hồn nhiên như Hạnh Nhơn. Chia tay ba xong, mẹ con về Huế mới biết là có mang con. Ba biết không, hai chục năm hơn — với mẹ thì mười ba năm — nhưng mẹ ngồi trên bàn thờ đó là mẹ cũng chờ ba với con đó, mẹ chờ hung lắm — cò thề nói mẹ con con sống với cái hy vọng rồi gặp ba. Ngày nào mẹ cũng xây vô vách và nói như tụng kinh: “— Anh tốt lắm, anh về bày cho mẹ con em cách sống chứ mẹ con em không biết.” — Địch nó tra mẹ: vợ con ai? Mẹ trả lời hiên ngang: “— Vợ ông Trần Huy Lê”, không sợ chi hết. “— Khai là vợ cán bộ ngoài Bắc, địch nó hành, khổ lắm, nhưng nó cũng chỉ hành một lúc, còn bà con thì quý, con ạ.” Hạnh Nhơn bật lên cười: “— Em lợi dụng anh đó, nhưng bằng cách đó, anh giúp mẹ con em sống, không được rằng? Mẹ lại tụng kinh với ba như rứa.”

Mẹ con về Huế mới biết có mang con. Trong câu chuyện này, có một người vô trách nhiệm. Chính người vô trách nhiệm đó là nguyên nhân của việc Hạnh Nhơn bỏ vùng tự do về Huế. Cho tới lúc chết, cô ta chẳng hé răng nhắc đến tên anh ta nữa. Chính anh ta hủy hoại một đời cô ta. Trong những lý do cô ấy níu vào tên tôi có điều này: chỉ là ảo tưởng đầy thôi, trùng trùng non nước, chắc không còn gặp được nhau đâu. Nhưng tôi bắt gặp tôi cứ nghĩ đến Sang hoài: linh tính tôi, một lần nữa, có lẽ đúng, khi hồ nghi hấn với cái tin thất thiệt của hấn. Với cái tin thất thiệt ấy, hấn không còn chỉ là một người vô trách nhiệm nữa mà là, như người ta thường nói, một đồ đều. Tuy vậy, tôi vẫn còn vương vís rất lâu về quan niệm thông thường về dòng máu và tính hợp pháp.

Trở về nhà khách, tôi lấy một tờ giấy trắng, tóm tắt mọi việc phải giải, 1, 2, 3, như những câu hỏi của một đề toán và tôi ngồi hàng giờ trước một đề toán đó.

Bỗng có tiếng gõ cửa.

Tim tôi đã đập thành thành, khi nghe khách tự giới thiệu là cán bộ phụ trách dân phố khu vực Âm Hồn, thì tôi trở nên như sợ hãi. Sợ, đúng thế: tất cả câu chuyện thật đau đớn mà thật đẹp vừa qua, đấy, sắp tan vỡ như bột xà phòng. Chưa gì cậu đã có ý thức là tình cha con thiêng liêng — mà đó là nhận vơ chứ. Đời luôn luôn dạy cậu là phải thực tế, để đến suốt đời cậu vẫn không tiếp thu nổi bài học ấy. Dừng tai nghe công an người ta nói kia.

Nhưng đồng chí công an là một người Huế trẻ tuổi, rất lịch sự, rất bộc tuệch, ôm chầm lấy hai cánh tay tôi, vẻ rất mừng rỡ, như tôi là người quen:

— Ôi chao, sao nay mới vô? Có lẽ chú bận công tác ở nước ngoài, có lẽ ở

Campuchia, phải không? Tôi trông quá trông chừng: chú thấy đó, nghe tin, tôi đâm bỏ dền ngay? Cả nhân dân khu phố tôi, chiều nay, nhà nào cũng bàn tán về việc ba con cô Hạnh Nhơn tìm thấy nhau. Thật một năm tôi làm công tác không bằng một việc đồng chí vô. Ba bốn năm nay, người ta đánh cuộc với nhau về đồng chí mà, người nói vô, người nói không vô. Bây giờ: “anh em cán bộ mình tốt hí, chung thủy hí, chớ như người trong ngục thì thôi đó, chơi hoa rồi lại phụ hoa liền liền.” Người ta nói rứa đó. Bà Hạnh Nhơn — mẹ tốt lắm, chúng tôi biết bà là cơ sở chưa rõ là cơ sở mô, chỉ mới tìm được một ít việc, chú về sẽ đi sâu làm thêm, rồi ta xin cho bà một cái bằng liệt sĩ. Còn về cô Hạnh Nhơn — con...

Anh hạ thấp giọng, và tôi thấy cả người tôi dán chặt vào môi anh:

— Cô ả không có trong chuyến di tản vừa rồi ở nhà máy đông lạnh là vì còn tin rằng thế nào cũng tìm ra được ba, ba cũng trở về. Không dễ đâu chú: cuộc đời nhiều người ác lắm, bao nhiêu kẻ dèm: “— Mạ mi đó, vào sinh ra tử một thì, nhưng có ai công nhận đâu mà mi chờ?” Cô nói ra một lời thách đố dễ sợ, đến nỗi tôi cũng phát run: “— Cách mạng là ba mình, ba mình là cách mạng, thế nào ba mình cũng vô nếu ba mình còn sống, thế nào cũng vô. Mình không thể, sau khi ông trở về, làm quà cho ông cái tin sét đánh con gái ông đã bỏ nước mà đi.” Mà Hạnh Nhơn đã kể chú nghe chuyện này rồi hả? Không, không, cô ấy chẳng dính líu chút xíu nào vô chuyện này đâu, vì thế mà bọn tôi phải bảo vệ cô ấy hết mức, cô ấy không biết mô!

Quả Hạnh Nhơn đã kể cho tôi nghe, với một giọng bình thản hồn nhiên hết sức, chuyện người ta rủ cô đi di tản ở nhà máy đông lạnh: “— Tôi có gì với anh đâu mà anh bảo tôi đi? Tôi chỉ thương có một người thôi, người đó là ba tôi. Thôi, coi như anh không có nói với tôi chuyện này, nếu anh không nghe lời tôi. Tôi nghĩ ri nè: mình là người trí thức, mình đâu có cần nhiều tiền bạc, mình không biết ra nước ngoài kia là thế giới mênh mông, mình suốt đời không có tổ quốc nữa ư?” Người con trai vẫn ra đi vì sợ đồng bọn giết. Họ đã cướp tàu của nhà máy nhưng đã bị bắt. Tuy vậy, lời thách đố của Hạnh Nhơn mà anh cán bộ công an lặp lại cũng khiến tôi lạnh xương sống.

Thưa các bạn, tôi phải xử sự như thế nào?

Trong đêm, lật sổ tay ra, biết là ở Hà Nội hôm nay vợ tôi trực, nếu không có ca cấp cứu thì với không khí yên tĩnh nơi nhà khách và bệnh viện, chúng tôi có thể nói chuyện cặn kẽ với nhau được. Tôi gọi dây nói cho vợ tôi. Cái tên Hạnh Nhơn thì vợ tôi biết, hai mươi năm hơn chung sống với nhau, chúng tôi rõ về nhau rất tỉ mỉ. Và, cho đến ngày nay, đã là một thầy thuốc đứng tuổi, vợ tôi còn khóc mỗi lần trong khoa có một em bé phải ra đi vì bệnh hiểm nghèo

quá và mình đã hết cách. Cho nên tình huống không thấy trước, liệu trước ở nhà, nhưng vợ tôi đồng ý cách giải quyết của tôi. Đó là người thứ hai sau tôi, thề sống để bụng, chết mang đi câu chuyện này.

Trên sông Hương, nay có một nhà máy đông lạnh mới tinh tươm, trắng xóa, tráng lệ và hiện đại. Đó là một món trang sức mới cách mạng cho thành phố Huế. Nhà máy, với nhiều đội tàu thuyền đánh bắt, với phong trào đánh cá tập đoàn trong nhân dân, nhìn mắt thường cũng thấy được, rầm rập thay đổi cả nhiều cây số dài phía nam dòng Hương. Một dải nước từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân năm nay được mùa tôm, mới sáu tháng đầu năm mà nhà máy đã mua được ngót ba trăm tấn tôm, giống tôm sú một cân bốn con bán ra ngoài một cân mười đô la, và giống tôm rầm nổi tiếng của Huế, cứ mưa gió nước đục là nổi lên. Không khí trong nhà máy phấn khởi và quyết tâm lắm. Người ta tính nữa: nếu một phần tôm đó mà nghiên cứu được sản xuất lớn thành tôm chua, cái món ăn đặc biệt ấy của Huế, đóng thành hộp, và truyền bá cái phong vị ấy của Huế đi khắp nơi trên thế giới thì việc ấy không những đem về được nhiều ngoại tệ mà đáng tự hào cho Huế lắm. Việc ấy lâu nay giao cho kỹ sư Hạnh Nhơn nghiên cứu chính, và hôm nay đem ra báo cáo cuối cùng với toàn thể nhà máy cùng với các đại biểu rất đông các cơ quan tỉnh và thành phố. Từ sáng sớm, Hạnh Nhơn đã đến đón tôi, và cứ như một đứa trẻ: “— Vui hí, ba hí!”

Trong phòng họp, bốn vách treo la liệt sơ đồ đầy những công thức chuyển hóa nào độ pH, pyridin, glutamic..., tôi cũng như nhiều đại biểu trong phòng bỡ ngỡ mãi về một món tôm chua mình đã biết lại có thể phải nghiên cứu cẩn thận, khó khăn và uyên bác đến như thế. “— Cô ấy giỏi! Cô ấy giỏi!” Không đợi Hạnh Nhơn báo cáo hết, nhiều người reo lên khen cô như vậy. Những lời khen nồng nhiệt người ta khen Hạnh Nhơn làm tôi bất giác chảy nước mắt, và khi đại biểu ty Thương nghiệp đứng lên chìa tay ra cho Hạnh Nhơn “Hoan nghênh nhà máy! Chúng tôi xin ký hợp đồng ngay lập tức” thì hai hàng nước mắt của tôi đã ràn xuống má. Hạnh Nhơn chạy đến bên tôi, tỏ vẻ ngạc nhiên sao tôi lại khóc vào một dịp vui như thế, nhưng chắc nó cũng hiểu ngay đó những giọt nước mắt thương nó, nên khóe mắt cháu cũng rom rớm liền. Mọi người trong phòng họp nhìn thấy như vậy đều bất giác đứng dậy và nâng chén nước chè đang uống, giản dị và chân thành chúc mừng hai cha con chúng tôi.

Ngày 1 tháng hai, năm 1981

7 — NHÀ NGƯỜI THỢ GIẶT

I

TRÊN phản, mâm cơm đã bày sẵn. Chánh ngồi chồm hồm, mở lồng bàn, trông thấy các thức ăn nhưng vẫn hỏi:

— Hôm nay có canh cá liệt phải không má? Chẳng đợi mẹ trả lời, Chánh nói luôn:

— Canh cá liệt nấu với cà chua. Lại có cá nục chiên nữa. Má xài sang quá! Trên một mé phản, xếp thành từng chồng, la liệt, các quần áo đã là xong, trắng toát, khen khét mùi hồ chín. Ông Mười, hai tay chập vào nhau, ấn mạnh cái bàn là, kiềng chân lấy sức mạnh toàn thân dí miết cái bàn là nóng trên mặt vải, day qua day lại chỗ là cái túi áo cứ cộm lên. Trong lúc đợi cơm, bà Mười nhặt cái quạt tre, phe phẩy quạt lò lửa than đang nướng mấy cái bàn là. Ăn xong, việc của bà là mang quần áo đã giặt đi trả và lĩnh quần áo bản về.

— Thôi, không cần quạt nữa. Bà xem giùm cái thùng *xíp* sôi chưa. Sôi thì bỏ bột vào.

Bà Mười lấy một thanh củi luôn nhắc nắp thùng *xíp* lên. Hơi nước nóng có pha mùi bột tạt và cái mùi nồng nồng của mồ hôi ở các quần áo bản tỏa ra khắp nhà. Không kịp đây nắp thùng lại, bà Mười hắt hơi một cái to.

— Dạ.

Mặt đỏ bừng, bà đáp, trống không.

Lại hắt hơi luôn một cái nữa, bà lại “dạ”, và nói:

— Ủa, ai nhắc mà nhắc dữ vậy?

Ông Mười đặt cái bàn là lên trên viên gạch để ở mép bàn. Ông lật sắp cái áo đang là ngược lên nhìn vớ rất nhanh rồi lại cúi xuống. Trời bắt đầu đổ tối. Ngọn đèn dầu lửa vàng tù mù làm người ta có cảm giác đêm xuống đã lâu. Ở đám đất hoang trước mặt, cỏ cao lất đầu, bóng chiều đọng lại trong cỏ một thứ cặn. Những con dế, sốt ruột, đua nhau buông những tiếng gáy rì rì kéo dài hòa lẫn với tiếng ve kêu lẩn chót trong các bụi găng rì rào nồng nồng mùi nhựa. Con đường chạy trước nhà đã vắng người đi. Nghè vào lâu rồi. Tốp các chị rồi, quần xắn cao, vai tròn khỏe, gánh những gánh cá nặng trĩu, chân bước thành thịch, chắc hẳn đã lên tới bến xe ngựa đầu ô. Người đi chơi cũng đã về hết. Ngồi ở chỗ Chánh ngồi, có thể thấy một dải bể dài xanh sẫm, đen lại dần dần. Ngoài khơi, chỗ nối liền chân trời với mặt nước, đã nổi lên những đóm lửa câu mực. Ở cái thành phố tiêu thổ kháng chiến và tản cư này, hình ảnh những cuộc chia tay trên bến tập kết, mấy tháng sau, vẫn còn chập chờn.

Đêm tháng chín trở nên lạnh lẽ mau chóng. Trên những nền nhà cũ bằng xi măng, người ta mới dựng lên những túp lều bằng tranh, ở mỗi nhà leo heo một ngọn đèn nhỏ. Giữa hai nhà là hai nửa vườn thường thường tro bụi, ở đây bóng tối tung hoành, lung nhùng loãng như nước mà những căn nhà mỏng mảnh như đang trôi bập bênh. Ngoài tiếng côn trùng, chỉ còn nghe có tiếng sóng ì ầm dội lại từ biển rộng, và tiếng thỉnh thỉnh chầm chầm từ chiếc bàn là bằng sắt mà người thợ giặt chốc chốc lại đập chận lên trên mặt chiếc chần mền.

Ông Mười làm, không nói, mặt dán xuống mặt vải. Hai vợ chồng chỉ mới trở lại nghề này có hơn một tháng thôi mà trông ông Mười làm, bà Mười có cảm giác như ông vẫn đứng như thế, hai mươi năm nay không gián đoạn. Ấy là từ cái ngày hai vợ chồng cùng ba đứa con nhỏ bỏ cái đồn điền cao su ở Dĩ An về, thôi nghề nấu bếp, dành dụm được ít nhiều về quê mở một hiệu giặt là. Từ ấy đến nay, sáu đứa con khác ra đời, đứa chết, đứa hy sinh, đứa đi. Sự túng thiếu nghèo khổ thoát đầu tưởng chỉ ghé qua, đến nằm hằn trong nhà, có khi gây nên bất hòa giữa cha mẹ và con cái. Toàn dân nổi dậy cướp chính quyền, và cuộc kháng chiến xáo trộn hẳn cuộc đời trước kia. Những cuộc tản cư liên miên hết làng này đến làng khác, miếng ăn kiếm bằng đủ mọi nghề, cái cảm giác ngượng ngùng, khổ tâm khi thấy đời sống vất vả không cho mình tham gia bằng như mọi người. Rồi có những đứa con lớn lên. Khác hẳn trước, sống ở đâu đâu nhiều hơn ở nhà, mà lại điều khiển hết mọi việc gia đình, từ việc ở, ăn, cho đến việc học hành của mấy đứa con nhỏ. Những đứa con lớn lên không mang lại được cho nhà thêm một đồng xu nhỏ như những bố mẹ già nghèo thường mong mỏi, nhưng chúng lại vẫn như cái lưng cái vốn của gia đình. Con Bảy đang học lớp tám mừng rú lên khi có tin được chọn ra Bắc học. Thằng Sáu chớm đến tuổi trưởng thành, nhất quyết xin vào bộ đội khi giặc Pháp càng lên thị xã, đi ngay vào chuyến tàu thứ nhất. Thằng Năm đã hy sinh trên một mặt trận phía Nam, mất đứa con đó lòng cha như đánh mất một viên ngọc, nhận được tờ giấy báo tử sò sò ở trên tay rồi, làm lễ truy điệu rồi, mấy năm nay vẫn cứ mong mỏi là không phải. Con Bốn góa chồng, có hai con mọn, lại là cán bộ, chuẩn bị đi chắc chắn và lạnh lẽ, ngày ngày nựng con, ngay trong nhà ông bà ngoại, không giấu giếm nỗi mong ra ngoài kia gặp gia đình bên nội. Thằng Tám là văn công, ra Bắc năm trước, vừa cùng toàn đoàn trở lại phục vụ đồng bào khu Năm, đẹp đẽ, giỏi giang, khác hẳn, mang cái hình ảnh rực rỡ của miền Bắc, làm phấn khởi, xao xuyến, háo hức mọi người ở đây, nhưng cũng lại ra đi rồi. Còn lại Chánh, cái thằng út ít mười một tuổi đầu, ban phụ trách Đoàn văn công quân đội cũng mấy lần đến nài ông bà

cho đi để ra ngoài kia đào tạo. Không, trong những ngày chiến thắng, mọi người đều lấy làm tự hào về những khó khăn, vất vả mình đã trải qua, khó khăn vất vả biến thành niềm vui tất cả. Người ta đánh giá từng gia đình một cách giản đơn, bằng số con cái đi kháng chiến, đi tập kết trong nhà. Chính lòng tự hào đó, niềm vui đó đã làm nhẹ đi rất nhiều nỗi lưu luyến của những buổi chia tay, và làm cho người ta bình tĩnh, thật bình tĩnh khi chia tay rồi, thành phố vội đi. Đáng mừng thật chứ, cho những đứa con: ra ngoài kia, tương lai chúng không cùng! Nhưng các bố mẹ già ở lại, bên cạnh nỗi mừng cho con, cho nhà, vẫn có một chút khổ tâm gì như là ghen tị.

Song anh con trai cả ở lại. Khương vốn ít nói, anh nói đâu có một lần: “Chỉ bộ đội mới phải đi. Còn những người khác không nhất thiết”. Anh chỉ nói thế thôi đấy, nhưng cha mẹ đã lấy làm vững bụng. Bản thân anh không sửa soạn gì cả, không có ý kiến gì thu xếp gia đình, như mọi lần anh đi vắng lâu không về. Ông bà cũng không rõ rồi con sẽ giải quyết đời sống ra sao, nhưng dường như rồi sau đây, lần đầu, Khương sẽ về nhà ở lâu dài cùng cha mẹ. Mỗi lần về nhà, Khương chỉ nói niềm vui về những đứa em: “Ra miền Bắc, sau hai năm về, thằng Sáu sẽ thế này, con Bảy sẽ thế kia, ba má nghĩ coi, nhà mình mà con cái được vậy có kỳ lạ không?” Kỳ lạ chứ, kỳ lạ chứ, không cần ai giảng giải, những người già sống mòn trong cái cảnh khổ nghèo thấy rõ hơn ai hết điều đó. Chính điều đó làm cho họ đủ lòng can đảm trước cái *bóng tối* đang lan dần tới. Suốt một cuộc đời dài đã nhắm mắt cái *bóng tối* ấy, sau tám năm dưới chế độ mình, giờ lại như là lần đầu mới thấy mặt nó. Cũng có những điều muốn hỏi, nhưng Khương ở lại, hỏi con sau cũng không muộn. Bất ngờ một đêm có tiếng đập liếp rất gấp. Khương lách vào, dáng điệu bối rối, xúc động rõ ràng, ôm lấy hai vai mẹ, đặt vào tay mẹ một gói tiền nhỏ, nói hấp tấp: “Lại phải đi. Trên quyết định chiều hôm qua, đi từ sáng giờ mới tới”. Anh vẫn cố mỉm cười: “Tuồng chuyện này, con với ba được làm việc với nhau”. Người xuống bên rầm rập ở ngoài đường. Đã gấp lắm, nhưng Khương thấy dù sao cũng không thể ra đi ngay như vậy. Anh ôm lấy đứa em nhỏ vào lòng, chân chừ mãi, an ủi mãi cha mẹ: “Mười bốn tháng nữa, cũng nhanh thôi”. Gay gắt nhất của nhà trong những năm dài là nuôi không nổi con, bây giờ các em đã ra đi gần hết, vì thế về mặt ấy, anh không ngại cho cha mẹ nhiều. Vả, Khương còn có một cô em gái kè ở lại. Quý cũng thương cha mẹ, lại có đồng ra đồng vào.

Nhưng chính vì vậy mà, giây phút cuối cùng đó, ông Mười có đôi chút không bằng lòng con trai. Ông không bằng lòng con vì anh nói với ông những lời thường tình mọi người vẫn hay nói. Vì anh chỉ thương cha mẹ, mà không

thấy từ đây, ở đây, cụ thể là cha mẹ anh sẽ thay anh trong cuộc đấu tranh. Có một lúc, ông Mười muốn nói với con nhiều điều nữa nhưng không còn đủ thì giờ.

Bà Mười đứng ở lề đường trông tiễn con. Chánh chạy theo anh một quãng xa. Khi lại vạch liếp trở vào nhà, Chánh hơi ngạc nhiên thấy bố còn thức, ngồi yên chỗ cũ. Ông Mười ngừng lên, chăm chăm nhìn đứa con út, giọng hơi vỡ đi:

— Còn Chánh, chừng nào con đi?

Nói gay là cái tật của cha mỗi khi ông mịch lòng. Chánh còn bé, em không hiểu được vì sao cha mịch lòng, nhưng ngay hôm đó, em quyết định ở lại. Đứa bé chẳng nói với ai vì sao. Em cũng không hiểu được cho thật rõ sự thay đổi đột ngột của mình. Ngày ấy và những ngày hôm sau, em cứ chạy ra bãi bể nhìn một cách thèm thuồng các chiếc tàu neo ở ngoài khơi. Cuối cùng, em xin phép lên chơi trên nhà chị Ba, ở Đập Đá, để lại nhà một bức thư lễ phép và vụng về, nhờ bố đưa cho Đoàn văn công quân đội nếu có người đến hỏi. Chị Ba. Trong mọi gia đình, vẫn hay có một người con hướng đi trong đời khác hẳn các anh, em. Có phải người đó thường là con gái lớn không, yên phận, tần tảo, thực tế như mẹ, không có tham vọng gì cao xa. Quý, em kẻ Khương, là một người đàn bà như thế. Đức, chồng chị, mở hiệu ảnh ở Đập Đá. Hòa bình lập lại, phim thuốc mua được dễ hơn, người ở người đi đều cần một chiếc ảnh lưu niệm. Đức làm việc đó gầy rộc đi nhưng chẳng mấy chốc có được một ít tiền. Ông cha vợ xin giúp được một lô đất ở sát ngã tư phố, vốn là một khoảnh nền nhà ngân hàng Pháp — Hoa cũ, Đức gửi tiền về nhờ ông trông nom xây cho một căn nhà gạch: khi việc chuyển quân hoàn thành, hiệu ảnh ở Đập Đá dời về đó. Suốt đời Đức chỉ có một mơ ước: trở nên chủ một hiệu ảnh lớn. Đức bận tíu tít. Biết mình không có đủ tiêu chuẩn đưa cả gia đình ra Bắc, Đức cũng không băn khoăn gì nhiều. “Các em cứ yên tâm mà đi — anh viết cho Bốn, Sáu, Bảy... như vậy. — Ba má sẽ về sống với anh chị, trông nom hàng họ cho anh chị, chẳng phải làm gì đâu. Ông bà đã già rồi, để cho ông bà an dưỡng”. Quý cũng biết ý định của Đức về Chánh. Nó sẽ học nghề và phụ việc ở nhà, rửa, in, chụp — đi học chữ làm gì nữa. Một dự định sắp xếp như vậy, Quý thấy lờ mờ không lấy gì làm hợp lắm với sở thích chung của nhà. Nhưng Quý không dám cưỡng lại ý chồng: từ những ngày cùng khổ đầu kháng chiến, có khi chồng đi trước xách một nồi đồng chè đậu xanh, vợ bung một rổ bát theo sau, lội hết các chợ vùng quê, được như ngày nay, không phải ăn bữa sáng lo bữa chiều, ấy là nhờ lòng kiên nhẫn và tháo vát của Đức cả. Quý vẫn thương anh cả, phục anh, nhưng nhiều lúc nghĩ có lẽ

Khương không thực tế bằng Đức thật. Các thứ vật liệu lúc bấy giờ giá rất rẻ. Với tiền dành dụm được, Đức mua thêm máy chụp, máy phóng, phim, giấy, sắp sẵn mọi việc một cách chắc chắn, có ý định sẽ phân việc nào cho người nào ở trong nhà, sửa soạn để làm ông chủ. Sắp xếp cho bố mẹ vợ, cho em vợ một đời sống phụ thuộc vào anh, vào đời sống sẽ qui mô của anh như vậy, anh tin một cách thành thật là không có con đường nào khác. “Ông bà già cũng đã đến tuổi cần được nghỉ ngơi. Trong nom công việc nhà, chơi với các cháu, thế thôi, các em không phải lo”. Các em vợ nghe lời cắt đặt đó có hơi ngờ vực, nhưng cũng chẳng có cách nào dễ hơn. Vả, phải tạm xa nhau như thế này, ở người đi kẻ ở nào mà chẳng nảy lên thêm ít nhiều dưng cảm và ý muốn đùm bọc thương yêu mới! Ông Mười có vẻ xuôi theo ý kiến đó. Cái nhà lá làm quán bán phở dựng ở lò đất bên cạnh, được giá, ông đã bán đi. Ông bà và Chánh dọn sang ở bên mấy căn nhà gạch mới, đợi hiệu ảnh chuyển về.

Nhưng Khuơng người con trai trưởng vừa ra khỏi nhà, ông Mười liền nói ra điều vẫn nghĩ, làm cho chính Quý ngạc nhiên. Khi thấy bố tỏ ra hiểu tính chất công việc do Đức cắt đặt, Quý phát khóc. Chị phản nản:

— Ba lại trở lại nghề thợ giặt! Anh cả đi rồi, ba muốn làm gì ba làm hay sao?

Ông Mười nhìn con gái không đáp. Quý nhắc lại cho bố nhớ:

— Dưới đó còn hẻo lánh lắm, hai ông bà già tối lửa tắt đèn biết gọi ai! Thời thế bay giờ may ít rủi nhiều! Thằng Chánh thì còn nhỏ.

Quý làm ra mặt giận, xách nón ra xe ngựa trở về Đập Đá. Nhưng chị cũng giao cho Chánh một trăm bạc bảo đưa cho ba để làm vốn.

Không phải chỉ một gia đình ông bà Mười dọn về nữa dưới đường Khải Định. Khu Hai khu Mới, khu Một, những nơi ấy động việc gì xảy ra cũng có người biết, lại gần trụ sở ủy ban quốc tế, người về ở đông. Nhưng bên cạnh lẽ ấy, còn có tiếng gọi của mảnh đất cũ, khu vườn cũ với những kỷ niệm dù thường thường không phải là sung sướng. Những khu vườn bây giờ đen dày những cỏ sắc cao quá thất lưng. Thỉnh thoảng, một dây hoa giấy màu tím bò lên trên một đồng gạch ngói vụn. Những người bỏ thành phố ra đi giờ trở về dựng lại hoặc một túp lều, hoặc vài căn nhà con bằng gạch ngói cũ đào lên từ hầm cát giấu, hoặc từ nhà quê chở về bằng đường sông. Lều tranh hay nhà bằng gạch cũng nhỏ, cũng tồi tàn tạm bợ, thế mà trở về đó, người ta vẫn như nghe thấy một hơi hám nào thân mật và quen thuộc. Những người trở về cắm cây tre dựng túp lều lên trên chính là cái nhà gạch cũ thấy mình thiếu thốn nhiều thứ. Những năm kháng chiến, từ chỗ trong tay không có nghề gì, nay cầm cái này, mai bán cái khác, cho đến lúc dừng lại hẳn trên một mảnh đất tăng gia, đôi

với ai cũng vậy, nghèo là một chuyện thường. Nhưng đó là dưới “chế độ mình”. Còn bây giờ là “chế độ nó” chế độ người bóc lột người đây, chế độ không có quyền không có tiền không được đây, những người đứng tuổi, những người già đã có kinh nghiệm: nghèo là một sự bất trắc vô song. Nhưng cuộc sống những năm qua đã cho người ta một niềm tự hào không thể tắt. Không ai phàn nàn kêu ca gì. Mọi người cố gắng xứng đáng với những đứa con tám năm dài không được ăn bát cơm nóng canh sôt của gia đình, bây giờ vì nhiệm vụ, lại đi ra hẳn ngoài vòng săn sóc viếng thăm của cha mẹ. Các chủ cũ lại trở về các chỗ ở cũ, với một mảnh ba viết bằng mực xạ số nhà ngày trước. Có nhà, lạ thật, vẫn còn giữ được cái bảng chữ số bằng sắt tráng men. Nhà ông Mười số 4. Số 4 như ngày trước. Bên trái số 2, cũng lại cửa hiệu sửa chữa xe đạp của ông Lại. Bên phải, số 6, là nhà ông Lang; ông Lang mang chiếc Đơ la hay tòng tọc đi kháng chiến, giờ lại mang nó trở về thành phố, chở khách đi Hội An khứ hồi, chiếc cam nhông dít vẫn còn cái bình gadôden quay quạt bằng tay. Bên kia đường là dãy nhà số lẻ. Số 1 vẫn là nhà lão Trần Thái: năm trước, Tây đổ bộ lên, lão dắt díu vợ con xuống tàu, bây giờ điềm nhiên lão lại về đó, đang dựng lại cửa hàng đại lý bán sấm sớp, sắp mở lại ga-ra chữa ô tô như ngày trước. Lão mua một cái ghế xích đu, như cái ghế xích đu ấy lão vẫn cất giấu ở đâu tám năm nay, chiều chiều lão nằm tréo mảy, quạt phe phẩy, mắt lim dim, cạnh các đồng cát sạn và vật liệu làm nhà. Nhà số 5, bác Hải, *anhphiécme*, vừa góa chồng, ở Huế vào xây lại nhà, sắp đợi thằng con trai út đổ đóc-tờ ở bên Pháp về mở bệnh viện tại nhà đây. Và nhà số 3 ở trước mặt. Cái nhà số 3! Ba người lớn tản cư ba hướng giờ về nhập làm một, gia nhân còn đông hơn trước nữa kia. Bà mẹ, mẹ Dục, đã già, mặc quần lụa trắng mỏng, diện kiềng vàng, như tám năm qua vẫn khao khát làm bà lớn, ngày hội cư đầu tiên đã thấy ngòai xếp bằng, nhai bồm bồm bên cái coi trà bằng đồng, xuống lệnh cho người nhà muối mắm bán sỉ. Người con trai cả, *Võ Minh Châu*, *l’entrepreneur* như anh ta in trên các giấy hóa đơn, chuyên nghề thâu cơm lính cơm đồn, đi tản cư sống bằng nghề cho vay lấy lãi, buôn lậu, buôn tráo thuốc tây, một đạo bị Chính phủ ta bỏ tù. Đứa con trai đầu của anh ta chán bố — hay vì sao còn chưa có thể biết được — bỏ nhà đi ra Bắc, không phải bằng tàu tập kết mà bằng đường bộ. Đối với tình hình, Châu có vẻ dè dặt. Sang nhà gặp ông Mười đang giặt một tônô lớn quần áo, anh ta nói an ủi: “Thôi, làm ăn cốt qua ngày. Đợi đằng mình về sẽ hay, cậu. Rồi đây nhà cậu không vượt hết mọi nhà sao?” Nhưng mấy hôm nay, Châu lại xin được thâu cơm tù. Nhà lao của đôi phương thiết lập ở cái nhà dài lợp mái tôn vốn là trụ sở uỷ ban quân cảng. Mỗi chiều, mấy người đàn bà gia

đình Châu nấu nướng trên nhà lao kịt gánh những thùng thiếc đầy cơm nguội đỏ, cả nước gạo nữa, về nhà ông chủ thầu.

Khúc đường nhựa trước mặt nhà, những hôm trời nắng, phơi đầy ruốc, chà rinh, cơm cháy. Chị rồi nào đi qua không chịu tránh, mụ Dục ngồi trên phản the the gọi giạt chửi. Như ngày trước.

Võ Minh Sở, em kẻ Châu, bị phung mòn, bàn tay đã cùi hết mấy đốt. Hắn không cầm được đũa, phải ăn cơm bằng thìa. Hủi ăn mòn một gân chân, chân thẳng chân vẹo, hắn đi lạch bạch như vịt. Cũng làm nghề như anh, vào trại lính Tây, mỗi lần về kẹp nách hai viên gạch bọc giấy cẩn thận, y như người ta gói bánh. Thế mà hắn làm được nhà gạch. Nhà đang xây dở thì kháng chiến. Hắn gỡ các vách chở đi. Gộp luôn bàn, tủ, đá hoa, các nhà lảng giềng vắng chủ. Năm ngoái, Tây đổ bộ lên, hắn ló mặt, đưa giấy tờ cũ, xin Tây lại cho thầu thịt. Tây bị đánh phải rút, Sở bị chính quyền ta bắt, nhốt vào khu hủi ở Qui Hòa bên kia đèo. Giờ nó lại về đó.

Lúc nào cũng thấy hắn mặc cái áo xítpenxe đuôi cụt ngắn kỳ cục, tay phe phẩy một ngọn roi gân bò. Mỗi buổi sáng bây giờ hắn còn sai người nhà vào nghĩa địa Tây ở ngay phía sau, gỡ và khênh về những tấm đá mặt bia bằng cẩm thạch. Hắn nói có ý định đi Sài Gòn chữa bệnh, đợi có ít tiền.

Hắn qua nhà, hỏi trích thượng:

— Con cái đi hết rồi hả? Đủ lông đủ cánh, bỏ trơ lại ông già bà già, lại đun đầu vào cái nghiệp cũ!

Đề điểm cho câu nói láo xược ấy, hắn cười hì hì:

— Thôi, cậu mợ cứ chịu khó làm mà sống. Ai như thế nào còn có trời biết. Có gì tui giúp cho. Thời thế cái con chó!

Hắn vung cái roi gân bò đánh “bạch”! một cái vào chân và quay ra. Ông Mười giật run, ngồi xuống phản, bảo vợ:

— Bà phải coi chừng cái thằng đó.

Coi chừng, coi chừng cái gì? Bà mẹ không thể nào thấy được cho thật rõ.

Người đàn bà già ngay thật đó vốn sống bằng lẽ phải, và chiến thắng đã cho bà một suy nghĩ đơn giản: đến thằng Tây ta còn đánh cho phải hàng nữa là!

Những kẻ bên kia là những người có tội, nhưng Chính phủ ta đã khoan hồng: còn không thấy tội ư, không cảm ơn chính phủ khoan hồng ư? Họ không lấy công chuộc tội, đợi bên ta về ư? Họ đại gì! Nhưng ở quãng dưới phố này, trên bề mặt, mọi việc đột ngột lặp lại y như hồi chưa có cách mạng, nên bà cũng hơi ngỡ. Người đàn bà vốn có gì nói nấy đó lần đầu biết cần phải đối xử khác đi với những quen cũ, kín đáo hơn. Hai vợ chồng già trở về sống ru rú với đứa con út trong khu vườn trở nên quá rộng vì mái nhà tranh tạm bợ quá

nhỏ. Ông giặt, bà kéo nước đổ vào tô-nô, cho thêm củi vào bếp đun thùng *xíp*; hoặc ông đứng là, bà ngồi cạnh quạt lửa hay nấu ăn. Chạng vạng, khi đồng quần áo bản tối qua giờ đã lại thoảng cái mùi nửa bùi nửa khét của bột gạo, ông lật quyển sổ con đọc số hàng đã nhận, đọc đến đâu chồng lại từng chồng đến đó, mỗi chồng đánh dấu bằng một mẫu giấy con. Bà lấy một chiếc khăn trắng to, đặt tất cả quần áo giặt là xong đó, gút lại hai gút. Bà nhắc mấy cái bàn là ra dòn lại một chỗ, tưới nước vào cho nguội đi và đặt ấm nước lên trên bếp lửa than vẫn còn hồng. Xong, ông bà và Chánh mới ngồi vào mâm cơm đang chờ sẵn. Cơm xong, bà bảo Chánh:

— Chánh, đi với mẹ, con!

Hôm nào cũng một câu như vậy. Đi trả quần áo đã giặt và lĩnh quần áo bản về là công việc của bà và Chánh. Chánh đi theo để đọc và ghi hộ mẹ. Đêm nào Chánh cũng đi, đêm nào bà mẹ cũng thấy cần phải an ủi con. Nếu có các anh chị nó ở nhà, nó không đến nỗi khổ thế. Nó đang tuổi ăn tuổi chơi. Nhưng, khác hẳn với hai con chị nó, mười hai mười lăm năm trước, Chánh làm việc đó không lấy làm xấu hổ mà lại có vẻ thích thú nữa kia. Đến nhà các khách hàng, Chánh đứng nép bên mẹ, kín đáo nhìn vào mẫu giấy con bố ghim lên mỗi chồng quần áo, thầm đếm lại số quần áo mẹ giao trả, và dõi theo những dòng bút chì các khách hàng ghi vào sổ khi đưa loạt quần áo bản mới. Chẳng mấy ai chú ý đến nó, nhưng khi ra đến ngoài đường, cùng đi với mẹ dưới các bóng đèn nhật đưng đưa của các cây bàng hoặc cây sục sác, thế nào Chánh cũng nói với mẹ một nhận xét ngộ nghĩnh và hai mẹ con nức lên cười.

Tối hôm đó, bà Mười lại hắt hơi một cái nữa và lại “dạ”. Bà gắt lên, sốt ruột:

— Ủa, nhắc gì mà nhắc mãi vậy?

Chánh biết mẹ nghĩ đến ai sau khi hắt hơi, “dạ” và gắt lên trông không như thế. Bà tin như thế là có ai ở xa nhắc tới bà, có việc gì sắp xảy tới, có việc gì phải đề phòng. Nhưng Chánh không trêu mẹ như mọi khi. Chánh còn đang mải đọc nhằm một cách kỳ quặc một bài thơ vốn là bài đọc thuộc lòng ở lớp năm cũ, cứ đọc hai chữ em lại bỏ một chữ. Khi sắp tập kết, mọi người đều quen nghe bài thơ đó nên bà mẹ cũng thuộc. Vì Chánh không trêu như mọi bận nên bà không nghĩ lâu trong năm đưa con và hai đứa cháu ngoại ra đi, đứa nào giờ này nhắc đến mình.

— Chánh, mày đọc cái gì mà lạ thế?

Chánh đang đọc suôn sẻ, bỗng vấp, dừng lại. Em ngược lên, mở to hai mắt hơi xéch — “mắt thẳng anh nó” — hơi nhúu mày một chút nhìn ra xa. Những đóm lửa câu mực giờ đã đỏ đều, sin sít thành một dãy dài, thẳng từ núi

Phương Mai sang Giành Ráng. Cù lao Xanh vốn nằm chính giữa, giờ như chìm đi đâu dưới mặt biển chỉ còn nhô ngọn đèn pha vàng đục, lập lờ.

Chánh bật cười, đáp:

— Thế là con *nên* đi học rồi đây, má.

Độc không xuôi tức là nên đi học. Em đã đem điều vẫn băn khoăn ra bói thử như vậy. Thế là nên đi học. Lần đầu, em nói điều đó để dò ý cha mẹ.

— Ở nhà, con!

Bà liếc nhìn ông. Đi học! Mười mấy năm nay, nhà này khổ vì việc đó, ông Mười nhiều lần nói ra như vậy. Miệng ăn trong nhà ngày càng đông, đứa nào cũng đòi đi học, chẳng đứa nào chịu bỏ ngang kiếm lấy một nghề! Đáng lẽ những đứa lớn, có chữ có nghĩa tạm tạm với người ta rồi nên tự kiếm lấy ăn để cha mẹ nuôi những đứa em nhỏ. Hoặc những đứa lớn nên đồng ý cho những đứa nhỏ hơn đi bán cái bánh cái trái, đỡ cho gia đình được lưng cơm bát gạo! Nhưng ý của ông không được ai theo, cả vào những năm khó khăn nhất, Khương buộc các em phải chăm nón, nuôi gà để học.

Bà Mười liếc nhìn chồng, sợ thay cho Chánh. Nhưng ông Mười có vẻ không để ý.

— Sáng nay, má đi chợ gặp chị Ba mày. Nó bảo mày lên ở với nó cho vui, phụ làm ảnh với anh Ba. Trên đó, công việc nhiều, kiếm người không ra.

Chánh nói:

— Vì vậy mới đi học!

Bà mẹ hiền lành không hiểu tại sao Chánh lại nói *vì vậy*. Bà chỉ ngờ lơ mờ vì Khương có dặn lại, và thằng em cứ một bụng với lũ anh:

— “Họ” dạy toàn chuyện phong kiến đế quốc, học làm gì?

Chánh bật lên một tiếng cười lạnh. Em vừa có vẻ tự tin, vừa khinh miệt cái trường em sẽ đến học.

Ông Mười gấp chiếc áo, dọn chiếc bàn là lần nữa lên các ve áo, một tay đặt chiếc bàn là lên mặt phiến gạch, một tay đặt chiếc áo vào chồng quần áo đã sắp trên mặt phản. Công việc trong ngày, về phần ông, thế là xong.

Ngồi vào mâm, ông mới bảo Chánh:

— Mai, đi xin giấy đi.

Đến lượt Chánh không đáp. Em nghĩ về sự đổi ý đột ngột của cha. Tính tình cha vụt đổi khác. Đối với Chánh, con út, đứa con nhỏ độc nhất ở lại, ông dịu ngọt hơn. Song, tính trầm lặng, ông càng trầm lặng hơn. Việc gì ông cũng có vẻ suy nghĩ nhiều, đắn đo mãi, rồi đột ngột quyết định, có khi trái hẳn với ý nghĩ ban đầu, như về việc học của Chánh. Tại sao ba lại lạ như vậy, bây giờ Chánh hiểu rõ hơn mẹ.

Như việc đã thỏa thuận rồi, bà Mười hỏi chồng:

— Con nó đi học thì việc nhà xếp đặt ra sao, mình?

— Việc gì? — Ông mười vặn.

Chánh trả lời mẹ:

— Như cũ thôi: tôi tôi, con vẫn đi giao quần áo với má.

Ông Mười không nói gì thêm. Nhà bây giờ chỉ có ba người, nhiều việc trở nên đơn giản. Miễn là họ để cho mình sống yên ổn. Ai ai cũng thăm tính như vậy, và ai ai cũng chờ đợi những biến cố đột ngột có thể xảy ra. Cánh cửa lớn và hai cánh cửa sổ phía trước nhà bao giờ cũng đóng kín mít để tránh cặp mắt soi mói của những thằng như thằng Sổ Vẹo. Và để nép nhìn kín đáo sang bên kia, ở đó người ta cũng đang theo dõi mình. Ở cái thành phố này, bây giờ lại trở về gần đông đủ những bộ mặt cũ với chiếc ghế xích đu, cái roi gân bò, những giọng chửi rửa, kẻ cả, bên kia đường, và cửa hàng xe đạp, hiệu thợ giặt, chiếc Đơ La hay tòng tọc bên này đường, nhưng bên trong, sự tình đã khác. Những bức vách, những cánh cửa ván khép kín biết rõ hơn ai hết điều đó. Chưa có việc gì xảy ra ở đây cả, nhưng những điều *họ* đã làm trước khi đến đây, ở Duy Xuyên, Chợ Được, Cây Cốc, Bình Dương, lai lịch những tên nhảy ra làm việc, giọng lưỡi thù hằn và khoác lác chúng dùng khi nhắc đến những người vừa đi với cái nhà lao đầy ắp, (gồm có những ai? chờ từ đâu đến?) buộc ai cũng phải ngò vực và đề phòng. Nắng mùa thu miền Nam màu vàng mật, một chút hơi nước thoáng trong không, sóng biển trở nên ồn ã, phố xá cứ rậm rịch từ lúc màn đêm vào đến lúc lên đèn; tuy vậy, người ta vẫn có linh tính những ngày tới sống chẳng dễ dàng gì.

Bà Mười ngồi vào mâm, kể lại chuyện mới xảy ra ở nhà Quý. Bữa ăn nào cũng vậy, bà mẹ cũng chỉ nói chuyện về đứa con gái lớn.

Hai vợ chồng nó giận nhau vì mình dọn đi, vì thằng Chánh không chịu lên.

Con Ba dẹp cái hàng xén đi rồi. Ngồi hàng xén thì nhà trong chẳng ai viết biên lai. Bọn lính cũng quá lắm. Không có người già, chúng không nể. Thằng Ba nó hờn. Hòa bình rồi, hết khó khăn rồi, ba cần gì bọn nó.

Hết khó khăn rồi! Ông Mười thở ra. Chánh xí một tiếng. Chợt hai cha con giống tai. Chánh vội đặt đĩa xuống mâm, chân quờ quốc. Bà Mười ngăn con lại:

— Biết ai! Để má ra.

Ông Mười đứng dậy, nói độc đoán:

— Để tôi.

Chỉ mỗi việc ra xem ai gọi công bây giờ cũng phải dè chừng, cẩn thận, người này tranh với người kia. Đối với cái gia đình này bây giờ, không còn bà con

thân thuộc nào nữa, người nào đến giờ này cũng là chuyện không tường, và sự có mặt của họ có thể sẽ thay đổi xáo lộn tất cả. Nhưng ông Mười chưa kịp bước xuống hết cái bậc gạch cũ, đã thấy dáng một người con gái hiện ra từ bóng tối. Không đợi người nhà, chị đã lách cánh cửa gai, đi men theo vách nhà, vòng qua cái giếng cũ có thành vôi, bước vào cái sân gạch lồi lõm, đi lồi sau mà vào. Bây giờ chị đã đứng sững dưới cái riềm lợp lá kê, cạnh bếp lửa than vẫn còn hồng, trên đó ấm nước đã bắt đầu reo. Chị mặc một bộ quần áo đen, tóc để xõa, mấy sợi lòa xòa hai bên má, vai đeo thông dọc theo cánh tay phải một chiếc túi vải bằng *xi ta* xám. Ánh lửa hắt lên, rực sáng một cặp mắt mở to, sững sờ và mệt mỏi. Ba người trong nhà ngừng lên nhìn người khách mới đến, chờ đợi đến mấy tích tắc. Và bỗng người con gái vùng chạy đến ôm lấy hai vai bà Mười:

— Má!

II

Bà Mười vuốt tóc người con gái đỡ dành:

— Khương nó đi rồi.

Cô gái vẫn úp mặt vào vai bà, gật đầu, ý đã biết điều đó. Con không liên lạc kịp với anh. Chúng nó vây chặt một phần, gia đình ngăn giữ một phần. Bước đi một bước, mẹ con theo sát một bước. Vả, chẳng có ai đưa đi, chẳng có người quen nào. Chúng nó đã vào tới sông Vệ, lính tráng đầy đường, má tính làm sao cho con đi một mình được! Anh Khương con có đợi con nhiều không hả má? Con vô đây thăm má. Từ nay má nhận con là con dâu, nghe má!

Người con gái nói thỏ thẻ, giọng Đà Nẵng thanh và ấm. Những lời chị nói, nhất là giọng chị nói, làm cho bà mẹ mỉm lòng. Chao ôi, má có đến ba người con gái mà đến bây giờ mới có một đứa gục đầu cách này nói thật như vậy, yên lặng cho má vuốt ve! Hơi thở của chị luồn vào cổ mẹ âm âm, dễ chịu. Bà mẹ ôm siết lại lưng chị, khe khẽ, nước mắt muốn ràn ra.

Ông bó đi lui lại phía đầu hồi giống tai nghe ngóng. Mặc hai người đàn bà với nhau, ông trở ra cái sân gạch vòng qua giếng, ra đứng bên hàng rào nhìn ra. Khi ông đi qua Chánh ngược lên nhìn bờ: nét mặt ông vẫn phẳng lì, chẳng có gì thay đổi. Chánh cầm lấy quyển sổ hàng đã đặt sẵn bên trên cái khăn gói, lên tiếng giục:

— Đi đã, má!

Những ngày sau chót, Khương đâu có ghé về nhà. Bà mẹ không rõ con trai có đợi hay không. Dầu nó có về nhà, nó có đợi, mẹ cũng không biết được: thằng ấy, nó kín lăm. Bây giờ nghe nói mẹ mới hay. Chắc hẳn là nó phải đợi chứ, và thế thì tội nghiệp nó biết bao. Trên ba mươi tuổi đầu rồi, em gái đứa nào

cũng bày con, mà ông anh cả vẫn trơ trọi! Cả đời nó xa nhà, ăn mặn ăn muối, thèm lạt cái gì không ai hay, ốm không ai biết, rét không ai biết. Mấy năm nay, càng bước về già, hai ông bà càng mong mỗi con trai cả lấy vợ. Đã rất lâu, ông Mười không hay nói những điều mình nghĩ riêng với vợ nữa, vậy mà gần đây có lúc ông thổ lộ bật ra lòng mong đợi ngấm ngấm của ông, tuy ông chẳng bàn, chẳng hỏi Khương bao giờ. Còn Khương, anh tuyệt nhiên không nói với bố mẹ việc đó; chuyện tình yêu là chuyện riêng của tuổi trẻ, chỉ có thể nghiêm trang thừa với cha mẹ khi nó chắc chắn đã thành lễ nghi. Mà trong suốt cuộc đời bôn ba của Khương trước đây, yêu thương chưa lần nào bén đến mức lễ nghi cả. Bà mẹ có nghe mấy đứa em gái nói đùa loáng thoáng mỗi lần một khác. Bà mẹ hiền lành chỉ nói với con trai: “Mày kén làm gì kén dữ vậy. Đứa nào làm dâu má cũng được, con. Ba mày không nói nhưng má nóng ruột lắm đó”. Khương đỏ mặt một chút, gượng cười. Những lúc ấy, anh cũng cảm thấy mình có lỗi với cha mẹ. Nhưng anh không nói.

Người con dâu tên là Hảo đến với bà, bỗng làm rõ rệt một ý mong muốn vẫn lẫn khuất trong trí bà từ ngày các con đi, nhà cửa ba mươi năm trời trở nên hiu quạnh. “Giá có vợ con nó ở lại nhà với mẹ!” Câu nói ấy thoáng đi thoáng lại, thâm thì trong tận sâu thẳm lòng mong ước của bà mẹ già. Bỗng mong ước không đâu ấy thành sự thật. Con dâu của má đây đây. Nó cũng xinh, nước da trắng, cũng thùy mị như các con gái khác của má, nhất là cặp mắt sâu và to, sao mà giống thằng Khương! Bà mẹ bắt đầu thương, bắt đầu gần bó, bắt đầu lẫn lộn.

— Đi đã, má.

Chánh lại giục. Muộn rồi thật. Cần giao hàng xong và trở về nhà trước giờ giới nghiêm, tám rưỡi. Bà mẹ đứng dậy, vui vẻ bảo Chánh:

— Cất cái túi cho chị Hai, con.

Hảo cầm tay đưa em nhỏ, cảm thấy sự êm đềm của bàn tay mảnh khảnh và bé bỏng ấy trong tay mình. “Em!” chị nói. Chánh ngược cặp mắt lấp lánh nhìn chị, cười thân mật. Như thường khi có điều mừng rỡ, bà Mười cuống lên. Bà nhắc cái ấm nước sôi đã lâu, xúc đổ một lớp tro mỏng lên mặt than, gấp lại cái chăn trên bàn là, lồng một ngăn cặp lồng đưa cho Chánh cầm, quàng vào vai cái khăn gói đã buộc chặt và bảo Hảo:

— Má đi một chút xíu rồi má về ngay. Kéo đến giờ cấm rồi. Qua phố, má sẽ mua cho con bát mì, bát cháo. Chắc con đã đói lắm. Hãy rửa ráy một chút cho khỏe. Nước đây, con. Ở nhà, nói chuyện với ba.

Và bà mẹ nói chân thật:

— Má mừng lắm con ạ.

Người con gái ngồi trên phản, xoay mình lại. Bà cụ khoác cái tay nải trắng toát to trùm hết cái lưng, cùng em nhỏ lần trong bóng tối. Chị xúc động. Như thế đấy, cảnh nhà từ nay chị đến ở, công việc chị sẽ làm. Chị đã được anh em nói cho biết trước mọi điều. Không gì đáng ngạc nhiên cả.

Khó nhất là câu: “Con là dâu của má đây”. Đối với một người con gái đồng trinh, khó nhất là câu nói đó. Thế mà chị cũng nói được. Khi nói câu đó, lòng chị cảm động một cách thành thật. Chị chưa biết mặt Khương, nhưng tâm sự của chị cũng là như vậy. Trong buổi chia tay, sau buổi đó, ở nhiều người con gái và con trai miền Nam, vẫn lần quất một hồi tiếc bâng khuâng về những cơ hội nào đó đã bị bỏ mất, có thể làm cho đời mình vui hơn. “Con là con dâu của má đây”. Khi nói câu nói không thật đó, Hảo cảm thấy mình rồi sẽ gây nên nhiều điều rất khổ tâm về sau, nhưng đồng thời, chị cũng có cái cảm giác thật lạ. Vì câu nói ấy, chị tất rồi có lần nói trong đời, — một bà mẹ chồng thế nào trong đời rồi chị chẳng có lần tìm đến — hôm nay chị đã nói. Và vì một cái gì còn thiêng liêng hơn, lớn hơn cái mà người ta gọi là tình yêu nữa. Với tất cả tấm tình yêu ước đang rung lên xao động trong lòng, với tất cả phẩm chất và mối nhiệt tình chân thật của người chiến sĩ hoạt động, tuy là người chiến sĩ còn rất nhiều bờ ngõ, lần đầu làm một công tác tương đối quan trọng và ở ngoài địa phương mình. Chị cũng có nghĩ đến Khương, nghĩ nhiều nữa kia. Lý lịch, tính tình, công việc của anh ta, chị đã biết tỉ mỉ hầu như thuộc lòng. Mấy năm nữa anh ấy mới trở về. Lúc anh ấy trở về, không biết mình ở hoàn cảnh nào. Anh ấy sẽ lạ lắm, không hiểu thế nào cả. Nếu anh ấy hiểu thì cũng tha lỗi cho mình. Trong hoàn cảnh từ nay của miền Nam, sẽ còn diễn ra, vì lợi ích của đấu tranh bao điều khó hiểu và kỳ quặc. Trong việc này, giữa anh ấy và mình, mình chịu nhiều hy sinh hơn.

— Đồng chí...

Đang suy nghĩ miên man, Hảo chợt giật mình. Ông Mười mới trở vào nhà, thấy người con gái ngồi thừ ra, bắt đầu xung hô như vậy, cũng chợt lo lắng vì những âm thanh bất giác buột ra ở chính miệng mình. Ông nhìn vội ra cánh cửa ngoài vẫn đóng kín và bắt đầu nói lại, hạ thấp thêm nữa giọng nói vốn đã rất thấp. Ông ghé ngồi xuống bìa phản trước mặt Hảo. Tay cần phải làm một cái gì để giúp trí óc nghĩ, ông tản mẫn mở cái chụp lấy que gạt cái hoa đèn. Đến lúc ấy, ông mới nhất quyết được trong việc gọi người con gái ấy bằng “con”:

— Ba rất sung sướng được có con vào đây ở với ba má.

Ông dừng một lát.

— Có đứa con lớn, nhà cửa cũng đỡ hiu quạnh. Chỉ hiềm nhà ba má nghèo.

Con thấy đó...

Hảo ngược nhìn ông cụ, người đồng chí già hôm nay mình tiếp xúc. “Đồng chí”? Một người cha, một ông cha chồng hiền lành, chất phác. Một đợt đấu tranh bắt đầu. Hai con người, một già một trẻ, vì cuộc đấu tranh, gặp nhau và phải đóng một vở kịch, họ đóng khéo biết bao. Cũng không phải chỉ là kịch, chỉ là công tác. Cô gái không hết bờ ngỡ. Sao tài quá vậy? Như vậy đó, Khương ạ, một người khác anh đã mục kích, và cảm phục cái phút đầu tiên, ông cụ anh trở thành chiến sĩ. Tôi cũng thế. Nếu không có việc gì xảy ra, tôi còn đi học ở trường huyện. Tôi cũng buộc phải trở thành chiến sĩ. Hảo bỗng ngậm ngùi nhớ đến cha đẻ. Ông cụ đây có những nét thật giống với cha mình. Toàn bộ dáng điệu và cử chỉ của ông Mười có cái gì thật thân cận với chị. Tuy mới đến đây chưa đầy nửa tiếng, cô gái đã có cái cảm giác lạ lùng và dễ chịu mình từ lâu là người quen.

Ông mười vắn to ngọn đèn:

— Ba đã tin cho anh em biết rồi.

Hảo giật mình. Bằng cách nào vậy. Bao giờ vậy?

Ông Mười nhếch mép:

— Nhà này có ba người, người nào cũng tin cậy được. Có điều...

Hảo phải cố gắng mới nghe được.

— Có điều... đối với má con, con là con dâu. Nó tên là Khương, con nhớ chứ. Phải làm cho má đình ninh như thế. Điều này là cần. Má con là đàn bà, một bà già...

Hảo chưa kịp đáp, ông cụ đã nói câu sau rồi:

— Thôi, con nằm nghỉ.

Ông chỉ cái chõng:

Con nằm đây.

Cô gái đương cần nằm một lát. Giác quan bốn ngày căng thẳng, chị mỗi một hết sức. Chị nằm xuống chõng. Đêm mới bắt đầu. Hơi mát lạnh của gió biển run rẩy luôn qua cành các cây phi lao còn sót, phả vào trong nhà những thoáng rợn. Trên vạt đất hoang dày đặc bóng tối, cỏ xao từng hồi. Mái lều như cũng rập rờn theo sóng vắng lại từ xa.

Khi cô gái tỉnh dậy, bà mẹ và đứa em trai cũng vừa về.

— Con nó đâu rồi mình?

Nghe ông cụ đáp:

— Để yên cho nó ngủ.

Bà cụ lại nói:

— Hèn nào đang quạt lửa, tôi hắt hơi ba bốn cái liền. Nó có ở luôn với mình

không hả ông? Con nhỏ, tôi mới thấy mặt, bắt thương liền.

Ông Mười quay sang bảo Chánh:

— Nhỏ vào nghiên mực cho tao một giọt nước. Mày hì hà hì học cái gì đó?

Chánh đang băn khoăn trước một tờ giấy rộng trải lên mặt phản.

Em đang viết đơn xin vào học.

Ngày lao động của gia đình người thợ giặt bắt đầu từ tối ngày hôm trước.

Ông Mười thả cái khăn gói đầy quần áo bẩn vợ vừa đem về, xem xét từng chiếc quần chiếc áo, lật các túi mà chủ đã lục rồi, xem vẫn còn sót cái gì có thể làm hỏng cả nồi quần áo không. Quần áo lụa giặt riêng bỏ một bên. Khăn tay, khăn mặt cột nối lại với nhau thành một dây dài. Các ký hiệu trên các cổ áo lưng quần, chữ nào mờ, ông Mười quẹt đầu bút lông lên nghiên tô đậm thêm. Bà Mười xắn tròn hai ống quần, ra giếng khệ nệ xách vào từng gầu nước nặng đổ vào thùng *xíp*. Nước sôi, bà trở lại phản lấy gói bột-tạt vừa mới mua về, bẻ vụn nửa gói bỏ vào nồi. Ông Mười gấp quyển sổ ghi hàng, tắt cả chỗ quần áo bẩn thả vào đó. Bà Mười ngồi canh lửa cho đến khi nồi *xíp* sôi lăn tăn, nước muối và bột bắn trào tóe lên trên ống cù lao. Ông Mười lấy một cái chậu to ngâm các quần áo bằng lụa, lại một chậu nữa để ngâm quần áo của thằng Vẹo (nếu có quần áo của nó). Ông cẩn thận gấp quần áo của thằng phung ấy bằng hai cái que. Rồi ông lấy một cái khóa và một sợi xích to, đẩy nắp và khóa thùng *xíp* lại.

Thường thường, vừa vặn lúc đó, tiếp *xíp-lê* nổi lên inh ỏi ở các phố. Tiếng còi cuông quít kéo dài như người ta đang hót hả rượt bắt sẵn đuổi ai. Tiếng còi thứ nhất vừa dứt, tiếng thứ hai lại rú huyết lên liền. Một chiếc xe bánh xích chạy âm âm qua các phố nghiêng nát các con đường nhựa. Bọn lính đứng trên đe chừng các nhà, thét líu ríu trong cổ họng, thỉnh thoảng quạt vu vơ vào bóng tối một tràng súng máy. Hai ông bà già, nâng hạ vội tám riềm lá kè, thổi phụt ngọn đèn dầu.

Hảo lại rừng mình như những đêm trước trên đường đi ở Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Bồng Sơn. Một đêm nào đó, chiếc xe bánh xích ấy sẽ ngừng ngay lại ngay trước nhà này, rồi nghiêng dè lên hàng rào mà vào: chị sẽ chạy thoát bằng cách nào? Chúng sẽ điệu chị về ngay giữa ngã ba Chợ Bà. Chúng gọi mẹ để chị ra, cho bà tận mắt thấy cảnh chúng khảo chị. Chao, má của con! Trời ơi, đất ơi, con của má. Nhưng bà cụ đã sờ soạn nằm xuống chông bên cạnh chị “Thôi đi, đừng có nhỏ em!” Một giọng nói trong lòng cất lên phản nản như thế. “Cô tưởng cô bé mãi đấy! Bây giờ đến lượt cô lớn lên, đến lượt cô cùng lớp thanh niên như cô, thế hệ mới, đảm nhiệm lấy việc đời, đưa tay ra giữ lấy ngọn cờ, bổ sung vào đội ngũ, thay cho những người vắng mặt.

Nếu cô sợ, sáng sớm ngày mai, cô cúi gằm mặt xuống, xin lỗi, trở về cũng chưa muộn. Cô lại ngồi ở cái giường bán hàng xen trước cửa hiệu trồng răng của ba cô, tiếp tục sống cuộc đời khi trước, nếu có thể gọi như thế là đời! Có cô ngồi đó, bọn lính sẽ đến rất đông ở cửa hiệu của ba cô, đứa nào cũng cần hàm răng bít răng cả, cốt lân la ném thư cho cô thôi mà. Để đến một ngày nào đó, ba cô sẽ nài: “Con ơi, con hãy thương ba má. Con hãy bằng lòng lấy một đứa để nhà ta được yên. Họ phá cái nhà này mất!” Từ ngày chúng nó tập kết đến, gia đình cô trở về thị trấn Chợ Bà. Cũng vẫn là cái nghề cũ trong kháng chiến thôi nhưng sự hoan hỉ thái quá trong nhà về việc mua thạch cao, xi măng, vàng làm răng được dễ dàng hơn, khách hàng đông hơn, công việc làm ăn phát đạt nhanh chóng, sự mừng rỡ đó và bao nhiêu toan tính khác trong nhà, rút cục làm cho cô ngờ ngợ. Vụ Chợ Được xảy ra, mấy ngày mấy đêm, đồng bào người người lớp lớp đấu tranh với Mỹ — Diệm. Chúng nó đến giờ trò giết chóc, khủng bố ngang tàng, mọi người đứng dậy chặn tay chúng lại. Nhà cô sợ “tên bay đạn lạc” dời đi nơi khác! Cô đi theo nhưng trong lòng thấy nhục. Cái điều bỉ ổi một hôm xảy tới. Một tên lính ngụy nhân nhử vút vào trong tay cô một bức thư. Nó gọi cô là “quí nương”: *“Nếu quí nương có lòng đoái thương, tôi nguyện có thể làm hết mọi điều cô sở thích để ái tình của đôi ta được mãi xinh như mộng, quí nương sống trong phú quý giàu sang, gót sen không bao giờ phải lấm bùn”*. Cô trở mặt, bỗng lạnh mình, thấy một cách thật rõ ràng cuộc đời ghê tởm mà nếu buông xuôi, cô sẽ tiến lên tới. Làm sao, làm sao, làm sao? Một buổi trời chập choạng tối, cô ra đi. Cô tạm bỏ tất cả, bỏ cái áo nhung ba cô hứa sẽ mua chuyến đi Huế lần sau, đứa em gái út rất kháu, bà mẹ tóc đã bạc mà cô rất thương. Cô chỉ mặc một bộ quần áo bà ba, cặp một chiếc nón đã xơ, tay không, đi tới với cách mạng. Cách mạng không ở đâu xa, thế là hai thế giới khác hẳn. Các anh các chị ấy, tưởng ai, hóa ra toàn là người trong vùng cả. Họ khen cô có lòng, cô làm đúng, “nhưng nếu còn phân vân, thấy gian khổ quá sức chưa chịu đựng nổi thì tạm thời trở về cũng được”. Tưởng người ta chê bai mình, cô mũi lòng, khăng khăng xin được cùng theo anh chị em.

Một lần nữa, dòng hồi tưởng của cô gái bị cắt đứt. Bà mẹ vừa xoay mình, bỗng khẽ nắm tay chị. Bà nắm nhẹ nhẹ cái lòng bàn tay đó, ngập ngừng một lát, rồi mơn man ngược lên trên cánh tay của cô gái. Trong bóng tối mát lạnh của ban đêm, giữa tiếng rập rình xa xa của sóng biển, bỗng bà áp khẽ mặt bà lên bên mái tóc Hảo. Hảo run lên, toàn thân và tâm hồn kinh ngạc và sùng sốt. Trong một thoáng, chị lại nhầm lẫn: cử chỉ âu yếm của bà mẹ chị mới gặp xao động lại trong tâm tư chị cả quãng đời thơ bé, hình ảnh bà mẹ đẻ của

chị. Tận cùng sự sửng sốt và xúc động, chị cảm thấy bà mẹ khe khẽ lần mò trong đêm tối rồi đeo vào cổ cho chị một cái gì, đúng cái dây chuyền vàng mà chap tối, chị thấy ló ra một chút trên cổ bà.

Sợi dây chuyền vàng, tiền bán lại gian nhà lá và lô đất trên nền nhà ngân hàng đầu phố. Chị mới vừa thấy Hảo, bà liền nghĩ ra rằng món trang sức thật ra là một món tiền tiết kiệm bà đeo trên cổ đây, là bà để dành cho nàng dâu cả của bà: ba má dù nghèo cũng cũng thể không có gì cho con, con dâu của má.

— Tội nghiệp, lặn lội vào đây mà tìm má! Má trông con lắm. Má trông quá trông chừng!

Vừa lúc đó, chiếc xe bánh xích của Diệm ròn qua lượt nữa, sào sạo, ầm ầm với tiếng lên đạn lắc lắc.

III

Suốt đêm hôm đó, ông Mười không ngủ. Lần về thăm nhà ấy, Khương ạ, nếu anh ngồi nán lại nghe ba anh nói rõ những điều ông muốn nói, nếu anh giúp được cho ông cụ một lời, chắc ông không đến nỗi băn khoăn trần trọc quá như vậy những đêm như đêm nay. Đối với lớp trẻ chúng ta khi nói đến khả năng cách mạng của quần chúng, ta thường quên bố mẹ chúng ta. Vả, đối với anh, Khương ạ, vẫn phải nói một điều nữa: “Mười bốn tháng nữa, kể từ chuyến tàu sau rốt, nào có là bao...”. Phải nói rằng nhận thức của anh lúc bấy giờ đơn giản và ngây thơ, có phần mơ hồ.

Lúc bấy giờ, hòa bình vừa lập lại. Khó khăn cũ đã qua. Khó khăn mới chưa tới. Lần đầu được ngồi với con trai trong bầu không khí êm ả, ông Mười muốn tâm sự. Ông nhận thấy rất rõ ràng là bây giờ bà con ở lại phải gánh lấy cái gánh nặng giữ gìn những thành quả đạt được rất khó khăn của cách mạng. Ấy là vào những ngày ngùn ngụt, da diết sau những vụ Chợ Được và Cây Cốc. Lúc bấy giờ, anh không muốn đi ra Bắc, Khương ạ. Ra Bắc, trên đất nước độc lập và hòa bình, chao ôi, tuổi trẻ có thể cất cánh bay lên đến tận đâu, ai nói được cho cùng! Nhưng sao anh vẫn có cái tâm trạng như đi không đành. Anh vừa ở thị xã Công-tum về chưa được bao lâu. Những vết máu ở Tam Hải, ở Chợ Được, ở Cây Cốc... khi “đối phương” chỉ vừa mới đến, những vết máu trên các con đường lấp lánh nắng anh từng đi công tác qua, thuộc từng chặng như muốn ghì chân anh lại. Anh tưởng mình được ở lại. Mọi việc trong những ngày ấy còn dự định, còn xếp đặt như vậy, nên anh không suy nghĩ thêm, không chú ý nhiều về những lời ba anh nói.

— Anh em có bàn công việc với ba...

Không, bây giờ xa rồi, Khương không thể nào nhớ ra được đoạn sau câu ba

anh nói. Anh chẳng chú ý nhiều. Anh cho là còn nhiều dịp khác, về sau anh sẽ chú ý. Anh còn mãi ngừng lại lắng nghe tiếng rì rào quen thuộc và màu nắng vàng tươi mát và chào mời, luôn luôn chuyển động, của vùng biển quê hương. Nếu anh có chú ý, Khương ạ, ông cụ anh tất đã làm được dễ dàng hơn một số việc thật là cực nhọc khi tổ chức lại cuộc đời. Không phải bố mẹ anh khi cần phải sinh nhai thường thường bị hút vì những cách làm dễ dãi của cuộc đời “hạ tiện” cũ đâu. Trước khi “khai trương”, phải đi chào hàng lấy khách, ông cụ đã suy nghĩ mãi nên đi chào ai và không nên đi chào ai. Quần áo của lũ Trần Thái và Vẹo, ông ghét lắm, nhưng không nhận không được. Mình đi kháng chiến tám năm trời không phải để bây giờ đi giặt quần áo cho cái ngũ ấy. Công việc đã bắt tay vào, nghĩ đến đó, ông lại muốn bỏ. Nhưng cuộc đời mình sống bây giờ, có còn đâu chỉ là mình sống cho chính mình, làm cho mình mình. “Anh em có bàn công việc với ba...”. Khương ơi, lời ấy của cha anh vốn có cái nghĩa tâm sự như thế.

Khi tiếng còi giới nghiêm hét lên như ngựa rượt ở các phố, ngọn đèn dầu lửa độc nhất trong nhà đã phải tắt phụt đi, bếp nấu quần áo cũng phải phủ đi bằng mấy xẻng tro, hai cha con cùng sờ soạng tìm đến nằm xuống trên cái phản ở ngoài nhà. Chánh bắt đầu thăm thì, tỉ mẩn kể cho bố nghe những điều đáng chú ý em vừa thấy ở các nhà.

Nhà Châu có tải về một thùng tộ sành. Người ở nhà ông ta vẫn còn phàn nàn là chưa đủ, *cả phạm cả lĩnh những một trăm hai mà chỉ có trăm cái tộ*. Còn bác Hải, mấy hôm nay chẳng thấy về đâu. Trong túi cái áo ngũ của anh Cầu có mẫu giấy nhỏ viết bút chì, ba tìm thấy chưa?...

Thốt nhiên, ông Mười khẽ bấm con một cái. Chánh nín bật, hai cha con cùng lắng nghe. Trời làm động, rung bác hay sao, phía Gành có những dây sấm nhỏ. Một cơn gió nổi quạt lên đám cỏ cao trên khoảnh đất hoang. Mấy trái phượng rơi vỡ với một tiếng “tách” khô khan và lê đi trên mặt đường nhựa. “Không — hai cha con cùng nghĩ thầm — không phải tiếng chân người đi vào trong sân”. Không có gì kể với cha nữa, Chánh dần dần ngủ thiếp. Ông già một mình nằm ôn lại những việc xảy ra từ chập tối. Khương ạ, mẹ mày thèm dâu con như thế đó! Mới nghe nói, tưởng thật, vồ lấy ngay người ta. Thật tội nghiệp, một mai bà già biết ra là không phải, bà chẳng sống được đâu. Nhưng muốn cho Hảo trú ngụ được yên ổn ở nhà này, trước hết, phải làm cho bà già tin.

Hơi thở âm ẩm của đứa con trai út phả vào mặt ông Mười. Những lúc ở nhà một mình với cha, Chánh hay khúc khích cười trộm mẹ vì nổi mẹ ngây thơ, và có hơi lắm cảm. Ông cha và đứa con trai sống với nhau, cảm thấy dễ chịu

trong một công tác bí mật, một già, một trẻ lần đầu tiên thấy mình được làm, và làm một việc quan trọng, lần đầu tiên được góp phần cụ thể vào công việc chung, được thay thế những người đi vắng và sắp sẵn để mặt đối mặt với quân thù. Không phải ông Mười không lo sợ cho con. Nhưng nào có cách nào khác? Chánh làm tròn công việc giao cho một cách khôn ngoan và dễ dàng: việc của em là làm sợi dây liên lạc giữa bố em và anh Cầu ở đầu phố, với những mẩu giấy nhàu nhỏ, “bỏ quên” trong các áo quần lính về hay mang giả. Cùng với việc ấy, em phải để ý xem xét mọi việc ở các nhà em cùng mẹ đến. Với những điều con kể, ông Mười ráp lại, dần dần vẽ lại được một bức tranh chung về hoạt động trong thành phố. Những đứa có oán với kháng chiến đã trở về, thôi cái rứt rứt lúc ban đầu, nay đã ra miệng chế giễu mọi người. Những đứa bụng dạ muốn đổi thay từ lâu nay cũng dần dần rõ mặt. Cũng có nhiều người co lại, lo lắng một điều gì không rõ, sắp xảy tới. Ngày đêm họ ru rú ở trong nhà. Trên các đường phố mà bụi cây đâm cỏ um tùm vẫn còn nhiều hơn nhà cửa và những con người, kinh nghiệm cho họ biết thủ đoạn thông thường của “đối phương”: sau khi “thân ái” chào vẫy, ấn vào tay người ta một lá cờ ba que, chúng mở một cuộc “cứu tế” tuyên bố mở lại trường, hiểu dụ cất nhắc người vào các cơ quan, khi không còn một danh từ đường mật nào là không được dùng nữa, ấy là lúc sự khủng bố trả thù bắt đầu. Những chiếc xe bọc kín chập choạng tối mới vào thành phố, chạy luôn vào trong nhà lao rồi trở ra ngay. Lại trở ra thành phố, là những chiếc xe gì? *“Nhà Châu vừa thấy tải về một thùng tộ sành. Người ở nhà ông ta vẫn còn phàn nàn là chưa đủ. Cả phạm cả lính những một trăm hai mà chỉ có trăm cái tộ”*. Số phạm nhân tăng lên, số phạm nhân ấy từ đâu tới? Số đồng bào các xe bọc kín chở tới lần sau cùng có phải là những đồng bào trong cuộc đấu tranh ở Duy Xuyên, chúng nó mang về giam ở Hội An, rồi lại tráo trở chở đi nơi khác cho phi tang không? Có phải là số đồng bào mà anh em Duy Xuyên, mà Hảo đang đi tìm để bảo vệ tính mạng cho họ, và lấy chứng cứ để tố cáo bọn Mỹ—Diệt ra trước Ủy ban quốc tế và dư luận hay không? Trong bóng tối của sự xảo trá, kẻ thù vẫn làm cái việc thường ngày của nó, tâm địa chẳng dui đi, chẳng đổi thay một chút nào. Những sự điều động rậm rịch xê dịch những len lét thì thảo chỉ trở ở các đám đông, nhất là giọng dọa dẫm láo xược thù hằn và rất đổi “anh chị”, tất cả những cái đó chẳng hứa trước một điều gì tốt đẹp.

Bỗng ông Mười lặng người đi: giữa hai ngọn gió xao lên những ngọn cỏ và tiếng côn trùng ở bên ngoài, ông vừa nghe có tiếng động khẽ: lẹp... quệp rồi lẹp... quệp. Đúng là có tiếng chân người. Người ấy đứng đây, ngay cạnh đầu

phản ông nằm đây, chỉ cách có một tấm riềm lợp lá kè. Yên lặng đến nghe được tiếng thở phì phò của hắt. Yên lặng đến nghe được tiếng đập thành thịch của quả tim mình. Và nghe tiếng nước trong cái thùng xíp ở bên ngoài chốc chốc lại trào lên lục rục. Chúng nó dò, vẫn dò mình đêm đêm, rõ ràng là như vậy. Thế đây, cuộc sống đâu có dễ dàng. Cuộc đấu tranh đâu có dễ dàng. Lẹp... quệp, lẹp... quệp, tiếng chân rón rén nhẹ nhẹ quay ra, thành thuộc, chẳng phải dò dẫm lẫn mò gì. Lẹp... quệp: tiếng chân thọt, không những thọt mà... vẹo!

— Dậy, bà!

Gà gáy canh Năm. Một cánh cửa sổ đẩy mạnh va vào vách đánh “cạch!” một tiếng khô khan ở nhà ông Lang, vườn bên cạnh. Có lẽ Vẹo nó cũng vào đây. Hôm nay ông Lang nghỉ xe, vì là ngày họp “liên gia”. Chẳng nghe tiếng xôn xao của hành khách, tiếng người lái xe và người phụ sửa soạn dụng cụ lục cục lác cạc xếp buộc hành lý như mọi khi.

Bà Mười trời dậy, nói ngay: “Chống riềm lên giùm mình!”. Và bà đến góc nhà, lấy gàu đi ra giếng. Bà sẽ xách đầy hai thùng tô nô nước trong lúc ông đốt lại cái lò than, đun ấm nước, uống xong cốc nước chè đặc thường lệ. Rồi ông tháo xích, mở nắp nồi *xíp*, vớt quần áo đã luộc ra. Hơi nóng trong nồi bốc lên ấm và nồng tỏa khắp một góc khu vườn nhỏ. Quần áo vớt ra chất đầy mấy cái chậu to. Ông Mười sẽ đứng giặt một mình cho đến lúc mặt trời lên độ hai con sào, bắt đầu xả nước lã. Bà nấu cháo sáng, quét dọn xong, giúp ông vắt các thứ mần và chần to.

— Cho con làm với!

Hảo trời dậy theo bà mẹ. Giấc ngủ tuy ngắn nhưng làm cho chị bình tĩnh và lạnh lợi hơn. Chị búi lại mớ tóc xoắn, thay một cái áo cánh vải đen. Công việc lao động ở nhà này chẳng lấy gì làm khó, nhưng tốt nhất là phải cẩn thận. Và, chị thấy trước rất cụ thể, như chị đã thấy nhiều lần rồi, những việc thế nào cũng xảy ra cho cái thành phố này, và điều đó làm cho chị trở nên dửng dưng cảm và nhẫn nhục. Chị lại cố mím môi, khi thay áo, cảm thấy cái khoan khoái của một người bước vào một đời mới. Và biết mình đã vượt qua nỗi bờ ngỡ ban đầu.

Ông cụ ngăn chị lại ở ngạch cửa xuống nhà dưới:

— Khương đây.

Ông cụ đưa cho chị một chiếc ảnh cỡ bưu thiếp. Người con gái cầm lấy đưa chiếc ảnh vào sát ảnh đèn. Chị hơi giật mình nhìn thấy mặt người trong ảnh. Như ta hay sững sốt, buổi ban đầu khi ta gặp người mà ta biết trước có để ý đến ta, có yêu ta. Chị lại mỉm cười nữa rồi bỏ vội chiếc ảnh vào trong túi.

IV

Người con gái bắt đầu mó tay vào chậu thau quần áo bẩn vừa vớt ở thùng *xíp* ra và vặn lại thành từng lọn còn ẩm và nồng mùi bột tạt. Chị cúi xuống nhặt lấy một lọn rồi đứng vào chiếc bàn giặt trước mặt “cha chồng”. Chị bắt đầu trải chiếc áo ra thì ông Mười bắt giặc có một cử chỉ như muốn ngăn chị lại. Nhưng vừa rẩy mạnh bàn tay cho bột xà phòng rơi xuống đất, ngoẹo đầu sang một bên vai để lau mặt, ông cũng vừa nhận thấy tường tận khuôn mặt trắng hồng của Hảo dưới ánh sáng ban ngày. Người con gái có vẻ cam chịu, đúng hơn, bình tĩnh và thản nhiên với công việc mới, với nhiệm vụ của mình. Chị trải cái áo ra, cầm lấy cục xà phòng xát, rồi lại chải bằng cái bàn chải rẽ tre. Cử chỉ chắc chắn, không chút ngợ ngàng. Chị có vẻ thành thạo, quen thuộc công việc, như người con dâu thực trong nhà vẫn giúp bố chồng một bàn tay đắc lực. Cái áo của con đang làm đầy là của lão Trần Thái. Nói cho thực ra, nó là một thằng Việt gian. Mồ hôi của nó đầy, của cái giống ấy đầy, con xem... Thoạt tiên, ba không muốn cho con làm là vì thế. Bàn tay đàn bà con gái, hãy để mà giặt giữ cho chồng cho con.

Chỉ nghĩ thầm mà ông Mười có cảm giác như mình đã nói. Và thấy như nhẹ đi nỗi cô độc vẫn đè nặng lên hai vai. Và như thế đấy mà, Khương a, một người con gái hai mươi tuổi đến nương nấu ở gia đình anh năm bữa nửa tháng, cũng có thể chỉ là đôi ba ngày, dần dần biết rõ hơn hết thấy mọi người khác, hết thấy mọi người đàn bà khác, về anh. Có thể là trong cuộc chiến khốc liệt ở miền Nam, một ngày nào đó, chị sẽ sa vào cạm bẫy của quân thù Mỹ — Diệm và ngã xuống. Sau này, khi đất nước được thống nhất, anh trở về nhà, cha mẹ già anh và thằng em nhỏ của anh bây giờ đã lớn sẽ kể lại cho anh nghe chuyện chị Hảo nào đó, và câu chuyện ấy có thể làm cho anh nghĩ ngợi, băn khoăn, lướt qua trăm nghìn câu chuyện éo le, kỳ lạ khác của gia đình như một ánh sao băng vùn qua bầu trời một vệt sáng. Cũng có thể là Mỹ — Diệm không làm thế nào mà động vào người, mà ám hại chị được, vì chị trẻ và khỏe, và dần dần sẽ trở nên một chiến sĩ dạn dày, hay trở nên một bậc anh hùng, ai biết. Chị sẽ điềm nhiên, thẳng thắn tìm đến gặp anh và kể cho anh nghe, với một mối thương yêu lẫn hàm ơn trong giọng nói làm cho chính anh cũng ngỡ ngàng, rằng cha mẹ già anh đã sống như thế nào, đi tới với cách mạng như thế nào, hằng ngày trông ngóng anh và chết anh dừng như thế nào. Tất nhiên là chị sẽ không hé răng nói nửa lời về mối tình kỳ lạ của chị đối với anh bây giờ mới được gặp, nhưng mà như thế đấy, trong đời anh, đó là người con gái đầu tiên suy nghĩ nhiều về anh...

Cô gái dần dần biết hết từng chặng đời tuổi trẻ của Khương, anh ưa ai, không

ura ai ở trong nhà, quý riêng đưa em nào, tính anh làm lì ít nói, ngay thật song không thực tế, ba mươi tuổi đầu rồi mà đôi việc còn chứng tỏ chưa thật là chín chắn. Anh sống lúc nào cũng có vẻ vất vả, không được sung sướng. Với những lời tỉ mỉ của bà mẹ, người con gái ấy có biết thêm cả những điều lật vạt chẳng hạn như “tặng người anh vốn *háo*, mâm cơm cho anh thế nào cũng phải có canh, anh thích nhất canh dưa hay canh dưa hồng, hôm nào không có canh, mẹ phải thay vào một cốc nước đun sôi để nguội.

Người cha đi thẳng vào việc:

Chỉ có thể thôi ư?

— Ba cho là dễ à?

— Anh em tính trước rằng con có thể cày cục cho được vào làm trong nhà lao. Phải mất đến hàng tháng; nhưng không biết có thật có số bà con ấy ở đây không?

— Chỉ biết *nó* có chở người ở nơi khác tới. Có lẽ không cầu xin vào làm trong nhà lao đâu. Có cái nhà bên kia kia.

Hảo kinh ngạc vụt ngoảnh nhìn ra ngoài đường, chỉ nghe sào sạo đều đều tiếng bàn tay gọt vải. Bọt xà phòng trắng xóa ùn lên từng đụn cao rồi vỡ đi thành một dòng nước nhỏ chảy xuống mép bàn. Nhà mụ Dục bên kia đã chống rèm lên. Bọn người nhà, quần xắn lên tận nửa bắp đùi nâu lóng và lực lưỡng, bặm miệng khệ nệ khênh từng nia chà-rinh lớn ra đổ và rải ra trên mặt đường nhựa. Gió bỗng chốc toát lên một mùi hăng mặn. Một người đàn ông cao lêu khêu hơi khòm, ở đâu vừa đi vào. Ông Mười thăm thì:

— Người đó tên là Châu. Nhà bên đó.

Và bỗng nhiên, ông nói hấp tấp:

— *Nhà Châu vừa thấy tải về một thùng tộ sành. Người ở nhà ông ta vẫn còn phàn nàn là chưa đủ. Cả phạm cả lính những một trăm hai mà chỉ có trăm cái tộ.*

Y nguyên những lời Chánh kể lại cho bố nghe. Không, không phải là ông nói với Hảo đâu. Tất cả mối lo nghĩ, mối băn khoăn, mối hồi hộp của ông từ đêm qua đến giờ vẫn luẩn quẩn ở điều Chánh kể ấy.

Ý chừng Châu vừa đi chợ về. Hấn đi vào trong nhà, tay còn cầm một cuộn sớ dài cuộn tròn và một cây bút chì. Một lát mới thấy hai chị đàn bà gánh hai gánh rau lớn đi theo sau hấn. Hai chị đàn bà đặt hai gánh rau trước cửa rồi đi người không vào lối cổng nách. Sáng nào cũng vậy, Châu dậy đi mua bán sớm. Hấn ra cửa ô đón mua rau. Rau luộc dậy đi mua bán sớm. Hấn ra cửa ô đón mua rau. Rau luộc, chà-rinh kho khô: đó là bữa ăn muôn đời của tù nhân. Mắt ông Mười sáng lên khi trông thấy cuộn sớ trong tay Châu. Rồi khi hấn đã

đi khuất, trán ông lập tức hằn lên mấy nếp răn:

— Chính cuốn sổ ấy hay là cuốn sổ khác. Thế nào Châu chẳng có một cuốn sổ chấm com, có đủ tên tù nhân. Kẻ địch chẳng nghĩ đến sơ xuất ấy đâu. Có thể lại dễ thôi.

Ông Mười nói bật ra câu cuối cùng đó.

Hảo mừng rồi:

— Ba định xin cho con sang làm bên nhà hấn?

— Cũng còn khó.

— Tại sao?

— Vì con là dâu của ba.

Chợt, ông nói:

— Riêng thằng cha đó có một đứa con. Không hiểu sao nó lại cho thằng con đó vượt tuyển ra Bắc học. Để ba còn nghĩ xem có cách nào khác không?

Vừa lúc đó có tiếng bà Mười từ trong sân trong:

— Minh vô đây tui nhờ một chút:

Ông Mười gạt tất cả bột xà phòng trên bàn xuống mặt đất, nhúng hai tay vào tô nô nước sạch, vừa chặc lưỡi và nói tiếp:

— Nó đã bắt tay vào hãm hại bà con. Tưởng nó còn chân chừ, không ngờ nó làm ngay. Nếu ba biết trước con vào thì việc con dễ như không, chẳng phải vất vả như vậy, đáng tiếc...

Khuong ơi, ở cái thành phố này, ở con đường này, những sự việc tưởng đã chết đi hàng chục năm nay lại sống trở lại. Sổ Vẹo lại mặc cái áo xít pen xe đũi kỳ cục ấy, cầm chiếc roi gân bò kỳ cục ấy, ngang nhiên huýt huýt quẹt quẹt thét bảo đầy tớ khiêng các tấm mộ chí ở nghĩa địa Tây về nhà mình. Lão Trần Thái vắt vèo trên chiếc ghế xích đu có đũa đứng canh quạt hần, mụ Dục nhai trầu bồm bồm và cả bà Hải anh-phiếc-me tương đối vô sự, họ lại về đây, cho mình là quyền quý và ngang nhiên gọi cha mẹ anh là “*mầy*”, thân tình một cách kẻ cả. Bà mẹ anh từ sáng đưa Chánh tới trường, gãi đầu gãi tai “*con không dám nào thưa ông...*” mãi, lão tổng giám thị khinh khỉnh mới thôi lắc đầu. Y hết cảnh hai mươi năm trước, mỗi lần anh ôm, hay vờ ôm, mẹ cầm lá đơn cuộn tròn lên hần xin cho anh nghỉ.

Cho nên Khuong ạ, ở cổng trường ra, khi lão cai trường mặc cái áo bành tô vàng đã đưa Chánh vào lớp, bà Mười đi thẳng ra chợ và y hết hai mươi năm trước những khi anh ôm dậy, để tạ ơn thần phật — bà lại mua một bộ *thủ vĩ* lược, về nhà se sẽ vào trong sân, đặt tất cả lên chiếc mâm đồng và phủ lên trên bằng một lá mớ sa rất lớn. Tính bà mẹ như thế đấy: không thể để mọi sự việc lớn vui buồn ở trong nhà đi qua lặng lẽ mà không làm một cái gì. Nhất là

những việc có dính dáng đến đứa con trai cả của bà, bà cứng nhất.

Ngay đến ông Mười cũng đột ngột gần như kinh dị lúc trong thấy mâm *thủ vĩ*. Nhưng rồi hiểu ra ngay, ông chỉ phàn nàn:

— Bà hay bày đặt!

Hảo ngừng lên nhìn vào phía trong sân, thấy mâm cúng, mang máng việc ấy có dính dáng đến mình. Má cúng đề cầu cho mình được bình yên đây: chị liên thấy hơi cay cay ở mắt, ngừng lên nhìn mãi. Từ tối hôm qua đến ở nhà này, càng lúc chị càng nhận ra rằng sự việc diễn biến thực tế không đơn giản như mình tưởng tượng trước khi bắt đầu nhận nhiệm vụ, ra đi. Mỗi lúc chị càng thấy đi sâu thêm vào gia đình này, vào quả tim của bà mẹ kia khó lòng rút ra nổi. Đang lúc bồi hồi như vậy thì xảy ra một việc.

Có một người rất gầy, mặt nhọn, vừa dựa xe đạp ở ngoài cổng. Rồi một chiếc xe kéo sơn đen gọng đồng, có một người bụng ống điều bịt bạc chạy liên sau, đổ xuống ngay trước cửa. Trên xe bước xuống một lão già, hai ria đen, cằm cao nhẵn, mặc áo sa đen, đi *giày hạ*, ở trên xe bước xuống cùng đi vào với người gầy mặt nhọn. Người gầy mặt nhọn đằng hắng một tiếng, đang định bước lên thềm gọi mở cửa trước thì nhác thấy Hảo. Hai người liền đi thẳng đến chỗ người con gái đang giặt. Hảo rùng mình. Linh tính báo trước cho chị họ đến đây là vì chị, có chuyện không hay rồi. “Chắc để bắt mình. Chúng nó biết rồi! Đứa nào báo? Người phụ xe, hay một tên điệp nào đó ở trong xe?” Trong một thoáng, chị lại nghĩ đến khoảng ngã ba chợ Bà, cảnh bọn Mỹ — Diệm thúc lưỡi lê đẩy chị lên bục.

Nhưng mà chúng nó đi lâu quá! Từ cổng vào đến giếng và chỗ kê bàn giặt chỉ chừng năm sáu chục thước, nhưng tên già mặc áo sa đen cứ lạch bạch từng bước một. Còn cái tên mặt gầy thì cứ vênh lên nhìn lão liên và cười tùm.

Bỗng nhiên, Hảo lộn mửa! Kẻ thù đấy! Chúng nó đấy! Hay là những tay sai của chúng nó đấy! Những thứ rác rưởi, những đứa đào ngũ, những đứa được tha tội chết ngày hôm qua. Chúng là phi nghĩa, là bóng tối. Còn mình, mình là chính nghĩa, là ánh sáng, mình lại run lên trước mặt chúng nó ư?

Mình tình nguyện tham gia công tác cách mạng nhưng với điều kiện là phải nấp dưới cánh của đồng chí, không bao giờ dám mặt đối mặt với kẻ địch ư? Chúng nó đã đối xử với đồng bào mình như thế nào, với anh em mình như thế nào? Hàng chục người bị mổ bụng, bị cột đá nhận chìm đến thân thể sinh thối ở dưới đập, hàng trăm anh em bị tra tấn giam cầm, bị chết trong ngục. Hàng trăm anh em khác, để hòng trốn khỏi sự đấu tranh của nhân dân, chúng nó chở đi, phân tán đi đâu không biết... Và rồi còn một nửa chiếc khăn tay của Lịch... Khi bị bắt giải đi một giờ trước khi bị hãm hại, Lịch còn xé gửi lại

cho chị, người bạn thân nhất trong những ngày gian khổ, một nửa chiếc khăn tay của mình... Và nửa chiếc khăn tay ấy vẫn còn kia, ở trong túi vải kia...

Không! Người con gái ngừng phất lên, vì cố gắng để can đảm, để xứng đáng, rồi vì khinh bỉ, vì căm giận. Và vì hai thằng cứ lạch bạch lâu quá, nên từ sợ đến trấn tĩnh, đến thản nhiên, tâm trạng chị có thì giờ đứng dậy.

Lão già hỏi, giọng lè nhè kẻ cả, nhìn chị từ đầu xuống chân, lại từ chân lên đầu rồi ngoái nhìn vào trong nhà:

— Á à! *Chị đó!* Vợ chồng Mười đâu rồi?

— Dạ, hai bác vô chơi. *Ba má* cháu kia. Hảo đáp lại, bình tĩnh rành rọt.

Nghe người con gái xưng hô, lão già toan bước đi liền quay lại:

— Chị là con gái vợ chồng Mười à? Con Vinh hay con Quý mà tôi không biết?

Hảo bẽn lèn khôn khéo:

— Dạ, không phải. Cháu tên là Hảo.

Lão già nhú mày:

— Hảo nào?

Tức thì người cầm nhon nghiêm sắc mặt:

— Chị vô trong nhà chúng tôi có chuyện nói một chút!

— Bẩm ông. Chào ông tới chơi.

— Ông.

Thấy Trần Thại và người lạ mặt vào, vợ chồng ông Mười cố nén bối rối, nói khúm núm:

— Ồi! Trần Thại đáp, trịch thượng, hai tay cứ chấp đít, chân *giày hạ* ung dung đặt lên bậc cấp bước vào trong nhà và đi thẳng lên nhà trên. Không đợi ai mời, lão kéo ghế ngồi:

— Cha, cụng té gì mà *thủ vĩ* đó?

Hảo khoa tay vào trong tô-nô rửa tay. Chị thản nhiên đi theo chúng, bước lên nhà trên, đứng bên vách, đối diện với Trần Thại. Tên mặt nhon ngồi trước mặt lão, các ngón tay gõ nhịp hòm hóp lên mặt bàn. Để giấu nỗi bối rối của mình, ông Mười giục vợ pha nước. Sực nhớ, Hảo quay lại, nhắc ấm nước sôi còn bắc trên lò. Nhưng bà mẹ liền giằng lấy. Bà vội vàng rót nước cho hai người khách, đặt ấm nước xuống chân bàn, rồi lại đến đứng bên Hảo, người như che lấy Hảo. Lần đầu tiên, bà thấy tường mặt một sự chẳng lành. Hảo nhích ra, bà nhích ra. Hảo dịch vào, bà dịch vào. Giống hết một con gà mái mẹ thoáng thấy bóng điều hâu xòe cánh, kiên quyết bảo vệ con. Bà mẹ bắt đầu nói, giọng như rên, cướp lời chồng:

— Dạ, cụng té gì đâu. Nhân có con nhỏ, vợ thằng Khương, ở Quảng Nam vô

được để gặp thăm chồng nó thì chồng nó đi tập kết mất rồi. Nó mới vô xẩm tối hôm qua nên tôi cũng chưa kịp có chén trà đĩa cau gì đến trình ông, trình hội đồng. Đạn lạc tên bay, thời buổi này vào được đến đây là mừng lắm. Sắm mâm cơm cúng âm hồn phù hộ cho con lớn con nhỏ...

Trần Thái vuốt ria mép, cười ngất.

— Ý nó muốn nói “âm hồn” là những người như tôi với thầy đó!

Và ra về thành thạo, Thái vận:

— Chớ thằng Khương lấy vợ bao giờ tao không hay?

Ông Mười ngồi xồm xuống đất bập một hơi thuốc, thông thả đưa điều thuốc ra trước mắt nhìn đăm đăm.

— Dạ. — vẫn bà Mười đáp — chúng nó gặp nhau ở Quảng Nam đầu cái ngày cứu đói, rồi làm lễ ở ngoài cái hội *thầy xuống tàu vô trồng*. Chúng nó lo hết, nhà có tồn đồng xu nào đâu.

Một thoáng đỏ phớt qua trên mặt Thái. Lão hát hàm:

— Thầy cần hỏi, thầy hỏi đi.

Tên mặt nhọn quay lại, Hảo bước ra một bước. Bà Mười cũng liền bước ra một bước. Tên mặt nhọn quát:

— Bà già này làm cái gì vậy? Sợ ai nuốt mất râu bà hay sao?

Hảo bước lại một bước để khỏi khuất mẹ. Bà Mười cũng liền bước lại một bước che ngay con dâu.

Tên mặt nhọn nhìn thẳng vào mặt chị, nhưng không thể nào nhìn rõ mặt chị được, hấn hỏi liên tiếp mấy câu. Các câu hấn hỏi, không quanh co gì cả, ngay đơ, sống sượng, khắc nghiệt như là hấn cốt thử lại những điều hấn đã biết rồi, xem người bị hấn cật vấn nói có đúng không, có bối rối không, có vấp vấp không, chứ không phải hấn cốt biết thêm:

— Chị là người lạ mặt nên “nhà nước” cần hỏi chị: Chị ở đâu đến? Tên họ là gì? Bao nhiêu tuổi? Quê quán ở đâu? Con cái nhà ai? Chồng chị tên là gì? Trước làm công tác gì cho Việt Minh? Hai người làm thế nào mà gặp nhau? Chị có tiêu chuẩn đi tập kết không? Sao lại không đi? Sao lại vào trễ? Ý định làm gì bây giờ?

Hảo thở ra một cái khẽ, nhẹ nhõm. Có lẽ chị cũng có hơi mỉm cười. Như thế, chị trả lời được. Chị quả quyết ngăn mẹ lại, và bước ngang qua một bước, cho hai người trông rõ mặt, để tỏ ra mình quang minh chính đại, chị không sợ, và bắt đầu nói. Chị nói thật về chị. Đang học lớp bảy lên lớp tám, cha mẹ tản cư ở Tam Kỳ. Tập kết đến, trường đóng cửa. Nấn ná mãi mới trốn được cha mẹ. Muốn đi vì đã lỡ kết nghĩa với nhau rồi, đi cho có vợ có chồng... Chị nói tỉ mỉ, một thôi một hồi nói cả những điều tên mặt nhọn không hỏi. Kể lẽ

kể cả như thói thường của đàn bà. Những điều “ba má” chị nói về Khương, vừa đêm qua, vừa lúc này đây, hẳn còn mới quá, chị chưa quên. Chị nói lại, giọng nhỏ nhẹ, điềm đạm như vuốt ve, như nâng niu từng kỷ niệm nhỏ của chồng, lúc lại như trách móc, tủi phận và thốt nhiên, chị rút ở trong túi áo ra một cái ảnh, cái ảnh của Khương và ngồi sụp xuống.

Bà mẹ òa lên.

Trần Thái và tên mật thám đưa mắt nhìn nhau, đứng dậy. Trần Thái nhăn mặt, mắng:

— Cái *con* Mươi! *Mày* làm cái gì mà như con cọp cái! Tuy vậy, đại diện hội đồng khu, tao cũng không thể nhận nó là dân ở trong khu tao. Dâu con thì dâu con, thời buổi khó khăn này, tao chỉ cho ở thăm nhau năm bảy bữa rồi ai về nhà nấy, nghe chưa? Thôi, thôi, phép nước đâu có vị tình thân, nói gì thêm cho mất công, như vậy cũng là làm ngơ rồi đó. Còn *thằng* Mươi nữa: nhà nào nhà nấy việc phân loại đã xong, hôm nay miễn họp. Tới “liên gia” mà nhận cái biển đeo trước cửa nhà cho “nhà nước” người ta dễ nhận, nghe chưa? Nhà *mày* thuộc loại nhà có người đi tập kết, phải treo lên cho *mày* nhớ là người ta lúc nào cũng dòm ngó *mày*, chẳng lơ là đâu. Tốt nhất là đừng có làm bậy. Tao ở cửa giữa, không làm thì “nhà nước” bắt quanh bắt quèo, làm thì bọn bay trách nọ trách kia. Thôi, tao đi.

V

Ông Mươi đóng cái biển đen có ghi chữ “A2” lên cột hàng rào và đứng nhìn sững một lúc. Đây là lưỡi dao Mỹ — Diệm treo lên cổ những gia đình kháng chiến như gia đình ông. Phân biệt đối xử, ngờ vực, rình bắt, trả thù, hành hạ. Ngắm mãi, ông quay ra ngồi xỏm bên lề đường trước nhà, hút thuốc, xem người qua lại, vẻ như chờ đợi điều gì. Trời bây giờ đã chạng vạng. Trong cái bụi găng đã sẫm đen, những con ve sầu đang rộ lên những hồi than vãn cuối cùng. Từ trên cành xương các cây phượng vĩ, những cánh hoa đỏ bầm rụng lả tả xuống mặt đường khi có một ngọn gió thổi qua cùng với một trái phượng vĩ khô đen rơi đánh cách một tiếng và lê đi một quãng. Trời động. Mặt biển lấp ló ở phía xa âm ỉ đục bần. Người đi hóng gió thừa thớt. Đôi chị rồi, quần xắn cao, gánh hoặc bung những cái thùng chai nhẹ sóng sánh một ít con mực ống màu tím hoặc những con sứa xanh trong màu nước bể, đi ngược lên phố. Nhà thờ lớn kéo hồi chuông cuối cùng, tiếng ngân ngân ngủi khua động bầu trời xanh sẫm được một tí rồi mọi vật trở lại im lìm. Người thành phố mấy năm nay tủa ra sống ở các làng xã trong tỉnh, kể cả những người bám được chuyến tàu lửa cuối cùng ngày giặc Pháp chọc thủng mặt trận Ninh Hòa, đi Huế, đi Đà Nẵng nhưng vẫn nhớ tưởng cái thành phố cũ xưa, kể cả những

người tứ xứ đến đây lợp qua quít một túp lều tranh với hai tấm riềm lá kê, dân số tăng lên gấp bội nhưng thành phố vẫn còn như rộng quá, trống trải quá. Chẳng có gì thay thế được chỗ trống mà những người ra đi để lại, trong thành phố quê hương và trong lòng những cha mẹ già.

Chợt có tiếng la thất thanh ở ngoài bãi. Nhiều giọng gào khác nhau, giọng của người lớn, giọng của con trẻ, nhưng đều ới ới thảng thốt, lạc đi, vỡ òi như nhau. Biển rộng mông mênh, bóng chiều không dừng bước, những tiếng thét lao xao cũng thể như những chiếc kim bé nhỏ... Nhưng bạn là người ở vùng này, ở những cái phố nhỏ sát bờ bể đây, bạn có thể hiểu được những tiếng thét kêu thường nổi lên trên bãi, những buổi chiều trời động, nước biển đục bần, vào lúc đêm tối sắp khép lại vội vã ấy là những tiếng kêu gì. Và những lời xôn xao bàn tán như thế này là có việc gì xảy ra: “Ông ấy mới đây! — Ngọn sóng to như cái nhà! — Lại trúng cái lòng chảo rồi! Mấy năm nay chẳng ai tắm tấp sửa sang gì, cái lòng chảo lở thêm, hi? — Không ý tài thì đâu đã đến nổi! — Còn mi nữa, liệu cũng có ngày! — Chỉ thấy cái bàn tay vẫy vẫy một chút rồi chìm rồi chìm mất, ấy, chỗ nó đấy!” Tìm kiếm, van xin, mặc cả nữa, nhưng cũng chỉ la hét là nhiều, thật ra là chờ đợi một cách tuyệt vọng, một giờ, hai giờ, ba giờ, dưới ánh những ngọn đuốc bó vội vã dài như những con sào quơ trên mặt sóng loáng thoáng... Những người tụ tập đã về dần, chỉ còn lại có một mình bà mẹ ngồi úp mặt vào vạt áo dài, sát bên rìa sóng, bên cạnh bà là một cái chõng thấp trên có một chiếc chiếu mới rất rộng, và một khuôn vải điều, chờ đợi.

Hai ba người chạy ngược lên phố, hớt hải. Chánh đi đầu, mặt em, vai em, lưng em, vẫn chưa tan những vết bầm, vết lằn vì được “thử thách” trong buổi học đầu tiên, ở nhà trường của chế độ “mới”, sáng hôm nay. Tái xanh, tái lét, em nói với cha mẹ:

— Anh Sở Vẹo chết đuối rồi ba ạ.

Nói chưa hết câu, em chạy sang nhà mẹ Dục, đập cửa:

— Bà ơi, bà ơi, anh Sở chết đuối!

Mẹ Dục chưa kịp vắn tóc, bỏ guốc chạy, chạy mấy bước nữa mới biết rõ hẳn là chuyện gì, tức thì rú lên những tiếng khủng khiếp. Châu đâm bổ ra, chạy theo mẹ, miệng méo xệch. Vợ Châu cũng chạy. Bọn người nhà cũng chạy ra cả.

Trên bãi bể cát trắng đã ngả sang màu phớt tím, những người đi hóng mát buổi chiều đang xúm xít lại quanh cái áo xítpenxe, cái quần đùi, đôi dép, chiếc roi gân bò của Sở còn nằm một đụn trên bãi cát bàn tán. Mẹ Dục chạy tới ngã sấp xuống đó, trong lúc Châu thất thanh gọi những người chài lưới

đang đốt lửa hơ dầu rái quét lại thuyền đã kéo lên và còn úp sập.

Vẹo không nhận ra khu nghĩa địa âm u ngay phía sau nhà hấn mà hấn chỉ vào để bóc những vòng hoa bằng cườm và những mặt bìa hoa cườm. Ông Lại xe đạp giải Vẹo tới, ấn hấn ngồi lên một mô đất. Hấn đưa tay sờ soạng, bàn tay gặp một chữ thập bằng xi măng. Đến lúc đó, hấn vốn đã lạnh người, bắt đầu lên cơn rét run, một bàn chân hấn lấy bầy quờ quạng ra phía đằng trước xem có phải người ta đã đào sẵn huyết, sắp chôn sống hấn không. Xung quanh hấn, có nhiều người. Không phân biệt được người với những bụi cây và những tấm mộ chi chít những cây thánh giá lung nhùng bóng tối cái cao cái thấp lổ nhổ trong nghĩa địa. Bàn chân hấn đang đi trên mặt đất bần bật thành tiếng như hấn lên cơn kinh giật. Hấn bắt đầu rung rúc.

— Im!

— Mày còn nhìn láo liên làm gì nữa hử, thằng kia? Để đi tố cáo, hử?

Một giọng đồng dục, rõ ràng, nghiêm khắc cất lên. Hấn giật bắn mình không ngờ người nói ngồi gần hấn đến thế, ngay trước mặt hấn:

— Tốt lắm, anh không nhìn thấy gì đâu. Nhưng rồi anh sẽ được thấy: đây có đủ mặt những người anh vẫn gặp gỡ hàng ngày. Và rình mò hàng đêm nữa. Cũng là những người dân có dự phiên tòa trước xử anh, vẫn theo dõi giám sát anh. Thấy anh có mồi quên cái phiên tòa đó, chúng tôi họp lại nhắc cho anh nhớ. Anh biết anh phạm tội gì không?

Vẹo lại rung rúc:

— Bầm... dạ... dạ... con... con.

Người vừa nói khạc một cái mạnh, đột ngột tức giận:

— Thế là rõ! Trước mặt nhân dân, khi cần nói chuyện phải chăng, anh cúi mọp xuống, anh cũng tự thấy anh hèn. Nhưng sau lưng người ta, anh làm nhiều chuyện tệ hại lắm. Nhân dân không cần anh xung con, không cần anh bầm dạ, chỉ cần anh sống lương thiện thôi, hiểu chưa?

— Dạ... bầm...

— Chúng tôi nói ngay để anh yên tâm mà nghe cho rõ: hôm nay, nhân dân chưa muốn diệt anh đâu. Nếu muốn diệt anh, lúc này cứ bỏ mặc anh chết chìm ở ngoài biển, tiện lắm. Nhưng nhân dân chưa cần phải làm thế. Phiên tòa trước, còn chiếu cố anh có bệnh, nên không xử bắn anh như Hà Huy Thao, chỉ quyết định đưa anh vào trại hủi. Tập kết xong, anh trốn về ở nhà. Thôi thì mặc anh, cũng được đi. Nhưng sao anh không chịu yên thân? Đau ốm như anh, sức là mấy? Anh lung sục, rình mò, tố giác, siêng năng lắm. Ai bảo anh góp ý với Mỹ — Diệt phân loại nhà nào “A một”, nhà nào “A hai”, cung cấp tài liệu: nhà nào mấy con cán bộ, nhà nào mấy con Đảng viên? Mục

đích gì? Chúng tôi, đại biểu nhân dân sáu khu thị xã này, chúng tôi bố trí gặp anh để hỏi anh: có phải anh khẳng khẳng liếm gót giặc quyết hại bà con hay không? Có phải anh cho kết luận của phiên tòa trước buộc tội anh thâu com thâu thịt tiếp tế cho Tây đồ bộ là không đúng và anh đem lòng thù oán hay không?

Vẹo nắc lên khóc, trả lời trong cổ họng:

— Bầm...bầm...

— Im! Đã bảo không phải bầm dạ gì hết! Nhiều cuộc xét rắp xảy ra, người chỉ điểm là anh. Anh nhận làm “cố vấn” cho “phong trào cách mạng quốc gia”. “Cố vấn” bí mật, chỉ điểm giấu mặt, vì anh sợ. Và vì anh mong người ta mất cảnh giác với anh. Bọn Trần Thái hiểm độc, chính anh hiểm độc hơn chúng. Anh muốn cai quản bọn Trần Thái kia. Tỉnh trưởng, thị trưởng chúng có rồi, anh mong chúng thí cho anh chức gì? Anh đi yết kiến Ngô Đình Cẩn. Nó hỏi anh đóng một như hỏi vấn đáp. Anh mất cho nó một bộ chén ngọc, rất cục nó chỉ hứa sẽ “giúp” anh nếu sau này anh thi vào trường sĩ quan. Một người như anh, đôi đũa ăn cơm còn không cầm được, lại còn thi vào trường sĩ quan! Thật là hề. Thế mà anh không biết nhục. Sỗ!

— Dạ.

— Nhân dân hôm nay họp để cảnh cáo anh. Anh có điều gì nói thì nói đi.

Nếu tiếp tục làm hại bà con thì chớ trách...

Bên kia bờ thành, trong sân nhà Sỗ, hai người ở trai và ở gái của hắn vừa vội vã bó rom để làm đuốc, vừa câu chí nhau cười rúc rích rồi huỳnh huych đuổi nhau chạy ra bể. Từ ngoài bãi, trong cảnh vắng lặng lạ thường của khoảng đường này ban đêm, vẳng lên mồn một tiếng kêu gào của mục Dục bây giờ lạc đi, vỡ đi như đã lên cơn điên, hú lên từng hồi ma quái.

— Hú ú ú ú! ba hồn chín vía Sỗ ơi!

— Hú ú ú ú! ba hồn chín vía Sỗ ơi!

VI

Dọn dẹp rửa ráy xong, Quý vực các con lên giường. Mấy đứa bé thường chưa hết bữa ăn đã díp mắt ngủ lây lất chỗ này một đứa, chỗ kia một đứa, thằng bé nhất còn cầm cả đũa, ôm cả bát cơm, lúng búng cơm ở trong mồm mà ngủ. Biết tật xấu của con như vậy nhưng Quý chẳng làm sao được. Hiệu ảnh nhiều khách quá. Quý chỉ có việc biên hóa đơn, biên giấy hẹn và thu tiền cũng đã mệt lử, thở không ra hơi. Hiệu ảnh đến giờ đóng cửa, lúc bấy giờ Quý mới chạy đi, tắt tả nấu nướng chút ít cho bữa chiều. Đứt thì sửa soạn đồ lễ để vào buồng tối. Bây giờ đã dọn về thị xã rồi nhưng nhà cửa vẫn chưa có điện, máy in máy phóng đã mua sẵn còn xếp đó. Buồng tối bằng gạch tuy rất đẹp để

nhưng cũng không khác cái buồng tối dựng ở Đập Đá ngày kháng chiến: tất cả dụng cụ của anh chỉ là một ngọn đèn dầu hỏa, như đèn xe kéo, phía trước có hai mặt kính, một trắng, một đỏ, mặt đỏ đẩy qua đẩy lại được trên mặt trắng. Cảnh anh là mấy đĩa thuốc in ảnh và một chậu nước lã. Đức làm được một lúc đã thở rộc, và mặc vợ ngủ, anh tự đi pha sữa, và cứ như thế hi hà hi hục đến gần sáng. Đêm nào cũng vậy, không có người giúp, Đức gầy rộc đi nhanh chóng.

Thái độ Quý gần đây không ủng hộ Đức lắm. Quý chẳng làm gì âm ỉ, thỉnh thoảng chỉ chập lười một cái, có vẻ cay đắng và chịu đựng. Đức vợ không biết. Vợ anh bao giờ cũng vậy. Cô ta tính có vẻ nhường nhịn, nhẫn nhục, nhưng nếu Đức mở mồm cự hơi nặng lời, Quý sẽ làm toáng lên. Những lúc ấy, Đức như không nhận ra người vợ vốn dịu dàng và nhỏ bé. Và đột nhiên, Quý sẽ bật gào lên những nhận xét rất thô mà rất thật, mà Đức chẳng muốn nghe một tí nào. Những lúc ấy, Đức thấy vợ hoàn toàn không phải là người đàn bà vâng chịu, trăm sự tùy anh như anh nghĩ. Mấy ngày hôm nay, lòng tự trọng của Quý bị tổn thương dữ dội. Ngay sáng nay, một tên trung úy của Diệm trong lúc đợi giả lại tiền, thử đặt tay lên ngực Quý. Lập tức, Quý đóng sập ngăn kéo, ném giả mấy đồng bạc vào mặt tên trung úy. Lần đầu, trong đời, hơn cả hồi hai vợ chồng phải xách cái nồi ba chè đồ xanh đi lang thang ở các chợ vùng quê ngày đầu kháng chiến. Đức thấy tủi hổ. Không, có thể rồi ngày mai, chỉ sáng mai đây thôi, Đức sẽ nghĩ khác: nghề ảnh một vốn mười lời, hình ảnh sự giàu sang tráng lệ trông thấy sờ thấy còn căm dỗ mê muội những người như Đức một thời gian nữa. Nhưng ngày hôm nay, Đức thật tình thấy xấu hổ, cay đắng trong lòng. Anh cảm thấy như có lỗi đối với vợ con, và có một cái gì đã bắt đầu rạn nứt, vỡ lở trong nhà anh. Trong một lúc, anh vô cùng chán nản. Anh ngồi chế thuốc pha vào trong hai chiếc đĩa sắt, rửa các cuộn phim chụp trong ngày cặp phôi lên một sợi dây thép dài ở hiên sau, lau hai mặt kính trắng đỏ, bỏ sẵn hộp giấy in vào ngăn kéo, vốc sẵn chậu thau nước... Vừa làm, anh vừa nghĩ miên man, chẳng đâu vào đâu, mệt mỏi và không hứng thú.

Chợt có tiếng gõ cửa.

Quý đang phe phẩy quạt cho đứa con nhỏ, rút núm vú ở miệng con ra, ngồi ngay dậy.

— Ba!

Chị không nhầm.

Ông Mười bước vào kéo luôn cánh cửa phía sau lưng. Chỉ vừa trông thấy mặt cha, đột nhiên Quý xúc động. Nổi tủi cực nhận thấy những ngày hôm nay, lên

cực điểm hôm nay, cứ bâng bặc miên man trong lòng. Giờ khi chị nhác thấy nét mặt điềm đạm của cha bỗng bật thành tiếng kêu. Quý ôm chầm lấy ông cụ. Ông Mười dìu con ngồi xuống giường.

— Đã “sướng” chưa con?

Đó là tất cả những lời ông Mười nói với Quý lúc đó. Hãy tha lỗi cho ông cha già: ông cụ có tật hay nói gay với vợ con, cả khi ông khô tâm như lúc này. Biết sao được? Cuộc đời cơ cực đã nhào nặn ông như vậy đấy. Nói gay, có lẽ đó là vũ khí độc nhất của ông già vốn không làm hại đến một con kiến nhỏ. Hay đó cũng chỉ là một tiếng kêu, một tiếng phàn nàn.

— Thằng Đức đâu.

Đức cũng vừa lên.

— Anh ngồi xuống đây, tôi nói chuyện.

Đức thở ra. “Xem ông già giờ trò gì, trách cứ chê bai điều gì”. Nhưng Đức bỗng chú ý thấy giọng nói, trong mắt nhìn của bố vợ hẳn lên rất rõ cái vẻ của một con người biết mình có uy quyền. Như là một tháng qua không gặp nhau đã đổi thay ông già thành người khác hẳn. Quý còn thút thít một lúc nữa mới nín. Đức nhẩn nại lắng tai, chờ đợi. Ông Mười hạ giọng:

— Tôi nhờ anh một việc. Coi như cá nhân tôi nhờ anh.

Ông dừng lại đó, không nhìn Đức. Đức nín thở. Quý kinh dị chăm chăm hết nhìn cha lại nhìn chồng. Ông Mười chậm rãi nói tiếp:

— Mỹ, Diệm đi đến đâu giết chóc đến đó. Chúng hãm hại hàng trăm người ở Duy Xuyên, Quân Rường, Cây Cốc, Bình Dương... băm thây uống máu người ta. Nếu không chặn tay chúng lại, đến lượt thị xã này.

Ông quay lại bảo con gái:

— Nó treo cái biển đen ở trước nhà ba má rồi. Chỉ ngày một ngày hai thôi. Nó vừa bắt một loạt anh em nữa ở Duy Xuyên, giam người ta ở nhà lao Hội An. Đồng bào ngoài ấy đấu tranh, nó có chở hai mươi người vào nhà lao này. Nếu không có cách chặn tay, nó giết anh em mất. Giết được anh em là rồi sẽ giết mình, giết ba má.

Giọng ông Mười trở nên dịu dàng:

— Ba có một tài liệu. Theo tài liệu đó, quả chúng có chở vào đây hai mươi anh em Duy Xuyên không sai. Phải làm dữ mới được, ba cần chụp ảnh tài liệu đó thành nhiều bản. Chụp ngay bây giờ. Sắp giới nghiêm rồi, ba phải về. Hai vợ chồng giúp ba.

Các ngón tay Quý run bần bật. Thì ra ông cha già thân yêu của con là như thế đấy. Suốt một đời nghèo khổ, bị khinh rẻ, ngoài xã hội, và bị lấn át ngay cả trong nhà... Thế mà... cha già quá mất rồi, tóc đã thưa và bạc hết. Chúng nó

giết ba mắt. Quý đưa mắt nhìn Đức. Đức cúi đầu không nói. Anh gõ nhịp ngón tay trở vào lưng ghế, và bỗng đứng dậy. Anh đến phía cửa sổ nhìn ra ngoài đường. Bên ngoài, nhà cửa cây cối phơn phớt màu tím nhạt của ráng chiều. Người hàng nước què trước đèn bên kia đường tập tênh tì trên một cái gậy gỗ xếp vào một chiếc hòm gỗ to các li cốc và thùng thuốc lá, thùng kẹo bột. Người bán văn thẩn bây giờ không đứng dưới cây vòng đồng gỗ xi tắc nữa mà ghé vai gánh gánh hàng bắt đầu đi từng nhà. Xe cộ thưa thớt. Bất giác, Đức lùi lại: anh vừa trông thấy một tên cảnh sát lao xe đạp tới. Nhưng tên cảnh sát vừa đi khuất cửa sổ thì anh cũng vừa định thần lại được. Mình sợ cái gì chứ? Ngày kháng chiến, mình cũng đã từng giúp được Ty công an như thế này trong nghề nghiệp của mình. Trước ngày chuyển quân, anh em công an khen mình mãi, gọi mình là một người cộng tác vô danh. Mình hứa với anh em trong hoàn cảnh miền Nam sẽ tiếp tục trở nên tốt. Mình sợ vì bây giờ mình trở lại là mình chẳng? Vì lúc này cha vợ mình có mặt ở trong nhà mình chẳng? Có mặt mình đấy, chúng nó ngang nhiên ném thư cho vợ mình, chót nhả trêu ghẹo vợ mình. Thế mà mình ngoảnh mặt đi, vờ như đang bận rộn không trông thấy, không nghe thấy gì hết... Mình hèn...

Quý thở dài. Đức nghe Quý bỏ chân xuống giường quờ quốc, rồi có tiếng chìa khóa chuông lanh canh mở nắp chiếc giường thùng trong đó anh cất giấu vàng bạc và các máy móc quý, đêm đêm nằm đè lên trên, anh biết Quý đang tìm lấy máy ảnh. Anh quay lại:

— Lấy cái máy mua ở Nha Trang ấy.

Và anh chìa tay về phía cha vợ:

— Đưa đây cho tôi.

Ông Mười rút từ trong áo ra một tập giấy. Ông lật rất nhanh chỉ cho Đức một trang khoanh lại bằng mực tàu cuốn sổ chấm com của thằng Châu.

Khi Đức đã đi xuống nhà dưới, ông Mười mới để ý nhìn con: Quý đã già đi, gò má nhô, hai lõm mắt quầng tím. Quý rút trong túi ra một tập giấy bạc.

— Cho ba để ba uống rượu. Ba phải cẩn thận. Rủi có việc gì...

Ông Mười định kể với con điều gì, lại thôi. Một lúc sau, ông mới nói thông thả:

— Con có lo cho ba cũng chẳng được nào. Mà ba cũng chẳng giúp được con. Chúng nó như con cọp lảng vảng xung quanh mọi nhà. Mỗi người mình chẳng tự lo cho mình được đâu. Muốn sống phải hùn sức lại không sống lẻ loi được. Nếu mình không muốn trở nên thứ người bỏ đi...

VIII

Giờ này phố xá còn ngủ yên cả. Khách đi ô tô chở hành lý đến bằng xe kéo.

Phần lớn hàng họ là cau khô, mắm chuồn, cá nục. Còn chỗ ngồi, nhưng ông Lang cứ cho xe chạy. Lấy có không chở hết đồ đoàn của bà ta, ông Lang hẹn bà Hải nán chuyển sau. Bà Hải anhphiećme giậm run khi, một ngày một đêm liền phải túc trực để băng bó cho tù nhân bị ta tấn ở ty an ninh, về nhà, bà nhận được cái biển đen do Trần Thại đưa lại. Bà ta nhất định bỏ công việc, bỏ cái nhà bắt đầu làm và trở về Huế.

Tên cảnh sát gác cổng đầu ô, mắt cay sè, cầm chiếc đèn đỏ càu nhàu đi vòng quanh xe một lượt, soi mặt từng người, ghi số xe rồi giở barie. Qua khỏi cổng, ông Lang bóp còi toe toe liên tiếp mấy tiếng và liếc nhìn người con gái ngồi cạnh. Chị nhắm mắt như đang ngủ. “Chị này hay thật chứ. Đến ở nhà người ta mới một ngày chứ mấy, mà đã bịn rịn dữ! Nó thua chị một trận lớn lắm mà chưa biết”.

Nó đang thua một trận lớn lắm thực. Ngày mai, chúng nó còn xảo trá bỉ ổi như thế nào nữa, chưa rõ, nhưng đối phó với âm mưu mới của địch, tất nhân dân có hành động mới. Bây giờ đây, còn nhiều điều cần phải đề phòng, nhưng đã hoàn toàn có khả năng cứu sống được hai mươi anh em Duy Xuyên mà Mỹ, Diệm tạm thời chở đến giam ở nhà lao thị xã này. Mục tiêu đấu tranh cũng không chỉ nằm riêng hai chục anh em ấy. Hảo cũng sẽ không ngại nhiệm vụ mình hoàn thành chóng vánh như thế. Hóa ra chị chỉ đóng cái vai giao thông liên lạc. Mỗi người một tí, nhân dân địa phương đã góp phần mình, và một công việc thoát đầu tưởng rất khó trở nên rất dễ. Chị đi đến đâu cũng có sẵn một bộ máy để giúp đỡ chị. Ở đâu cũng là một lòng yêu nước rộng lớn, lòng yêu nước gắn chặt mọi người lại và đó là sức mạnh của nhân dân. Đó là bài học đầu tiên và đơn giản mà chị cán bộ trẻ tuổi rút ra được từ trong thực tế chị mới bước vào.

Kể từ giờ này, nhân dân địa phương sẽ đề mắt tới nhất cử nhất động của Mỹ — Diệm ở cái nhà lao ấy. Và nội nhật ngày hôm nay, một đại biểu trong Tổ quốc tế sờ vào túi áo mình sẽ thấy một báo cáo rõ ràng và một tấm ảnh về việc này. Cái thùng thư của Ủy ban quốc tế cái thùng thư ấy trở nên vô giá trị vì sự bao vây khùng bố của Mỹ — Diệm. Chúng nó làm cho các Tổ quốc tế sống cô lập như những hòn đảo giữa nhân dân địa phương. Vì vậy, ta phải có cách khác, có nhiều cách. Tâm trí đang phấn khởi của Hảo dễ dàng liên tưởng tới những cuộc đấu tranh hàng nghìn con người như ở Quán Rường hay ở Chợ Được dạo nọ, kéo đến nhà tên tỉnh trưởng Quảng Nam hay vây quanh cái nhà lao của thị xã này, hùng hậu, kiên quyết đòi kẻ địch thừa nhận và từ bỏ tội ác của chúng.

Nhưng Hảo vẫn bàng hoàng khi ôn lại những việc xảy ra cho chính mình ở

đây vừa qua. Hơn một ngày mà chừng như thật lâu, như trên đường đời, chỉ vừa rẽ sang một ngã quặt.

Tối qua, từ nhà Đức mang tập ảnh quý giá trở về, ông Mười thấy Hảo chong đèn ngồi một mình ở nhà trên. Bà Mười và Chánh đã gửi chồng quần áo, giặt là xong đi rồi. Tội nghiệp thằng nhỏ! Dân tộc đang buổi khó khăn, mày đang tuổi ăn tuổi chơi cũng chịu vất vả. Vì mày là “con em Việt cộng”, sáng nay thằng thầy chó má nó mượn tay lũ học trò đại dốt, nó giã cho mày một trận gọi là để thử. Từ chiều, mày làm được bao nhiêu việc. Thằng nhỏ đóng kịch đã khéo. Thừa lúc cả nhà mụ Dục hoảng hốt chạy ra biển, thoáng cái nó đã vào lấy được quyển sổ của thằng Châu. Thoáng cái nó đã chạy ra đứng cạnh giới ở phía sau nghĩa địa. Giờ hai mẹ con chắc đang lủi lủi dưới bóng đen nhật của hàng cây bàng hay cây sục sặc ở con đường nào đó, nói với nhau các nhận xét về sự việc thấy ở các nhà và cười rúc rích.

Hảo đang ngồi gục đầu lên trên mặt bàn như đang ngủ. Ông Mười đã vào đến chỗ các bàn là, đã vào đến phản, đã bước qua ngưỡng cửa nhà trên mà chị vẫn chưa hay biết. Trước mặt chị, trên mặt bàn, là một cái dây chuyền vàng và một cái ảnh. Chính là cái dây chuyền vàng của bà Mười, và mẹ chồng len lén đeo vào cổ con dâu đêm hôm qua, và cái ảnh của Khương mà ông đưa cho chị tặng sáng hôm nay.

Ông Mười hiểu ngay. Ông kéo ghế ngồi trước mặt chị và nói:

— Con hãy cất mấy chiếc ảnh ba vừa cho chụp xong này đi. Hay muốn cẩn thận, để ba bảo ông Lang lái xe ông ấy giữ cho. Ba cũng giữ mấy cái. Một cái sẽ gửi đến tận tay Ủy ban quốc tế, ngày mai.

Cả ngày hôm nay, ông Mười vẫn xưng hô với Hảo như thế. Nhưng bây giờ, Hảo hơi ngạc nhiên. Công việc đã có thể gọi là xong, trong nhà không còn ai. Chị ngừng lên nhìn ông như dò hỏi.

Song ông Mười đã lại điềm đạm nói thêm, sau khi đẩy chiếc dây chuyền vàng về phía chị:

— Cất luôn cái này nữa đi. Đeo ngay vào kéo bà già về tới bây giờ.

Hảo tự trấn tĩnh, muốn nói với ông Mười điều gì nhưng không nói được. Ông Mười giục:

— Con hãy đeo vào. Đây là quà của ba má cho con.

Ngẫm nghĩ một lúc ông lại nói:

— Sáng mai, con phải lên đường ngay. Cho đến bây giờ, ba cũng chưa biết rồi sẽ nói với bà già ra sao. Nhưng con hãy cứ đeo vào giúp ba đã. Cuộc đấu tranh chắc hẳn còn dài. Ba má thật ra cũng chẳng giàu có gì, chắc con nghĩ không nổi lấy. Cảm ơn lòng ngay thẳng của con. Nhưng sống ở thời buổi này,

có như bà con mình tham gia hôm nay mới biết ở đời còn có nhiều cái quý hơn vàng bạc. Con cũng nên cảm cái tình của bà già, chứ món trang sức này có đáng gì đâu.

— Cũng cần phải nói rõ điều này, — ông Mười chậm rãi tiếp tục ba má chẳng có điều gì ràng buộc con cả. Chúng ta đi chung một con đường, biết thế là đủ. Cầu cho con được khỏe mạnh an toàn. Nếu vẫn còn son rồi, thời thế sáng sủa hơn, thỉnh thoảng nhớ tới, vào đây ghé thăm ông bà già vài bữa. Hảo xô ghế đứng dậy. Ông già đỡ cô gái, như đỡ đứa con gái lớn của mình. Một lúc thì bà Mười và Chánh về. Ông Mười lại mài mực xạ trong nghiên, lấy cái bút chữ nho, làm công việc thường ngày, tô đậm các ký hiệu trên các quần áo lính về, soát lại cái túi áo túi quần: trên một mẫu giấy thuốc lá nhàu nát, anh Cầu viết mấy chữ nguệch ngoạc đồng ý cho Hảo sáng mai lên đường. Đặt lên ngọn đèn đốt xong mẫu giấy đó, ông ôm cả vốc quần áo vừa kiểm tra hết vào thùng *xíp*. Bà Mười ngồi bên bếp canh lửa một lúc thì cái thùng sôi lên sùng sục, nước tóe ra trên chòm ống cù lao. Ông đẩy nắp và loảng xoảng xích khóa thùng *xíp* lại. Công việc vừa xong, cũng như mọi ngày, tiếng *xíp* lê nổi lên inh ỏi ở ngoài đường, cuống quýt kéo dài như rượt bắt rồi tiếng một chiếc xe bánh xích sào sào âm âm chạy qua với những tiếng thét líu ríu và băng quơ của các tên lính ngự trên xe.

Hảo giúp bà Mười hạ tấm riềm xuống. Ông Mười thổi tắt ngọn đèn và nhắc đặt cây đèn dưới đầu phản. Xong, mọi người sờ soạn tìm về chỗ nằm. Câu chuyện bà mẹ nói bắt đầu bằng những tiếng thì thầm âu yếm: “Ở nhà, con đã ngủ được chút nào không?” Bỗng, từ quãng nào Hảo cũng chẳng để ý nữa, bà chuyển sang cái đề tài độc nhất bà nói đi nói lại hoài: Khương hồi nhỏ quặt quẹo lắm, nuôi được nó đã gian nan. Nó ít nói lắm, cứ ru rú như con gái nhà lành. Thế mà lớn lên, vào Nam ra Bắc, thế nào lại gặp con. Đi công tác tận đâu đâu, năm bảy tháng về nhà, mẹ đi chợ cứ dặn mẹ mua cho mấy cái bánh xoài. Hết khen, bà mẹ chuyển sang kể các tật xấu của con, giọng bà vẫn âu yếm như thế. Thương em lắm nhưng lại ít có thân mật với em. Khi bận, mặt mũi cau cau có có. Mỗi lần về nhà, kéo theo một đám bạn, bắt nhà phải sắm ăn, nhiều lúc mẹ phải chạy mệt.

Hảo sẽ sẹ tháo cái vòng ngọc chị đang đeo ở cổ tay trái khế chuỗi dưới chiếc gối chị đang kê đầu.

Bốn giờ sáng, khi đã hết giờ giới nghiêm, ông Lang và người phụ dậy sửa soạn xe. Ông Mười cũng cất tiếng gọi bà và Hảo. Ông thò tay xuống gầm phản lấy cây đèn thấp và đặt giữa bàn rồi nói với bà, giọng điềm nhiên:

— Hôm nay con Hai nó phải về. Thăng Trần Thái, thăng Vẹo và bọn Mỹ —

Diệm ở đây muốn kiếm chuyện bắt nó thế cho thằng Khương. Phải cho nó đi ngay.

Lạ là bà Mười không nhúc nhích, không nói gì hết, hai mắt mở trân trân.

Ông Mười giục Hảo sửa soạn. Chánh đang ngủ say. Hảo cúi xuống khẽ hôn lên trán em, xong trở lại cầm tay mẹ.

Bà Mười im lặng.

— Bà đi với con ra xe một chút. Thôi, con đi.

Y hệt ngày anh lên đường đi tập kết, qua phố Gia Long trước nhà để xuống tàu. Không, Khương ạ, ba anh ở trong nhà, không ra tiễn Hảo. Ông bố thật ra tính tình có nhiều cái giống anh: không muốn cho ai biết có lúc mình mềm yếu...

Bà Mười im lặng, ngoan ngoãn đi theo cánh tay choàng qua vai riết khe khẽ của Hảo, Hảo nói với bà:

— Con tránh đi ít lúc, tình hình yên rồi con vào. Muốn vào cũng dễ thôi, má à. Có xe bác Lang đây...

Chị quay mặt đi:

— Yên rồi con sẽ vào ở hẳn với má chứ. Cũng đến lúc phải yên đi chứ. Cố gắng cho em con nó học, má nhé. Má bảo chú Đức, cô Quý con gửi lời thăm. Chưa gặp được cô chú đã phải đi rồi.

Ông Lang đã ngồi sẵn trên xe, bên tay lái, rồ máy và bóp ba tiếng còi.

Hảo cúi xuống hôn mẹ. Rồi bước lên xe.

Bà mẹ đứng im, vẫn ngó trân trân nhìn theo chiếc xe chở người con dâu cả của bà ra đi.

Bên sông Hiền Lương 1962

Hà Nội 1971

8 — Ở NHÀ

VỪA kịp nhìn thấy số nhà, tôi nhảy vội xuống chiếc xe lam, hạy vào. Mẹ tôi, má đã nhăn nheo rất nhiều, và rõ ràng vẫn lam lũ như ngày trước, không kịp đi dép, quỳnh quít chạy ra. Trời, cái hơi âm ẩm này đây của mẹ, hai mươi năm, hai mươi năm chẵn, tôi mới bắt gặp lại đây.

Thật kỳ quặc, câu đầu tiên mẹ tôi nói với tôi, mẹ nói với con trai, sau hai mươi năm xa vắng: “— Con già vậy, con ơi!”. Và, sau câu đó, chưa buông tay tôi ra, mẹ tôi đã hỏi liền: “— Con đã gặp vợ con chưa, con?”

Mặt tôi còn trùng trùng áp trên mái tóc bạc của mẹ. Tôi nghĩ: Mẹ nói ai vậy? Vợ nào? Nhiên có vào đây hay sao? Tôi hỏi mẹ tôi: “— Nó đâu rồi, mẹ?”

Tôi nhớ cái cử chỉ đột nhiên trở nên thông thả của mẹ tôi lúc đó. Bởi vì tôi là con của mẹ tôi, nên qua dáng điệu của mẹ, tôi biết, tức thì, vừa có xảy ra một cái gì đó nghiêm trọng. Tôi cũng hồi hộp lắm, nhưng mẹ tôi đã xắn xả nói sang những chuyện khác, những chuyện bình thường hai mươi năm mới gặp nhau mẹ phải kể với con, và con phải hỏi mẹ.

Trước hết là cái chết của cha tôi. Con đi rồi, nó kêu lên kêu xuống ông già mãi, tra, đánh, một hai phải khai con ở đâu, gia đình ở lại có phải là cơ sở không? Không làm gì nó cũng bắt, làm gì nó cũng bắt; thế thì làm! Nó bắt ông bảy bận, đánh ông sinh bệnh. Ông chết ở ngoài nhưng chính là do những vết thương trong nhà giam.

— Mẹ cũng bị bắt? Tôi hỏi.

— Cha con chết rồi, nó mới bắt đến mẹ. Cũng những câu hỏi như cha con. Rằng thằng Duyên có về không, nó có viết thư cho bà không, bà muốn viết thư cho nó không, chúng tôi nhờ bà chuyển giúp bức thư chúng tôi viết cho nó. Mẹ nói liền: các ông làm ăn nực cười, khó gì cái chuyện thằng Duyên còn hay không còn mà các ông mất thì giờ quá. Nó còn thì không con chó nào dám hành hạ mẹ nó như vậy. Chúng nó giận quá, lột truồng, đánh mẹ một trận, rồi đuổi mẹ về. Mẹ cứ thế, tô hô đi ra đường, vừa đi vừa hô hoán. Úi chúng nó cầm cái quần chạy theo năn nỉ, lạy mẹ nhé. Từ đó, cách không bắt mẹ nữa.

— Nhà ta là một trong những nhà cấm cờ đỏ sao vàng trước tiên ở thị xã, phải không mẹ? — Tôi hỏi, mẹ không sợ sao?

— Sợ quái gì, mẹ già rồi, mẹ chờ hai mươi năm rồi — mẹ tôi móm mém nói.

— Mẹ sinh sống ra sao? Các em con có chu cấp cho mẹ không?

— Các em con có chu cấp cho mẹ. Nhưng ở không ngứa tay ngứa chân lắm,

nên mẹ đúc bánh xèo. Nhân con về, mẹ nói với con, chắc mẹ có thể sống nhờ con, không cần đúc bánh xèo nữa, nhưng mẹ cũng cần có việc gì làm...

Như vậy đó, hai mẹ con nói lan man sang chuyện các em tôi, chuyện ông chú bà bác, kẻ chết người còn, người tốt kẻ xấu. Khi mọi việc ấy đã lướt qua gần hết, mẹ tôi mới trầm giọng nhấn nhá trả lời câu hỏi tôi ban chiều, lúc tôi mới bước vào sân nhà, còn đang ôm mẹ:

— Con đi được một tháng thì có một đứa nó vào đây, nó xưng nó là con dâu của cha mẹ, nó vào muộn vì dọc đường bị cản trở nhiều, không kịp gặp con để cùng con ra Bắc. Mẹ cũng thương con nhỏ quá nhưng nó chỉ ở với cha mẹ được có hai ngày, bọn địch khủng bố dữ quá, chúng đòi bắt nên nó phải trở về ngoài Quảng. Vả, công việc của nó cũng xong rồi...

Giải phóng hoàn toàn rồi, giặc chạy rồi, nhưng mẹ tôi vẫn quen hạ giọng mỗi khi nói dính dáng tới cách mạng.

— Hình như nó với cha con có bí mật làm một công việc chi đó, làm xong thì nó đi. Năm năm, cứ đến ngày Tết là có thư của nó từ ngoài Quảng gửi vào thăm cha mẹ. Sang năm thứ sáu thì không nghe tin tức gì nữa. Tết nào mẹ cũng mong. Hay nó ra được ngoài con? Hay nó không giữ được đã đi lấy chồng? Hay nó đã hy sinh? Mẹ cứ phân vân mãi, thương nó quá, muốn đi kiếm mà không biết kiếm ở đâu. Đâu phải tên Nhiên? Hảo, con Hảo chứ, con! Mà những đứa hoạt động trong này, con trai, con gái, hỏi tên tuổi, họ nói có trùng trật gì đâu! Mẹ cũng lo nữa là ở ngoài Bắc, con không chờ đợi được, con lấy vợ thì tội nghiệp nó quá. Ở trong này, dầu sao, nó cũng trăm cay ngàn đắng hơn con. Như vậy đó con, mẹ nghĩ vẫn vợ lẫn thân hoài. Giải phóng, con thì mẹ tin chắc thế nào con cũng về, nhưng nó thì mẹ cứ pháp phỏm. Hai tháng rồi, vẫn không thấy nó. Hồi chiều thấy con về có một mình, lại hỏi mẹ: — “Nó đâu rồi mẹ?”. Vậy là không xong rồi. Không xong thật rồi con, khổ thân mày chờ đợi nó mấy chục năm trời. Thôi, mai con đi ít ngày xem vợ con nó ở đâu, hoàn cảnh nào, sống hay chết, nó còn thương con, con còn thương nó thì con đem nó về đây cho mẹ. Được vậy nữa thì mẹ mới sướng hoàn toàn...

o O o

Đêm ấy, trong căn nhà, xưa kia bằng lá, bây giờ bằng toóc-xi, vẫn tuyềnh trống toàng của mẹ tôi, tôi lòng cứ rào rạt mãi không sao chợp mắt được. Tôi bàng hoàng về câu chuyện mẹ tôi kể, chuyện Nhiên có vào đây, sau khi tôi đi, nhận bố mẹ chồng. Tôi cũng băn khoăn dữ dội mỗi băn khoăn âm ỉ của mẹ tôi hàng chục năm nay bà không còn được tin Nhiên, nhất là hai tháng sau khi hoàn toàn tự do.

Đúng là trong đời tôi có cái lầm lỗi đó. Cái lầm lỗi một phút ngẫu hứng bịn rịn, đã viết trên một mảnh giấy bằng một ngón tay: *Năm ngày nữa, anh lên đường và như vậy là trong cuộc đời, chúng ta mất hút nhau mãi mãi hay sao. Nếu em cũng yêu anh, em vượt mọi khó khăn vào đây, theo người liên lạc này, sẽ lo cho em ra Bắc, đi học.* Tôi bản thân ngồi nhìn đồng chí liên lạc cẩn thận cho vào gấu quần, nhân chuyến đi công tác của anh qua nhà Nhiên, bức thư tình đầu tiên và cũng là duy nhất của tôi. Sau này, gặp anh ở miền Bắc, anh có nói với tôi là Nhiên có vào, nhưng nửa đường không thể nào vượt được hàng rào địch, đành trở lại. Không ngờ Nhiên sau đó vẫn vào được nhà tôi đây. Chao ôi, nếu tôi không có phút hành động thuần cảm tính gàn dở đó, không có bức thư bằng ngón tay đó, chắc hẳn rằng hai cuộc đời chúng tôi sẽ nhẹ nhàng hơn rất nhiều. Sự chung thủy trong veo như sao Thủy sao Khuê, trong trường hợp tôi, — tôi dễ hơn Nhiên nhiều — là sáu nghìn ngày đêm cô đơn trông lạnh quặn quại, đầy phân vân và căm dỗ. Tôi ném vào đây tất cả tuổi trẻ của tôi: sau sáu nghìn ngày đêm chờ đợi đó, tôi đứng trước một sự thật là có thể mình chỉ đã ôm ấp một cái bóng mà thôi. Dù có như thế, tôi cũng đành, vì chính tôi là người đã nói, và đã đẩy lên tình yêu, đẩy lên sóng gió trong lòng và trong đời người con gái.

Mẹ tôi lục cục lạc cục hết buổi tối, mãi khuya vẫn chưa đi nằm. Xay bột, làm tôm rửa rau, nhặt giá. Con tha lỗi cho mẹ. Vì hôm nay con về, mẹ không biết trước nên mua hàng lỡ rồi, đáng lẽ mẹ phải nghỉ để chơi với con — mẹ tôi nói. Không sao mẹ ạ, làm ăn như mẹ, trong hoàn cảnh miền Nam, là lương thiện, việc gì con phải xấu hổ mà mẹ cứ rào trước đón sau. Nhưng đêm nào, sáng nào mẹ cũng vất vả thế này ư?

— Không — mẹ tôi nói mạnh bạo — có con Thức nó giúp mẹ.

— Thức nào, mẹ?

— Trước đây nó đi ở. Hồi đầu nó đến đây hỏi mẹ, mẹ dẫn lên em con. Nhưng trên ấy khách khứa hàng họ, nhiều việc quá, con nhỏ coi bộ vất vả quá. Em con thì tốt, nhưng bày cháu, chúng nó hư lắm. Ai lại con Phấn, trang lứa bằng em người ta, ngày hai lần, bắt con Thức cạo chân. Mỗi sáng quần áo giặt ném to như trái núi. Thằng Phước lại dám đánh chửi cả người ta nữa.

Tôi nghe mẹ tôi hạ giọng xuống, như lúc này:

— Mẹ bằng này tuổi đầu, mẹ nhìn mẹ biết. Con nhỏ là con nhà gia giáo, có thể nào đây chớ không phải đưa đi ở chuyên nghề đâu, bạc đãi người ta tội chết. Mà biết đâu lại không như con Hảo, vợ con, bây giờ chị em người ta hay giả làm người ở như vậy lắm để làm việc cách mạng. Nhân mẹ đau khớp, có hôm muốn lấy nước phải bò, mẹ đòi con nhỏ lại.

— Chị ấy có phải là người cách mạng không hở mẹ?

— Con nhỏ nó kín lăm. Mà trong này, có ai dám hỏi ai một câu như vậy? Mẹ chỉ xem chừng thôi, nhưng cũng không nhận xét gì được, sau này, có đứa thanh niên tới chơi cười bảo cái quán bánh xèo của mẹ giúp chúng nó nhiều lăm. Lúc đó mới biết. Chính con Thức đưa cho mẹ lá cờ bảo mẹ treo lên hôm đó. Nó bảo nó treo cũng được, nhưng lần này nó muốn tự tay mẹ treo để anh Ba ảnh về ảnh thấy thích.

— Chị ấy đâu rồi, mẹ?

— Nó đi họp trên tỉnh. Sau giải phóng, nó ra làm việc, cũng ở nhà đây mà làm việc thôi, ngày ngày vẫn thổi nấu hàng họ giúp mẹ, nó là cán bộ rồi, mà về nhà chẳng khác gì trước. Nhưng nó nói rồi đây nó phải trở về gia đình nó, nó đợi con về để bàn giao mẹ cho con. Con nhỏ biết ăn ở, tội nghiệp lăm, con. Mẹ mang ơn nó lăm, con. Mẹ nói có lúc trở trời, mẹ lết cũng không lết được, không có nó thì mẹ chết cũng không ai biết. Mẹ cũng ngóng nó về gặp con để con nói với nó một lời cảm ơn.

Lúc bấy giờ, tôi mới chú ý giường tôi đang nằm là giường phụ nữ, là giường Thức. Mùi chăn gối bay mùi hương của những tấm lòng thơm thảo gây nên một băng khuâng man mác. Nó xóa nhòa lẫn lộn hai câu chuyện mẹ tôi kể lại, hai người con gái mẹ tôi kể lại làm một, và khiến tôi không thể nào chộp mắt được.

Sáng hôm sau, tôi lên đường tìm kiếm Nhiên, người từng yêu tôi, và tôi chờ đợi hai chục năm. Trong hai chục năm, tôi thề dù Nhiên ở chân trời góc biển nào, tôi cũng quyết tìm.

Thoạt đầu, Nhiên lấy tên là Hảo, như mẹ tôi kể. Theo bác lái xe khách bên hàng xóm là người đã chở Nhiên vào nhà tôi hai chục năm trước, trước tiên tôi tìm đến thị trấn Chợ Bà. Bước xuống xe, tôi biết là tôi đang làm một việc hết sức khó. Người qua kẻ lại tíu tít như vậy, cán bộ cũ chết gần hết, những anh chị em trong ủy ban, đoàn thể đều là những người mới, làm sao hỏi được dấu vết một cô Nhiên hay cô Hảo nào đó, hai mươi năm trước còn là học sinh? Tuy vậy tôi cũng nhặt được một nét dữ dội: gia đình Nhiên có ra tản cư ở Chợ Bà này sau đó dọn về huyện Tam Kỳ, bị trận lụt năm sáu tư, cả nhà trôi ra biển — trôi ra biển năm ấy có đến cả ngàn người — chỉ trừ có đứa con gái chắc là cô Nhiên cô Hảo anh hỏi đó, đi làm cách mạng, không có nhà, là sống sót thôi.

Rời Chợ Bà, theo người ta chỉ dẫn, tôi đến Vĩnh Trinh, tìm đến ngôi ngấn ngơ trên cái đập trước đây chúng nó nhận chìm hàng trăm cán bộ của vùng Duy Xuyên. Tôi tìm đến một ngôi chùa, dưới ánh đèn dầu lạc, trong tiếng

chuông tiếng mõ của nhà chùa, lần đọc từng dòng danh tánh trên cái bài vị viết trên giấy vàng. Tôi tìm đến Duy Mỹ, trên sông Thu Bồn, tha thần trên khu nghĩa địa chằng chịt dây thép gai vốn là làng cũ, người ta nói giặc ủi làng đồn dân, một cây chanh cũng không còn như thế này rồi, một nhóm thanh niên vẫn cứ ở đây, ở trong những nhà mả mà đợi giặc, và làm cho dân tin mà trở về. Trong số thanh niên đó, có cô Hảo đấy. Tôi đã tìm đến Tam Hải nơi xuất hiện đội tuyên truyền vũ trang giải phóng đầu tiên của địa phương, cô gái đột nhập vào xã nói chuyện với bà con hôm ấy tên là Hảo. Tôi đã tìm tới nơi, gần đấy, hình thành cuộc công kích đầu tiên của nhân dân vào sân bay Chu Lai, đến tận mồm đồi đầy gai xương rồng mà có lẽ Hảo đã đặt súng. Và cuối cùng, trước mặt tôi là một ngôi mộ, trong một nghĩa trang Phật tử, ở phía nam thị xã Tam Kỳ, có bia hắc hoi, trên bia còn rõ tên Trần Thị Hảo viết bằng sơn đỏ, vong sinh năm 1968, ngày 29 tháng tư, Hảo đã ngã xuống, một đêm tấn công nữa vào sân bay Chu Lai, xác được đồng bào cướp lại chôn về tận đây chôn cất.

Một nén hương. Một nén nữa. Một nén nữa. Một nén nữa.

Tôi bàng hoàng, nhưng không buồn. Trong cuộc tìm kiếm, ngày một dần thêm vào cuộc đời của người hy sinh, tôi thấy rõ ràng cô ngày càng lớn hơn, lớn rất nhiều, lớn hơn tôi. Trong cuộc tìm kiếm đó, tôi như được cô dạy cho đức tính hy sinh, nên khi biết cô hy sinh — tức là tôi hy sinh — tôi có bàng hoàng, nhưng mà không buồn. Dầu sao thì tôi cũng đã đi trọn con đường yêu thương của tôi, chung thủy với người đã khuất, hiến cho sự nghiệp chung của đất nước cái quý giá nhất của mình, ấy là tình yêu của tôi.

Chỉ thương cho mẹ tôi. Tôi sẽ báo tin cho mẹ tôi thế nào đây? Tôi nghĩ hoài, không quyết được nên nói với mẹ thế nào.

Cũng như buổi chiều hôm trước, tôi đi xe *lam* về nhà. Xuống xe để đi vào cổng, vừa đi được hai bước, bỗng tôi đứng sững lại: ở trong nhà có một người đàn bà đang đứng trong khung cửa nhìn ra. Trời, sao giống Nhiên thế?

Nhiên? Nhiên đó! Tôi nhầm sao được! Chính là cái vóc dáng đó, cái khuôn mặt đó mà tôi nhớ, mà tôi nghĩ tới trong hai chục năm. Nhiên cũng vậy.

Trông thấy tôi, cô quỳnh lên chạy ra, và ngã vào vòng tay tôi.

Vì Nhiên, Nhiên thật, chính là Thức. Cũng như Hảo, cũng như bao cô gái khác, để có thể làm công tác, trên bước đường xê dịch của mình, Nhiên đã đổi nhiều tên và đã lâu rồi, thực tế đã về làm dâu mẹ tôi mà mẹ tôi không biết. Còn người mà mẹ tôi tưởng là dâu, (chắc là vì thương tôi nên là nhầm ra như vậy) cha tôi có biết sự thật, nhưng vì lẽ gì đó, ông đã không nói ra.

Nhiên bây giờ công tác trên Mặt trận tỉnh, cũng ngay đây thôi. Mấy hôm nay,

đoán tôi sắp về, cô lính trên cơ quan để xem tôi thế nào đã. Biết tôi vẫn như xưa, cô trở về nhà đợi tôi.

Như vậy đó, chúng tôi gặp lại nhau, trước đôi mắt yêu thương và kinh ngạc của mẹ tôi. Lạ thực đấy, chiều hôm ấy là một chiều cuối tháng sáu, hoa phượng nở đỏ rực trên bầu trời xanh thẳm của thành phố quê hương, một người đàn ông và một người đàn bà là hai chúng tôi, chúng tôi như quên mình một đứa đã bốn mươi và một đứa ba mươi bảy rồi, chúng tôi quên mình sự thật nào đã cheo cười ràng buộc gì đâu; chúng tôi lại gặp nhau, ôm chầm lấy nhau nồng nàn như hai người thanh niên, chỉ xa nhau đâu có vài tuần, vài tháng, không phải là hai chục năm. Khi hiểu ra, mẹ tôi nở ra một nụ cười rất bao dung.

— Mẹ ạ, — tôi nói — chắc Nhiên cũng nghĩ như con thôi: rồi rồi rồi chúng con sẽ rước mẹ đi thăm chị Hảo.

Hà Nội tháng 12-1977

9 — CON TRAI CON GÁI CỤ HỒ

VIỆC phá “ấp chiến lược” ấy, công cuộc đồng khởi rồi tổng tiến công tết Mậu thân mấy năm sau, ở đây, thật sự bắt đầu bằng một ánh lửa, một ánh nhìn, một chồi xanh. Khi ngồi lại với nhau, ôn lại chuyện cũ, hai người thích nói với nhau như vậy. Anh ngăn người nhìn, không ngờ mặt mình vô tình vượt khỏi bóng tối, ló vào vòng sáng của những ngọn đèn chai chi chít mọc lên vành trong hàng rào dây thép gai. Chị, một người con gái, quần xắn cao, lưng mang một giỏ đá, một chiếc mõ dài bằng tre lơ ô treo ngang ngực, tay hèo, tay dùi, từ nãy vẫn đứng yên trong ánh sáng đỏ chạch của những ngọn đèn dầu phụng, ánh đèn dầu phụng càng làm cho chị giống hệt những pho tượng Chăm bằng đá, bằng gỗ, còn rải rác trong vùng. Chị bỗng bừng tỉnh, thẳng thốt, tức thì vung tay lên định gõ mõ.

Người con trai vội vàng rút lại, úp mặt xuống đất. Đắt từ dưới sâu hắt lên miệng hào, lởn ngổn những hòn sạn nhỏ, sắc, rắn và còn chua gắt vị phèn. Tại sao mình không chạy ngay? Trống mõ sẽ um lên bây giờ. Cả dãy già, trẻ, trai, gái, cứ năm thước một người, ai cũng dây nhợ giỏ mõ chẳng chịt như thế, cứng đờ khổ ải như thế, sẽ nháo nhác lê, gõ, gào, huơ, đuổi, ai cũng cố làm ồn hơn, có vẻ tức giận hơn người khác. Và bọn dân vệ... Không, anh không chạy. Anh muốn nhìn. Anh muốn nhìn như đêm qua anh trèo lên đồi nhìn: khu làng cũ không còn ở chỗ ngày trước, cạnh Hòn đá dựng, có một dãy cây bông goòng làm bình phong, mùa này trái goòng vỏ nứt để bông trắng bay lừng lờ đậu khắp mọi nơi — như người ta tả cho anh khi anh nhận công tác — mà cái xã ấy nó đã bị dất đến kia, xích giam ở kia, giữa ba cái hào chông rộng như ba con suối, và bốn vòng núi dây thép chẳng chịt, trên dây mọc chi chít những cây đèn chai. Trên cái nền đen kịt của bóng đêm, đã biến mất những ngọn đèn âm cúng của các mái tranh, của quán xá vốn rải rác trên khắp quê hương, chỉ còn hằn nổi những cái miệng giếng lớn, tách rời ra, xé ra, như những ốc đảo trên một bãi sa mạc màu mực tàu. Giặc Mỹ đã hóa vùng trù mật này của Quảng Nam thành như vậy đấy. Người con trai muốn nhìn tận mắt một cái xã bị cột trói như vậy, bị trói người và nhà cửa, bệ thờ ông bà và trâu bò, các lối đi và gánh xách. Người ta từng tả cho anh cảnh tượng những người dân làng mà Mỹ Diệm quàng vào cổ, vào người, vào tay chân những thứ gông cùm kia, hình thù kỳ quặc của những kẻ nô lệ cũng chưa thấy bao giờ cả ở những triều đại hà khắc man dã nhất cổ xưa. Chỉ thoáng nghe, thoáng thấy, một tiếng động, một bóng người lạ, những con người khổ nhục

chắc chắn là mỗi đêm, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút chờ mong anh đó lập tức giật nẩy người lên và hô hoán. Mười khuôn mặt lấp ló ở hàng rào dây thép gai, mười tiếng nửa đêm kêu cứu đập cửa xin vào ẩn, quá chín là địch. Địch đi dò lòng người, nắm cơ sở của ta, duyệt lại cam bẫy của chúng. Chỉ cần một thằng đóng vai “Việt cộng” như vậy lấp ló mà anh nín thinh, chỉ cần một cái cọc tre vùng anh đứng canh long gốc, anh, cả nhà anh, cả xóm anh mang họa. Không còn chữ để tả những cái họa như thế đã xảy ra cho khắp mọi người... Biết đó chỉ là bề mặt của bà con, nhưng vậy thì làm sao nói chuyện được với họ, làm sao vào được trong ấp?

Trong bóng tối, từ đầu đêm, anh đã đi một vòng quanh ấp để xem xét, và bây giờ, anh dừng lại ở chỗ người con gái này đang đứng canh.

Chị nhác nhìn thấy. Nét mặt chị đang im lìm phẳng lì chợt nhăn nhúm lên hết. Chị vung mạnh tay. Anh úp mặt, tì trán lên cái bóng tối rần lạnh, hồi hộp đợi tiếng mõ báo động sẽ đánh xuống đầu anh, cả một cơn dông bão làm bằng tiếng mõ — theo anh em tả — tiếp sau là bầy chó ngao dân vệ.

Chỉ nghe thình thịch tiếng ngực mình. Chị nghe có nó. Cái gì xảy ra vậy? Anh cẩn thận ngược lên. Người con gái vẫn còn đó, đứng đó. Chị vẫn ở ngay phía trước mặt anh, vẫn nhìn chằm chằm vào chỗ anh nằm. Cái tay chị vung lúc nãy, và cái dùi mõ, bây giờ đặt ngang ngực, đang vùi vào cái mõ, tựa đang bịt miệng nó, hết người ta tự vội bụng lấy miệng khi buột tiếng đầu một câu nói lỡ.

— Nhìn thấy cái mặt ló ra đó, em giận phát run. Da thịt bị đánh tra tôi tả những lần trước, các vết thương bồng chốc như bụi hết, buột đến tận các đầu ngón tay. Có một lần chúng thít chặt đến nỗi em ngất đi, chúng mới cắt dây cho em đổ xuống đất. Cái cổ em bây giờ cũng vệt nóng rát một đường tròn. Tao phải giết mày, cái thằng tay sai giặc Mỹ cố tình đeo đuổi lừa hại tao. Cũng không phải rồi mày hại mình tao. Chốc nữa, mày sẽ trở vô ấp đảng hoàng bằng công giữa, rửa các thứ vôi bột hóa trang đi mày lại khoác vào người bộ *tây di* của biệt kích, mày sẽ dẫn lâu la đến chà xát cả “liên gia” tao. Không biết ai sẽ bị mày quật chết, ông bác già hiền lành râu cước đứng bên trái tao hay thằng em mười lăm tuổi canh thay vì chị nó đẻ, ở bên phải tao đây. — Gõ!

— Không biết có sức mạnh nào giữ tay em lại. Y hết các lần trước. Tay vừa đến cái mõ, em hầu níu lấy nó, tợ trượt suýt ngã xuống cái hố sâu vùi bám được cái gì. Lần đầu bị thằng chó nó bẫy. Lần thứ hai lại bị. Lần thứ ba cũng thế. Nhưng rủi lần này mới là người đảng mình thì sao? Chóng hay chầy thế tất các anh ấy cũng đến. Bà con khắp miền Nam đều tin rằng trên đất nước

chông gai này, không chỗ nào nhân dân chịu đắng cay mãi mà Cụ Hồ không phải người đến. Nếu đúng lần này là các anh ấy thì sao? Các anh ấy mà tới, chỉ cần một người đầu tiên thôi thì cũng đã là cái tin sống cho toàn dân xã, cho toàn vùng. Ngày mai, ngày một, vẫn còn một phần cơm, một phần trái *mắm*, vẫn còn phải giỏ đá, đèn cây, mỡ gậy thế này, song tất cả những cái đó sẽ không còn nặng như hôm nay, vì rằng, bên dưới, trong bóng tối, mọi sự đều đã đổi khác... Gặp người đắng mình, thế vậy mà mình gõ, vì mình sợ, vì mình bảo mạng, vì mình hèn, vì mình tiếc cái thân sống sót của mình khi cả cha mẹ họ hàng đã vì chúng ta tàn rụi: cả xã sẽ nguýt háy mình, nhổ vào mặt mình. Khổ, người ta rửa; chết, người ta oán. Nhưng rủi lại là nó nữa? Lần này, chắc nó đánh chết. Chết, nhưng bà con tiếc. Cách mạng tới, bà con sẽ kể lại: “Con nhỏ quyết trông chờ các anh cho đến khi bị giặc Mỹ đánh chết. Bao nhiêu lần bị lừa, nhất định kiên gan không chịu gõ mõ”. Rồi nhiều người sẽ làm như mình, nhất định không gõ mõ lần nào hết. Một ngày nào thôi mà, cách mạng sẽ tới. Chúng nó không lừa mình mãi được. Chúng nó cốt tạo cho dân thành thói quen, tại sao ta không tạo cho nó một thói quen ngược lại: “Vô ích, dân áp không chịu làm thế đâu, chỉ tổ gây thêm thù oán...”?

Em mong khuôn mặt vô tình lộ ra lần nữa, cố nhướn mắt thật to xem nó thế nào. Nếu em nhìn lại được tường mặt anh, em có thể xét đoán anh chính hay tà. Những đứa buôn bán tội ác có cái gì trên mặt rất giống nhau, cái đó thì em biết lắm. Có trời mà hay ông bác già bên trái, thằng em bên phải có như em trông thấy anh không, đầu họ có đang bao tấp như đầu em không mà mắt họ cũng chăm chăm vào chỗ em nhìn thế, họ cũng lơ lảo tợ kẻ mất hồn thế? Địch hay ta? Trên vùng đất nham nhở, dần dần lại hiện rõ những lớp dây thép gai chằng chịt, những cột tre lờm chờm, những hầm hào toác hoác, trơ trụi. Em thất thểu về nhà, phó mặc may rủi. Hoặc vừa rồi mình đã gặp cái họa lớn nhất hoặc cái phước to nhất. Một mỏi quá sức, em ực một gáo nước lạnh và đắp chiếu ngủ. Thức dậy, trời sắp đứng bóng: “Quái chưa đứa nào tới bắt mình hết!”

Anh chiến sĩ trẻ vụt trở nên thông dong, áp sấp một bàn tay lên mặt sỏi lờm chờm, giá lạnh thì cầm lên đó ngược nhìn một lúc lâu nữa.

“Sát nách địch, nhìn đồng bào, cậu sẽ thấy yên tâm” Đồng chí nào nói cái kinh nghiệm ấy? Lúc này, người ta chỉ thấy nổi lên thăm thì tổng quát trong lòng những lời nói đúng vào phần chân.

Bây giờ anh biết số phận anh bắt đầu có liên quan đến số phận riêng của người con gái trước mặt kia. Được lệnh đi “mở ra” cho đồng bào áp chiến lược, từ trên núi, cách mấy ngày đường, anh đi luôn xuống đây, nằm ở đây.

Nhưng bây giờ, anh biết không thể vào ngay bên trong ấp bằng cách luồn đại qua “ba sông bốn núi” như người ta dễ hình dung.

Lúc này, anh mới nghĩ đến việc tìm trở về làng cũ của bà con bị giam trong ấp.

Ai có mặt ở Quảng Nam những năm đó đều nhớ hình thù những làng xã sau khi đồng bào bất thần bị “xúc” đi, nghĩa là bị trì kéo đi, bắt cóc đi, đến nhốt ở các trại tập trung gọi là “ấp chiến lược”. Sau mấy ngày bắt tin, một mờ sáng nào đó, ầm ầm một đoàn cam nhông chạy tới, vài chiếc xe bọc sắt dẫn đầu, phân phối đi các ngả trong làng. Từ trên mỗi xe, hằm hằm lao xuống một phân đội lính, đưa cầm súng ngắn lăm lăm chĩa mồi, những đứa khác chia đi các nhà, dựng người ta dậy, kéo chăn, rút phăn, tháo giường, dọn bàn thờ, quơ quần áo đang mắc trên dây, hắt bu gà, trói lợn, dỡ mái tranh... và ném lên các chiếc moóc. Để xua đàn bà trẻ con còn bầu lầy những vách nhà nền nhà giờ đã trống trơn, chiếc xe bọc sắt đàn độn lăm lăm lì lì lăn qua cái hàng rào ken đặc dưa leo, lũng lảng những chùm rất sây hoa thiên lý, nghiêng dè lên các vòng khoai lang, các bụi ớt, các bồn hoa vạn thọ đang phe phẩy, không nói không rằng, tiến tới húc vào một bức vách. Bức vách trắng rùng mình một cái nứt ra, chao nghiêng, gượng lại một chút, rồi đổ xuống phía trong với một tiếng nắc đục, dè lên cả khoảng đất chữ nhật trước đây còn gọi là cái nhà, còn ấm hơi nóng của người, ấm những vui buồn của những đời người. Trong lúc đó, hai mái tranh hụp chân ngã chúi về phía trước, phủ cả lên chiếc xe bọc sắt đang lùi ra, máy ồ ồ lấy đà bò sang vườn nhà khác, giữa tiếng gào, tiếng kêu trời, tiếng chửi rửa xé ruột xé gan, đột ngột cắt quãng bằng những chốc im bất khiếp điếng. Rồi thì bắt đầu cuộc săn người. Bắt người như bắt gà, chụp đây một bà già, kia một đứa con nít, thộp đầu, day tay, vừa chửi: “Sư cái giống sung sướng không muốn cứ muốn chui rúc như...!”

Cái làng quê, mỗi khi nhớ tới, tất cả như bốc lên trong trí ta thành màu xanh màu nâu lạnh lói, thoảng phả lên mũi ta những mùi ngan ngát quen thuộc, chỉ nửa tiếng thôi, cái làng ấy trở nên dị dạng, tàn hoang. Hoang vu với vàng úa và mốc âm trườn tới, bắt đầu gặm nhấm. Những mái nhà đã sụp mỗi ngày lung còng thêm một tắc, cỏ mỗi ngày rướn một tắc, kêu la dữ cuối cùng được mười tiếng đồng hồ ra khỏi “ấp” trở về làng cũ, có cả tốp lính đi kèm, để mót máy đồ đạc còn bỏ sót. Sau đó tuyệt đối cấm vắng lai. Để lệnh cấm thêm hiệu nghiệm, pháo đồn không ai đoán định được ngày giờ thỉnh thoảng rớt tới làng cũ một chập đạn đại bác, còn điểm canh của ấp bao giờ cũng có thể tự do xả súng máy vào những chỗ có gợn cỏ lay động.

Anh chiến sĩ trẻ tìm một chỗ kín nằm, một nỗi vui mới mẻ đưa anh vào giấc

ngủ. Tuy vậy, anh thiếp không lâu, thức liền với tia nắng sáng, trời dậy nhìn quanh bờ ngõ và bỗng một ý nghĩ làm anh trở nên tỉnh táo hẳn: “Cô ta sẽ đến tìm mình ở đây, thế nào cô ta cũng đến”. Chính là cái ý nghĩ, mấy giờ trước, bỗng hướng chân anh trở về khu làng cũ của ấp chiến lược. Tại sao, anh không rõ hẳn. Do kinh nghiệm công tác, hay do linh tính? Cái ý nghĩ ấy làm cho lòng anh sáng rõ, tin là mình trông thấy sự thành công rồi. Anh bất giác đưa tay sờ túi lương, bây giờ mới thấy đói, nhưng rồi lại chưa ăn vội, thơ thẩn bước ra khỏi nơi trú ẩn, ngược cho nắng ấm chiếu vào mặt, đảo mắt nhìn quanh một vòng. Bốn bề im vắng, cái im vắng vàng úa chốc chốc điểm một tiếng chim tu hú, giống hệt một nơi bìa rừng. Hoang tàn, gãy nứt, xiêu nát, vết cắt bánh xích xe bọc thép cứa lên nền đất sét, vết dằn cọ, trì kéo: một ống tay áo vá quàng, một chiếc dép da trẻ con rơi vãi bên lối đi, trên bụi keo non. Anh bắt đầu đi lang thang khắp các nhà trong thôn, cố hình dung lại đời sống của hàng xóm trước kia. Nhà này chắc của một ông già hay chữ. Cái giá sách nhỏ còn dính vào rui mái bằng một sợi mây, giấy chữ Hán khắc gỗ có những khuyên mực đỏ vàng ố tơi tả khắp mọi nơi. Đây là một cái dãy bằng đùi: bà già, hay cô con gái, có đi buôn tơ ở các phiên chợ trong vùng. Còn kia, cái bếp lò con nguyên cái ấm thiếc nhỏ và cái quạt tre: bốn giờ, giờ ông già ít ngủ trời dậy, đang quạt lò rửa ấm chén pha trà thì chúng nó ập đến “xúc”. Nhà thứ hai này là thợ rèn: nhìn nền đất kê bể có hai lỗ thông sang bếp than kia, nhìn cái đồng sắt vụn gì kia thì biết.

Anh đắm đắm nhìn những đồ đạc gãy vỡ tìm hiểu thêm sinh hoạt của những người khác trong nhà, bỗng trông thấy miệng một cái hầm bí mật. Thế rồi anh để ý tìm xem, biết nhiều nhà có hầm. Xe bọc sắt đè sập một số nhưng nhiều hầm vẫn còn tốt. Đáng chú ý là trong mười tiếng đồng hồ được phép trở lại làng, các chủ nhà đã không thừa dịp hủy cái vết tích có thể làm cho họ liên lụy đó. Người ta cũng không buồn bẻ ngô: ngô núi đã già, hột trắng bệch, chim rĩa vung khắp trên mặt cỏ. Dưới các mái nhà dè lên đồ đạc đồ vỡ, chốc chốc lại thấy bỏ sót nửa chum khoai lang khô, trời đất! vẫn còn đây nắp, một bìa thuốc quăn trong chum. Anh đi như vậy suốt một ngày, thích thú với sự cố gắng dựng lại trong trí sinh hoạt trù phú của làng xã cũ, giống làng xã vùng quê anh, với những khuôn mặt vốn hồ hởi và đôn hậu, trở nên khép kín, khắc khổ và quyết liệt. Như vẫn còn vẳng đâu đây tiếng lách cách của khung cửi dệt đùi phảng phất cái hơi vừa ấm vừa bụi quen thuộc của nhộng kén, tiếng đập chiếu trưa trên các thành giếng, cả những tiếng thầm thì nửa miệng khi chạng vạng, tiếng khóc cắn ngậm lại trong đêm... tất cả như vẫn còn, tưởng chừng như bới lên thì có thể tìm thấy, phả lên từ các vụn nát, níu lấy

chân anh.

Nhưng anh vẫn bắt gặp mình mong đợi một sự kiện, mong đợi một người. Mặt trời đã lặn. Anh thông thả đi lại phía đầu làng nơi gần ấp nhất. Anh đứng sững: từ sau một bụi tre, phát pheo mấy sợi khói mảnh: ai đến lúc nào, đã bày ở đây một mâm cúng! Trên mâm: gà, xôi, chè. Thả hương đã lụn. Người cũng đi rồi, về ấp rồi.

Tôi đợi mãi, rình mãi, đến tối mịt vẫn không thấy ai trở lại. Bấy giờ mới sực nhớ những điều anh em kể: mâm cúng ấy chẳng phải dành cho ma quỷ âm hồn nào hết mà cho mình đây. Nhiều thế này chắc để mình dùng nhiều ngày. Cô ơi, tình hình cô xích xiềng dọa nạt đau khổ như vậy, cô còn chưa gấp hay sao? Cô còn tránh tôi chắc vì còn ngại. Nhưng đối với cô, tôi mới chỉ là cái bóng thôi mà, cô dè dặt cũng phải. Cô không quản nguy hiểm tìm tới, kín đáo cho tôi ăn, thế là tôi cũng có cái để mà mừng rồi. Cách mạng là một quá trình, tôi sốt ruột là vô lý. Tôi đợi cô vậy, biết thế nào rồi cô cũng ra mặt, tôi chọn một cái hầm làm đúng cách nhất, tinh xảo nhất, có nhiều ngăn, rút về nằm ngủ ở đây, thích thú với cái ý nghĩ sắp chấp được mới. Nhưng hai ngày vẫn chưa thấy cô đâu. Ngày thứ tư, tôi bất thần bắt gặp một mâm cúng y như lần trước ở một nơi khác. Lại chỉ mâm cúng thôi, người cúng không ở lại.

— Thật ra, em không còn phải suy nghĩ do dự gì nữa. Đợi một ngày không thấy động tĩnh gì, bấy giờ chắc chắn hình ảnh đêm qua không phải là địch, em liền theo bà con làm đồng, tìm cách mang cho anh một ít thức ăn. Nếu chúng nó gặp, vặn thì nói tôi đi cúng. “Cha mẹ chị em tôi oan khuất như thế cứ gào khóc mãi bên tai tôi, suốt ngày suốt đêm, tôi chết mất các ông ơi!”. Chắc anh ở làng cũ chứ không ở đâu. Đêm ấy trở về nhà, lắng tai nghe nữa, xem có đứa nào chú ý đến hành động mới của mình không. Không. Em mới bắt đầu ý định của em. Tối lại, đứng canh, nhân lúc gió nổi, em đánh tắt ngọn đèn chai của em, em đến chỗ bác già đứng canh, em xin mời lửa. Hai ông con đồng cúi xuống cúi húi, em rỉ tai bác: “Bác hãy nhìn rõ mặt con: con có phải là đứa phản không, phản oan hồn cha mẹ con, phản bà con chòm xóm; cuộc đời khốn khổ của con có đủ cho bác tin không? Còn con thì con tin bác. Bác cũng khổ lắm, nhiều thù nhiều oán lắm, sắp xuống lỗ rồi mà người ta vẫn nhẫn tâm coi như là trâu ngựa”. Bác già nhìn sừng em. Kinh ngạc, sợ hãi, lại kinh ngạc... rồi bỗng nhiên bật lên nói: “Có gì cần bàn con cứ bàn với bác. Con nói đúng đấy. Ông con ta chỉ còn có cái bụng mà cái bụng lại không ra gì nữa thì đúng là trâu ngựa thật đó thôi. Nhưng thôi, để cho bác hỏi trước, có đứa nào nghe thì bác mang họa chứ không phải con: người tối kia là người đảng mình phải không con? Đã lọt được vào trong ấp rồi à, con?” Thì ra,

trông thấy anh đêm trước và nín thinh, và mong mỗi bồn chồn suốt từ ấy đến nay, không phải chỉ một mình em. Em mừng quá, bấy giờ buộc nói: “Bác ơi, cách mạng đến rồi...”. Thế thôi đấy, thế đấy. Em thắp đèn xong, trở về chỗ cũ, móc lên sợi dây thép gai trước mặt thì một lúc sau, thằng em trai đứng bên phải em, đi canh thay cho chị nó để đấy, đến lượt nó làm tắt đèn và đến em xin lửa...

— Hôm nào tôi định đêm đến lại đến bên hàng rào áp chiến lược xem cô còn đấy không, y như hôm ấy, tôi lại được nhận lương ăn. “Hãy đợi!” Các mâm cúng của cô có ý bảo như vậy. Có việc gì thế, khó khăn thế nào? Suy nghĩ về những việc sẽ làm sắp tới không hết thì giờ. Muốn suy nghĩ dài phải dựa trên những điều cụ thể. Tôi chỉ có thể nghĩ loanh quanh về việc cô cho tôi giáp mặt và cô tìm cách đưa tôi vào ấp, cô nhẹ nhàng nhổ cái cọc tre đóng hờ nào đó, hay tôi cải trang và cô bố trí cho tôi vào cổng giữa. Nằm mãi trong hầm chán quá, những lúc không suy nghĩ gì, tôi mò ra, lại đi lang thang trong làng, bắt đầu từ khu vườn tôi ở. Tôi đi bẻ những bắp ngô bị gió xé, đem chát cắn thật vào trong các hầm. Tôi đi gỡ các chum khoai khỏi các cột kèo sụp đổ và mang đi cất giấu dưới mặt đất. Đồng bào bị “xúc” đi, để các lương ăn ấy lại, như không thiết, không kịp lấy, là có ý giành lại cho những người cán bộ chắc chắn thế nào cũng tới đây như tôi: còn những người cán bộ tới được đây như tôi thì phải biết trân trọng của cải của bà con lúc bấy giờ đã sa sút, bấy giờ lại càng cơ cực lắm. Ở một ngày, ở hai ngày, ở ba ngày, nơi ẩn náu dần dần thân thuộc. Tôi quét tước dọn dẹp, nhặt rác bên trên mặt đất, thu xếp các nhà cho đỡ ngổn ngang. Trong những buổi tối trời, tôi tản mần đi tưới cả những gốc chanh giờ sống chết nhờ trời, nắng nhiều mưa ít nhiều nhánh đã cháy khô. “Giặc Mỹ chúng mày đi đến đâu cây héo lá vàng đến đó. Chiến sĩ giải phóng chúng tao chân đặt đến đâu, chỗ ấy sống lại”. Tôi hết sức thú vị khi thấy, do công chăm sóc kiên nhẫn của tôi, một cái chồi xanh non bỗng nhú ra trên cành cây vốn đã hấp hối nào đó. Tự nhiên tôi nảy ra ý nghĩ này: “Biết có người dung vãn để mắt chăm sóc vườn tược của mình, bà con sẽ nghĩ đến vườn tược mình nhiều hơn. Bà con sẽ đi đến chỗ dần dà tự mình chăm sóc lấy, rồi dần dà nghĩ đến việc trở về. Tiếng gọi của quê hương bao giờ cũng mạnh lắm. Một ngày nào đó người ta khắc hỏi xin mình vũ khí. Rồi vùng dậy. Cách mạng, như vậy đấy, bắt đầu từ một cái chồi xanh...”

— Anh toan gieo cả bắp nữa cơ đấy, em thấy anh buộc lại từng tùm bắp giống để trong các hầm... Còn em, em phải sắp xếp thật sẵn sàng đã mới giáp mặt anh được. Em nghĩ làm thế lợi hơn. Em đi làm lại các màng lưới. Không phải là em, mà thật ra chính là anh, anh có hiểu không nhỉ, chính là anh đã đi

làm các màng lưới đó. Chứ không ư? Em chỉ cần nghĩ thầm! “Cách mạng đã tới ấp ta, thím ơi!...” thế là người ử rủ nhất, sau khi hỏi lại kỹ cũng mừng đến cuống lên, mắt sáng lên và hỏi em bây giờ cần họ làm gì. Ô! Em chỉ muốn tìm biết lại bụng dạ họ thôi, “điểm lại sổ quân” thôi, còn họ phải làm gì, em phải làm gì, ấp phải làm gì, cái đó phải tìm hỏi anh. Em, em muốn khi gặp anh, anh thấy em là nhìn thấy cả làng chứ không phải một mình em đơn độc. Khi mọi việc đã tiêm tiệm, em đi tìm bác già bàn với bác để em đi tới chỗ chỗ anh, lần này gặp anh. Bác già đòi đi theo em: “Có phải hy sinh thì bác cũng đã già rồi”. Em khẳng khẳng không chịu: “Con còn trẻ, nhưng sống ô nhục thế này thì hy sinh cũng chẳng có gì phải tiếc”. Đến lúc đó, bác già đòi đi cùng. Em nói nghiêm trang: “Nhân danh cách mạng tôi quyết định đồng chí ở lại đề phòng mọi bất trắc”. Lâu lắm mới nghe nói như thế, bác già nhìn thấy em đột ngột hết sức, rồi đồng ý. Cũng như mọi bận, em đi theo người làm đồng. Cũng như mọi bận tìm cách lủi đi tiếp tế cho anh thôi, nhưng lần này sao em cứ cuống lên, chân này đá phải chân kia hoài. Chỉ một tin anh đã tới, ấp đã hồi sinh rồi, ấp đã sẵn sàng rồi, đã gài sẵn quả pháo và chỉ còn đợi châm ngòi thôi. Em đi tìm anh, nói với anh thế đấy. Em đến thẳng chỗ anh ẩn. Làm sao biết, anh hỏi. Cũng chẳng khó gì. Con bạn thân em có cái hầm làm kỹ nhất, anh em trước đi về hay ở đấy. Thằng giặc ngốc giết bạn em mà cứ để nguyên cái hầm. Em đi đến thẳng đấy, chui ngay vào cái nóc sập úp lên nền nhà, vệt vôi vữa tôi tả, lách vào tới miệng hầm. Em có cái cảm giác rất lạ: người ở dưới kia là con bạn em chứ không phải một anh cán bộ lạ đâu. Em ngồi xuống thở đã. Khi thấy mình đã bớt hồi hộp, em mới ngoảnh vào phía trong mở mồm định nói. Nhưng sao cổ cứ nghẹn. Một lúc lâu mới cố gắng mở miệng được bằng một câu thật không định trước:

— Tôi là con gái cụ Hồ đây.

Anh không hưởng ứng, không đáp. Nhưng tai em tinh lắm, em nghe có tiếng thở. Em mừng quá. Em vụt dạn hơn, em nhắc lại:

— Tôi là con gái cụ Hồ đây. Nếu các người là địch thì hãy ra đây mà giết tôi. Dễ thôi: tay tôi không có vũ khí, tôi cũng chẳng thèm chạy đâu. Còn nếu anh cũng là con cụ Hồ thì anh hãy ra cho tôi gặp một chút.

Anh vẫn không lên tiếng. Em đợi một chút, cổ lại nghẹn nhưng lại nói dài hơi:

— Hoàn cảnh tôi rất khó khăn, anh trông thấy rồi đấy. Tôi không tới đây được lâu. Giặc bắt được quả tang, có sao, mạng tôi, tôi không cần, nhưng lỡ hết việc mất. Anh ra cho tôi gặp. Có phải anh là người lần đến hàng rào ấp chiến lược tôi hôm ấy không...

Em nói một hơi không nghỉ, lướt cả lên trên tiếng thở của anh. Không ngờ anh đã bước đến, đã tới bên em và nói, giọng anh xúc động:

— Đúng! Tôi cũng là con trai cụ Hồ. Tôi đang đợi đồng chí đây.

Đồng chí bước lên đi.

Tháng 9, từ hôm Bác mất đến tháng 11 -1969

10 — TRUNG THÀNH

ẤY là buổi đầu, vào thời kỳ đen tối nhất.

Những ngày trước, nghe tiếng mõ sục đuôi, chặn bắt nổi lên, và nghe người ta nói kẻ bị tìm kiếm là anh, người con gái chẳng đứng đâu ngồi đâu yên.

“Tội anh ấy chưa! Tội anh ấy chưa!” chị kêu thầm, quýnh lên như vậy.

Chị không ngờ con chim sẻ lọt khỏi các lưới, và một buổi tối bỗng hiện ra trong vòng ánh sáng bếp lửa của chị. Đột ngột quá, người con gái run lên.

Thấy chị run, người con trai quần áo ướt đầm, tiều tụy, chỉ lạnh lùng nói:

“Cho tôi ăn ba miếng rồi tôi đi”.

Nhưng người con gái tức thì hất mạnh mặt lên nhìn, như vừa đọc thấy những ý nghĩ không công bình phía sau câu nói đó của người con trai. “Mặc kệ!”

Người con trai còn chưa kịp nghĩ, chị đã đưa tay nắm lấy tay anh, dắt anh bước lên hè, luồn qua nhà trên — trên một cái chõng, có tiếng ngáy của ai — và vào trong buồng tắm. Buồng đang có tắm, tắm đang ăn sào sạo, nghe hăng hăng chua chua mùi lá dâu. Chị đẩy anh lui sâu vào bên trong cửa, ấn anh ngồi xuống một cái nong không, và thì thào:

— Tôi đi lấy quần áo của cha tôi cho anh thay. Rồi đi nấu cơm cho anh ăn.

Khi đã được an toàn, người con trai lại đề phòng. Trong tối đen, khi người con gái trở lại đứng ở cửa ném thầm vào chỗ anh ngồi một bộ quần áo, chị không chú ý vật chị ném rơi một tiếng đục xuống cái nong không. Cẩn thận, anh đã đổi chỗ.

Anh men lần trở ra cửa buồng nhìn xuống nhà dưới. Nếu cô ả làm mẹo để đi báo, nếu chúng nó ập tới, mình vọt ra cửa như thế nào. Và rồi xem cô ả có dao động không, có thay đổi không, là người như thế nào, “mức độ nào”.

Nhưng người con gái đã hoàn toàn hết sợ. Chị vừa lúi húi nấu cơm, đặt cơm, đặt cà, cá vào trong một cái thúng, sẹ sàng bùng lên, e cha thức giấc, vừa nghĩ lung lăm. Giúp anh ta thì phải giúp rồi, nhưng để cho anh ta ăn rồi đi, nguy hiểm cho anh ta biết bao! Hay giấu anh ta, giấu ở đâu, cũng cần phải biết anh ta là người như thế nào, có thật là người đáng mình không đã.

Khi người con gái bùng cơm lên trở lại chỗ cũ, chị không còn thấy người con trai ở đó nữa. Chị hiểu ra ngay. Không kịp phật ý, trong bóng tối, chị khẽ nhếch miệng cười, và bất giác bật lên hai tiếng chắc lưỡi:

TRUNG THÀNH

ẤY là buổi đầu, vào thời kỳ đen tối nhất.

Những ngày trước, nghe tiếng mõ sục đuôi, chặn bắt nổi lên, và nghe người

ta nói kẻ bị tìm kiếm là anh, người con gái chẳng đứng đâu ngồi đâu yên. “Tội anh ấy chưa! Tội anh ấy chưa!” chị kêu thầm, quỳnh lên như vậy. Chị không ngờ con chim sẽ lọt khỏi các lưới, và một buổi tối bỗng hiện ra trong vòng ánh sáng bếp lửa của chị. Đột ngột quá, người con gái run lên. Thấy chị run, người con trai quần áo ướt đầm, tiều tụy, chỉ lạnh lùng nói: “Cho tôi ăn ba miếng rồi tôi đi”.

Nhưng người con gái tức thì hất mạnh mặt lên nhìn, như vừa đọc thấy những ý nghĩ không công bình phía sau câu nói đó của người con trai. “Mặc kệ!” Người con trai còn chưa kịp nghĩ, chị đã đưa tay nắm lấy tay anh, dắt anh bước lên hè, luồn qua nhà trên — trên một cái chõng, có tiếng ngáy của ai — và vào trong buồng tắm.

Buồng đang có tắm, tắm đang ăn sào sạo, nghe hăng hăng chua chua mùi lá dâu. Chị đẩy anh lui sâu vào bên trong cửa, ấn anh ngồi xuống một cái nong không, và thì thào:

— Tôi đi lấy quần áo của cha tôi cho anh thay. Rồi đi nấu cơm cho anh ăn. Khi đã được an toàn, người con trai lại đề phòng. Trong tối đen, khi người con gái trở lại đứng ở cửa ném thầm vào chỗ anh ngồi một bộ quần áo, chị không chú ý vật chị ném rơi một tiếng đục xuống cái nong không. Cẩn thận, anh đã đổi chỗ.

Anh men lần trở ra cửa buồng nhìn xuống nhà dưới. Nếu cô ả làm mẹo để đi báo, nếu chúng nó ập tới, mình vọt ra cửa như thế nào. Và rồi xem cô ả có dao động không, có thay đổi không, là người như thế nào, “mức độ nào”.

Nhưng người con gái đã hoàn toàn hết sợ. Chị vừa lúi húi nấu cơm, đặt cơm, đặt cà, cá vào trong một cái thúng, sẹ sàng bung lên, ẹ cha thức giấc, vừa nghĩ lung lắm. Giúp anh ta thì phải giúp rồi, nhưng để cho anh ta ăn rồi đi, nguy hiểm cho anh ta biết bao! Hay giấu anh ta, giấu ở đâu, cũng cần phải biết anh ta là người như thế nào, có thật là người đảng mình không đã.

Khi người con gái bung cơm lên trở lại chỗ cũ, chị không còn thấy người con trai ở đó nữa. Chị hiểu ra ngay. Không kịp phật ý, trong bóng tối, chị khẽ nhếch miệng cười, và bất giác bật lên hai tiếng chắc lưỡi:

Chậc! chậc!

Người con trai tận đằng cửa, nghe chột giật thót lên. Như là cái bóng tối đen đặc nơi anh đứng cũng giật lên vì mừng rỡ. Anh vội vã chắc lưỡi trả lời!

Chậc! chậc!

Chị hướng về chỗ có tiếng chắc lưỡi, quờ tay tìm anh ta. Anh ta nhích từng bước một quờ tay tìm chị. Tay người con gái chạm tay người con trai, chị không rút lại, chị ấn anh ngồi xuống. Mùi chua nồng của bộ quần áo anh mới

thay phả vào mặt chị:

Đưa đây, tôi giặt cho. Anh ăn vội đi. Người con gái thì thầm. Người con trai ngồi xuống sờ soạng tìm đũa, thừa dịp nói:

Chả cần giặt. Cô nên đem chôn giùm, cho phi tang, khỏi mang họa.

“Anh ta dò mình!” Người con gái nói thầm. “Dò thế nào được!” và chị nói sẽ: Đến “đầu hàng xuất thú” như anh cũng còn mang họa nữa là! Người con trai ngừng ăn, sục lên:

Ai bảo cô thế?

Chị lặng lẽ mỉm cười trong bóng tối.

Nhưng người con trai biết mình hớ mà không làm thế nào được, đành phải nói luôn:

“Đầu hàng xuất thú” thì chả phải đến đây... tìm liên lạc!

Anh chỉ định nói “đến đây để kiếm ba miếng ăn rồi đi”, nửa chừng, bỗng nảy ra ý chuyển ra như vậy để xem chị có bối rối không.

Người con gái vừa reo thầm lên trong bụng: “Đúng rồi”, chợt hốt hoảng:

“Không, không phải!” Ngôn ngữ anh em không phải như vậy. Chị nghiêm sắc mặt, giọng đanh lại, lạnh tanh:

Họ đang lừa anh, họ lừa được anh thì họ giết, nhằm hay không họ cũng giết. Cho nên tôi giúp anh. Bạn cũ với nhau, không thể đối xử tồi tệ với nhau. Còn con đường nào phải, anh ăn rồi anh đi, tôi không biết. Tôi không biết gì hết! Không việc gì phải thử tôi, đem cái chết lại cho tôi!

Chị ngả lưng vào vách, vòng hai tay qua đầu gối, bỗng dưng cảm thấy tiếc và mệt mỏi.

Biết chị giận, và hiểu nhầm, người con trai hối hận về sự vụng về của mình, tìm cách sửa chữa. Nhưng cùng một lúc, lòng anh cũng reo lên vì thế.

“Đúng!” Anh tự nói. Anh tìm trong trí một tín hiệu nữa để thay cho lời nói, anh cũng tự biết anh nói rất vụng về. Lần này là lần đầu chúng nó đánh bật anh ra khỏi nhà. Chúng nó nghi rất đúng anh là du kích, có tham gia đánh đồn X, mà anh phải lánh.

Nhưng tín hiệu không đủ trong trường hợp này. Anh đành phải nói thẳng:

— Tôi không tin là cô không biết gì hết. Vì vậy nên tôi mới vào đây. Còn tôi, tôi không phải là người khốn nạn. Nếu chúng nó tới, chết tôi chịu, không gieo vạ lây cho cô đâu, không khai đâu. Tôi chỉ xin cô bữa ăn thôi rồi tôi đi. Trước khi đi, cần nói được với cô rằng thời buổi khổ lắm, khó lắm, lộn xộn lắm, nhưng những người thanh niên chúng ta phải sống không sờn, chết không sợ, phải dũng cảm chiến đấu...

Không, người con trai nói không giống hẳn những anh em hay tới lui nhà

này, nhưng cách nói của anh, những điều anh ta nói như càng lúc càng với được tới và chạm trúng quả tim đang ngằn ngừ luyến tiếc của người con gái. Chị đôi dánh ngồi, hơi rướn tới đằng trước, gọi cho người con trai nói thêm nữa và căng thẳng óc lắng tai nghe. Người con trai cũng cố hết sức nhận xét qua những lời đáp của chị. “Đúng người đằng mình! — Không phải! — Đúng! — Không phải! — Đúng! — Đúng!”. Trong bóng tối đen đặc, qua tiếng thì thào lẫn đi trong tiếng rào rào của buồn tằm đang ăn lên, họ nhận xét lẫn nhau như vậy. Họ kéo dài rất lâu sự dò xét mệt mỏi đó. Anh, để quyết định một điều ghê gớm: lại lao ra trong bóng đêm giữa những hồi mỡ sục đuôi của Mỹ — Diệm; chị: để cứu anh, giữ anh lại qua lúc này, làm sao giữ anh lại mà không nguy hiểm gì cho anh em, và cho cha chị, chị biết cha chị đã tỉnh rồi nhưng vẫn vờ ngủ ở nhà ngoài để canh cho chị kia.

Người con gái thạo hơn vẫn kín đáo cho đến cùng. Người con trai lúc mới vào buồng tằm, nghi ngại là thế, đề phòng là thế, bỗng là người trước tiên tự thú nhận, đi dần vào tâm sự. Anh kể cho chị nghe những chuyện đã xảy ra với anh mười ngày qua, gian lao, cay đắng, đủ.

Có chết cũng phải làm được việc gì tốt cho cách mạng đã. Tôi tìm chỗ nấu ít bữa rồi trở về chứ. Đến mức chúng tưởng mình chết rồi, mình chạy xa rồi thì mình sẽ về ngay nơi chúng đánh mỡ ấy. Tôi nghĩ kỹ rồi.

Có đấu tranh quyết liệt mới khỏi mất đầu, mất dân, mất Đa... Câu sau cùng người con trai nói làm cho chị hốt hoảng. Tiếng ấy, trong hoàn cảnh này, chỉ được phép nghĩ tới thôi, không được phép nói lên! Chị vội vã chồm tới muốn bịt miệng anh ta lại, không cho cái tiếng cuối cùng kia bật ra.

Nhanh lên. Không nghi ngờ gì nữa. Không chần chừ gì nữa. Người con gái, vội vàng mà gượng nhẹ, thu dọn bát đĩa, và dắt tay người con trai đi ngược trở ra.

Lạ nhất là ông già đã biết trước, đã thức dậy, đã nhấc cái chõng sang một bên, kéo sẵn cái nắp hầm và đứng đợi đó, không hỏi con gái một câu.

Một lúc sau, căn nhà lại vắng lặng như cũ. Ông già lại nằm ngủ ở chỗ cũ. Mà người con gái thì thân nhiên bê cái nong dậu đã thái sẵn từ bếp lên nhà trên, vào buồng tằm, chong đèn rắc dậu lên cái nong tằm. Những con tằm nghe mùi dậu, thấy ánh đèn, ngóc cao đầu chờ chị. Người trong làng vẫn quen trông thấy chị lịch kịch vất cả với dậu với tằm như thế suốt đêm.

— Chậc! chậc!

Người con trai tận đằng cửa, nghe chột giật thót lên. Như là cái bóng tối đen đặc nơi anh đứng cũng giật lên vì mừng rỡ. Anh vội vã chắc lưỡi trả lời!

— Chậc! chậc!

Chị hướng về chỗ có tiếng chắc lưỡi, quờ tay tìm anh ta. Anh ta nhích từng bước một quờ tay tìm chị. Tay người con gái chạm tay người con trai, chị không rút lại, chị ấn anh ngồi xuống. Mùi chua nồng của bộ quần áo anh mới thay phả vào mặt chị:

— Đưa đây, tôi giặt cho. Anh ăn vội đi. Người con gái thì thầm.

Người con trai ngồi xuống sờ soạng tìm đũa, thừa dịp nói:

— Chả cần giặt. Cô nên đem chôn giùm, cho phi tang, khỏi mang họa.

“Anh ta dò mình!” Người con gái nói thầm. “Dò thế nào được!” và chị nói sẽ:

— Đến “đầu hàng xuất thú” như anh cũng còn mang họa nữa là!

Người con trai ngừng ăn, sục lên:

— Ai bảo cô thế?

Chị lặng lẽ mỉm cười trong bóng tối.

Nhưng người con trai biết mình hớ mà không làm thế nào được, đành phải nói luôn:

— “Đầu hàng xuất thú” thì chả phải đến đây... tìm liên lạc!

Anh chỉ định nói “đến đây để kiếm ba miếng ăn rồi đi”, nửa chừng, bỗng nảy ra ý chuyển ra như vậy để xem chị có bối rối không.

Người con gái vừa reo thầm lên trong bụng: “Đúng rồi”, chợt hốt hoảng:

“Không, không phải!” Ngôn ngữ anh em không phải như vậy. Chị nghiêm sắc mặt, giọng danh lại, lạnh tanh:

— Họ đang lừa anh, họ lừa được anh thì họ giết, nhằm hay không họ cũng giết. Cho nên tôi giúp anh. Bạn cũ với nhau, không thể đối xử tồi tệ với nhau. Còn con đường nào phải, anh ăn rồi anh đi, tôi không biết. Tôi không biết gì hết! Không việc gì phải thử tôi, đem cái chết lại cho tôi!

Chị ngả lưng vào vách, vòng hai tay qua đầu gối, bỗng dưng cảm thấy tiếc và mệt mỏi.

Biết chị giận, và hiểu nhầm, người con trai hồi hận về sự vụng về của mình, tìm cách sửa chữa. Nhưng cùng một lúc, lòng anh cũng reo lên vì thế.

“Đúng!” Anh tự nói. Anh tìm trong trí một tín hiệu nữa để thay cho lời nói, anh cũng tự biết anh nói rất vụng về. Lần này là lần đầu chúng nó đánh bật anh ra khỏi nhà. Chúng nó nghi rất đúng anh là du kích, có tham gia đánh đồn X, mà anh phải lánh.

Nhưng tín hiệu không đủ trong trường hợp này. Anh đành phải nói thẳng:

— Tôi không tin là cô không biết gì hết. Vì vậy nên tôi mới vào đây. Còn tôi, tôi không phải là người khốn nạn. Nếu chúng nó tới, chết tôi chịu, không gieo vạ lây cho cô đâu, không khai đâu. Tôi chỉ xin cô bữa ăn thôi rồi tôi đi. Trước khi đi, cần nói được với cô rằng thời buổi khổ lắm, khó lắm, lộn xộn lắm,

nhưng những người thanh niên chúng ta phải sống không sờn, chết không sợ, phải dũng cảm chiến đấu...

Không, người con trai nói không giống hẳn những anh em hay tới lui nhà này, nhưng cách nói của anh, những điều anh ta nói như càn lúc càn với được tới và chạm trúng quả tim đang ngằn ngừ luyện tiếc của người con gái. Chị đôi dánh ngời, hơi rướn tới đằng trước, gọi cho người con trai nói thêm nữa và căng thẳng óc lắng tai nghe. Người con trai cũng cố hết sức nhận xét qua những lời đáp của chị. “Đúng người đằng mình! — Không phải! — Đúng! — Không phải! — Đúng! — Đúng!”. Trong bóng tối đen đặc, qua tiếng thì thào lẫn đi trong tiếng rào rào của buồn tằm đang ăn lên, họ nhận xét lẫn nhau như vậy. Họ kéo dài rất lâu sự dò xét mệt mỏi đó. Anh, để quyết định một điều ghê gớm: lại lao ra trong bóng đêm giữa những hồi mỡ sục đuôi của Mỹ — Diệm; chị: để cứu anh, giữ anh lại qua lúc này, làm sao giữ anh lại mà không nguy hiểm gì cho anh em, và cho cha chị, chị biết cha chị đã tỉnh rồi nhưng vẫn vờ ngủ ở nhà ngoài để canh cho chị kia.

Người con gái thao hơn vẫn kín đáo cho đến cùng. Người con trai lúc mới vào buồng tằm, nghi ngại là thế, đề phòng là thế, bỗng là người trước tiên tự thú nhận, đi dần vào tâm sự. Anh kể cho chị nghe những chuyện đã xảy ra với anh mười ngày qua, gian lao, cay đắng, đủ.

Có chết cũng phải làm được việc gì tốt cho cách mạng đã. Tôi tìm chỗ nấu ít bữa rồi trở về chứ. Đến mức chúng tưởng mình chết rồi, mình chạy xa rồi thì mình sẽ về ngay nơi chúng đánh mỡ ấy. Tôi nghĩ kỹ rồi.

Có đấu tranh quyết liệt mới khỏi mất đầu, mất dân, mất Đa... Câu sau cùng người con trai nói làm cho chị hốt hoảng. Tiếng ấy, trong hoàn cảnh này, chỉ được phép nghĩ tới thôi, không được phép nói lên! Chị vội vã chồm tới muốn bịt miệng anh ta lại, không cho cái tiếng cuối cùng kia bật ra.

Nhanh lên. Không nghi ngờ gì nữa. Không chần chừ gì nữa. Người con gái, vội vàng mà guồng nhẹ, thu dọn bát đĩa, và dắt tay người con trai đi ngược trở ra.

Lạ nhất là ông già đã biết trước, đã thức dậy, đã nhấc cái chõng sang một bên, kéo sẵn cái nắp hầm và đứng đợi đó, không hỏi con gái một câu.

Một lúc sau, căn nhà lại vắng lặng như cũ. Ông già lại nằm ngủ ở chỗ cũ. Mà người con gái thì thản nhiên bê cái nong dậu đã thái sẵn từ bếp lên nhà trên, vào buồng tằm, chong đèn rắc dậu lên cái nong tằm. Những con tằm nghe mùi dậu, thấy ánh đèn, ngóc cao đầu chờ chị. Người trong làng vẫn quen trông thấy chị lịch kịch vắt cả với dậu với tằm như thế suốt đêm.

11 — DỪNG SĨ

VÀO đến trong nhà, có người tiếp đón rồi — người tiếp đón đứng gần đến nỗi anh nghe cả hơi thở ấm — nhưng đến khi buột mồm nói xong câu nhận xét đầu tiên, tự mình nghe âm hưởng câu nói của mình, anh mới cảm nhận thấy thật chắc chắn. Anh hít vào một hơi dài không khí ban đêm của quê cũ, kinh ngạc thấy nó không giống mùi hương anh hằng ôm ấp trong trí nhớ. Tháng sáu, nhựa trong lòng cây được cát bãi đun lúu rúu suốt ngày bây giờ mới trào tới quả, men trái căng phồng ứa ra ngoài vỏ thoang thoảng bay đi. Mùi thơm nóng của chuối, nồng gắt của mít, bập bùng hóa với cái mùi mặn mặn và đậm của thịt cá nục phơi trong nong nia gác trên các giàn bầu. Nhưng giờ đây không khí hoàn toàn khác. Chỉ có mùi than tro bắt đầu mốc ẩm. Vì những trận mưa mùa hè, khi ta hít vào, để lại trên lưỡi ta cái vị nhàn nhạt của muối gỗ, và cùng lúc dâng lên cổ ta cái cảm giác tức tối của sự tro trụi và căm uất.

Anh cán bộ giải phóng thông thả tháo nát miếng vải nhựa dùng làm áo đi mưa. Một vài giọt nước biển bám vào áo lúc anh chèo thuyền qua vịnh bắn sang người chị phụ nữ; trong bóng tối, anh thấy chị khẽ vẩy một bàn tay.

— Chị chờ tôi hả? chị biết hôm nay tôi xuống hả?

— Cả xã chờ anh — chị trả lời ngắn ngủi. Nhưng anh cán bộ tinh ý nhận thấy câu nói ngắn ngủi của chị hàm ý trách móc, hàm ý tự hào, ánh lên một giọng cười kín đáo. Anh đợi và nghe chị nói thêm liên:

— Cả xã biết thế nào anh cũng về từ hôm bọn Mỹ đền mạng kia. Có người lên rừng hú ới hú hời hoải mà chẳng thấy anh. Bà con biết thế nào anh cũng về. Bọn Mỹ đến vớt đền mấy miếng tôn, bà con làm nhà y như cũ liền: nhà y như cũ, rào y như cũ, đường đi lối lại y như cũ. Như cũ hết, anh thấy đó, cho các anh khỏi lạc lối mà.

Chị hạ giọng xuống một chút, buồn rầu:

— Hàm hào cũng y như cũ. Mặc dù bà con khổ lắm: dân ruộng dân già mà bây giờ phải đóng gạo Sài Gòn, cả xã đi cũi xe. Anh biết rồi chứ gì?

Anh cán bộ gật đầu:

— Tôi biết rồi.

— Mà tôi có cái này cho anh ăn đã — chị phụ nữ lại nói, nhảy sang một việc khác. Anh ngồi xuống đây đi — chị nói tiếp, đẩy tới phía anh một cái đòn.

Cơ khổ, mấy hôm nay tối nào tôi cũng nấu. Tảng sáng, chắc chắn anh không tới nữa, mới dựng thẳng em dậy, bắt nó ăn.

Chị nín bật, quay ngoắt lên nhà trên. Không, không phải chị chỉ vội đi lấy quà cho anh ăn. Vừa lúc, anh có cảm giác hơi hẫng: chị vừa vịn thấp xuống nữa ngọn đèn hạt mè trên bàn thờ vẫn bắt ra ngoài cửa sổ mấy sợi ánh sáng như râu mèo. Liền nghe có tiếng thằng em hỏi:

— Sao tắt đèn đó?

— Vịn xuống, có tắt đâu! — Nghe chị trả lời. Em ngủ đi.

— Đây, anh ăn tí đi — chị đã ngồi xuống cạnh anh. Lần này tôi đóng chề học, anh mang về cho anh em với.

Một lần nữa, chị đang nói bỗng nín thinh: người con trai đã tháo miếng vải nhựa xong, bây giờ hiện ra gọn gàng trong bộ quân phục màu sẫm, súng dài đặt ở góc tường đó, thắt lưng lại có súng ngắn và lồn ngồn rất nhiều gói mìn và lựu đạn.

— Anh về làng, ăn mặc thế này, hay đấy. biết các anh trưởng thành, khổ nhục gì bà con cũng quên hết. Anh có đi được mỗi nhà một nhà một tí không? — chị hỏi.

— Cái đó còn tùy, rồi ta bàn — anh cán bộ trả lời điềm đạm. Nhưng tại sao chị không nói gì về thằng em cả? Nó còn thức phải không?

— Nó tỉnh ngủ lắm. Lúc này thì thức, nhưng bây giờ chắc ngủ lại rồi.

Tự nhiên, chị bắt đầu kể lể:

— Hai chị em tôi sống với nhau như vậy, từ ngày chúng nó giết cha chúng tôi. Hôm thì nó đi củi, hôm thì tôi đi, hai đứa nuôi nhau. Tôi vẫn giấu nó mọi việc tôi làm. Anh đừng khua nó dậy, nó đòi đi theo anh mất: đứa trẻ con nào trong làng cũng đi đòi theo các anh. Nó cứ nhắc hoài là anh có hứa với nó khi nào anh về anh sẽ dắt nó đi. Anh chưa định đưa nó đi hôm nay chứ? Đừng, anh ạ. Nó chưa đến tuổi. Mới có mười một mà! Cũng chưa cần thiết phải không? Vả, cũng không có lợi cho công tác của tôi.

— Tôi chưa có ý đưa nó đi hôm nay đâu, tôi cũng không có ý đưa nó đi. Nhưng bọn Mỹ giết bao nhiêu trẻ khác trong làng mà có đợi các em “đến tuổi” đâu, các em có làm gì đâu?

Anh cán bộ không có ý không bằng lòng chị, chỉ là gặp thì bàn qua vậy thôi, nhưng nghe anh nói thế, nhất là nghe anh nhắc lại hai tiếng “đến tuổi”, chị phụ nữ biết mình không đúng, nín thinh. Còn anh cán bộ, tất cả ý nghĩ, linh cảm của anh từ trước cũng như lúc này đối với chị chỉ là kính trọng, mặc dù chị vốn cũng như là học trò anh, em gái anh. Anh hiểu lắm cái trạng thái của một con người vốn có một gia đình đông đúc, hai gia đình đông đúc, vì giặc Mỹ mà chỉ còn trơ có ba người, những người khác phần lớn chết thảm thương trước mắt họ. Chồng đi bộ đội giải phóng, người đàn bà trẻ ở nhà, để xứng

đáng với những người đã chết và với chồng, với bà con trong xã, và với những người cán bộ trăm cay nghìn khổ mà chị nuôi ở trong nhà, đã trở nên một cơ sở hết sức anh hùng. Người con gái “đi củi xe” ấy chính là đầu mối mọi việc ở xã này, chính là người sau những cơn bão táp vừa qua, đã dựng được mọi người đứng dậy, tổ chức lại lòng người như một thứ thành lũy. Cũng người con gái đó sau bao nhiêu tàn phá và tang tóc, muốn bảo vệ đứa em nhỏ độc nhất còn lại của gia đình bằng cách giữ em mãi mãi ở bên mình mà ở ngoài vòng những việc mình làm với những đồng chí của mình. Nhưng, anh cũng hiểu chị lắm: thế đấy chứ, nếu hôm nay anh đề ra việc đem theo đứa em, chị sẽ đứng dậy ngay bây giờ, lẳng lặng đi lên nhà trên, lấy cái khăn choàng hầu lụa của mẹ, gói cho em cái áo cánh, chiếc quần đùi, mót máy nhét vào một số tiền, tiễn em bằng một lời căn dặn lúc nào cũng dừng cảm và trung thành với Bác Hồ, với cách mạng.

Khi suy nghĩ về chị phụ nữ như vậy, anh cán bộ cũng cảm động lắm. Theo thói quen tự trấn áp mỗi khi lòng mình xúc động, anh chuyển sang việc khác nói bằng một giọng tung tung, vui vui:

— Nào bây giờ chị báo cáo cho tôi nghe...

Chị phụ nữ giật mình. Báo cáo gì? Anh cán bộ cần hỏi gì thì hỏi, không thể không hỏi *việc kia* trước hết được. Chị nghĩ như vậy. Nhưng câu hỏi của anh vẫn có cái gì là lạ làm cho chị lo lo. Chị bắt đầu báo cáo *việc kia* trước hết:

— Bọn Mỹ thường hay đi tuần từ mười hai giờ đêm trở đi. Ban đêm, chúng chỉ đi mười lăm đứa, mỗi đứa cách nhau mười mét, thẳng trước đưa chân lên, thẳng sau cũng đưa chân lên, thẳng trước đứng lại, thẳng sau cũng đứng lại, động tác y hệt như nhau. Chúng nó chỉ đi một vòng từ đường số một băng đồng qua bìa thôn một, không vào làng, thọc xuống thôn sáu, qua gò Cây Thị rồi lên xã trên. Ba tiếng nổ đều do mìn M. 26 của Mỹ, ba đêm đều suýt soát một chỗ.

Người chôn mìn tài lắm, tính được tâm lý của nó. Lần đầu, biết thế nào nó cũng tránh cái bầu, lần thứ hai biết thế nào cũng tránh một chút chỗ nó chết đêm trước, lần thứ ba cũng thế. Tổng cộng ba chỗ, ba đêm, mười bảy vũng máu tất cả, toàn là Mỹ. Bà con mừng hết ngổ nói. Chúng nó cao lớn như vậy, kéo lên đây ào ạt như vậy, chót cho Đà Nẵng bốn vạn thằng, vũ khí ùn ùn như núi, mà lực lượng mình cũng giết được nó rồi đấy! Nó co vùi đấy! Mấy hôm nay bỏ chuyện đi tuần vùng này rồi. Dân xã đi củi xe vào Đà Nẵng, bà con Đà Nẵng, ai cũng hỏi: “Bà con Hòa Vang làm thế nào tài thế? Trục thẳng chở nó về đây mười bảy cái xác. Bọn nó vừa đổ bộ mấy ngày trước cây đông, cây mạnh, vả chưa xấp trận mà thấy một lần mười bảy thằng chúng nó đưa

lòi bụng, đưa gậy đầu, kinh hoảng lắm”. Tận Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, người ta cũng thuê xe đò nói đi Nam Ô, Lang Cô ăn một bữa sò huyết chấm nước mắm ngon chơi, kỳ thực cốt đi qua đây, ngoái đầu ra ngoài xe trầm trồ với nhau chỗ ta giết Mỹ. Họ nói: nó muốn “mở màn một thời kỳ mới” thì ta cũng mở màn một thời kỳ mới! Ba tiếng nổ đó làm hiệu lệnh. Rồi ngàn vạn tiếng nổ khác tiếp theo tức thì cho mà xem. Mọi người nô nức lắm. Giá trị lắm anh ạ.

Chị bắt giấc rùng mình khi ngừng lên thấy dáng điệu anh cán bộ. Anh cán bộ nhìn chăm chăm vào chị. Trong bóng tối, chị không nhìn thấy hoạt động của con ngươi anh, nhưng anh nín thính lâu quá, hai mắt anh trùng trùng, anh ghim cả hơi thở nữa, điều ấy khiến chị chợt dạ. Chị nói xong đã mấy tích tắc rồi mà anh vẫn nín thính, và không nhúc nhích. Một lúc, anh mới nói chậm rãi:

— Thế là việc đoạt mìn của Mỹ giết mười bảy thằng tụi nó vừa mới đổ bộ, trong ba đêm liền vừa qua, không phải do đường dây của chị.

Chị phụ nữ hốt hoảng kêu lên:

— Trời! Thế mà tôi cứ tưởng là anh. Bà con ở đây ai cũng cho là lực lượng đã về rồi, còn ẩn bí mật trong xóm nào đó!

— Ai?

Hai người dịch cái đòn, ngồi sâu vào một chút vì ánh trăng mờ đã soi đến chân họ. Trước mắt họ, mở ra một cánh đồng bát ngát đầy kỷ niệm về đời sống của làng xóm, nhưng bây giờ, những kỷ niệm ấy và cánh đồng ấy đã chết. Chết? Không, chính ở bìa cánh đồng ấy đấy, đằng xa kia, chỗ tiếp giáp với đường qua đèo, con đường dưới ánh trăng mờ hắt nổi lên viền cho cánh đồng bây giờ còn tro có tro rạ, như là hàng triệu bông lúa chưa kịp gặt bị xe thiết giáp Mỹ chà xát, o ép vừa qua đã bực lên ba tiếng nổ báo thù từ trong lòng đất vút đầu giắc Mỹ xuống mà trườn lên.

Để tìm người dũng sĩ còn giấu mặt, anh cán bộ giải phóng và chị cơ sở ngồi bình tĩnh và tản mẫn điếm lại hết mọi người trong xã. Chị quả quyết bảo anh nên bàn về những người ở ngoài đường dây, có thể là họ căm thù quá mà manh động. Anh nói tốt hơn là điếm từng nhà, nhân dịp cho anh nắm thêm chắc tình hình và bây giờ đến lúc anh đi cũng còn nhiều thì giờ, nếu không kịp thì anh ở nán thêm một ngày làm luôn.

— Tôi ở có được không? Việc tìm ra đồng chí dũng sĩ, cách đồng chí đó làm thế nào lấy được vũ khí của Mỹ, cách đồng chí đó giết Mỹ, đồng chí đó cũng là một dân làng bình thường do căm thù mà trở nên mưu trí và làm cho giặc phải khiếp sợ, cái đó cần cho phong trào lắm.

Bằng một giọng nhỏ nhẹ, chị phụ nữ điểm danh cho anh nghe từng nhà một, từng người một, bắt đầu từ cuối làng, từ gò Ông Thị đi gần mãi lại nhà chị ở đầu làng. Chị báo cáo rành rọt từng diễn biến tư tưởng và thái độ của từng người trong mỗi nhà, thù Mỹ, thù ác ôn, tai nạn, bệnh tật, nợ nần, cách kiếm ăn hàng ngày, cho đến cách đi đáng đứng... Xong một nhà, chị dừng lại một lúc, nghe anh cán bộ không hỏi gì thêm mới đưa anh sang nhà khác. Họ cùng nhau báo cáo công tác mà như cùng nhau đi thăm tất cả mọi người một lượt, như chị đề nghị ban nãy, dong từ cuối làng đến đầu làng, dừng lại hồi lâu trước mỗi cái hàng rào dâm bụt, có những chấm đỏ rung rinh trong kỷ niệm. Chị phụ nữ rất tự hào khi giới thiệu với anh cán bộ giải phóng cận kề về quê hương, về những con người không thể gì khuất phục được mặc dù kìm kẹp, tang tóc, dọa nạt và đủ thứ đau khổ khác. Nhưng chị cảm thấy mình càng lúc càng hồi hộp.

Cuộc hành trình hôm nay chị đi với anh, chị từng đi một mình đêm đêm trước khi chợ mất. Vì thế, anh hết sức kinh ngạc: anh biết khả năng của chị từ lâu, nhưng anh không ngờ một người đàn bà trong hoàn cảnh chung bị o ép và trong hoàn cảnh riêng hết sức đau đớn, lại có thể nắm tình hình nhân dân trong xã một cách tỉ mỉ như vậy. “Tuyệt! — anh nghĩ. Nhưng việc kia vẫn lộn là thế nào?” Anh mở to mắt nhìn trùng trùng vào những hình ảnh mà những lời kể lể của chị phụ nữ khêu gợi nên, có cảm giác không phải chỉ lúc nãy chèo thuyền qua vịnh ép người sát mặt sóng trong ánh sáng đèn pha của chúng, mà ngay cả bây giờ, anh cũng phải viện đến tất cả vốn sống, kinh nghiệm và gan dạ. Chị phụ nữ báo cáo rành rọt đến nỗi, bỗng nhiên, anh nảy ra một ý nghĩ: không phải duyệt lại những cái mà chị đã biết mà phải giúp chị tìm thấy cái chị còn sót, cái đó ở ngoài sự kiểm soát của chị. Cái đó là cái gì? “Thăm hỏi” rất thú vị mỗi nhà, rời nhà ấy ra đi vì không tìm thấy người mình định tìm, con đường đến đầu làng dần dần ngăn lại, nhưng anh vẫn không cảm thấy tuyệt vọng. Có lẽ trong tâm trí anh có lập lòe một đốm gì đó ở đầu làng, nhưng cũng có cái khác: “Cái khác” ấy là cái gì, anh chưa biết cho thật rõ. Tuy vậy người cán bộ, trong cái công tác này nữa, cũng được nâng đỡ bởi cái trạng thái bình tĩnh và rắn chắc tin rằng mình sẽ thắng, sẽ tìm thấy, sẽ khái quát hóa được để đưa phong trào của vùng lên một mức.

Anh bỗng nhận thấy giọng chị phụ nữ đổi khác. Không phải lời báo cáo của chị ít xúc tích hơn, bớt chính xác hơn, nhưng mà cái cách chị nói rõ ràng là đổi khác. Hoàn cảnh sinh sống và chiến đấu khó khăn đã luyện cho chị có thêm được một thói quen đó: chị có thể mồm vừa nói mà đầu vừa nghĩ rất lung về chuyện khác, nhưng vẫn kiểm soát được những điều mình nói.

Chị nữa, trong việc này nữa, chị cũng không chịu thua.

...— Đây em, chớ có lân la chỗ bọn Mỹ, người làng ta người nghi. Người ta nói em nhỏ cả tóc sâu cho chúng nó nữa kia. Báu gì mấy cái loong, em, mà em làm vậy? Chúng nó xâm lược nước mình, giết cha mình trước mắt em đó, giết bà con chú bác anh chị mình, giết người làng mình, em còn không biết sao?

— Em chán chị lắm, chị cứ nói hoài. Để các anh về, các anh giao công tác cho em, xem em có làm được không nào. Bọn Mỹ có cho vàng, em cũng không thèm, chớ mấy cái loong. Em vất cả đồng ngoài bụi chuối đó, chị không thấy sao? Chẳng qua, chúng nó hay la cà chỗ bọn trẻ chăn trâu, mấy đứa bạn quây vào xin loong, mình tách ra không xin, chúng nó nghi. Chúng nó nghi em thì không lợi cho chị, phải không?

... — Gần bầu có nhiều cỏ à?

— Chẳng có mấy cỏ đâu. Gần đường cái, trẻ chăn trâu không dám giông trâu ra đầy sợ xe bọc sắt chúng nó đi qua bắn chết trâu.

— Vậy tại sao mấy bữa nay chị cứ thấy em lẩn quẩn với trâu ở đó?

— Thì... thì chẳng đứa nào đưa trâu ra, mình đưa ra, trâu mình ăn được no, rui nhà có việc gì, chạy về cũng dễ.

— Em cứ hay lo cho chị! Mà em đang nghịch cái gì đó?

— Không, không có cái gì đâu? Sợ dây ni lông mà.

— Trời, em tháo giàn lưới ra à?

— Có đánh được cá nữa đâu mà chị giữ? Rút ra chơi còn có ích hơn.

... — Ủa, mà chị cũng còn thức à? Hộp dầu cù là đâu, đưa cho em đi.

— Đêm nay em cũng đau bụng nữa à?

— Mấy đêm nay, cứ đến đêm là đau bụng, lạ thiệt.

Giữa lúc ấy thì có tiếng nổ. Chị cũng như tất cả dân làng ngơ ngác choàng dậy một lượt tuy chưa ai dám ra. Thằng em ôm chầm lấy chị, úp mặt vào ngực chị. Chị tưởng nó sợ, nhưng nghe nó cười rúc một tiếng:

— Em cười gì?

— Các anh về rồi, giết bọn Mỹ đó! Cười vậy chứ còn cười gì?

— Suyt!

Rồi thì bọn Mỹ bắn lung tung, ầm ỹ, đổ ngòm cả một vùng, từ núi xuống, từ biển lên, cho đến lúc trực thăng chúng tới. Chị lại bận túi bụi để giữ chớ có sự bộc lộ nào quá đáng trong xã trong không khí mừng rỡ chung. Cho nên chị không cảm được thằng em bé mà rất nghịch, đã cả gan mò đến bọn Mỹ bị giết, rồi chạy về nhà, cầm mấy miếng mảnh trong tay, nhảy cẫng lên:

— Sướng quá chị ơi, sướng quá chị ơi! Bốn vũng máu thật to. Ít ra là bốn

thằng đêm nay nhé. Bằng chính mìn của chúng nó, đây, chị nè!
Như thế đấy, ký ức, từng mầu, từng mầu, bỗng chập lại, ghép lại trước mắt chị.

Bây giờ, hai người đã đi gần hết con đường chị dẫn anh đi từ này.

Chị dừng lại trước bờ rào nhà chị.

— Còn nhà tôi nữa, anh ạ — chị định nói.

Thì anh cán bộ giải phóng đã đưa tay ra ngăn chị lại, mấy ngón tay vừa vịn chầm cái tia ánh trăng vừa soi tới:

— Chị không kể cho tôi nghe về những em bé tuổi mười hai trở xuống.

Không thể lường hết được những con em của các cha mẹ anh chị anh hùng...

Ta quay lại đi.

Chị phụ nữ nhìn sững.

Như vậy đấy, anh ấy cũng đã tìm thấy! Như vậy đấy, cái sơ sót của chị! Cho rằng phải giấu giếm bọn em, và chỉ giấu giếm là đủ! Chị có một cử chỉ chủ động, đi trước anh một bước, đứng dậy.

— Ta lên trên nhà đi anh — chị nói.

Chị lại đi tong tả, như lúc này, như vì đã trông thấy đích. Chị đến bàn thờ đưa tay vịn to lên ngọn đèn lúc này chị vịn nhỏ xuống: thằng em không còn trên phản.

Chuyện kinh thiên động địa lần này là do một em bé.

Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú tí hon thấy mình không cần vờ ngủ nữa, thấy mình nhất thiết phải gặp anh cán bộ giải phóng, nếu anh không lên tìm, mình cũng phải chạy theo cho kịp nít áo anh ta. Dũng sĩ đã đứng dậy, tới đứng bên cửa, và thấy chị sững sốt thì cất tiếng cười nho nhỏ, cái tiếng cười khẽ mà rất trong vừa chịu lỗi vừa tự hào của trẻ.

Anh chiến sĩ giải phóng ôm lấy cái đầu nhỏ xiu của thằng em vào trong ngực mình, hết sức xúc động, chẳng nói ngay được lời nào hết. Thằng em thì mân mê cái thắt lưng nặng sề mìn và lựu đạn của anh:

— Anh cho em, anh để lại cho em một ít. Cái thằng Mỹ em đánh cấp M.26 có lẽ chết trong đám ấy rồi.

Người chị nhắc cái đèn lên khỏi bàn thờ, cốt soi cho tỏ hơn cảnh tượng trước mắt. Thằng em không mấy ngày không nhắc đến anh chiến sĩ giải phóng, lần này gặp anh, chỉ xin vũ khí! Ánh ngọn đèn dầu lửa chập chờn khiến khuôn mặt nhỏ thon trở nên gồ ghề có những nét rắn chắc, anh hùng, mà người chị rất thương em, thuộc em nhưng vẫn chưa hề nhận biết.

Tháng giêng — tháng ba năm 1969

12 — CON CHIM BÃ TRẦU

KHI quân ta đã làm chủ được thị trấn, chị du kích được lệnh trở lại làng mình. Người đàn bà da xanh mét, mặc áo dài vá quàng, tay cầm chiếc đòn gánh một đầu lủng lẳng một cuộn dây, tay nữa cắp một cái thúng, trong thúng có mấy lông mia, mấy phong bánh in, tong tả về nhà với con. Chị vốn là người bán củi xe. Chẳng ai ngờ được chính chị là người đêm trước đã len lỏi xông xáo dẫn quân giải phóng đi bắt ác ôn trong thị trấn, chị chỉ quát một tiếng và bắt được tên võ sĩ Côi.

Chị đi lúp xúp như chạy, rộn cuống lên chắc sắp đến lượt địa phương mình. “Lần này, mạ sẽ nói hết với con cho con khỏi ngỡ. Thật ra mạ là du kích. Con cứ tưởng mạ đi hái củi trâm... Anh ơi, giờ em mới chắc chắn giao được nó vẹn toàn cho anh. Chút con trai chúng ta, giọt máu của anh, ôi, em nuôi nấng giữ gìn nó đã tràn sanh!”.

Nhắc cánh cửa gai, chị đi vào ngõ, qua sân, vợ cái cọc ỏi vẫn gác dựa vách, chống lên cái diềm lá kê.

Con chị vẫn còn ngủ.

Một sóng sáng trắng nhanh chân bước vội lên thềm, chạy trước vào trong nhà. Người mẹ cảm rõ hơi thở âm ẩm ruột thịt của con tỏa ra ủa vít lấy mình. Đặt thúng xách xuống nền gạch, để chắc chắn hơn, chị rảo ngay đến bên giường, vệt mạnh hai cánh cửa mừng giắt lên hai chiếc móc, đứng im nhìn ngắm con đã.

“Con anh đây!”

Bây giờ chị mới khoan thai tháo chiếc khăn trùm đầu màu lục, ngửa mặt, đưa hai tay vuốt giữ đuôi tóc ngắn đằng sau, Để kẻ địch khỏi dòm ngó, chị đã làm xấu chị đi, mái tóc đen nhánh, cứ hơi dài ra một chút, chị lại cắt lại cạo. Chị giữ tóc mà tợ đang giữ tất cả một nhọc, căng thẳng và những nguy hiểm của một đêm chiến đấu vừa qua. Hôm nay, lúc này, chị có cái cảm giác mơ hồ rất lạ, chồng chị, người chồng đi xa, đang có mặt ở trong nhà, đang vui vẻ nhìn hai mẹ con chị. Sự thật, đối với chị, không bao giờ anh vắng. Cha ngồi kia, có tật hễ làm cái gì cần chú tâm một chút cũng phải bậm miệng lại, buồn cười đến chết được: cha đang hì hục cắt làm cho mạ cái đèn bằng hộp kẹo ho giờ mạ cho con đó. Chỗ cái cột tê, trước khi đi, cha ngồi bện mé-tré giúp mạ, hồi ấy mạ mới nghén con, con cứ bắt mạ buồn nôn ngày đến mấy chục lần. Sự có mặt của người chồng tan mác khắp nơi trong nhà, giống như những chiếc ảnh, vô hình nhưng mà nhìn thấy. Những chiếc ảnh bình thường im lìm, trong

một buổi sáng vui, chợt cử động, phả quanh người thân một làn hơi ấm nóng.
“Em có xứng với anh không nà?”

Mười hai năm đã qua, những nét vốn làm anh đề ý và yêu quý chị, tất cả những nét ấy, ở chị, vẫn còn. Người chồng trở về nhà sẽ nhận ra lại ở vợ cái nét nhí nhảnh chị vốn có hồi mười tám tuổi.

“Run rủi làm sao, chính em lại tìm thấy thằng Côi, chính em bắt được nó. Cái thằng vốn là bạn hàng xóm của anh hồi nhỏ, võ sĩ vô địch miền Trung, lúc nào cũng ở trần khoe ngực khoe bắp, vai khuỳnh khuỳnh đấm anh như đấm vào bao cát cho thằng khác tra đó nà. Nó đang khư khư khẩu M. 16 chớ, rứa mà em quát ào một tiếng, nó như bị trời trồng. Buồn cười lắm, chết sững một lúc mới run, cậm cà cậm cập mãi mới lắp bắp được: “Em lạy bà... em lạy bà”. “Anh thưởng cho em cái gì đi!”

Chị sẽ ngồi xuống giường, choàng lấy cái hơi ấm nóng của con.

Chị khẽ lay vai nó, nói nựng:

— Đào ôi, con chó con của mẹ, Đông đánh, Đoài đánh, mà mình cứ ngủ khi, người ta vô khiêng đi đâu cũng không hay!

Bất giác, chị nói thêm:

— Cha về đây nì!

Những lúc lay mãi con không dậy, chị hay đánh thức con cách đó. Thằng bé mở choàng liền hai mắt đen như có tuyết, định phương hướng một chớp, hơi ngheen cổ tìm quanh quất, đến lúc ấy mới tỉnh ngủ hẳn, mỉm cười bên lên rồi đưa một cánh tay tròn vắt qua cổ chị. “Mạ!” Tiếng reo cật ruột, tợ một cái quả, rơi rất khẽ trên ngực người mẹ trẻ. Chị húc mũi vào chiếc cổ thon trắng của con cười khúc khích. Đi đâu một ngày, một buổi, một chớp về, chơi với con như thế, chị có cảm giác như rũ sạch được hết những lo lắng, gay go vừa qua.

— Con ngủ mê quá, con ạ, con không biết — chị nói vỗ về. Quân giải phóng đêm qua về diệt hết bọn nó, đánh chiếm thị trấn rồi đấy. Bãi đóng quân của Mỹ kê đó, sân bay của nó kê đó mà nó chịu bó tay. Con xem: bà con các làng kéo lên đó hết, ai cũng muốn nhìn cho tường lá cờ giải phóng (ôi chao là to!) treo trên nóc nhà ga...

Một chiếc đài bán dẫn ở vườn bên, vừa lúc, rộ lên tiếp lời chị. Người mẹ cũng thót lắng tai. Tựa hồ chị đang tìm bằng tai hình ảnh, hành động của chồng trong những câu chuyện nổi dậy ở đây ở đó đài đang kể. Một con báo nam đã thối tới toàn miền. Đêm vừa qua, ở đây, trên thị trấn, cũng thế. Một vùng Thanh Khê Hà Khê, như trăm nghìn cột sóng ở biển kia ban ngày thật là xanh, bỗng dựng sừng sững, xô cát, ào tới, vít một cây số rừng trâm nam

xuống trên mặt đèo. Một đoàn xe lửa đen trĩu chở đầy lính đập vào ghềnh đá, chiếc đầu máy đã chết vẫn còn phì phì hỏn ha hỏn hển. Mảnh duy- ra máy bay, mảnh chắn pháo, mảnh xe tăng thôi thì tung tóe, bay thia lia khắp ngả trước khi chết lạnh trên những tấm phen dát thép. Ôi người, cả trăm ngàn vạn, ở đâu tủa ra, bùng sôi, bùng nổ, hực lên màu cờ màu sao, thét lên khao khát và nghị lực sẵn sàng cảm tử cho tổ quốc quyết sinh.

“Biết đâu trong đơn vị ấy lại không có anh? Tài quá, cả trung đoàn qua sông, đi thẳng trong ánh đèn pha xối xả của bãi trù quân mà giặc Mỹ không hay biết gì hết. Anh có trông thấy em không? Em dẫn các đồng chí lòng hết ỏ ác ôn trong các phố, bọn em tóm gọn một tiểu đội thám báo giả ăn mặc súng ống hệt như đảng mình, phát hiện được cả một cái nhà lao ngầm, giải thoát được mấy chục anh chị em. Chúng nó xây vách hầm nền hầm với cát trộn muối, trời tháng này mà trong hầm cứ hầm hập, càng chật, càng xót...”

Như chiều theo mong muốn của chị, sau khi kể chuyện những địa phương dừng sĩ, đài chuyển sang kể những cá nhân dừng sĩ, những anh hùng có tên hay không tên, vô vàn, tua tủa khí thế trên khắp miền đứng dậy hôm nay. Đài giúp họ diễu qua trước mắt ngưỡng mộ của mọi người, cho mọi người trông thấy họ, trông thấy nhau, soi thấy mình, chị biết rõ anh, anh biết rõ chị. Một cán bộ như anh, địch lòng sức mấy năm trời tưởng đã đi đâu, chính vẫn kiên trì công tác trong vùng, đêm đêm đi qua trước nhà vợ con mà cẩn rằng không ghé lại, không đánh tiếng. Một vùng quê hương, địch xúc, tát, quây lại thành ấp “chiến lược”, ấp “đời mới”, rào ba bảy lớp hào và hàng rào dây thép gai, nhưng đâu đó, giữa đó vẫn có một con người như vậy thì “ba sông bốn núi” gì rồi ra cũng bung. Hàng nghìn ấp, xã hàng vài tàn tảo tầm thường ở chợ Đông Ba mà là bí thư chi bộ một khu phố cổ đô đấy. Đêm khởi nghĩa, chị đi đến bến Vạn Lâu thì bị mảnh đạn vào phổi nhưng vẫn nín thình lo cho bộ đội qua sông đến người sau chót.

“Để đi tới đêm nay, nhiều nỗi éo le lắm, anh. Mọi thứ tra tấn nhục hình, dằng đèn sấm hối, kiểm thảo ly khai... em đều trải qua hết. Tưởng chết bỏ con không gặp anh. Để nuôi miệng hai mẹ con, em bện mé-tré, dệt dây, dệt sấm, hái củi xe, chà ớt bột, rót từng gáo nước chát đổ lên nền nhà cũ để làm muối... Rót cuộc em vẫn liên lạc được với đảng mình, nuôi được con và hoạt động...”

Thằng con... Nó có đang nghe đài không? Nó ngủ hay thức? Bàn tay đang lục lạo trong tóc con, chị mơn ngược ra phía trước mặt, lấy một ngón sờ khê mi mắt nó. Thằng bé bị nhột, bắt giắc hắt bàn tay mẹ, nhân đó xoay mình nhìn ra ngoài cửa sổ. Vào lúc nửa buổi, mảnh vườn nhỏ chín nẫu trong một màu bạc

dát sáng lấp lánh. Bạc nước xối xả ướt rượt trên các tàu lá chuối non, trên vỏ da mập và xù xì các trái khổ qua, và trên hai cánh hai chân mảnh khảnh của con chim bả trầu — con chim của nó — giờ này thường lệ tới chuyển trên giàn hoa lý.

— Vắng vẻ và im lặng một cách lạ! chị phụ nữ nghĩ thầm. Như thế đây rồi đột nhiên trời nổi tố. Mình có lệnh trở về là vì vậy. Mọi nơi mọi người đều phải sắp sẵn. Chốc nữa đài thời tiết phát thanh, mà sẽ kể với con những ngày này, đừng để con trẻ chúng nó tự hỏi sao cha mẹ chúng, bà con xóm làng chúng lại không làm như những người nói trong đài, hay những người trên thị trấn... Cũng phải sắp sẵn cho nó. Bà con quanh con cùng khổ lắm, hiền lành lắm, tưởng ai cũng đè ép được, thật ra gan ruột lắm, vĩ đại lắm đó con. Ngày mai, con mới biết hết được...

Giọng thanh sáng hực màu nắng miền nam của cô nói trong đài, vắn tắt đủ nghe một bề mặt nhỏ, lấy từng tiếng một xuống cái yên tĩnh ngọt lịm của mảnh vườn. Và cái yên tĩnh phập phồng của xóm làng, của một đoàn quân khi đang bố trí.

“Phải lấy sức để đợi. Có lẽ...”.

Thốt nhiên, xảy ra một việc. Nắng đang chấp chới chột dưng cánh, lá cây nín thít. Con chim bả trầu rít lên một tiếng, bay vào đậu giữa hai song cửa sổ, ngược hai mắt tròn nhỏ nhìn lên. Hai mẹ con đồng ngồi dậy một lúc.

Đài phát thanh giải phóng hôm nay đầy gió và lửa, lút ngấp dưới người và việc anh hùng, vừa chớm nói đến vùng họ. Sân bay dã chiến Xuân Thiều, mà người ta khao một trung đoàn chủ lực đã đột nhập, sự thật bị phá hủy bởi chỉ hai em bé. Hai em bé chần trầu tìm cách gỡ mìn địch, vượt hàng rào dây thép gai dày đặt của địch, bò vào sân bay, giật nổ một chiếc máy bay, chiếc đó cháy lan sang chiếc khác, đốt cả kho xăng, làm hỏng hết các chỗ đậu, đài nói.

“Hèn chi ta đánh chiếm thị trấn, quân nó không dám lên đã đành, mà máy bay nó đến giờ này vẫn còn bí rị!” chị du kích nghĩ thầm. “Hoan hô các dũng sĩ tí hon, dòng máu của các chiến sĩ quân giải phóng anh hùng, đang cùng với nhân dân làm rung chuyển cao nguyên và đồng bằng miền Trung Trung Bộ!” đài lại nói sôi nổi.

Giọng nóng hổi của cô nói trong đài truyền sang mười ngón tay rần rật của chị du kích, chính chị vừa chiến đấu trở về. Có lẽ vì đài nhắc tới “các chiến sĩ giải phóng, cha anh của những đứa trẻ”. Hình ảnh chồng đứng là như thế, hình ảnh chồng đang tiến về và sự có mặt của hai em bé địa phương (có lẽ đã cùng chị lên học tập ở căn cứ mà chị không chú ý) đánh một sân bay chẳng xa thị trấn bao nhiêu, càng khơi dậy mạnh hơn cái hơi thở vẫn phập phồng

trong quả tim chị luôn luôn chờ đợi lệnh nổi dậy của chính làng mình, đánh vỡ đầu mấy cái lô cốt và bè lũ ác ôn kia.

Thằng con cất một tiếng cười lạnh. “Chết, nó cười gì?” Nó tuột xuống giường. Con chim nhỏ trông thấy nó không bay đi mà lại lúp xúp nhảy lên, chiêm chiêm thêm mấy tiếng nữa. Thằng bé chạy đi lấy cái bơ đựng sâu nó vẫn để ở chân bàn đến bên cửa sổ. Con bả trầu vẫn không bay đi. Con chim đứng đó ở cửa, dõi theo thằng bé, rít lên mấy tiếng như chào, như nói, như gọi, như một khách quen thường lệ vẫn đến đợi chủ nhà. “Đồ khi, mới sáng đã dói, ngậu sị lên!” bé mắng. Bé lấy hai que dương làm dũa, thông thả gắp từng con sâu xanh co rúm và bón cho chim. Con chim háu ăn nhảy tới, cổ rướn một chút đớp mồi. Con nữa, lại con nữa... Sau rốt, bé ngửa bàn tay nhỏ xiu, dí bàn tay kê thanh ngang cửa sổ. Con chim nhỏ bước hẳn vào đậu giữa lòng tay trắng của bé, nó nê rít lên mấy tiếng dài.

Bé lại cất lên một tiếng cười nữa. Và con chim bay đi. Nó trở ra chỗ lúc nãy, ngoài vườn, trên giàn hoa lý.

Con chim thằng con bắt từ lúc mới nở, nuôi tập như thế! Cái cảnh con chơi với chim, cho chim ăn, người mẹ quen mắt ngày ngày, cảnh ấy sáng nay bỗng làm chị ngỡ ngàng.

“Con không hỏi mẹ cha có sắp về không. Con không hỏi mẹ cái gì trên thị trấn mà đêm qua súng nổ nhiều thế, người ta kéo nhau đi xem thế. Con không hỏi: thị trấn ga giải phóng rồi phải không mẹ? Mỹ chết nhiều không mẹ? Bộ đội về đông không mẹ? Con không hỏi qua nay mẹ đi đâu”. Những điều nhận xét và phàn nàn ấy bắt giắc vắn qua tim chị.

Không, chị chưa nói vội. Đến lúc ấy nữa, chị vẫn không muốn tỏ ý không bằng lòng con. Chị nín lại xem xét một điều vừa mới vụt qua óc chị. Về cách giữ gìn nuôi dạy con cái của mình.

“Anh đừng mắng con — thậm thì tiếp tục trong lòng người đàn bà xa chồng lời độc thoại không bao giờ dứt. Chính là do em hết. Từ sáng mở mắt đến khuya, cả trong giấc ngủ nữa, em cũng chỉ lo làm sao giữ được con an toàn cho anh. Hoàn cảnh em, việc đó đã là khó lắm. Một mình mẹ nó vẫn cố hoạt động được đã là khó lắm”.

Chị bắt gặp mình bỗng đang phân trần cho mình: “Không! Một đứa bé, ở miền Nam, là con trai, hôm nay nghe những đứa đồng lứa với nó đánh Mỹ thế kia, mà nó không nghĩ ngợi gì hết, cứ mãi mãi bắt chim với lại trèo tra, cứ hồn nhiên như không, thế là không bình thường. Song không hề gì anh ạ, còn kịp anh ạ. Em sẽ cố để đến lúc chính xã mình nổi dậy, hai mẹ con em cùng đi với nhau”.

Chị lắng tai đợi ý anh. Cái mỉm cười rất hiền, rất yêu, rất quen thuộc của anh, mà chị mừng tượng thấy, làm ướt ở khóe mắt chị một giọt nước.

— Ô, sao mà khóc;

Em bé vừa quay lại giường, kêu lên. Em vắt một cánh tay qua cổ mẹ, ngồi lên một bên đùi mẹ, nửa trêu nửa dỗ, nói không rõ ràng:

— Thích rứa lại còn khóc!

Để tỏ là mình dối, như mọi khi chị bắt đầu uốn nắn và dạy con cái gì, người đàn bà hất tay con ra, ngã ngửa lại xuống giường, che mắt và thút thít. Lần nào chị cũng làm thế, lần nào cũng có kết quả.

Em bé cuống lên, hoảng hốt, rồi rít:

— Để con nói với mẹ cái này... Để con nói với mẹ cái này...

Giá ngay lúc đó, chị buông cánh tay che mắt ra, tỏ ra hết giận con, có lẽ em bé nói chuyện khác, còn chưa nói chuyện đó. Nhưng người mẹ vẫn thút thít. Và đưa con đành thì thảo thú thật với mẹ:

— Con giả vờ đẩy mẹ nờ! Mẹ đi, con cũng đi. Con chỉ mới về lúc gà gáy...

Sự thật, con nhà tông không giống lông cũng giống cánh, nó là một trong hai em bé đánh sân bay Xuân Thiều. Hai đứa giấu mình một nơi, mượn trâu đến đó tay không xem xét đã. Thấy ngon ăn, lúi lại lấy mình sợ lỡ dịp, bọn con có sáng kiến gỡ ngay mình Mỹ trên dây thép bùng của sân bay, đưa này gỡ gai cho đứa kia chui vào, đặt mấy quả mình dưới các bánh giấy gói thức ăn đang bay lê rất nhiều trên các đường băng. Một chiếc máy bay Mỹ hạ xuống, con dùng dây ni lông giật. Thế đấy... giặc hoảng kinh, phát hiện con trâu, bắn theo dữ quá. Những lúc ấy, chúng con phấn khởi hay sao mà khỏe thế. Thăng Tỵ bị thương mẹ nà. Con xóc nó lên lưng cồng. Đến cầu, mới gập và giao nó cho bộ đội. Chắc nó không sao đâu. Chừ mẹ chỉ giải quyết giùm con việc con trâu...

Thằng con năn nỉ:

— Các chú liên lạc với con đã lâu mà con giấu mẹ. Mẹ tha lỗi cho con. Con biết mẹ cũng là người đang mình. Nhưng con ngại mẹ lo.

Người mẹ giật bắn người, ngồi dậy, chưa kịp mừng, chưa kịp bình tĩnh, chưa kịp hỏi tí mĩ, bỗng đã nghe một tiếng cười khanh khách rất dài. Tiếng cười làm sáng rõ, rung lên bóng mát trong nhà. Ấy là tiếng cười quen thân của anh, trong trường hợp đó, anh, người chồng và người cha chiến sĩ thật ra không hề vắng.

1970 — 1971

13 — TRÊN NGUỒN

I

CÂU chuyện ấy bắt đầu từ đâu. Nó bắt đầu, đối với tôi cái hôm, xong việc ở Công Tum, tôi luôn về rừng thăm nhà. Tôi an ủi mẹ tôi: “— Thôi, mẹ ạ, anh em người ta làm sai, đến đồng chí ủy viên thường vụ khu phụ trách việc đó cũng bị kỷ luật rồi. Con biết mẹ khổ lắm, nhưng mẹ hãy vì con mà quên đi, mà bỏ qua, đừng để tâm nữa làm chi. Cách mạng là con chứ còn đổ cho ai, hả mẹ?” Đang như thế, chợt có tiếng loa rao. Cái gì thế? tôi chạy đi một lát, rồi chạy về thưa với mẹ tôi: “— Ta thắng ở Điện Biên Phủ rồi, ngừng bắn rồi, hòa bình rồi, mẹ ạ. Phân chia tạm thời hai miền sao đó con cũng chưa hiểu rõ. Nhưng lúc này là cơ quan triệu tập cán bộ về đây, mẹ cho con đi đã”. Không biết đó có phải là linh tính không, nhưng quả thật, tôi mới về nhà có một lát, sau một chiến dịch dài nhất, vất vả nhất miền nam trung bộ, và mẹ tôi thì sau một tao gian nan nhất trong đời sống tinh thần của bà.

Tôi thấy lại tôi, ba lô khoác vai, đứng đọc tờ thông cáo kèm theo hiệp định Gionevơ ở ngã tư Hành Thiện. Và tôi nhớ là buổi chiều đó ở Hành Thiện cái nắng rất lạ, bảo vui ư, không phải, bảo buồn ư, không phải, chói quá, không phải, dịu quá, không phải. Tôi nhớ là người đọc không nhiều và không ai biểu lộ tình cảm gì cả. Tôi nhớ là tôi chỉ lơ mơ một cảm giác rằng đời tôi từ nay không giống như trước đây, sẽ có thay đổi đấy, thay đổi thế nào thì chưa biết, nhưng chắc chắn thay đổi.

Câu chuyện ấy cũng có thể bắt đầu từ một cuộc họp, một cuộc họp mà tôi sợ mãi cho đến bây giờ. Cuộc họp này “bình” ai đáng ra Bắc, và ai ở lại miền Nam. Tôi kinh ngạc nhìn một số bạn tôi. Hiệp định Gionevơ không có quy định cán bộ đoàn thể phải đổi vùng, và điều ấy thích hợp với cái tâm lý quyến luyến miền Nam của chúng tôi: vùng chúng tôi, tám năm chống Pháp là vùng tự do, không lẽ khi dễ dàng thì mình ở, mình ăn, bây giờ mới đến tối đây, khó khăn đây, khi đồng bào khó khăn thì mình tránh đi? Lúc bấy giờ, trình độ tôi chỉ có vậy, chỉ thấy cái trước mắt, không thấy cái lâu dài. Mặc dù vậy, tình cảm của tôi là tốt đẹp. Ra miền Bắc, nơi thực hiện tức thì cái mơ ước từ ngày mình bắt đầu làm cách mạng, tuổi trẻ được chấp cánh, tương lai chẳng biết đầu là cùng, nhưng ở lại, đối với tôi cùng nhân dân chia ngọt sẻ bùi, phải hơn. Nhiều người trong số đang ngồi họp đây tâm đắc với tôi điểm ấy lắm. Nhưng ngạc nhiên xiết bao, hầu hết số đó, khi biết mình có thể đi, đều nói mình đáng được đi, nguyện vọng là được đi, có người nói thật trắng trợn, và có chiều

cuồng quýt nữa, về công lao và khả năng, khả năng xây dựng đất nước hòa bình của họ. Duy Xuyên, Chợ Đước, Ngân Sơn... đối phương đã đến, đang tiếp dần đến, và rõ ràng là không hứa hẹn sẽ tôn trọng hiệp định, dần dần hiện nguyên hình tàn bạo và ác ôn. Nhưng tôi không nghĩ rằng các bạn tôi sợ. Vì sau này, trong hoàn cảnh đen tối và ác liệt hơn nhiều, nhiều người trong số đó lại tình nguyện mở con đường máu mà về, sống và chiến đấu với chúng tôi. Nhưng lỗi có lẽ là ở cách làm. Cách làm làm cho anh em nhầm tưởng ra đi là có giá trị, là quan trọng hơn ở lại. Những người có nhiệm vụ tổ chức việc ở lại thì làm ngược lại, cho việc ở lại quan trọng hơn việc ra đi. Có nói đi trắng trợn, thì cũng có nói lại trắng trợn không kém, thành một cuộc tranh giành cãi vã không lấy gì làm đẹp, nhất là đối với những người từ nay không sống chung với nhau nữa, sắp mất hút nhau trong khoảng trời đất bao la của hai miền tổ quốc, thậm chí sắp kẻ mất người còn. Tôi nhớ Quê, thư ký văn phòng. Vì làm một nhiệm vụ bé nhỏ, Quê biết nếu không phát biểu một cách thật rõ ràng, khó lòng người ta đoái tưởng đến mình. Mất trứng — chứng tỏ anh thức nhiều đêm trằn trọc suy tính, mặt hóp và tái xanh, anh run lẩy bẩy khi nói: “— Tôi xin các anh chiếu cố tôi: tôi có tính hay sợ, thần kinh tôi kém lắm, tôi không ở lại với bọn địch được đâu”. Đáp lại lời khẩn cầu có tính thảm bại nhưng thành thật của Quê, là một tiếng cười đồng thanh như phá, nhiều người cười đến chảy nước mắt nước mũi ra. Những người cười ấy quên rằng lời lẽ tự “bình” của mình có văn hoa hơn, nhưng chẳng qua mục đích cũng như Quê mà thôi. Rốt cuộc, Quê ở lại.

Còn tôi, thấy không ai nhắc đến mình, nhất là ban trụ bị, tôi cũng lặng im không nói. Tối hôm đó, tuy tôi vẫn nằm ở cơ quan nhưng mừng tượng như đã bắt đầu cuộc đời sắp tới ở miền Nam rồi, mỗi giờ dài bằng một ngày, những ngày đầu tiên ở miền Nam của chế độ “nó”, thật cô đơn và trống lạnh, tôi đã có cảm giác đó, tuy tôi vẫn còn nằm giữa các bạn tôi, tôi còn nằm giữa các bạn tôi mà tâm lý định ninh rằng họ đã ra Bắc. Gà gáy canh ba đã lâu rồi, họ ngủ cả rồi mà tôi vẫn còn thức. Chợt có người xách đèn đi vào trong ngõ, đặt đèn xuống thềm nhà và đi thẳng vào chỗ tôi nằm. Người ấy lay tôi, thì thào: “— Anh Tâm mời anh sang ngay bây giờ.” Anh Tâm là ủy viên thường vụ khu ủy. Tại sao lòng tôi như reo lên tôi không biết. Tôi theo cậu liên lạc chiếc đèn chai lắc lư trên tay đi trên những bờ ruộng ngoằn ngoèo đến tận chân núi, nơi khu ủy đóng, vào nhà anh Tâm. Anh Tâm đang vừa nhìn vào giấy suy tính cái gì vừa vắn thuốc dưới ánh sáng đèn, chỉ hơi ngừng lên khi tôi vào. Cả anh nữa, bộ bà ba đen, râu ria lởm chom, bộ điệu thật ra vẻ quan trọng của anh, tiếng anh thì thào làm cho tôi thấy rõ là anh cũng đang kích

động lắm vì không khí công tác bí mật đã bắt đầu. Anh cũng tâm trạng như tôi, tưởng mình đã bước sang cái bóng tối của chế độ nó. Và cái không khí quanh quẩn trong căn nhà lá ở chân núi đêm khuya thích hợp với sự tự kỷ ám thị đó. Anh Tâm hỏi tôi:

— Thương vụ khu ủy muốn biết ý anh thế nào?

Thật là một câu hỏi trống không, không có tiền đề. Đáng lẽ phải sừng sốt, phải hỏi lại cho rõ hơn, tôi cũng dùng một câu trả lời không có tiền đề như vậy.

— Tôi sẵn sàng.

Không ngờ anh Tâm lại hỏi dồn tôi phải nói cụ thể trước:

— Sẵn sàng thế nào?

Không thể dừng, tôi đành nói rõ điều tôi nghĩ:

— Các đồng chí cho tôi đi ra Bắc để tôi được học hỏi thêm, cũng tốt. Nếu phải ở lại cũng được.

— Ở lại, anh sẽ ở đâu?

Câu hỏi đó đáng lẽ tôi phải hỏi anh Tâm! Tôi nói:

— Tùy các anh. Công tác thành phố, tôi làm được. Nông thôn cũng được.

Miền núi cũng được.

— Gian khổ đấy — anh Tâm nói, tại sao trong giọng nói như có một thoáng mỉm cười chế riễu sự khờ khạo của tôi và sự chế riễu ấy khiến tôi hiểu rằng việc chọn lựa tôi không phải chỉ do anh Tâm, mà còn có nguồn gốc từ trên cao hơn nữa. Sự nhận xét như vậy khiến tôi trả lời ngay, không do dự:

— Tôi chịu được — tôi nói.

— Được. Anh về Bình Định — anh phân công cho tôi với cái mỉm cười bộc lộ hằn trên môi anh. Về sau, lâu về sau, theo sự bộc lộ của chính anh Tâm, tôi mới biết lúc bấy giờ mình đang có trước mặt hình ảnh một cán bộ chỉ huy ra lệnh cho cấp dưới nhưng bản thân mình thiếu tin tưởng như thế nào. Cái mỉm cười của anh Tâm làm cho tôi bất giác trịnh lòng và muốn chấm dứt ngay lập tức cuộc gặp mặt để suy nghĩ về sự việc to lớn vừa mới xảy ra cho mình.

— Được — tôi nói.

Tất cả không đầy hai mươi phút. Tôi từ một chiến thắng rất cụ thể, Bắc Công Tum, một khía cạnh của Điện Biên Phủ mà tôi có dự vào, từ một chế độ tự do rất cụ thể mà tôi được vẫy vùng trong chín năm, bước ngược trở lại, chìm khuất trong tối tăm của chế độ thực dân cũ rích nó bao trùm nước ta ngót một thế kỷ và vây bủa tôi suốt cả tuổi thiếu niên. Sau hôm ấy, ở khu năm, chế độ vẫn là chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi vẫn còn ở cơ quan ấy, chung với các bạn tôi trong mái nhà xóm nhà ấy. Nhưng giá có ai hỏi tôi, trong hai

mười năm chiến đấu chống Mỹ, quãng thời gian anh phải dùng nhiều đến lòng can đảm là quãng nào, tôi sẽ trả lời là quãng thời gian đó, sống giữa các bạn cũ mà tôi không còn cười tận cái cười, vui trọn niềm vui, cứ cảm thấy nặng trĩu ở trong lòng vì phải giữ một bí mật to lớn.

II

Câu chuyện của tôi cũng có thể bắt đầu từ lớp học đó, “lớp học dành cho những người ở lại”. Một lớp học kỳ lạ, mỗi nhà trọ một người, không ai được tiếp xúc với ai, buổi tối lên lớp, mỗi người cầm một cái đèn có hai tai che đèn vừa đủ soi trang sổ tay của mình, trang sổ tay đó cũng sẽ hủy đi trước giờ tan lớp, người trọ không được nói chuyện với chủ nhà, không được hỏi họ, tên, thôn xóm. Đêm học, ngày nghỉ, tôi tần mẩn ngồi nhìn đám thanh niên đánh bóng xa xa đằng kia, chốc chốc mắt nhắm cố nhớ nét mặt vài người, không biết nhớ để làm chi. Mười lăm năm sau, có dịp qua lại vùng này, người ta đưa đến giới thiệu với tôi một người phụ nữ từng vào tù ra tội, vẫn trụ bám địa phương là một người gây nên giông bão cho địch suốt hàng chục năm ở vùng Mỹ Hiệp, tôi bàng hoàng nhận ra một cô gái đánh bóng chuyền ngày trước, tuổi xuân còn lại ở một nét miệng cười buồn.

Lớp học xong, vừa là những ngày cuối cùng của tháng năm, ngày cuối cùng trước khi hoàn thành việc chuyển quân. Hôm nay đơn vị sau cùng của chúng ta sẽ xuống tàu, chuyển tàu ra Bắc cuối cùng khởi hành và đối phương tiếp tới thay chân.

Trên đường lên căn cứ, bắt đầu đi vào bí mật, tôi tạt ghé lại nhà thăm mẹ tôi. Câu tôi an ủi mẹ tôi năm trước còn dở dang: “— Mẹ hãy vì con, đừng để tâm nữa làm chi. Cách mạng là con chứ còn đồ cho ai hả mẹ?”. Mẹ là mẹ của tôi, tôi bỏ cuốn sách xuống là đi theo cách mạng, chưa hề đền đáp công ơn mẹ được tí gì, mẹ tôi một sương hai nắng chắt chiu từng đồng nuôi hộ vợ con tôi, mà anh em, trong lúc mê muội, có người không tiếc lời xỉ vả, thậm chí còn vô hình trung đẩy về phía bên kia. Chính tôi nhiều lúc nghĩ tới sự bất công ấy lòng cũng xôn xang. Nhưng sống dưới chính quyền ta, lại có tôi ở gần, tôi tin rằng tôi có thể hàn gắn được vết thương trong tâm hồn mẹ tôi. Không ngờ chiến thắng vừa xong lại có chuyện chia đôi hai miền, lại có chuyện éo le thay đổi chính quyền. Tôi sẽ nói với mẹ tôi thế nào đây? Làm sao giữ được mẹ tôi về phía có tôi? Thì giờ không còn đủ để tôi giảng giải nhiều. Tôi chỉ còn một cách là nói với mẹ tôi hãy thương tôi cho trót, tôi đứng phía nào thì mẹ đứng phía đó. Có một điều tôi cần tránh là làm cho mẹ tôi tưởng nhầm rằng tôi không đau cái đau của mẹ tôi nên tôi dễ nói nhẹ nhàng: trước cái đau của chính mẹ mình mà mình cũng trơ trơ thì cái giống người như tôi cũng

chẳng khác những kẻ lẳng nhục mẹ tôi là mấy tí, rồi trên đường đời, tôi tất cũng sẽ phạm vào những bất công tương tự đối với người khác mà thôi. Nếu mà tôi làm cho mẹ tôi hiểu nhầm như thế trong giờ khắc tế nhị này thì thật là nguy hiểm. Mà tôi cũng không thể nói thật với mẹ tôi đã thương bà và cũng đau như thế nào, không những với tư cách là con, mà còn với tư cách là đảng viên nữa. Nhưng thôi, đó là lại bước qua chuyện khác, việc hôm nay là tôi về thăm mẹ, thăm lần cuối cùng, trước khi ra đi. Những năm tháng trước mặt đầy rẫy khó khăn. Mẹ tôi đã già, thật không chắc mẹ con rồi còn gặp nhau: ý nghĩ ấy cứ làm tôi ngẩn ngơ hoài. Không chắc còn gặp nhau nữa mà chia tay trong sự hiểu nhầm, hai mẹ con đã sống hai cảnh đời khác nhau mà còn xung khắc nữa thì thật buồn. Giá tôi có thể nói thẳng với mẹ là tôi ở lại, tôi ở lại để tiếp tục chiến đấu bảo đảm thực hiện hiệp định Giơnevơ, tiếp tục giải phóng miền Nam! Rằng tôi sẽ vẫn ở không cách xa nhà ta mấy, chỉ trong rừng núi Vĩnh Thạnh kia thôi, tôi sự thật tham gia lãnh đạo công tác huyện nhà. Con vẫn ở bên cạnh mẹ, mẹ con chúng ta có thể không gặp nhau nhưng con ở bên cạnh mẹ. Nhưng tôi không được phép bộc lộ như thế. Về đây, tôi sẽ chỉ nói với mẹ là tôi chào mẹ lần cuối để ngày mai xuống tàu.

Hai giờ sáng tôi mới về đến nhà. Đêm nay và ngày mai vẫn là giao thời, ngày kia mới là chế độ “*nó*”, nhưng tại sao đứng trước nhà tôi, tôi có cái cảm giác ghen ngào như vậy! Mái nhà thân thuộc, nó đây mà sao nó trở nên hiu quạnh thế, thấp quá thế, tro troi thế dưới gốc mấy cây mít già sum suê, trong khu vườn không đèn đuốc. Mẹ tôi không lên tiếng, ý chừng nghe ngóng đã, mãi một lúc khi nhận ra tôi rồi mới thấy cái dáng lụm khụm của bà bước ra. Có lẽ bà lạ lẫm, kinh ngạc lắm nên không buột nói câu gì. Có lẽ là vừa đi vừa nghĩ tại sao tôi lại về. Đáng lẽ cứ đi thẳng thì bà lại đi chéo qua cái sân, ra mở cổng cho tôi, mười ngón tay răn lông ngóng mở hoài mới bật được cái then. Bà ngược mặt nhìn tôi, hai mắt mở to, trong bóng tối tôi không nhìn thấy con người bà, tôi chỉ thấy hai mắt mở to và im lặng, tôi hiểu đó là sự kinh hãi, tôi vội vã nói liền:

— Con về chào mẹ ngày mai con đi tập kết.

— Mai? — tôi nghe mẹ tôi như ré lên như thế thoát tiên, một tiếng độc nhất

— không, không phải bà ré, một sự kinh hoàng nào của linh tính kìm giữ tiếng kêu lên ngạc nhiên của bà, nhưng mãi mãi trong lòng tôi. Tiếng kêu lên sợ hãi cho con đó của mẹ tôi để lại một vết xoáy sâu nhọn như một tiếng ré. Mày bảo mai? — mẹ tôi giảng giải sự kinh ngạc của mình. Đây với đây hai mươi năm cây mà giờ này còn ở đây...

— Tức là mười hai giờ đêm mai, mẹ ạ. Ai còn ở trên bờ, mười hai giờ đêm

mai mới phải ra tàu, đó là hạn cuối cùng. Tối ngày mai con đứng đĩnh đi cũng còn kịp chân.

Mẹ tôi không nói gì nữa. Tôi vào nhà, lên nhà trên, định nghỉ một lát, trong lúc mẹ tôi nấu nướng cho tôi. Nhưng ngả lưng mãi không sao chợp mắt được, tôi lần xuống nhà dưới. Cảnh nhìn thấy làm tôi bủn rủn cả chân tay: mẹ đang ngồi trước bếp lửa cúi đầu trong vạt áo mà khóc.

Tôi cuống lên, nghẹn ngào ôm vai mẹ tôi:

— Con cũng không ngờ lại có lúc tuổi già của mẹ lại không có con — tôi nói. Mẹ cho con đi làm cách mạng tất đã có lường trước nhiều chuyện khó khăn, thậm chí tù đầy, hy sinh. Con đường cách mạng của con cho đến bây giờ là dễ dàng, nay con phải xa mẹ...

Mẹ tôi ngừng khóc, ngừng phất lên:

— Mày ra Bắc thì có gì là khó khăn?

Tôi vẫn hiểu nhầm rằng mẹ tôi buồn tủi vì cô quạnh, vì vợ chồng con cái tôi đi cả — vợ con tôi đã đi trước theo sự bố trí của huyện — để bà lại một mình. Tôi nói đến lòng biết ơn bà từ bé đến lớn cho đến lúc có vợ con, tôi vẫn được hưởng sự bao che của bà, từ nay không có sự bao che ấy nữa. Vợ tôi chẳng hạn, sẽ vừa công tác vừa nuôi con, vừa mang thai trong bụng. Đó là tư riêng, chứ nhìn vào cục diện nói chung, chúng con không ở trong này nữa, ra miền Bắc mà tính chuyện lấy lại miền Nam, không khó khăn sao hở mẹ?

Mẹ tôi mắt vẫn mở to — tôi nhớ là từ lúc tôi về, đón tôi ở ngoài cổng, bà nhìn tôi mắt lúc nào cũng mở to như giận và có điều gì không tin tôi. Lần này, bà ngắt lời hỏi không úp mở:

— Mày đi thiệt sao?

— *Thiệt* — Tôi đành phải nói, tôi vốn không bao giờ muốn nói dối mẹ tôi.

Ngay cả trong tình huống lúc này tôi chưa được phép nói sự thật, tôi về đây cốt để chào biệt bà, còn tôi có ra Bắc hay ở lại trong chòm xóm địa phương núi non nào đó, tùy bà muốn hiểu sao thì hiểu, đối với hai mẹ con thì bề nào cũng là xa biệt.

Tôi chỉ nói có một tiếng “thiệt” đó. Thế mà mẹ tôi mừng rỡ lắm. Bây giờ bà mới vội vã, quính quíu lên sửa soạn cho tôi ăn. Lúc này thì cũng là tôi, bà cũng biết là tôi đói mệt và đi đường xa về, mà bà uể oải không thiết cái gì hết. Ngồi nhìn tôi ăn bây giờ, bà nói toạc ra những ý nghĩ chất chứa của bà — bà mẹ già lúc nào cũng tha thui của tôi tuyệt vời ở chỗ tính tình bộc trực.

— *Mẹ sợ con phản!* — lời nói ngay thật ấy của mẹ làm tôi lạnh xương sống. Được Đảng giao cho ra Bắc mà lén lút ở lại với vợ con, sau này làm thế nào mà không cộng tác với đối phương được, như thế không phải là đào ngũ, là

phản sao? Không thấy con về, tưởng con đi luôn, mẹ cũng buồn, cho là con tệ. Nhưng lúc này thấy con về, mẹ sợ hơn, mẹ hoảng vô cùng, tưởng là con phản rồi. Mẹ sợ do con giận một số người đã xử không tốt với mẹ, tức là không tốt với con. Nhưng hiểu vậy là sai đó, con. Mẹ bằng này tuổi đầu, bao nhiêu cái nhục cái vui đều đã từng, mẹ biết phân biệt cái phải, cái trái, cái lớn cái nhỏ. Khi thấy một số người làm vậy, gây nên bất bình, riêng mẹ bị khó khăn, mẹ thật lo, buồn nữa, nhưng không giận đâu. Nhà mình nội ngoại bao nhiêu đời, đến đời mẹ thật mới biết thế nào là cái giá trị làm con người, đến đời con, đời con con, thật sự mở mày mở mặt — mẹ bảo thế — mẹ đẻ ra con, mẹ nuôi con, nhưng cứ phấp phỏng, con lớn lên lại giống như cậu, như chú, lại cũng sống như thế thì buồn quá. May mà có cách mạng...

Mẹ tôi nói còn dài, đại khái mẹ tôi nói như vậy, trong nỗi kinh ngạc, khâm phục và xúc động của tôi. Hóa ra mẹ tôi hiểu tất cả, tôi không cần lo lắng giải thích dài dòng điều gì nữa, chỉ hưởng thụ niềm vui được mẹ săn sóc trong ngày trở về thăm nhà cuối cùng, có lẽ là ngày cuối cùng được mẹ săn sóc, rồi đi. Tuy vậy, tôi vẫn tranh thủ nói với mẹ tôi về những tình huống có thể xảy ra. Kẻ thù, chúng sẽ không ai khác, trong hoàn cảnh của xã của huyện ta, là những người mà mẹ con ta có quen cả. Chúng sẽ rình mò, giám thị, tra tấn, bắt bớ mẹ nữa — vì mẹ là người cách mạng, và mẹ là mẹ của con: về điều này, chúng sẽ không mơ hồ đâu. Một mặt khác, *anh em* có thể nhờ đến sự giúp đỡ của mẹ.

Mẹ tôi nghe tôi nói, cười cười, mắt rực lên một ánh sáng vui lắm, lạ lắm, bảo tôi: con cứ đi đi, chớ phải lo gì về mẹ hết trơn, mẹ có chết cũng đã trọn đời mẹ, mẹ đã nói như vậy thì con hiểu rằng mẹ sẽ không làm điều gì nhục mẹ, nhục con đâu.

Nhưng đến chiều, cuối ngày hôm ấy, càng đến gần giờ tôi phải lên đường, mẹ tôi tiễn tôi đi, thì bà lại bản thân bản thân lặng thinh trở lại.

— Có thật, là con đi không con?

Bằng cả ngày, bây giờ mẹ trở lại hỏi thế. Giọng bà thì thảo, như bà sợ, và vẫn phấp phỏng không tin tôi, mà nếu sự thật như thế thì mới là tai họa cho đời bà chứ không phải ở những điều tôi lo cho bà.

Tôi nói mạnh bạo: con đi chứ, ơ hay, sao mẹ lại hỏi như thế? chiếc ca-nô cuối cùng mười một giờ đêm mới xuất phát, tàu mười hai giờ mới kéo neo, mười hai giờ đúng tập kết hai miền mới hoàn thành mà, mẹ.

Tuy vậy, tôi vẫn thấy mẹ tôi trân trân nhìn tôi dò xét rất nghiêm khắc, nếu mà những lời tôi nói đây mà là nói dối thì tôi thật là một đứa bất hiếu bất mục.

Đang như vậy, thì dường như đã quyết được đã kết luận được, bà đứng dậy

soạn sửa cho tôi, xếp cái này, sắp cái nọ, nhanh nhẹn hẳn lên, tong tả hẳn lên và cùng tôi ra cổng làng.

Đến bên đò Tân Thuận, bà chủ động đứng lại. Tôi nhớ là suốt dọc đường bà không nài hỏi tôi tại sao không cho bà theo đi Quy Nhơn, không cho bà tiến xa hơn chút nữa. Bà chủ động đứng lại, chủ động nói một câu ngăn ngui, ngăn ngui quá:

“— Thôi, con đi”.

Và quay ngắt lại, bước rảo, bóng càng lúc càng nhỏ, càng mờ trong bóng tối của hàng tre.

Tôi dừng lại một chút, nhìn xem bà có nấp khuất trong bóng tre dôi chừng tôi không. Không, mẹ tôi không làm thế. Bà đi thật nhanh, như chạy, như thể bà hờn tôi, như thể bà đang trốn một cái gì, cắt đứt một cái gì, trong lòng mình. Cử chỉ đó của mẹ khiến tôi không thể trần trừ được nữa. Tôi cũng đi nhanh, đi thẳng theo con đường đi Quy Nhơn. Đi đường ấy được một quãng đủ xa, tôi vòng trở lại, nhắm chân núi phía Tây mà băng tới. Đêm ấy, trăng sáng dữ dội, hình như là một đêm rằm, trăng tròn lên từ sớm, tôi phải men theo các bìa làng mà vượt thật nhanh các vùng có dân cư, ở đây ai gặp cũng có thể nhận ra tôi cả. Khi làng mạc đã xa, cũng đã xa chó sủa gà kêu eo óc, tôi mới chọn một phiến đá ngồi lại, mặt quay về hướng nhà mẹ con tôi. Tình cảm tôi lúc đó thế nào mà tôi muốn chấp tay lạy vọng mẹ tôi mấy lạy, tạ cùng mẹ cái tội đã nói dối mẹ, lần đầu tôi nói dối mẹ, cốt cho mẹ yên tâm, rằng con cũng không thể lộ bí mật ngay từ khi bắt tay vào việc, từ nay bí mật của con không còn chỉ là của con nữa, mẹ hiểu cho con. Có lẽ mẹ có ngờ ngợ chẳng, con không ra Bắc đâu mẹ ạ, mà ở lại đây. Chắc con ở cũng chẳng cách mẹ mấy đâu, nhưng từ nay về sau, mẹ và con là hai cảnh đời khác biệt...

Còn mấy phút nữa là mười hai giờ. Tôi ngồi như vậy đó đợi cái phút giây lạ lùng giữa hai chế độ, phút trước cái gì cũng còn là của tôi, phút sau, từ đây trở đi, tôi không có quyền nói như vậy nữa, tôi đã phải xung sát rất ác liệt, trong bao nhiêu lâu, tôi không biết, nhưng mà rất ác liệt, mới có thể nói tiếp được như vậy. Trên đầu tôi, ngẫu nhiên một đám mây đen vùn vụt lao tới phía vàng trắng bạc và nó đã bắt đầu liếm tới.

III

Thật tiếc, anh Quê rời bỏ cơ quan ngay trong lúc chủ trương chỉ mới có những nét mờ mờ. Anh thật sự mịch lòng. Chiều và đêm hôm ấy, cho đến lúc được biết quyết định mới về mình, tôi tâm trạng cũng như anh, tôi hiểu được, chia sẻ được sự mịch lòng của anh. Thật kỳ quặc, một người theo cách mạng tám năm, gào thét khăn cổ hoan hô cổ võ mỗi chiến thắng dù nhỏ, mỗi quyết

định mới dù có khi có quyết định đó dẫm đạp lên quyền lợi thiết thân của mình, trèo đèo lội suối, com nắm chấm muối sả tám năm, cách mạng từ nay giao không anh cho *đối phương* — giao không anh cho nó, chịu sự áp đặt của nó, để anh tự giác, “cùng với nhân dân đấu tranh có lý, có lợi, có chừng mức”. Thật vô lý, không thể như thế, có cái gì phải sáng tỏ nữa, thậm chí điều chỉnh nữa. Nhưng đáng lẽ phải đợi thì anh Quê bỏ đi. Đêm hôm đó, sau khi ở chỗ anh Tâm về, mình đã biết rõ những ngày sắp tới của mình như thế nào rồi, tôi trở về cơ quan, còn thấy anh Quê nằm trần trọc cách tôi không xa. Cho đến hôm nay, sắp chia tay kẻ Bắc người Nam, Quê vẫn chưa phải là đảng viên. Cách đây bốn năm, tôi, bí thư chi bộ, đang cùng anh chuẩn bị để làm lễ kết nạp cho anh, thì không may, đúng lúc ấy, có lệnh nghiêm ngặt đến đóng cửa Đảng. Ở khu năm, lúc bấy giờ nó là như vậy. Cấp trên có bàn riêng về trường hợp anh, nhưng nghĩ rằng anh vốn đã tương đối tốt rồi, lại công tác ngay trong một bộ phận sát bên cạnh ban tuyên huấn, có nhiều cách để giúp anh tiến bộ. “Cậu không phải là đảng viên, mà yêu Đảng, cái tư cách ấy trong thời kỳ mới hóa lại hay, có thể làm nhiều cho cách mạng được” — tôi có lúc muốn nói với anh thế, nhưng nghĩ lại thấy cái đó nó không thành thật thế nào, vì bản thân mình, cho dù trước những khó khăn nào, cũng không hề vờ vờ có sự mong muốn ngược như thế. Tôi chỉ nói được có một lời: “Thôi được, chúng mình ở lại miền Nam với nhau”. Ý muốn nói rằng tôi làm việc gì thì tôi rủ anh làm việc đó, quyết giữ đến cùng khí tiết của mình. Nhưng tôi không thể nói rõ hơn. Đêm hôm ấy, ở chỗ anh Tâm về, tôi muốn lay anh dậy mà nói với anh quá: đừng để mất liên lạc nhau, mình sẽ móc cậu theo mình — cái lễ kết nạp cậu mà mình không thể tiến hành được trong vùng tự do, chắc là ta sẽ có dịp tiến hành trong bóng tối, dưới ách của kẻ địch. Song tôi đâu có được phép tiết lộ ngay như thế? Nhưng sáng ngủ dậy, cả nhà không thấy anh Quê đâu nữa.

Quê không có thì giờ để mất. Anh trở về thị trấn Bình Quang, vốn là quê chúng tôi, vội vã, ra cái điều việc về này đã từ rắp từ lâu, là kế hoạch đã định sẵn trong đời, cho nên có hiệp định Giơnevơ, anh thực hiện liền. Với ai hỏi, môi anh nở một nụ cười bí mật, tự ví mình như Phạm Lãi, sau khi giúp Câu Tiễn lấy đất Ngô, nay đến lúc chu du Ngũ Hồ. Có ai hỏi lại tại sao anh ví anh với Phạm Lãi, có phải vì anh không phải là đảng viên, cũng giống như người nước Sở không, nếu người hỏi là người bên này, Quê trả lời anh không định nói thế, chỉ nghĩ rằng cuộc kháng chiến còn dài, sức anh có hạn, tham gia làm được một nửa là may rồi, nay đến cuộc phân ly này tuổi đã tam thập, tam thập nhi lập mà, anh! Nếu người hỏi là người bên kia, nghĩa là bọn con cái

địa chủ, thương nhân, trí thức trùm chần xưa nay nổi tiếng lêu bêu giờ ngày càng xuất hiện nhiều ở thị trấn huyện, anh ốm ờ im lặng.

Thật ra, Quê cũng có tránh nói những lời khốn nạn, ít nhất là anh cũng có tránh trắng trợn. Những ngày hôm ấy, anh có dịp nhận xét rằng sống ở đời phải rõ ràng, ở cái lần mức không rõ ràng, chỉ một ngày thôi cũng khó lòng trải qua, từ nay không có Đảng nữa, nghĩa là vẫn có Đảng ở đâu đó nhưng không ở cạnh mình nữa, tầm tay mình với không đến nữa, tự mình mình xoay xở, xoay xở làm sao? Không phải đảng viên mà yêu Đảng, như thằng Nghĩa có lần nói, để an ủi mình sau cái lễ kết nạp hụt đó? Tôi muốn như vậy lắm, nhưng mà khó lắm. Không lẽ không làm cái gì, không lẽ không nói cái gì, làm cái gì nói cái gì mà đôi phương không buộc được mình là cộng sản, đồng thời *bên mình* vẫn đánh giá mình là tốt? Nguyên một lý do mình ở lại miền Nam, không tập kết ra Bắc cũng khó giảng giải rồi. Nếu không phải là nằm vùng thì là bất mãn, thế thôi. Nằm vùng thì chúng nó tiêu diệt, bất mãn thì dân xa. Có thể trở về làm dân thường mà không bất mãn được không? Ai tin được như vậy? Cho nên tưởng đã khôn khéo, Quê nặn ra câu chuyện Phạm Lãi chu du Ngũ Hồ. Nguyên trong câu chuyện đó cũng đã có khía cạnh bất mãn rồi, cái đó chính Quê cũng nhận thấy, và không phải là không thấy mình thấp đi. Chao ôi, trong lúc nhiều người mong cho những ngày này kéo dài ra, không có sự thay đổi gì, thì Quê, anh sốt ruột mong cho mọi việc chóng ngã ngũ, đôi phương có đến thì đến đi, lục soát, kiểm tra, thủ tục gì thì làm luôn đi để anh có thể chui vào nhà chùa hoặc một trường học. Nhà chùa, cũng có cái kỳ, vào đó là chuyện thậm bất đắc dĩ, có lẽ trường học ổn hơn. Vốn đang đi học thì cách mạng, phải ngừng học tám năm, giờ *hòa bình rồi*, đi học lại, kiếm cái bằng cử nhân, có cái bằng cử nhân mới đảng hoàng là người trí thức, lý lẽ như vậy với *bên kia* có lẽ nghe được. Làm anh học trò cũng đỡ bị quấy rầy. Mà hai, ba, bốn năm *đăng mình* về, hỏi mình làm gì, mình nói mình chỉ trau dồi trí thức trong lúc chờ đợi các anh, nói thế cũng chẳng lấy gì then mặt.

Nhưng việc đời không đợi Quê, không đợi ngày thứ ba trăm linh một. Kẻ thù không đợi ngày ba trăm linh một mới hoạt động mà. Về sau, chúng ta mới biết rằng thời gian những chuyến tàu cuối cùng chở nhân dân và cán bộ đi từ Quy Nhơn được bọn gián điệp Mỹ đặt tên là cái chiến dịch “*giải thoát*” của nó, và tay sai của Lénxdên có mặt tận huyện Bình Khê, huyện Vĩnh Thạnh này. Tỉnh và bọn chúng tôi chọn vùng núi này làm căn cứ *có thể* của mình, thì chúng cũng thính không kém, chúng đánh hơi ngửi thấy ngay từ buổi đầu, ngày đầu, ngày chưa phải là ngày đầu.

Chiều hôm ấy, xảy đến cho Quê một việc, Anh đang ở trong một quán giải khát thì tám thanh niên đến ngồi xung quanh anh. Chúng nhăn nhở, mắt nhìn anh chế riều, không thân thiện, chỉ nguyên dáng điệu chúng đã báo chí anh biết việc chẳng lành.

— Đừng sợ — một thằng nói, giọng kẻ cả. — chúng tôi biết anh là Việt Minh ở lại, có thể đi thanh thiên bạch nhật thế này với mọi người là cũng chưa đến nỗi nào. Còn tụi tôi hết thời kỳ các anh tới thời kỳ tụi tôi, bắt đầu thời kỳ tụi tôi rồi, xã cũng rút rồi, rút hết rồi. Tụi tôi chỉ cần hỏi anh một câu rồi để cho anh đi: một mặt Việt Minh để anh ở lại, một mặt tàng trữ kho gạo, kho súng là nghĩa làm sao?

Quê ngơ ngác, vì câu hỏi bất ngờ, và nội dung Quê không hiểu gì hết. Quê, mặt tái xanh, tím xám, lắp bắp phân trần:

— Tôi trở về *thường dân* hơn năm nay rồi, tôi không rõ những việc đó.

Thằng kia gằng giọng:

— Thôi được, coi như anh là thường dân. Thường dân có cái lẽ phải của thường dân. Giả tí như có cái kho gạo, kho súng đó, ý kiến anh thế nào?

Quê thấy gai ốc trong người nổi hết lên cả rồi, nhưng nói tình thực, anh cũng còn nói được một câu chống chế cho cách mạng:

— Nếu có cái đó thì chỉ là vì họ bỏ sót thôi, họ không làm như vậy đâu.

— A, đúng. Nghĩa là anh cũng đồng tình với tụi tôi là bất hợp pháp? — tên kia chụp lấy, quắc mắt nhìn Quê chăm chăm đợi trả lời.

Quê cúi gằm mặt, tự nhiên cảm thấy như người cùng đường, bỗng nhiên liên hệ rất nhanh đến việc mình ở lại và sự tồn tại của cái kho súng kho gạo đó — cái kho súng kho gạo, nếu có, thật ra chẳng còn dính dáng gì đến anh, thế nhưng anh cứ như người bị bắt quả tang, và bụng dạ đã bắt đầu run lên rồi. Chỉ có một tiếng để trả lời câu hỏi của tên kia thôi. Câu chống chế tưởng là khôn ngoan vừa rồi của anh dẫn đến cái tiếng này nữa là hợp lý: anh “— Vâng” có chiều hơi vội vã một chút, như một người đến lúc quyết định đâm đầu xuống sông.

IV

— Ai vậy? Ủa anh Quê! Sao anh chưa đi? Mà giờ này còn ở đây?

— Cháu được *phân công* ở lại đây mà, bác?

— Thật à? (một lúc, nói sẽ). Bây giờ là nó rồi, phải giữ mồm giữ miệng, sao lại nói vậy?

— Đúng hơn là cháu không được đi. Cháu cũng như Nghĩa, cháu tưởng bác đã biết?

— Tôi không hiểu. Thì tôi vừa đưa Nghĩa đi tập kết về đây! Thằng nghĩa

hôm qua ở đây, bây giờ nó đi rồi.

— Thật không bác? Nó đi chuyên tàu nào?

— Chuyên cuối cùng, hồi năm giờ chiều, tôi ra tập mép canô tiễn nó, nhìn thấy tàu chạy tôi mới về. Tôi mới ở Quy Nhơn về đây, từ chiều hôm qua tới giờ rạc căng đi bộ! Mà sao anh có vẻ hốt hoảng vậy?

Vâng, mẹ tôi như vậy đây. Mẹ tôi biết rất rõ ngày giờ chuyên tàu cuối cùng. Mẹ tôi có biết tôi nói dối, mẹ tôi biết tôi ở lại. Về sau mẹ tôi nói: “— Mẹ chỉ có một mối lo là sợ con sinh dạ phản phúc mà ở lại, chứ con *nhảy núi* thì mẹ không sợ. Mẹ có thương nhưng mẹ không sợ. Cả ngày hôm ấy, chốc chốc con lại dặn mẹ, giảng giải cho mẹ chớ đem lòng giận hờn cách mạng, vậy là mẹ yên tâm rồi, biết con ở lại mà không phải là đứa phản phúc là yên tâm rồi. Còn khổ cực thì biết nói sao: Đảng bảo nhảy vào lửa cũng phải nhảy vào, cái đó mẹ biết. Chia tay con ở bến đò Tân Thuận, mẹ quay đi ngay, là để cho con tưởng mẹ không biết, tiện đường nào thì con đi, chớ có ngần ngại vì cho là có người biết rồi, cho dầu người đó là mẹ. Vả, mẹ cũng có việc của mẹ. Con đã lớn, Đảng chọn ở lại giao việc lớn chớ phải nhỏ đâu, thế mà ở suốt một ngày, mặc cho mẹ tha hồ nhận xét chứ không nhận xét được gì ở mẹ, thế là con vẫn còn khờ lắm. Mẹ có lo là lo chỗ ấy. Mẹ có việc của mẹ. *Anh em* họ còn tin mẹ hơn con: họ giao việc cho mẹ mà có cần giảng giải và an ủi như con đâu. Mẹ có việc của mẹ, và mẹ cứ lớn vờn cái ý nghĩ rằng thế nào ngày đầu cũng là ngày có chuyện. Minh không vội đi, nhưng bao giờ kẻ địch cũng vội đến. Quê thì không phải là địch, nhưng mới nghe nó nói một câu đã biết ngay nó không phải là *ta* nữa rồi, *ta* không phải như vậy nữa rồi. Nhưng mẹ vẫn xem chừng nó ở *mức độ nào*, và nó đến đây để làm gì, nếu cần thì giúp đỡ nó, tuy rằng chắc là giúp ngay không được. Thì Quê đã kêu lên:

— Nghĩa cũng không đi tập kết! Bác có đưa tiễn nó thật không?

— Cái thằng hỏi đã lạ, tao không đưa nó còn ai đưa? Người ta khùng bỏ đầy ra đó, nó ở lại làm chi? Nó đi thì tao côi cút làm vậy, nhưng nó đi thì tao yên tâm hơn.

— Nhưng nó cũng như con, có được đi tập kết đâu?

— Tình hình thay đổi, có quyết định lại sao đó. Mà tính, cán bộ xã cũng kéo róc đi nữa là. Có lẽ cháu bỏ về nhà sớm quá sao đó nên cháu không biết.

— Bác bói cái gì cho nó đem đi ăn đường?

— (A, nó dò mình!) Đi có hai ngày, ra ngoài đó là sướng rồi, có cần sắm sửa cái gì đâu. Nghĩa nó cũng chẳng say sòng đâu nên không cần sắm sửa gì hết. Cái chần xi ta nó cũng bỏ lại kia.

— Bác nói thật hả Bác?

— Một câu đó hỏi hoài! Bây giờ thời thế khác rồi, e lòng người cũng khác sao mà mày là người tra khảo tao đầu tiên đó Quê?

Nghe mẹ tôi trách, Quê đứng sừng sững như trời trồng. Anh bỗng đã trở nên như đứa bé đi một bước ngã một bước, mất hết trí khôn, chẳng biết lối nào mà lần.

V

Bọn phản động đã lén lút vào thị trấn huyện từ hôm trước. Trong đêm chúng đã thay quần áo, và mờ sáng, mọi người thức dậy đã thấy mọi đường ngang ngõ tắt đầy bọn cảnh sát mặc ka-ki vàng đưa đứng canh, đưa tay cầm chổi, tay xách lon hồ đi dán những tờ bố cáo. Một đoàn xe ngựa dài lộc cộc đi ngang qua huyện về phía núi. Mọi người còn đang hỏi nhau đoàn xe ngựa ấy đi đâu, thì ở phía núi đó có tiếng huyền oán. Tiếng mõ nổi lên rộn rã trong tiếng la hét giống như trong một cuộc xô xát. Bọn cảnh sát đứng sát lại với nhau ngăn đường không cho dân phố tọc mạch đang muốn kéo lên hướng đó, nhưng một lúc thì ai cũng rõ là chuyện gì. *Quốc gia* mới về chưa kịp nghỉ giải lao đã muốn xuất kỳ bất ý bắt tay vào tịch thu một kho gạo nói là của Việt cộng để lại. Nhưng dân làng, làng Hà Ri, đang kéo ra ngày càng đông: đôi mặt với bọn cảnh sát, họ xếp hàng thành hai hàng, dáo mác tên nà, một nà hai bó tên, một hàng năm người, một hàng chín người, có cả tả biên và hữu biên, vừa tiến vừa quát tháo:

— Ha! Lũ này cướp lúa của cách mạng! Cách mạng đi để lúa cho đồng bào ăn, sao không để đồng bào ăn mà bọn bay ăn cướp?

Bọn cảnh sát vừa lui vừa đe:

— Quốc gia về rồi mà bọn này còn làm giặc!

— Chúng tao làm gì mà bay nói làm giặc? Đứa nào cướp lúa mới làm giặc. Bọn *quốc gia* lừa sập được cửa, nhốt cả toàn nhân dân Hà Ri trong kho thóc. Những người bị nhốt trong kho đập thành thành rung chuyển cả mái nhà, và trong kho vẫn không ngớt tiếng mõ, và tiếng chửi rủa.

— Cho bây chừ — một thằng ngục nói, nó là một trong tám thằng thanh niên Quê gặp trong quán giải khát — tao đi tìm thằng Quê, nó là Việt minh, nó nói chuyện phải trái với chúng mày.

Nhưng vừa ngừng lên, tất cả xóm vùng kho gạo cơ hồ bị vít chặt. Liên lạc đã về báo tin không lành với nhân dân xã Vĩnh Phúc. Làm sao? Nó bắt hết rồi. Không sợ, ta kéo lên nữa. Liên lạc về xã Vĩnh Hiệp. Làm sao, nó nhốt ư? Cho nó nhốt! Bà con cô bác ơi, cả xã Vĩnh hiệp ơi, nổi chiêng lên, nổi mõ lên, báo cho già trẻ lớn bé ai nấy đều biết, *quốc gia* vừa đến huyện ta đã giở trò cướp bóc bắt người, hiện đã bắt của ta mười bốn người. Trùng trùng điệp điệp

người Ba-Na thân độc một chiếc khố quấn ngang, chân trần, tất cả đeo lục lạc vào chân như phong tục cổ xưa mỗi khi ra trận, tay cầm dao dài, để uy hiếp đối phương, hè nhau khênh cả thân cây chuối đi, khênh cả cột kèo nhà đi, vừa đi vừa phạt dao sắt ngọt vào thân chuối, cột kèo nhà kèo nhà để lao vào đối phương nếu cần, để thui đốt những đứa gian phi nếu cần, để làm hàng rào chiến đấu nếu cần, đây là *quốc gia* tới đã giở trò khiêu khích đối với nhân dân, định cướp bóc mồ hôi nước mắt của nhân dân, muốn nắn gân nhân dân thì đây là một trận sóng mái.

Thấy bà con Ba Na làm dữ, đến lúc đó một tốp người đi xe đạp mới từ huyện đến. Tên quận trưởng, mặc quần áo lính, lưng đeo súng ngắn, cười nhăn nhở: — Nhân đây, tôi xin ra mắt bà con luôn. Tôi công nhận anh em thừa hành có hấp tấp. Nhưng lúa này quả là lúa cộng sản. (Nó chìa ra một nắm) Đây, bà con coi lại, đây là lúa ruộng chứ phải lúa nương đâu?

Tức thì tiếng nhao nhao nổi lên phản đối:

— Ông ở đâu mới về nói tức cười! Lúa mà *quốc gia* cũng phân biệt cộng với không cộng, còn người thì sao? Lúa gạo đó là của Việt minh. Việt Minh đi tập kết, Việt Minh cho nhân dân phòng đói. Chưa đói, nhân dân chưa ăn, nhân dân để đó, can có gì động vào?

Sau cùng, bọn cảnh sát và nguy quyền huyện đành phải rút hết, để lại nguyên kho gạo. Cảnh giác, nhân dân từng bao một hè nhau khênh hết vào trong các làng buôn.

Đó là chuyện có thật xảy ra tại huyện Vĩnh Thạnh, ghi vào lịch sử truyền miệng của dân xã Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hiệp, làng Tà Lóc, làng Hà Ri, và những làng vẫn còn quen được gọi theo tên chiến đấu là *L ba*, *L bốn*, *M một*, *M hai*, ngày đầu tiên, sau khi quân ta đã tập kết ra miền Bắc, và chế độ Ngô Đình Diệm theo chân thực dân Pháp và đế quốc Mỹ bấy giờ còn rình mò, vừa mới kéo đến.

VI

Sáng hôm ấy, Quê ở lại nhà ta. Cả xã Bình Quang và các xã thuộc Vĩnh Thạnh, lan xuống tận Bình Khê nói chung huyện Tây Sơn bây giờ — không khí sùng sục như nước sôi. Mẹ bảo Quê cứ yên tâm nằm trên giường vốn là cái giường của con mà nghỉ đi. Nhưng nó không đứng đâu ngồi đâu yên, người cứ run cầm cập như cái lá. Mẹ nhìn thấy Quê, hiểu hết mọi việc. Người này ắt đang mang điều không lành tới cho mẹ, mẹ bỗng nhiên có linh tính thế. Nhưng mẹ không thể mở miệng bảo anh ta đi lúc này. Chúng nó đang lục tìm anh ta khắp các ngã đường, khắp các nhà của xã Bình Quang. Bây giờ chúng không cốt dùng miệng anh ta, một cán bộ kháng chiến cũ để giải thích

giúp, chúng nhận giúp với đồng bào miền núi mà chúng vẫn yên trí là khờ khạo rằng cái kho gạo đó quả là không hợp pháp, nhưng chúng đã nghĩ rằng cuộc đấu tranh dữ dội sáng nay của dân các làng làm cho chúng vuột mất không kịp là do anh ta, ít nhất là do anh ta báo tin, báo tin tức là xúi giục, — Anh — mẹ không mảy tao với nó nữa, mẹ gọi nó bằng anh — anh mà ra đường bây giờ thì chúng nó ăn thịt. Chúng nó đang tìm anh. Anh cũng như thằng Nghĩa con tôi thôi, nhưng chúng mà tìm thấy anh trong nhà tôi, chúng nó cũng không để tôi sống đâu. Nó nhân đi tìm anh, sục vào các nhà để điểm mặt xem người nào là cán bộ lén lút ở lại đây. Vào đây, chúng nó sẽ lục tìm thằng Nghĩa gắt lắm. Tôi không biết giúp anh nấp thế nào đây. Thôi được, anh ra ngoài vườn, nằm giữa hai vòng khoai lang, tôi đắp gờ khoai lang lên người cho, chúng nó chẳng ra đó làm chi đâu, không ngờ đâu. Tôi là một cụ già tứ cố vô thân, thấy anh như thấy con tôi, anh gặp hoạn nạn thì tôi giúp, anh làm việc gì tôi không biết đâu, chớ để cái họa cho tôi.

VII

— Anh nghĩa.

— Cậu là ai?

— Em là Vân, em được phái đi đón anh. Em biết anh mà anh không biết em. Hồi còn nhỏ, em hay qua Bình Quang, thường bán củi cho bà.

— Lớn, cậu không bán củi nữa?

— Em đi làm công tác chớ anh. Em là trung đội phó dân quân mà.

— Tại sao cậu không đi tập kết?

— Em là dân quân, em đâu có bắt buộc phải đi tập kết? Tuy vậy, trên cũng cho đi. “— Nhưng mà địa phương đang rất cần anh, anh nghĩ thế nào” Thế thì tôi ở lại đã, chứ còn nghĩ thế nào! Mà địa phương đang khó khăn thật. Biết chính quyền ta sắp đi, bọn xấu ngóc đầu dậy, đâm thọc dọa nạt, các làng mất đoàn kết lung tung, đánh nhau, bắt trâu, bắt lợn, bắt người. Làng Con Trót, Thờ Đo, Con Vấp trên, Con Vấp dưới. Huyện cử em thẳng về đó. Ba tháng sau, Huyện lại mời em đi tập kết. Em nói: “— Đây đã yên đâu mà đi?” Thế thì anh cứ tiếp tục — huyện bảo thế. Lần thứ ba huyện lại gọi em đi, em về sau cùng. Huyện lại hỏi, em lại nói. “Tôi đã tổ chức cho các làng ăn thề rồi, nếu các anh mất đoàn kết; các anh còn đánh nhau, các anh để cho đối phương lợi dụng. Việt Minh về, các anh chịu trách nhiệm”. Tôi đã hội nghị cà-rá, đã giao ước với họ thề, nhưng không có mình thì họ lại đánh nhau chứ. Huyện hỏi em: “— Thế anh muốn đi hay ở?” “— Tôi chết sống với cách mạng, em nói”. “Đi tập kết, có nhiều lợi cho anh”. “— Có nhiều lợi cho tôi, tôi biết”.

Thế là em được ở lại.

— Nhưng mà ở lại cũng buồn chứ?

— Thế anh buồn à?

— — Không, là mình hỏi cậu.

— Đồng bào thì có buồn đây buồn thiu. Họ ngồi đâu cũng kể toàn kỷ niệm về Việt Minh. Nhưng em thì em không buồn, vì em thấy được cách mạng tin nhiệm. Ở đây sống bám dân bám đất thích chứ anh. Em ngang nhiên về sống hợp pháp với làng. Nhưng trên lại rút em đi, không cho em ở làng. Bây giờ em làm công tác này.

— Hãy nói: *công việc*, hay chỉ nói gọn: *việc* này thôi. Không được nói chữ. Trên chưa dặn cậu sao?

— Dạ, bây giờ em làm *việc* này. Anh đứng đây đã nhé, để em chạy tới trước xem có ai đi tới không đã. Ta phải đi sáng đêm mới tới đó anh.

— Tuổi thơ của tôi trôi qua dưới dãy núi này, mỗi sáng ngủ dậy ngẩng đầu lên nhìn thấy nó, xanh biếc, vắt qua mây trắng. Dải Trường Sơn đến vùng này tỏa ra y hệt một con sông, một con sông đổ xuống từ trên trời cao, từ trên Ngân Hà. Từ buổi ấu thơ, tôi đã có ảo tưởng như vậy về một vùng nước non hùng tráng kề cận quê tôi, mang những cái tên lẫm liệt và phần chấn là Tây Sơn thượng, trung, hạ, với những hòn Ngăn, hòn Bong Bồng, hò Vỗ Cá, hòn Bạc Má, hòn Kho, hòn Đá Dàn, hòn Hoàn Sơn, hòn Hội Sơn... đầy di tích và giai thoại hào hùng của người xưa. Tôi vừa đi lòng sáng khoái vừa ngờ ngợ như mình đã một hôm nào đó từng nằm mơ thấy y hệt cảnh đêm này, mình đi trên con đường đèo lịch sử này, với một người giao thông, như là tiểu đồng trong truyện cũ, bắt đầu đi vào thừa kế sự nghiệp của bao nhiêu bậc anh hùng. Chắc chắn là mình sẽ thành công như các vị đó, với các kinh nghiệm về địa hình địa vật của họ, với cái hào khí, với tấm gương vằng vặc tranh xanh sáng suốt đêm này của họ nữa, và với lòng tin vào giai cấp mới của mình, Đảng của mình. Kỳ lạ, anh bạn giao thông lúc thì đi ngang, lúc tranh vượt lên đi trước tôi, cứ thỏ thẻ hoài, chốc một câu, chốc lại một câu, tưởng chừng như chẳng ăn nhập vào nhau, và như không phải anh nói chuyện với tôi mà anh tranh thủ truyền đạt kinh nghiệm cho tôi, bởi vì tôi đi vào quê anh, tất nhiên tôi ngờ nghệch hơn, mà cuộc chiến đấu có thể xảy ra tức thì, anh với tôi có thể không gặp nhau nữa. Thật vậy không? Vần nói:

—Anh chỉ còn bà ở nhà. Gánh của anh có nhẹ hơn em đấy. Em còn cả mẹ, lẫn cha, cả năm em nữa, năm em li nhí lít nhít. Nhưng em cũng thấy nhẹ thôi. Cha mẹ em cũng thấy nhẹ thôi
Vần lại nói:

— Anh nè, em nói cái này anh chớ giận em nhé. Người dân tộc họ có thành kiến với một số các anh đấy. Các anh đến đâu, nhờ lao động, nấu cơm, quét nhà, làm nương, nghe. Đối với con gái người ta phải nghiêm trang, nghe. Đối với cửa cải người ta, chớ động chạm, nghe. Muốn cho người ta theo mình, mình phải thể, không thì nước đổ lá môn hết.

Vân lại nói nữa:

— Anh nè, em cho là thời kỳ qua, một số các anh *bắt mới* không trúng đâu. Thường các anh *bắt mới* vào những người biết tiếng Kinh. Nhưng biết tiếng Kinh là người có đi đây đi đó, có giao thiệp, thế là người tằng lớp trên rồi. Người dân tộc nào không biết tiếng Kinh người ấy mới thật là nghèo, anh ạ. Và Vân nói:

— Ôi, bao giờ anh về đóng ở nước Tấn, anh vào nhà em.

— Cậu mới đi đã muốn về nhà lắm à?

— Không, anh không hiểu ý em mà. Em có thể đi luôn suốt đời với cách mạng mà. Em nghĩ thế này anh nghe được không: anh mà đến nhà em, thì cha mẹ em thấy anh cũng như trông thấy em, mà ông già em chắc chắn là người tốt rồi, có thể giúp cho anh cái gì được.

— Nhưng nhà cậu lộ rồi, vì ai cũng biết cậu ở lại — tôi nói:

Vân nín thinh một lúc, có vẻ buồn, rồi lại nói:

— Không lẽ gia đình cán bộ không nương tựa được nữa vì vậy hay sao anh? Em cho sắp tới, nó tất nhiên đánh vào chỗ đó, nhưng kiên cường cũng là chỗ đó. Cha mẹ vợ con ở nhà nói sao với con, với chồng, với cha đi xa? Ở đồng bằng là vậy, miền núi cũng vậy thôi.

Đi một ngày đàng học một sàng khôn. Như vậy đó, đêm đó, cảnh đó, người thanh niên Ba Na tên là Vân, hoặc có sao nói vậy, hoặc không giữ kín mọi ý nghĩ được, nghĩ tới điều gì nói lên điều đó, dạy bảo tôi một cách hồn nhiên và thật trong sáng như thế.

Nhiều điều Vân nói, bản thân tôi có kinh nghiệm rồi, chiêm nghiệm rồi, được học tập thảo luận rồi, nhưng cả những điều nhắc lại ấy, nhắc thẳng với một giọng sâu xa như người nói nói là chỉ nói với mình, như là nguyện vọng, như là đạo lý, bất kể tôi là ai, làm chức vụ gì, nếu tôi không làm theo như thế thì người nói đó sẽ thất vọng lắm, thậm chí sẽ khinh lắm, tất cả những lời ấy của một người thanh niên quân chúng Ba Na, tôi coi là bài học đầu tiên của tôi trong cuộc kháng chiến thứ hai này. Trăng đã lặn rồi, núi rừng đã khép lại sầm tối rồi, nhưng cái giọng chuyện vãn thăm thì của anh có gì trong vắt nó sáng mãi trong lòng tôi.

Nhưng tôi không ngờ một phút sau đó, tôi mất anh.

Đang đi, bỗng Văn bấm tôi đứng lại để cậu tiến lên một mình. Thế đấy mà đợi mãi không thấy Văn trở lại nữa. Đứng ra thì tôi có nghe một tiếng kêu lên, nhưng đêm hôm, trong rừng nhiều tiếng dã thú giữa tiếng lá cây xào xạc lúc nào cũng như đang cơn gió to, tôi tưởng tôi nhầm. Tôi nép vào bên đường để đợi, dễ chừng đến hai tiếng, không thấy người nào đi ngược lại phía mình cả. Trời đêm mùa hè mà tôi lạnh muốn phát run. Biết là có chuyện chẳng lành, tôi định xé núi đi bừa, nhưng nhớ Văn bị nạn nằm đâu gần đây trên đường đèo thì sao, cho nên tôi lại liều đi tiếp con đường chúng tôi đã đi, vừa đi vừa dò tìm. Nhưng vô hiệu.

Tôi không hiểu nổi việc gì vừa xảy ra, trong nhiều ngày. Văn bị một toán gian phi nào đi trước giết và vứt xác ở đâu đó, trên chặng đường tôi đã đi qua? Văn bị bắt cóc? Mà kẻ địch tưởng là anh ta chỉ đi một mình? Và tất cả cái đó diễn ra một cách nhẹ nhàng như là nó chuôi trôi đi theo đêm, như là nạn nhân bỗng nhiên tự ý bỏ tôi mà đi vậy. Anh ta bỏ tôi mà đi sau những lời trò chuyện như thế?

Tôi không có thời giờ suy nghĩ gì cả. Vừa nhìn thấy Hóc Điều là nơi tôi định đến và Văn có nhiệm vụ đưa tôi đến thì Hóc Điều bị cản. Một đại đội lính ngự, từ dưới lên, xé rừng phục kích đổ ập vào làng định xuất kỳ bất ý bắt sống một số cán bộ mà nó nghi là lấy vùng núi làm căn cứ. Không bắt được cán bộ, nó quay ra tra khảo các gia đình, buộc họ tố giác lẫn nhau là cơ sở chứa chấp, bắt đi một số người trong đó có một cô gái, cô Li. Nó đánh đập cô Li tàn nhẫn quá, ông già cha cô Li là *bok*. Tôi không nhìn được nữa, nhào chụp lấy súng của thằng thiếu úy, bắn nó một phát vỡ óc.. *Bok* Tôi bình tĩnh nói với người làng trong lúc nó trôi *bok* vào gốc cây để hành hình: “— Tôi vui lòng chết cho nó biết rằng không phải nó tới đây muốn làm cái gì thì làm.” Ông lớn tiếng gào lời vĩnh biệt Hồ Chủ tịch trong lúc chúng hốt hoảng chĩa thẳng súng vào họng ông. Tất cả dân làng thương cảm, khâm phục và khóc ròng. Từ đó, tự nhiên làng Hóc Điều có một tên nữa là làng *Bok* Tôi. “Đấu tranh có lý, có lợi, có chừng mực”. Anh em học, nói vậy, nhưng giờ thằng địch làm cách này. Tối hôm ấy, chúng tôi quyết định rút khỏi làng Hóc Điều, từ đây tạm thời theo phương án ba, nghiên cứu lại vùng nào là vùng có tính chất quyết định giữ phong trào, mình có thể trụ để lãnh đạo quần chúng đấu tranh thắng lợi, nắm phía trước mà củng cố phía sau, xây dựng phía sau làm căn cứ địa. Phải phát động quần chúng cơ bản, chuyển dần từng bước đưa quần chúng cơ bản lên làm chủ. Chúng tôi chia nhau mỗi người mấy xã đi làm việc đó. Đi một quãng khá xa, đến một nơi, chúng tôi kinh ngạc thấy bà con trong xã Hóc Điều đã đến đón đường từ bao giờ, khẩn thiết xin cán bộ

cho đi theo *bất hợp pháp*. Chúng tôi cử một anh ra giải thích vị trí tình hình làng Hóc Điều. Sau vụ xảy ra ban sáng, chắc thằng địch chùn bước, ở lại đấu tranh hợp pháp hiện nay có lợi hơn. Chỉ anh em chúng tôi, vì quyền lợi của làng Hóc Điều và của cả địa phương này, phải tạm thời rút thôi, gọi là rút nhưng lúc nào cũng ngó chừng Hóc Điều. Dân làng dần dần nghe ra, song vẫn khẳng khăng xin chúng tôi để lại cho làng ít nhất một cán bộ. Người ra giảng giải với dân làng liền được cắt cử theo luôn bà con trở về làng.

Chuyện kho gạo và chuyện *Bok* Tới xảy ra giúp chúng tôi hiểu thêm một cái gì đó về đường đi nước bước của địch, về tinh thần của dân, và về việc chúng tôi phải làm. Muốn hạn chế được địch, phải nắm được dân, phải duy trì cách mạng, phải kiên trì cách mạng, chỉ có thể thôi.

Những ngày sau đó, đối phương vẫn chưa tỏ ra chậm bước. Nó tàn sát cả một thôn ở bên dưới chúng tôi, giết lẻ tẻ nơi này nơi khác, tróc nã cán bộ, tung gián điệp lén lút đốt phá làng bản. Lợi dụng địa hình đặc biệt, chúng tôi quyết định rà lại cơ sở, nếu cần thiết, tự mình xây dựng lại từ đầu, trang bị cho nhân dân ý thức đương đầu với bọn bán nước nay xuất đầu lộ diện và bọn giặc Mỹ đang nấp đằng sau chúng, còn tệ hơn thực dân Pháp nữa, và từ đây tiến lên xây dựng khu căn cứ của huyện.

Tôi đến ở vùng làng Tà Lóc. Tà Lóc một trăm dân, một *cà rá* — người *cà rá* nói dân nhiều người nghe, vì nó có thành tích giết được một tên thực dân Pháp, mật thám hay khảo sát gì đó, năm bốn mươi, “trước cả Việt Minh nữa” như người làng này hay nói tự hào — ở xã Sông Côn, bắt đầu vào một trong những thung lũng hiểm hóc nhất của vùng Tây-sơn trung, các nương sắn cheo leo như những chiếc mũ son ở trên đầu. Nói ở *làng*, nhưng như về sau tôi trả lời câu hỏi dò của tên *cà rá* tôi “nay hòn đá này, mai hòn đá khác, như con chim con chuột”. Sự thật, tôi đóng “trụ sở” trong một cái rẫy, trong rẫy có một cái chòi cao dùng để canh chừng lợn lòi. Tôi thường làm việc trong tàn lá rậm rạp những bụi sắn, trưa tối mới trèo lên chòi. Tôi nghĩ rằng chiếm được một vị trí nương rẫy cao, tôi có khả năng hay biết rất nhạy người từ dưới lên. Tôi quyết định thay đổi cách ăn mặc, ăn mặc kiểu địa phương, chỉ mặc một cái khố, một cái áo cánh đen, và để tóc — để tỏ cho đồng bào Ba Na biết rằng mình không tự phân biệt tí nào với họ, cao quý của con người ở chỗ khác chứ không phải ở quần áo, và để cho kẻ địch, kẻ địch giá có bất thần vào làng, từ xa có nhác trông thấy tôi cũng tưởng tôi là người Ba Na, không phải một cán bộ *nằm vùng*. Tôi có một ít gạo anh em phân phối cho nhét đó đây trong các kẽ đá, vài ngày tôi mới ăn một bữa cơm nấu trong ống bương, còn những bữa khác toàn lột bụng bằng củ mài mà tôi phải lần mò đến năm

bảy ngày mới biết cách đào. Tôi kiên quyết không động chạm đến cho dầu là một gốc sắn trong cái nường tôi ở trọ. Không những thế, mỗi sáng sớm tôi đều có thì giờ tăng gia thêm, cắm lại hom xuống các vạt nường bị lợn lòi đào xới, và rửa ngô thêm ngay cạnh đó mở rộng thêm nường. Anh biết đấy trước Cách mạng tháng Tám, tôi là học trò, cho đến nay, cũng chưa kịp làm nghề gì ngoài nghề cán bộ, cho nên thời kỳ này là thời kỳ nhọc nhằn nhất của đời tôi. Kể cả sau này nữa, trong chiến đấu hai chục năm chưa bao giờ tôi trần trụi như thế, một mình giữa núi rừng lạnh lẽo đêm hôm, kiếm từng bữa ăn. Nói nhưng tôi vẫn vui thì không đúng, song quả thật, tôi chẳng buồn, chẳng lúc nào buồn, nếu buồn thì tôi tắt chết rồi, không sống đến ngày nay. Vả, việc tôi sống như vậy có một Người đã sống trước tôi, còn lạnh lẽo trần trụi hơn tôi nhiều nữa, vì ngày ấy, cả nước còn đắm chìm trong mê muội, mà Người ấy đã làm được việc lớn, theo gương Người mà tôi sống hôm nay, và điều quan trọng vẫn không phải ở chỗ đó, điều quan trọng là tôi có làm được việc gì không. Tôi luôn luôn có cảm giác lúc nào cũng đang đợi xem một người khác, vừa là tôi, vừa không phải là tôi, sắp bắt đầu nhen một ngọn lửa, ngọn lửa giống ngọn lửa tôi nhen mỗi ngày ở trên nường, một tay cời, một tay che, đến một ngày nào giờ nào sẽ thổi bùng lên. Tôi nhớ buổi chiều họp bàn ai ở ai đi ở Quảng Ngãi sau ngày chiến thắng và cười thầm về sự dễ trạnh lòng của mình. Tôi có nghĩ đến Quê, Quê còn dễ trạnh lòng hơn tôi nữa. Không biết chỉ mới không bao lâu ngày mà Quê đã phiêu bạt sống hoàn cảnh nào rồi, liệu mình còn gặp và giúp bạn không. Tôi có nhớ lại hình ảnh trong đêm tối, bà con Hóc Điều kéo theo anh em chúng tôi, năn nỉ cho đi *bắt hợp pháp*, và lòng tôi vẫn mơ mong mỗi rồi một ngày nào đó, gặp Quê ngay chính ở nơi căn cứ này.

Một hôm tôi làm xong quay vào thấy treo lòng thòng trên cột chòi một mo cơm còn nóng. Mo cơm áng chừng ăn được ba bữa, trong đó có một gói lạc rang giã trộn muối theo kiểu người Kinh. Đợi mãi không thấy người, tôi mới chắc là có ai đây có theo dõi và cố ý cho mình. Người này chỉ có thể là một người tốt. Ý nghĩ ấy khiến tôi thật mừng rỡ và tôi bắt gặp tôi mong mỗi hoài. Tuy vậy, ban đêm tôi cũng cẩn thận tạm lánh ngủ ở chỗ khác, mắc võng lên tàn cây cao. Tôi rất để ý và ngóng trông, nhưng lại được cho cơm hai lần nữa, y như lần trước mà không gặp được người.

Vào một lúc không ngờ, có hai người, một ông già và một cô gái Ba Na, cả hai cũng cao lớn, một người vác cuốc, một người tay cầm dao quắm, từ đâu bỗng xuất hiện ở giữa nường mà tôi không kịp ẩn lánh vào đâu. Cô gái cũng có đem theo một mo cơm, hình dáng y hệt mo cơm thường kín đáo cho tôi.

— Chào bác — tôi lên tiếng trước — chắc bác là bác Đùng.

— Sao biết? — ông già giọng hiền lành hỏi lại.

— Cháu mạn phép trú tạm trong nương của bác, tất nhiên cháu định có ngày vào nhà thưa chuyện với bác. Mấy hôm nay, bác cho cháu cơm, thế là cháu biết bụng dạ bác rồi, cháu rất cảm ơn. Nhưng bác biết cháu là ai mà bác cho như thế?

— Biết. Tao ra đây để hỏi mày một câu: Việt Minh chính quyền, bộ đội đi, chúng mày ở lại làm gì? Do chúng mày ở lại, địch giết chúng tao thì làm sao? Ở vùng dưới, chúng đã giết nhiều người rồi đó.

Người con gái hết nhìn tôi lại nhìn ông già. Tôi quyết định, lần đầu tiên, trả lời cặn kẽ cho hai người này. Những người nào là những người ở lại. Đảng là ai? Để làm gì? Tại sao bè lũ Diêm, tay sai của Mỹ ghét Đảng? Chúng đối với đồng bào ta thế nào, mưu mô thế nào. Cháu xin hỏi bác, anh xin hỏi em, trước tình cảnh đất nước như vậy, phó mặc đất nước bà con cho những con hổ con báo đó, hay là phải kết đoàn lại ngăn cản chúng, bảo vệ cho thôn xóm làng mạc mồ mả cha ông mình? Còn sợ chúng giết thì tôi nghĩ đồng bào Ba Na đây có sợ đâu, đồng bào Ba Na đây đã bao lần cùng với những anh hùng người Kinh đứng dậy trong lịch sử rồi. Vả, ở đời, ai cũng chỉ một lần chết, chết sao cho được ngẩng mặt chứ không phải cúi đầu...

Tôi nói dài, tỉ mỉ. Ông già đập vào vai tôi một cái thật mạnh, như thể ông đánh tôi:

— Hay! — ông nói. Giờ tao hỏi mày một câu nữa: tao cho mày con gái tao đây thì mày có nhận không? Nó muốn theo mày mà. Mày cho nó làm cái mày vừa nói với! Dạy cho nó mà. Để nó trong nhà, thế nào thằng *quốc gia* cũng tới *bắt vợ*, xấu lắm.

A ra thế. Ông già nói rồi quay lưng đi, bắt đầu xuống núi. Còn người con gái, Nhuôn, có vẻ phục tùng lệnh cha cô cho tôi, ở lại. Tôi bị đột ngột, xúc động quá, chạy theo nắm tay ông già:

— Được bác và em tham gia việc lớn, còn gì bằng. Bác và em hãy về đã, tối nay cháu vào có được không, nhà có khách lạ không. Chúng ta gặp nhau lại sẽ nói chuyện thêm, bàn thêm.

Khuya hôm ấy, bên bếp lửa, ông Đùng và tôi, hòa chung hai giọt máu vào một chén rượu, làm lễ ăn thề nhận nhau là cha nuôi con nuôi. Nhuôn với tôi là em nuôi anh nuôi. Tôi nghĩ điều đó là hết sức cần thiết cho công tác của tôi.

VIII

— Giờ mày bày tao một câu nữa: nếu *quốc gia* nó bắt tao nó tra “có thấy

người làm cộng sản không” tao trả lời thế nào?

— Trả lời: *không thấy, không có*. Lúc nào cũng *không có*. Nói *có* là đầu hàng.

— Có thể nói: lâu lâu mới thấy họ đi qua một lần, nhưng chỉ đi qua thôi, không ở làng tôi, không ăn làng tôi.

— Thấy sao không giết?

— Họ có súng! Úi cha cái súng! *Quốc gia* có bắt được thì bắt chứ tao không dám. Cộng sản nó giỏi lắm!

— Giờ mày bày tao một câu nữa. Hôm nay một câu này nữa thôi *nè*: nếu đi tuyên truyền hỏi bà con: “Cộng sản là ai?” mà họ trả lời đại như tao trả lời hôm trước ấy, “— Cộng sản là người Kinh” thì nói sao? Mày nói lại tao nghe thử?

— Ông Đinh Núp, ông Nay Đe là người Ba Na đấy thôi, có phải là người Kinh đâu. Ai không muốn làm con sâu con kiến thì đứng lên cứu nước cứu nhà! Vì ta muốn độc lập tự do mà kẻ thù không muốn, vì ta muốn hai năm sẽ thống nhất mà kẻ thù không muốn nên ta phải đấu tranh. Người Kinh, người Ba Na, người Ê Đê, người Xê Đăng trung thành một mặt trận...

— Thông thả đã *nè*, tao lặp lại có đúng không *nè*. Ông Đinh Núp, ông Nay Đe là người Ba Na đấy thôi, có phải là người Kinh đâu. Ai không muốn làm con sâu con kiến thì đứng dậy...

Đó là nội dung những bài huấn luyện đầu tiên của tôi, những ngày đầu đó, ở chốn rừng núi đó. Ông Đùng và cô Nhuôn, cái gia đình nghèo nhất thôn Con Trót đó là lớp huấn luyện tuyên truyền, là hạt nhân đầu tiên của tôi. Thật cảm động, nhiều buổi trưa, tôi nằm nghe hai cha con một người hỏi, một người trả lời, ôn cho nhau ở dưới suối:

— Vì ta muốn hai năm mà kẻ thù không muốn nên ta phải đấu tranh...

IX

Ba tên *quốc gia* từ huyện lên nhà Bá Lớ,, mang theo rất nhiều quà. Bá Lớ sốt sắng giết lợn thết khách. Đèn lớn thắp giữa nhà, kèn hát cũng mở ra. Ăn uống no say xong, Bá Lớ triệu tập dân làng họp. Các tên khách không ra mặt. Chỉ một mình Bá Lớ mặt đỏ gay, tay chấp sau đít, dáng bệ vệ y hệt một lão chánh tổng dưới xuôi, bước vào nhà rộng, đặt ngay một câu hỏi:

— Tao mời lũ làng Con Trót đến để lũ làng Con Trót nói cho biết có theo quốc gia chống Cộng sản không?

Từ già đến trẻ, cả làng nín thinh. Mãi mới có một người nói:

— Làng Con Trót có ai thấy mặt mũi cộng sản ra sao. Nếu quốc gia muốn làm, quốc gia cứ tự làm.

Bao giờ cũng thế, khi một người đã nói bật ra và nghe được bụng thì mọi

người nhao lên.

— Phải đấy, phải đấy tùy *quốc gia* chứ, tùy cái bụng Bá Lớ chứ, hỏi đồng bào làm chi!

Và phải dít kéo nhau xuống thang về.

Đêm ấy, chi ủy họp khẩn cấp. Ông Đung lạnh lùng đề nghị giết Bá Lớ. Tôi ra sức phân tích câu hỏi của tên *cà rá* làng, biện hộ cho hắn. Thật ra đó là một câu lửng lơ. Nó hỏi là do sức ép của địch chứ bản thân nó còn phân vân, còn sợ, sợ dân làng. Nó cũng có ngờ dân làng đã đổi khác, có tình ý khác, nó làm trái sẽ nguy hiểm cho nó, có làm trái cũng làm từ từ. “Nhưng như vậy là nó cũng sắp phản!” Bà con phân tích lại cũng rất đúng. “Nhưng mà nó chưa phản thì ta chưa có quyền giết nó, phải tranh thủ nó và các *cà rá* nói chung đến cùng, nếu nó chịu đi với ta thì có nhiều điều thuận lợi hơn.” Tôi nói với chi bộ là tôi sẽ thân hành vào gặp Bá Lớ. Ông Đung xoay ra bảo thế thì phải để giết ba thằng tay sai Mỹ — Diệm hiện ở trong nhà Bá Lớ đã. Tôi lại giảng giải nữa trong lúc Nhuôn, cô em nuôi tôi, van vỉ tôi không nên vào hang hùm. “— Nó ngày nào cũng đem súng ra lau, rủ anh có chuyện gì, ai tiếp cứu anh cho kịp!”. “Nó mà đụng tới một cái lông chân anh Nghĩa, tao không để nó yên” — Đung lại nói “— Đợi cha thì không còn anh Nghĩa nữa” Nhuôn vẫn khẳng khẳng.

X

— Không, anh không cần lấy cái gì. Tôi đi tay không, anh không thấy sao. Tôi đến để thăm anh thôi. Tôi đến để thăm thôi. Tôi đang ở nhờ làng anh, anh có biết không?

— Ờ..., tôi có nghe nói, ờ...

— Anh, gia đình anh có được mạnh giỏi không? Tôi đến để bàn việc với anh.

— Anh, các anh đã chia cắt đất nước, kéo hết ra ngoài đó, còn bàn gì với chúng tôi?

— Tôi và còn nhiều anh em nữa còn ở lại đây. Sống cuộc đời như thế này, anh tưởng chúng tôi muốn sao? Chính vì biết kẻ thù có âm mưu muốn chia cắt, bán nước cho chủ mới, mà chúng tôi ở lại. Tôi tin anh nên muốn đến bàn với anh về vận mạng cái làng này, cái vùng này.

— Bàn gì nữa mà bàn! Nhân dân trong tay không có một tác sất!

— Tôi tưởng tối hôm qua, khi anh hỏi đó, anh có thể ngờ ngợ nhân dân có sất hay không có sất rồi.

— Anh nói sao?

— Tôi hỏi anh thế này nhé: tại sao ba thằng *quốc gia* đó, chúng bảo anh nói, chúng mượn cái miệng của anh nói, ra lệnh cho bà con Ba Na dời làng xuống

tập trung ở quận sao anh không nói, sao anh không nói hết lời lẽ của chúng? Lại chỉ hỏi một câu hàng hai, hỏi cho có hỏi, đó? Do cái câu đó, tôi biết anh còn tốt. Anh chưa phục chúng nó, chưa theo chúng nó đâu. Đối với đường lối cách mạng, anh có một số điều chưa hiểu nên anh hờn giận chúng tôi. Tất cả những cái đó, anh và tôi, rồi ta rỉ rả chuyện trò sau. Bây giờ tôi muốn bàn với anh, trước hết, anh bỏ chuyển đi xuống quận đi.

— Sao được? Không xuống quận, nó cắt muối thì sao? Nó đem quân lên đánh thì sao? Nó nói rồi, nó đánh đó. Đợi nó đánh, tôi còn lý lẽ gì? Tôi cần phải đi để xem thêm ý tứ nó thế nào.

— Cuộc đi này không có lợi cho anh. Nó tưởng bắt anh là làm cho làng núng, cho nên nó sẽ bắt anh. Dân làng thì sẽ coi thường anh vì tưởng anh đã theo địch, đã đầu hàng, đã trở thành tay sai. Chúng nó đem cho áo ấm, giày mũ sang trọng, anh nhận và thế là anh thần phục, anh mưu bán làng. Nhưng tới hôm qua, anh đã thấy rõ là anh chưa làm như vậy được. Nó thì sốt ruột, mà anh thì không làm được, nên nó sẽ giết anh. Vì vậy, tôi muốn anh không đi huyện. Anh cứ ở nhà, nhân dân thái độ nào thì anh thái độ đó.

— Bá Lớ này có đầu óc chính trị của mình, chẳng ai đe dọa được tôi. Ờ mà anh ở đích xác tại nhà ai, vùng nào trong làng?

— Chúng tôi như con chim con chuột, chưa nói với anh được. Khi nào có việc cần, chúng tôi khắc đến anh.

XI

Chúng nó đem mẹ tra điện. Mỗi lần nó vặn cái nút, run giật cả người, lòi cả mắt mẹ ra, xé tai mẹ, nổ óc mẹ, rồi mẹ ngất đi. Mỗi lần ngất bao nhiêu lâu mẹ không rõ. Nó tát cả thùng nước mẹ mới tỉnh lại. Tỉnh lại nó lại tra. Tra một lúc lại vặn nút. Mẹ lại ngất. Xong cuộc tra, thân hình mẹ mềm như con bún. Nhưng tra điện, mẹ chịu được. Cái trò nó đổ nước dơ vào miệng, mũi, tai, mắt mẹ không chịu được. Tra điện, mẹ đau buốt ba ngày, nó đổ nước dơ, mẹ buồn nôn cả tháng. Thằng Quới, quận trưởng, thân hành tra.

Quanh đi quẩn lại, lại nhai một số câu: “— Thằng Nghĩa con bà ở đâu?” Trả lời: “— Nó đi tập kết, rõ ràng tôi đưa nó ra tận mép nước trèo lên chiếc ca nô”. Nó vặn nút điện. Tỉnh dậy: “Mụ nói dối. Nó ở lại, nó đang ở đây, nó có về nhà không?”

“— Không, các ông nói nghe kỳ quá, tôi đưa nó ra tận mép nước, ca nô cặp tàu tôi mới quay về”. “— Mụ ở lại có công tác gì?” “— Đàn bà già cả như tôi đi đâu mà không ở lại. Ông tưởng một thân một mình ở lại sướng lắm sao? Tôi là địa chủ, ai người ta cho đi”.

Nó vặn nút: “— Có công tác gì không?” “Ông có vặn nút nữa chết cũng vậy

thôi, bà già này một chữ cắn đôi không có công tác gì”. “— Nếu chúng tôi bắt được thằng Nghĩa, bà chịu cái gì? Giờ chúng tôi bảo bà viết cho nó một cái thư kêu gọi nó về với chính nghĩa *quốc gia*, bà có viết không?” “Ồi cha, cha nó chết nó không về, nó ở ngay Chợ Gồm mà nó không về, giờ nó Bắc Nam cách trở về là về làm sao?”

Nó vặn nút, tôi ngất. Dậy, nó lại hỏi: “— Bà chịu viết không?” “— Không, vì ông bầy tôi để giết tôi, đời nào tôi chịu làm. Tôi lụm khụm ông nước mo cơm đưa nó ra tận mép biển cảng Quy Nhơn, hóa ra tôi phỉnh tôi sao, không có sao?” “— Bà chịu viết không?” “— Không.” “— Thế bà không thương thằng Nghĩa à?” “— Ông hỏi đã lạ, con rút ruột đẻ ra không thương! Không thương mà đưa ra tận mép nước!” “— Gặp nó có cho tiền không — ấy là tôi giả dụ — nó trốn bà, nó lén lút *nằm vùng* ở đây, bà thấy nó về, bà có chứa không?” “— Chuyện đó chưa có thực tế, ông hỏi chi lạ vậy?” “— Vậy có khai báo không?” “— Một thân già tôi đây mà ngày nào tôi không tự đi khai báo!” Nó giận quá, đập mẹ một cái ngã nhào. Nhưng như vậy là cuộc tra tấn hôm đó qua. Mẹ ngã chỗ nào, nằm dí chỗ đó, không dậy được. Thằng Quới cũng mệt phờ, phải đi nhậu ở đâu, ba chừng bảy đôi mới trở lại tra người khác. Mẹ nằm lơ mơ nghe nó tra người khác, trong người đau nhức lắm nhưng lại có cái mừng là mình chịu được, cách này có thể đối phó với nó được. Trong bụng lại có chút thích thích biết có lẽ con ở đâu gần đây, chúng mới đánh hơi thôi chưa biết rõ lắm, con chưa sa vào lưới chúng, và con làm chúng sợ hãi đến thế. Mẹ thấy yên tâm vì có cảm tưởng rất rõ mẹ cùng một việc, một mặt trận với con, mẹ không phản con, mà đời nào mẹ phản con. Và, có lẽ con sẽ trách mẹ vẫn còn xoàng, nhớ những lời quy kết mà vài người dành cho mẹ trước ngày đi tập kết, mẹ lại thấy vui vui nữa kia. Thằng địch hung hăng, có vẻ cuồng lên, nhưng mà rất dại, nào có biết mẹ làm cái gì đâu mà khai thác. Cho nên quanh quẩn những câu hỏi ấy, lúc nào mẹ cũng khăng khăng một mực trả lời cách đó nên chúng chán.

Nhưng mẹ cứ suy nghĩ mãi tại sao nó bắt mẹ, bắt mẹ trước ai hết. Một hôm đang ê ẩm lơ mơ chợt nghe ré lên, rồi là tiếng thằng Quê, rõ ràng tiếng nó. Cái thằng! Điện chưa kịp dí vào người, nó đã khai rồi. Ồi tôi xin các ông: Nguyễn Văn Luyến — Nguyễn Văn Luyến ở lại, hình như *nằm vùng* ở Quy Nhơn. Ồi tôi xin các ông: Trần Văn Tri — Trần Văn Tri ở lại, hình như *nằm vùng* Tuy Phước. Ồi tôi xin các ông: Phan Văn Thiện — Phan Văn Thiện *nằm vùng* Hoài Nhơn. Nó run như thằn lằn đứt đuôi, khiến thằng Quới cũng phải bật cười, rồi nói thông thống, nói bậy nói bạ, chắc nó biết anh em nào không ra Bắc là cứ nói bừa ra. Cho đến lúc, thằng khôn nạn, nó nói ra tên mẹ.

Và tên con. “Nguyễn Trung Nghĩa cũng ở lại với tôi, cũng hôm “bình nghị” đó, tôi biết đích xác. Tên Nghĩa cũng bất mãn như tôi”. Không ngờ tên con vừa tuột ra nó liền bị tra không tiếc tay: thằng Quới nghe nó nói nó biết đích xác về con, lập tức khai thác. Nhưng nó không biết gì hết. Thằng Nghĩa *nằm vùng* Bình Khê hay Vĩnh Thạnh? Nó hẹn mày sẽ gặp nó ở đâu, thời gian nào? Phương thức hoạt động của chúng mày hiện như thế nào? Mày có nhiệm vụ liên lạc với những ai? Và thàng Quê, quớ lên, nói đến tên mẹ, nó tố cáo cả việc mẹ lấy gờ khoai lang đắp lên người cho nó trốn ở ngoài vườn. Vừa lúc, có một tiếng gầm lên dữ dội, rồi một thân người to vóc vốn cũng bị tra, từ nãy vẫn nằm chết ngất dưới đất, bỗng vùng lên nhào đại tới chỗ cái ghế đang tra thằng Quê:

— Các ông có tra thì tra tôi đây, cho tra chết thôi, tôi không sợ đâu không sợ chết đâu. Tôi mới chính là du kích của Việt Minh chứ, không chịu ra Bắc, ở lại với gia đình đây. Chớ còn cái thằng này, nó là cái thằng bỏ hàng ngũ, ai cho nó biết cái gì mà tra, nó khai bậy khai bạ, các ông bắt cả tỉnh sao. Đây, hãy tra tôi.!

Thằng Quới quay ra quay điện, bậm môi bậm miệng phồng mang trợn mắt mà quay, anh tù nhân đó kêu như bò bị thọc huyết, nhưng nó không hỏi anh câu gì cả.

Mỗi lần như vậy, Vần chết đi sống lại nhiều lần. Vần bị nhiều trận trong một ngày đêm, chết đi sống lại mãi, nhưng anh vẫn một mực u ơ, một nói mình là người dân tộc nghèo quá phải làm cách mạng, hai nói mình là người dân tộc nghèo quá phải làm cách mạng. Thằng Quới nhiều khi hỏi, anh giả vờ không hiểu nữa kia. Tiếp theo một cuộc tra khảo thất bại một cuộc tra khảo ác hơn. Nhưng Vần vẫn thế, rằng tôi là người dân tộc. Mỗi lần sờ đến Vần là Quới mỗi lần, đến mức nó chỉ đánh mà không hỏi.

Thân thể Vần tan nát. Sau mỗi lần tra khảo, có đến hàng buổi, Vần mới tỉnh dậy hẳn, nhưng mở mắt ra, còn chưa kịp nhìn thấy, anh đã hốt hoảng gọi:

— Bà ơi! Bà ơi! Bà còn không bà?

Khi nhận ra bà cụ anh Nghĩa đang cầm chiếc bát mẻ nước lã cúi xuống lo âu nhìn mình, hai môi sưng vù của anh mới nhếch một cái cười:

— Con tưởng bà chết mất. Thế mà bà chịu nổi, con hoan hô bà.

Bà mẹ đau lắm nhưng cũng thều thào như bật cười:

— Tôi cũng lo cho anh quá. Nó tra anh ác quá. Nhưng anh không khai câu gì đâu. Tôi hoan nghênh anh. Hãy nhấp một tí nước. Há miệng, tôi rót cho.

Bà cụ cho Vần uống nước, vừa nói như dỗ dành:

— Nó đánh anh chết mất. Hay là...

— Bà nói đúng. Một là nó đánh chết con, hai là...

Nhưng Vân dừng ngay được câu định nói, chính cái hướng bà mẹ có ý khuyên anh, mà anh cũng suy nghĩ từ lâu. Nhà giam anh có dịp được biết là cái trường tốt nhất để dạy cho con người nhiều điều trong đó có việc giữ bí mật. Cũng như bà mẹ, anh có cái cảm giác thật lạ cảm thấy yên tâm khi mặt đối mặt với thằng Quới và bọn võ sĩ của nó, chúng nó xấu quá, hèn hạ quá, nên anh cảm thấy yên tâm. Buồn vì chưa làm được gì đã sa cơ ư? Té ra nó lập đặc vụ, biệt kích từ lâu rồi. Mình thiếu đề phòng quá. Sa cơ, cũng có buồn, nhưng buồn ít thôi, vì không thấy anh Nghĩa cùng bị bắt nhốt có mặt ở đây. Trái lại, rõ ràng bữa nào nó cũng khảo bà mẹ về con trai bà. Như thế là Nghĩa đêm ấy thoát, bọn biệt kích không biết, anh không bị bọn biệt kích nào khác phục bắt được cả. Còn thì, trừ khi, một hôm nào đó, nó cùng quay điện như thế này, mà bất ngờ mình ngủ luôn, rồi thế nào cũng có ngày mình thoát ngục được, cộp lại về rừng, mình lại đi tìm anh Nghĩa. Hàng ngày, Vân thấy trước mắt mình một tấm gương rất đáng cảm phục, ấy là bà mẹ anh Nghĩa, bị khảo lên khảo xuống, thân già toi tả nhưng vẫn trơ trơ không khai báo gì hết. Tại sao Vân, chính Vân cũng thấy vui và tự hào vì thế? Khi nào ra thoát, đó là món quà quý biểu anh Nghĩa chăng? Có lẽ thế mà không phải thế. Vì một cái gì to lớn bao la hơn nữa. Anh em ra đi, đã để lại cho miền Nam, cho mỗi người một chỗ trống ghê gớm. Chỗ trống ấy một lòng tin chưa có cơ sở, chưa khỏa lấp được. Chính không ngờ vào đây, nhìn thấy bọn địch, nhìn thấy chúng tra khảo bắt lực một bà mẹ nhỏ bé và một số người khác, tuy số người cũng là một số giọt nước thôi, nhưng một số ít giọt nước đó cũng cho thấy được biển cả. Nó bắt được mình thì thì nó bắt nạt, nó hành hạ mình, chứ kẻ thù không đáng sợ. Vân thấy thêm một bữa quay quần xung quanh một khuôn bếp đồ hừng, bọn thanh niên nam nữ ngồi với nhau, Vân sẽ tích tác kể như vậy. Bây giờ hơn bao giờ hết, Vân cần phải thoát, đem về cho anh em điều ấy, thế nào cũng phải thoát. Nhưng trước khi thoát, có làm quà cho bà mẹ rằng cái người mà bọn địch tra khảo bà để hòng biết đường đi nước bước, anh Nghĩa ấy mà, Vân có biết, có gặp anh Nghĩa còn sống, còn tự do, đang hăng hái tổ chức cách mạng, ở ngay gần đây thôi, sát nách bọn chúng thôi, và linh tính của chúng xui chúng hoảng hốt cũng là phải? Điều ấy sẽ làm cho roi vọt bằng cây và bằng điện của kẻ địch đối với bà mẹ bớt đau hơn, chắc chắn là thế.

— Bà ạ: ...

Đã mấy lần, Vân buột miệng toan nói thì ghìm lại kịp. Không ai khiến anh, anh không được phép tiết lộ điều bí mật gì cho ai cả, anh không được phép

tiết lộ điều bí mật đó. Cho dầu là nói với chính mẹ anh Nghĩa, hơn nữa, bà đang ở dưới roi vọt của địch, tuy là một bà mẹ anh hùng. Vả, bà cụ có vẻ biết, bà có vẻ biết anh Nghĩa đang ở đâu, và biết hay không biết, đối với mọi tra hỏi của kẻ địch, bà cũng chỉ khẳng khẳng có thể.

Chính bà, một hôm tay cầm bát nước cần, ghé miệng chiếc bát sút vào hai môi vều ra khô nẻ vì điện của Vân, thì thảo nói trước điều bà đã tính toán và đã mấy lần định nói:

— Anh tìm cách trốn đi. Ở trong này, anh thì chắc chắn nó không tha đâu. Nó đánh anh ác quá, ở thì có chết.

— Còn bà? — Vân kinh ngạc hỏi.

— Tôi là bà già, nó lại chẳng giữ được chứng cứ gì chỉ cốt đe thẳng Hai tôi. Nó cho là thẳng Hai tôi nằm vùng ở vùng này, nên định giữ tôi như giữ một thứ con tin, thế nào rồi nó cũng thả.

— Con đi thì nó còn sẽ đánh bà đau hơn — Vân nói.

— Nhưng nó làm gì tôi? Tôi là đàn bà, thân xá tôi tả thế này, mê không ra mê tỉnh không ra tỉnh, biết đâu việc anh đi, mà làm sao ngăn anh?

— Con muốn bà đi với con.

Vân nhìn bà mẹ, bỗng nhiên nói và với một cái nhìn hàm ý có ẩn một cái gì đó mà anh không nói được.

— Bà đứng trên vai con trèo lên trước, con sẽ lên sau. Chỉ cần ra khỏi cái nhà này. Con đã nắm được cách đi đứng, ăn ngủ, chơi nhởi của bọn lính canh, ra khỏi cái nhà này, con có thể đưa bà đi.

Bà mẹ một mực:

— Anh tính xem: tôi muốn ra khỏi đây là về ở nhà tôi, về nhà tôi chứ không đi đâu khác, thì tôi trốn có ích gì?

— Con sẽ đưa bà đến một nơi... cũng giống như nhà bà.

— Không. Tôi chỉ muốn được về nhà. Tôi chỉ muốn ở nhà tôi. Tôi cần có mặt tại nhà tôi, anh hiểu không? Tôi không thể bỏ nhà tôi cho ai. Anh phải nghĩ cách đi ngay lập tức. Là thanh niên trai tráng mà khoanh tay để nó giết mình, không được.

Từ hôm ấy, mẹ tôi góp phần chuẩn bị cho Vân trốn. Chuẩn bị thế nào? Bát cơm, miếng cá mà mỗi buổi bọn lính đút qua cái ô nhỏ cho mỗi người tù, mẹ tôi chỉ bấm bụng nhấm nháp một tí, còn thì bung lê lại chỗ Vân nằm, ép anh ăn cho chóng lại sức.

Những giọt nước mắt mẹ không khóc khi chia tay tôi, mẹ con dịp này có thể là sinh ly tử biệt, đêm ấy mẹ tôi đã nhỏ khi biết chắc Vân đã đi xa.

Vừa lúc, có tiếng rống như bò ở buồn giam bên cạnh. Người bị giam bên

cạnh là Bá Lớ. Tôi từng dự đoán gần đúng sự kết thúc của anh ta. Bá Lớ là người có tư tưởng chống Pháp, tự tay giết đầu tiên một tên Pháp, luôn luôn khoe là mình giết Pháp từ khi “Việt Minh còn chưa đứng dậy kia”. Vì vậy, trong tám năm ở với ta, Bá Lớ trong lòng vẫn chưa phục “Việt Minh” đâu. Huống chi nay quân đội và chính quyền cách mạng không còn ở miền Nam. Vả, đối với “Việt Minh” anh cũng có một kỷ niệm không vui gì: một hôm, trong một cuộc họp, anh đã trích thượng nhổ nước bọt vào mặt một đồng chí, hành động ấy mang lại cho anh một tháng tù. Nhưng bản chất Bá Lớ kiêu ngạo, hay khoe khoang rằng mình đã lãnh đạo dân làng kháng Pháp đến mười hai năm, còn Việt Minh thì chỉ tám năm thôi”, Bá Lớ không dễ dàng gì thần phục bọn nguy ở quận, mặc dù y nghiêng về phía xấu. Thêm nữa, Bá Lớ hoàn toàn biết rằng nếu y thanh thiên bạch nhật đứng ra hô hào nhân dân bỏ làng, vào sống ở ấp chiến lược, đi theo nguy, giá trị của y đối với dân làng lập tức giảm bớt, thậm chí mất, cái đó thấy trong mắt người này, đáng điệu người kia, thấy trong không khí, và có lẽ — y vốn khá trong mình — trong nụ cười dịu dàng bao giờ cũng lễ độ và bàn tay lúc nào cũng xòe ra, không cầm vũ khí, thân mật vỗ vai y, của tôi, một người Việt Minh.

Quả như vậy, sau chén trà đầu, Quới, không úp mở đề nghị Bá Lớ đứng phát biểu với làng Con Trót “— Anh chỉ cần nói một câu thôi, cái câu đó, không phải câu hôm trước. Anh nói xong rồi chúng tôi nói cho. Hay không cần anh nói: Chúng tôi đưa anh về, phong anh làm tổng đoàn cai quản năm xã. Anh đứng chúng tôi nói, chúng tôi nói xong chỉ cần anh vỗ tay thôi. Chỉ cần thế thôi, chắc chắn là rồi có nhiều người vỗ tay chứ không phải mình anh, nhưng buộc anh phải vỗ kéo người ta nói là vì *cà rá* không vỗ, được không?”

Bá Lớ không gật đầu, cũng không lắc đầu, chỉ ngó sững.

Đến lúc Bá Lớ xin phép ra về. Quới vờ không hiểu, thét lính đưa ông “tổng đoàn” vào phòng nghỉ. Phòng nghỉ là một buồng trong dãy nhà giam của huyện. Mỗi sáng, quận trưởng cho lính vào mời ông “tổng đoàn” ra uống nước chè, vừa nhấm nháp trà nóng vừa lịch sự lặp lại lời yêu cầu hôm trước. Lại diễn ra tấn kịch y như hôm trước. Sau đó như hôm trước Lớ lại bị đưa vào nhà giam. Những lần uống nước chè sau, giọng Quới dần dần đanh lại. Quới nói rõ cho *cà rá* làng Con Trót biết rằng nếu y không làm theo ý chúng, từ nay trở đi, chớ nên tưởng nghĩ đến làng Con Trót nữa.

Bị giam ở buồng bên, Lớ biết hết, nghe hết mọi cuộc tra khảo cũng như một số câu chuyện trò của các tù nhân ở buồng giam lớn bên này. Lớ nghe tra hỏi tên tôi, tôi mà các tù nhân đây người là mẹ, người là bạn, người là đồng chí, mỗi người trước đây đều có quan hệ, nhưng không ai biết đích xác tôi đang ở

đâu. Còn anh thì anh biết đích xác. Người ta không biết đích xác mà người ta tin, người ta giữ được khí tiết như vậy, còn anh, đã từng gặp tôi, được tôi bảo trước cho tình hình đất nước, vạch rõ địch ta, bàn lẽ phải trái, thậm chí can ngăn anh không được xuống quận, xuống quận có thể nguy hiểm đấy, anh không nghe, đến nông nỗi này. Đêm ấy, Bá Lớ không ngủ áp tai vào vách theo dõi việc Vân thực hiện trốn. Khi biết chắc Vân đã thoát, đang trên đường len lỏi về miền núi, có lẽ về Con Trót là nơi có tôi, có phong trào cách mạng, chính là quê hương của mình. Bá Lớ tức tối đến nổi ộc máu, không có cách gì cầm được.

XII

Nhuôn một hôm ở cơ quan huyện về dắt theo hai người. Tôi chưa kịp mừng rỡ đã kinh dị hết sức; một người là Quê và một người là Vân, cả hai đều bị trói. Kỳ lạ hơn cả là thái độ của Nhuôn. Đến trước mặt tôi, cô gái bắt đầu cởi trói cho Quê, nhưng chỉ cởi cho một mình Quê thôi. Và đưa cho tôi cái công văn của tiểu ban bảo vệ. Nhuôn nói, giọng vẫn gần xuống một cái gì giận dữ hay bất bình:

— Bảo vệ bảo giải hai người này về. Nó trói người này, còn người này nó không trói. Đi đường rừng, tôi không chắc cái bụng nên tôi trói cả hai, giờ tôi mở trói cho người này. Huyện giao cho tôi thế nào, tôi y nguyên như thế tôi giao lại anh. Công văn đây.

Công văn giới thiệu “Quê, cán bộ khu cũ, không đi tập kết, bị o ép, không ở hợp pháp được, muốn đi bất hợp pháp. Và tên Vân, trốn khỏi nhà lao quận, tìm về Hóc Điều — “y là tay sai nội gián gây ra vụ tàn sát làng Bok Tới trước, địch giả vờ cho thoát ngục để trà trộn vào kháng chiến”.

Tôi chậm rãi gấp tờ giấy, bảo Nhuôn tới gỡ trói luôn cho Vân. Tôi bắt gặp Vân và Nhuôn cùng một lúc ngừng lên trên trên nhìn tôi. Bỗng Nhuôn mỉm cười, mạnh bạo bước tới chỗ Vân, giật mạnh nút dây. “— Tôi đã bảo mà!”

Như thể Nhuôn nói với Vân như vậy.

Tôi lấy giọng vui vẻ nói với Quê:

— Vậy là trong vòng một thời gian ngắn, ông trốn hai lần. Một lần trốn cách mạng, một lần trốn phản cách mạng, như thế là thế nào, hở ông?

Và đồng thời, như cùng một câu, tôi quay sang Vân nói tiếp:

— Mình vẫn nhớ cậu đang nói với mình: *dạ, bây giờ, em làm việc này. Ta phải đi sáng đêm mới tới đó anh*. Rồi sau làm sao?

Tức thì, tựa đứa trẻ nhỏ. Quê vừa cởi áo cho tôi xem, vừa sụp xuống khóc như mưa như gió. Lưng và ngực anh đập nát lẫn ngang lẫn dọc, đúng là anh bị đánh đập nhiều. Anh khóc mỗi lúc mỗi to, khóc mãi. Nhưng tôi để ý Vân,

Vân và Nhuôn, mắt không chớp, nhìn cảnh đó một cách thờ ơ. Vân nín thinh, không vồn vã trả lời tôi cũng không nói gì nữa. Nhuôn thì rõ ràng căm ghét.

XIII

Những người nó hành hạ còn lại chỉ có Bá Lớ và mẹ. Nó mang ông ta và mẹ bỏ vào trong rọ lợn, mỗi người một rọ rồi đem phơi nắng ngay dưới chân cột cờ của huyện. Nhân lúc đó, lựa lúc giữa sân không có ai, mẹ rên rỉ bảo Bá Lớ:

— Có lẽ đòn này là đòn chót, mình chịu được nó phải thôi. Ông cố sống ông ạ, cố sống mà lê cho được về làng, nói cho lũ làng biết cái tâm địa thằng Mỹ thẳng Diệm thế nào.

Bá Lớ nghe mẹ nói, cố mở cặp mắt đã mờ đục ra nhìn vào mặt mẹ:

— Tôi cũng muốn như vậy nhưng không sống được đâu, bà. Tôi cậy tôi là *cà rá*, tôi không nghe ai, tôi không chịu nghĩ giống ai. Chỉ một mình tôi là đại. Tôi chết cũng đáng đời. Tôi có chết thì người Ba Na sẽ nhìn gương tôi mà đấu tranh. Bà có về làng tôi, bà kể giùm với anh em Ba Na tôi chết như thế nào, vì sao mà chết. Và xin bà nhớ nói giùm: từ lúc lên quận, tôi không có nói lời nào xúc phạm đến cụ Hồ, đến cách mạng. Anh nghĩa con bà, mà chúng nó tra hỏi đó, đang ở làng tôi, tôi cũng có nói đâu — tôi biết tôi nói cái đó thì nó thôi tra khảo tôi và chạy chữa cho tôi liền, nhưng tôi không nói. Nhờ bà nói giùm với con bà tôi chào anh tôi đi, tôi không nghe lời anh nên chết uổng, tôi cảm ơn anh, nhờ anh thay tôi coi sóc giúp người Tà Lóc, người Hà Ri, người Nước Tấn...

Dưới chân cột cờ, buổi trưa nắng tròn bóng, nằm trong rọ lợn, nắng gắt như trăm nghìn mũi kim mũi dao xuyên vào da thịt bỏng rộp, mẹ sắp mê chợt tỉnh hẳn khi nghe ông Bá Lớ nói về con. Đó là những lời cuối cùng của ông. Ông nói xong mấy lời đó, ộc máu ra lượt nữa và lịm hẳn.

XIV

Hai mươi năm sau, miền Nam giải phóng hoàn toàn rồi, người Bình Khê còn nhớ chuyện bà Bốn tông ngồng khăng khiu bông dộp đỏ như lược chín từ nhà giam quận về nhà, một thằng ngục ôm quần áo bà chạy theo năn nỉ:

— *Quốc gia* đã tha bà, đã khoan hồng đối với bà: lần này còn có lần khác, bà chớ bêu riếu *quốc gia* làm chi...

Không mấy người ngờ nửa giờ trước, bà cũng ở mút cuộc sống rồi, quần quai sắp hấp hối rồi, bắt đầu mê sảng rồi, thế mà cưỡng lại được, biết nếu mình thoát được trận này là mình sống, là mình thắng nó. Mình còn sống còn có ích lợi, còn làm nó điên đảo. Giữa lúc đó, lời trời của một người đang chết, tin tức về con bỗng tới như một thứ thuốc hồi dương làm bà tỉnh dậy hẳn. À

ra vậy, tao đoán cũng không sai lắm, con cứ loanh quanh giấu mẹ hoài. Ra vậy, con vẫn ở gần mẹ vậy. Mẹ ở trong nhà còn con ở ngoài bụi, ở chốn núi non. Cái chần *xi-ta* mẹ đòi cho con còn hay mất rồi, có đủ ấm không. Tưởng *bay* thế nào, *bay* chỉ thế thôi hay sao? Thì cũng chưa *ghê*, tao chịu được! Giờ tao về, tao lại làm. Phải báo cho các ảnh biết ngay là mình nhận công việc được, chả có gì...

Nhưng bà Bốn không khỏe đến thế. Về vừa vặn đến cửa ngõ nhà mình vừa kịp thấy cái cảnh, nghe cái mùi của nhà mình, bà lẳng lặng nằm dài xuống đó, thiếp đi, một giấc dài, không kịp vào nhà. Lúc tỉnh dậy, thấy tối đen biết là đang nằm trên giường trong nhà mình, lần lần khi tri giác đã trở về đủ, bà muốn ngồi ngay dậy nhưng chỉ nhấc được cái cổ. Bà hỏi lập tức trong một tiếng thì thào:

— Ai?

Vì nghe có tiếng thở, biết là trong nhà có người, một người đàn bà.

Một bàn tay con gái khế sờ tay mẹ.

— Con đây, mẹ.

Giọng nói ấy nói thêm:

— Con ở chỗ anh Nghĩa lại. Anh Nghĩa sai con về gặp mẹ.

Nín thở nghe và để kịp hiểu, bỗng bà Bốn nức lên khóc, khóc không ra tiếng:

— Tôi biết thằng Nghĩa nào! Sao lúc nào cũng là thằng Nghĩa, đem thằng Nghĩa phỉnh tôi, luôn luôn đem cái chết lại cho tôi? Một triệu người ra Bắc chớ có mình nó đâu mà cứ dò xét bắt bớ lừa lọc tôi hoài! Thân tàn ma dại thế này chưa đủ sao? Cô là ai? Tôi ra sân tôi kêu lên bây giờ! Nếu cô là tay sai ông Quới, cho mọi người rõ mặt thầy trò ông Quới! Nếu cô là Việt cộng, cho rõ mặt Việt cộng. Bớ làng...!

Nhuôn vội vã bịt miệng bà mẹ, và dúi vào tay mà một cái cong Thượng bằng bạc, một thứ kiềng mà người miền núi nào ngày trước cũng thường đeo ở cổ chân cổ tay, cái cong này chính bà mẹ hiếm con trai đã bắt Nghĩa đeo từ ngày nhỏ, cả khi Nghĩa đã lớn, bà vẫn bắt Nghĩa đeo mãi. Cầm cái cong trong tay, nấn nót mãi, chợt bà lại khóc:

— Vậy là con đã chết rồi, Nghĩa ơi...

Nhuôn lại phải bịt miệng bà mẹ. Vì thuộc hai đường dây khác nhau, giữa Nhuôn, người của cơ sở Vĩnh Thạnh, và bà mẹ, mà Nghĩa đoán là ở trong tổ chức rồi mà không biết của cơ sở nào, không thể có ám hiệu gì chung để đưa ra nhận nhau, nên trước khi bảo Nhuôn đi, Nghĩa cẩn thận đưa cái vật dễ nhận đó của mình. Không khóc nữa thì bà Bốn run lên. Bà gắng sức ngồi dậy:

— Bác đi nấu cái gì cho cháu ăn. Không, cháu cứ ở đây, chớ xuống bếp. Có

động thì cháu vào cái buồng tắm kia, cứ ngồi sau cái đồng nong tắm. Động nữa thì xuống hầm, dưới cái đồng nong tắm đó có cái hầm.

Bà cụ lần sờ khắp mặt mũi chân tay Nhuôn:

— Con gái Ba Nà giờ cũng làm việc này à con? Nó hành hạ mẹ quá, nhưng mẹ không chết. Thằng Nghĩa, nó có mạnh không con? Chắc tội bay thiếu thốn đói khổ lắm...

o O o

Tôi không dặn, nhưng Nhuôn cũng nghĩ được ra, và giảng giải với mẹ tôi tại sao. Biết mẹ tôi đau khổ, mà nay có Nhuôn về, vẫn chưa đón được bà lên chỗ tôi. Mẹ tôi nói:

— Bác hiền. Mà bác cũng chưa muốn đi đâu. Cách mạng còn cần Bác ở đây thì Bác ở đây đã. Nghĩa có việc của Nghĩa thì bác có việc của bác, nhờ cháu nói lại Nghĩa cứ yên tâm mà làm nhiệm vụ.

Tôi, vô cùng rạo rạt mỗi lần nhớ tới lời nhắn đó của mẹ tôi, mà bọn địch đã bắt lên bắt xuống giam cầm hoải, đánh đập tra tấn đến ê chề tan nát.

Nhưng nặng nề nhất đối với tôi phải là cư xử với Quê như thế nào. Những người như vậy còn làm được gì, còn mong mỏi gì.

— Nhưng còn khả năng anh ta làm hại cách mạng? — Vẫn hỏi tôi, lo lắng Quê có thể dẫn địch đến càn quét vùng này.

— Chắc chắn là nó càn quét, mình ở đâu thì nó tới đó, cũng như nó ở đâu thì phải có mình ở đó, không có anh ta thì nó cũng càn quét.

Tôi bảo Nhuôn đưa anh ta trở lại con đường cũ, cho anh ta ra đường cái lớn bảo anh ta đi đâu thì đi. Sắp lên đường, biết van nài gì cũng vô ích, Quê khăn khăn cô gái dân tộc, trối mình y như hôm trước. Nhuôn trả lời lạnh lùng:

— Bây giờ rõ mặt rồi, không cần trối.

XV

Một phiến đá to, bên kia là thác, như một bức vách, nước đổ ào ào, trắng xóa, dựng đứng suốt ngày đêm. Ba bề là rừng đại ngàn. Nơi này là cao điểm của Trường Sơn không ai qua lại. Một miếng ny lông màu lá căng dưới tàn cây. Dưới mái ny lông là một chiếc võng dù. Trên chiếc võng dù đó, tôi ngồi làm việc. Thời gian sau, tôi lại có Vẫn, một cái chăn xi ta, một ná, một dao, kiếm ăn hằng ngày, nấu nướng, đi liên lạc cho tôi, đồng thời thay tôi phụ trách làng Con Trót. Trong những ngày dài, tôi sống và làm việc như vậy một mình. Các đồng chí trong huyện ủy ở các khu rừng khác đại khái cảnh trí cũng thế. Kể lại đời sống của những thời gian đó, chúng tôi chỉ nhớ màu trắng của mưa và của mây mù, chúng tôi chỉ nhớ tiếng thác, tiếng suối gầm thét xen lẫn tiếng kêu của dã thú. Từ cái hoàn cảnh cô quạnh của chúng tôi đó, lúc đó, mà

nghĩ rằng rồi mình sẽ lấy lại được Quy Nhơn, lấy lại được Sài Gòn: kể cũng thật kỳ, nhưng sao mà tôi tin! Một là vì không lúc nào chúng tôi thấy mất liên lạc với cấp trên, rằng mình là một cái rễ trong chùm rễ cổ thụ chung, bộ máy của Đảng còn đầy sinh lực (Tỉnh ủy về sau cũng về đóng tại đây). Hai là vì chúng tôi biết rằng kẻ làm nhiệm vụ to lớn chính là nhân dân, là dân tộc có truyền thống bốn ngàn năm — ở nơi vùng căn cứ Tây Sơn này, chúng tôi càng nhớ điều này — không phải mình mình, mình chỉ có việc giúp vào xác định mục tiêu phương hướng ngày giờ kéo dây mang cung cho mũi tên lao đi có hiệu quả mà thôi. Đến giúp việc tôi ban đêm là ông Đùng, ban ngày là Nhuôn, hai cha con thay đổi nhau. Trong công tác, việc đi giao liên là gian khổ nhất. Mưa tháng chín tháng mười, nước lũ vắt bờ, ngẩng lên nhìn nơi phải đến thấy núi xanh trùng điệp ông già này cô gái này phải đi bằng cả bốn tay chân, một tay xỏ trong ná, hết chặt chuối ôm vượt qua sông, lại ôm chuối vượt suối, người ra lệnh là tôi nhiều khi cũng động lòng. Ăn uống lại bình thường chẳng có gì. Đồng bào gửi lên cho một miếng thịt bùi le dòi bâu đen, Nhuôn nấu cho tôi một bát canh với một con ếch khô, tôi cố ăn, tuy trong bụng nuốt rồi vẫn còn sợ, vì không muốn để đồng bào hiểu lầm rằng mình kỳ thị, hai là nhiều lúc lâu quá chẳng có tí gì là chất thịt trong người.

Đối với đồng bào Ba Na, người ta ăn ở sao, mình ăn ở vậy, người ta phong tục thế nào, mình theo thế ấy. Người ta còn mê tín về lịch sử con chó, mình tạm thời không ăn thịt chó. Vào làng gặp người ta làm nai, mình phải làm y như dân làng, làm rồi đợi, thui, cúng chia, chia ruột, chia lòng, chia thịt, mát cả tiếng đồng hồ, mình cũng phải ngả tay đỡ thịt chia.

Ngày ngày tôi nói với Nhuôn về đất nước, về Mỹ — Diệm, về Đảng. Em là thanh niên, cuộc đời này là của em, em phải tự mình làm cho đời mình được sung sướng, đất nước còn không được tự do, có cái nhà không được ở, cái vườn không được trồng, nay nó đòi dồn, mai nó đòi dồn, sung sướng làm sao được. Trong làng, những em nào một bụng với em? Anh nói cái gì, em nói lại với bạn được không? Một hôm, Nhuôn thay bố, cuộn giấy đi đêm ba tiếng đồng hồ, sáng sáng thở thè nói với tôi:

— Chu cha! Không có cách mạng chắc tôi không đi được đâu! Sợ quá sợ chừng! Chân run quá đi không muốn được.

Nhưng Nhuôn vẫn đi được. Nhuôn kết với Đuôn, Đuôn kết với Moan... tôi dìu các em đi từng bước. Đây là lứa thanh niên mới lớn, lòng ruột thẳng băng, nghe thấm thía được lẽ phải thì ai nói ngược không thèm nghe đâu. Tôi phát ủy từng thành tích nhỏ của họ, tập dượt kết nạp họ vào cơ sở, lập ban cán sự làng Côn Don bên cạnh, rồi làng Nước Ru bên cạnh nữa. Trên cái bản

đồ của chúng tôi, nhưng tôi chưa tô kéo thành một vệt đỏ ở vùng chân đèo này song mỗi lần nhìn lên vùng này, chúng tôi cứ nghĩ đến một quả dưa hấu, loại dưa hấu rất nhiều ở vùng này đây, nó bề ngoài thì xanh mà bên trong lòng đỏ thắm. Đồng bào hỏi ban cán sự hấu hết mọi việc, những việc nào không nghĩ được ban cán sự lên cơ quan hỏi tôi. Thằng Quới gọi xuống vật trâu cho bà con ăn, có đi không? Tại sao nó vật trâu cho mình ăn vậy hè? — Nó mừng quốc gia “thắng”. Việt Minh “thua”, nhân dịp nó bàn việc lập chính quyền ở vùng này đó mà. — Vậy có đi không? — Đi. Anh này phát biểu, anh này phát biểu, phát biểu thế này...”

— Chu cha, thằng Nghĩa, nó ở rừng núi mà cái tai rất khôn giỏi, nó nói đúng hết, nó bày cho mình đấu tranh.

Vụ địch sát hại Bá Lớ làm tôi trở nên có uy tín tuyệt đối, uy tín của một bậc tiên tri. Tôi đề nghị ban cán sự làng tổ chức một cuộc mít tinh, để Vân và Nhuôn kể lại những ngày từ khi Bá Lớ lên quận. Khi Nhuôn nói lại những lời trấn trời của Bá Lớ thì cả làng nổi lên khóc òa. Chúng ta giờ sống làm sao đây, đi con đường nào? Câu hỏi chúng tôi ở miền Nam liên tục đặt ra cho những người còn ở trong bóng tối trong hai chục năm, lúc bấy giờ, trong cảnh tro bụi, tôi đã đặt ra, cho quần chúng một làng ven núi như vậy, và chú ý lắng nghe câu trả lời. Tôi tin rằng quần chúng sẽ trả lời giống tôi, nhưng cũng hơi hộp mong đợi câu trả lời đó biết bao, câu trả lời không những quyết định số phận cho họ mà cả cho tôi nữa. Thì cả làng gần như ào lên. Anh hỏi đã lạ, anh bảo cả làng theo gương Bá Lớ đi xuống quận uống nước chè với thằng Quới sao? Đồng ý cho nó quây dây thép gai vào cổ làng như nó buộc dây dừa vào cổ con trâu con bò sao? Xưa nay, cả trước năm bốn lăm đến giờ, làng này không biết sống như thế. Ôi, cái ngày anh còn ở chòi ông Đung, không phải mình ông Đung biết đâu, cả làng biết mà không lộ ra, cả làng nói nó làm cách mạng là nó làm cho mình mà. Lúc nào người làng này cũng chỉ một bụng theo cách mạng thôi. Ai cũng một lần chết, tội tao không muốn chết thúi l đầu! Giờ chỉ bày sống cách sao thôi.

Như vậy đó, người ta có thể lý luận dài dòng hơn, văn chương hoa mỹ nhiều hơn, hình tượng hơn, nhưng tóm tắt ý nghĩa cuộc đời, cái nguyện vọng của quần chúng, của cả dân tộc — tôi chỉ nghĩ thôi, đâu có dám đao to búa lớn — cái nguyện vọng mà mình thề suốt đời phục vụ, bằng những lời ngắn ngủi, giản dị, có thô kệch nhưng mà chân thành, người làng tôi, cái làng nghèo không làng nào nghèo hơn ở ven núi cách rất xa đồng bằng này đã nói. Sau buổi lễ truy điệu Bá Lớ, mọi người đồng thanh yêu cầu tôi nhận làm cả rá làng thay Bá Lớ — từ đây mà tôi có tên là *Bok k' rá Bacorin* — Bacorin là

chim phượng. Tôi nhớ là tôi vừa khóc vừa nói, phân tích cho bà con nghe chỗ được và chỗ dở của Bá Lớ, nói về mục đích và âm mưu của địch, nói về đời sống dân làng. Luôn tiện, tôi giới thiệu Ban cán sự ra công khai với Nhuôn làm thường trực. Và Vân làm xã đội trưởng.

Cái hôm, trước dịp làm lễ kết nạp em, mưa to quá, nhìn về phía đèo An Khê, nhìn về phía Bắc Trường Sơn, chẳng thấy đèo đâu, chẳng thấy núi đâu, chỉ thấy một màu trắng, và gió, gió muốn lật rừng lên, đi hai bước, gió đẩy lùi một bước, để thử thách em, tôi bảo em đi công tác. Em về, cười rủ ra rồi tích tắc em kể với tôi em trượt ngã tất cả đến hai mươi sáu lần. Ú, cuộc này vất vả hơn các cuộc trước! Mù nhiều quá, có nhìn thấy gì đâu mà nhận bờ nhận bụi! Có lúc nằm đại trên đá ướt mà sờ bên dưới rễ cây có hàng chục cây mới tìm thấy cái cây mình có làm dấu. Và như vậy là có khi đồng chí đảng viên cộng sản mới của tôi đã phải khấn Giàng. Nhưng thật tốt là em đã hoàn thành công tác. Ú — em lại cười rúc rích, — cái đó làm được, cho làm cái đó nữa đi, không làm được cái cán sự. Tôi không nói với em rằng làm cán sự dễ hơn làm giao liên đâu, nhưng làm cách mạng là hôm nay đảm đương việc phức tạp hơn hôm qua, nếu ai cũng yên việc hôm qua thì cách mạng không tiến lên được. Đồng chí nghe làng Tà Lóc nói đó không? Hôm qua, làng Tà Lóc khác, thì đồng chí chỉ làm việc đó, hôm nay làng Tà Lóc như thế, thì đồng chí làm việc này. Có bà con giúp đỡ đồng chí, có tập thể Đảng, có cấp trên, có tôi. Em là con chim non tôi bắt được nơi chòi rẫy, giờ là con chim đầu của cả một đàn...

Vân ơi, bây giờ qua nói chuyện với em. Cán bộ cũ ở vùng này chỉ còn mình em, giam cầm tra tấn đau khổ em cũng đã chịu đủ vánh rồi, em giống như cây mít lại, còn ngâm nước hun khói là cái trụ cái trong nhà. Tương lai rồi em phải là một ông tướng, to hay nhỏ, đối với vùng mình thì mình cũng là một ông tướng mưu lược, dũng cảm, trung thành, lãnh đạo dân mình đứng dậy chống lại kẻ thù của đất nước. qua biết em yêu Nhuôn và Nhuôn cũng có tình cảm với em. Nhưng em tính xem, bóng tối còn dày đặc, từ đất đến thành công con đường thật còn dài, gian khổ còn nhiều quá, mà chúng ta chỉ mới bắt đầu. Lời thề của chúng ta, lý tưởng của chúng ta, trước hết...

XVI

Lần thứ sáu, chúng nó đốt làng.

Chúng tôi vẫn nói với dân làng:

— Nếu ta, cả làng đi vào bất hợp pháp, từ nay đến thắng lợi hoàn toàn còn dài lắm. Mà ta, ở miền Nam, có Đảng chứ bây giờ không có chính phủ: muối không, gạo không, mắm không. Ta cứ phải đấu tranh hợp pháp đã, lợi dụng

nó, chờ đợi thời cơ.

Ban cán sự làng gửi thư cho Quới qua trẻ chăn bò, Quới trả lời lại, dẫn một trung đội đến chỗ hẹn. Ông Đùng đi cùng sáu người. Hai mươi ba người vô hình nữa bảo vệ cho đoàn hiệp thương.

Ông Đùng:

— Quốc gia tàn bạo quá, nói lời không giữ lời. Quốc gia muốn gì?

Quới:

— Khuyên dân Ba Na về quận ở.

Ông Đùng:

— Xui cộp lia rùng — để quốc gia tha hồ giết người Ba Na như giết Bá Lớ sao? Người Ba Na nói thiệt: người Ba Na không sợ sự tàn bạo.

Quới:

— Nhưng người Ba Na chỉ là mấy làng nhỏ, quốc gia là cả một nước lớn. Làm sao người Ba Na chọi với quốc gia được?

Ông Đùng:

— Nếu quốc gia mời người Ba Na tới đây để chỉ dọa nạt như vậy thì người Ba Na đi về.

Quới:

— Quốc gia đồng ý hoãn dồn dân một con trăng nữa, cho buôn bán tự do, nhưng ra điều kiện: người Ba Na đi chợ nhất thiết ghé lại thăm đồn.

Ông Đùng:

— Từ thuở ông bà cha mẹ đến giờ, người Ba Na không biết thăm cái đồn ai hết, không được đâu.

Bây giờ chúng nó làm vậy.

Chúng tôi họp ban chấp hành huyện ngay ở trong làng, giữa buổi chạng vạng các đám cháy còn chưa lui hết, và đây đó những người dân đang âm thầm một lần nữa dựng lại nhà. Cuộc họp này có anh Tâm, bây giờ về bổ sung vào tỉnh ủy thay mặt cho tỉnh. Từ lúc gặp anh lần trước, anh giao nhiệm vụ cho tôi, anh cho cuộc đời ở lại miền Nam của tôi có một ý nghĩa, ngày ấy tuy tôi còn chưa biết sự thật ý nghĩa như thế nào, đến nay là bốn năm, anh già đi nhiều quá, râu quai nón có nhiều sợi bạc, còn tôi thì mặc khổ, tóc dài, mình mẩy trần trụi, da tay da chân đen sạm dày đi vì phong sương. Nhưng anh chỉ bắt tay tôi một cái nhẹ và liếc nhìn nhanh tôi mà thôi. Chúng tôi không có nhiều thì giờ. Ảnh mang lên cho chúng tôi một tin dữ hơn nữa: An Lão bị chúng hủy diệt hoàn toàn một thôn, một trăm người già trẻ lớn bé không sống sót người nào. Nguyên nhân vì bốn thôn mà chỉ xuống khu dồn có một thôn thôi.

Cấp trên đến họp ý định cũng đã ngã rồi, và ý định đó phù hợp với những điều chúng vẫn nghĩ. Cuộc họp quyết định cho làng Tà Lóc di tản, trai tráng còn lại chuẩn bị tinh thần chiến đấu: nếu chúng đánh vũ trang, mình đánh lại bằng vũ trang. Vũ trang của mình bằng tên nỏ và những vũ khí và cách đánh cổ truyền. Nhân dân miền Trung vốn ở vùng tự do, bấy lâu vẫn ức vì trên không cho đánh, nay địch ngày càng lấn tới khủng bố ồ ạt, không biết làm sao đánh, nếu ta đánh thắng, trận thắng này sẽ có vang dội lắm, nhân dân vùng này sẽ cất khỏi cái ách bị dọa cào đi khu đồn, ta giữ được căn cứ, mà phong trào cũng tìm thấy hướng đi. Cho nên trận này phải thắng. Nếu không thắng thì chưa đánh. Và hết sức tránh thương vong, thương vong là tất nhiên thôi, nhưng trong trận đầu, quân chúng chưa được tập dượt, dễ hoang mang. Giữa cuộc, tôi cho triệu tập ông Đùng và xã độ trưởng Vân đến. Ông Đùng trình bày đầu ra đuôi về những bí truyền tên tẩm thuốc độc và các thứ chông bẫy của địa phương, Vân một mực xin đánh, tin chắc thế nào cũng thắng trận đầu.

Làng Tà Lóc tria một năm một vụ. Phát rẫy rồi là nghỉ, mọi năm thời kỳ ấy, sửa nhà, dọn nhà, chơi nhởi, làm sắn, ngô, trồng chuối. Năm nay, chuyển tài sản vào sâu trong rừng, cất giấu thóc, gạo, mắm muối tích trữ trong một năm xong, cả làng dẫn tre về làm chông tên, làm ngày làm đêm. Trong những hang hốc trên núi, thanh niên luyện tập, người nỏ trung, người nỏ trường, người tên thuốc, người tên ngành, ở những vị trí định sẵn cho mình. Tôi và Vân cùng ban cán sự, chúng tôi lập những phương án tác chiến khác nhau: “— Giả sử địch đi một trung, giả sử nó đi một đại, hai đại, ba đại, vào đường này, nó mang theo súng máy, có lựu đạn...” Giả thiết nào, Vân có phương án đó. Mọi cách đánh, Vân nói rằng cậu ta đã nghĩ ra từ những ngày nằm cò queo trong nhà lao quận. Trong lúc Nhuôn sai chị em bí mật đi mua bông băng và thuốc đỏ. Chúng tôi sống những ngày cận Tết năm 1959 như vậy. Làng Tà Lóc chuẩn bị vào trận hồn nhiên, nô nức, rộn ràng như chuẩn bị hội làng, không khí nhộn nhịp này lẫn vào trong sự nhộn nhịp thường thấy gần ngày Tết, nên ngoài dân làng không mấy ai chú ý. Nhờ Tết nên chúng tôi có thì giờ xếp đặt tỉ mỉ mọi việc.

Một giờ sáng đêm mùng bốn Tết năm 1959 có xảy ra một việc.

Nghĩa đang nằm thì nghe đầu chiếc võng có người lay mạnh. Anh mở mắt ra, nhìn thấy Nhuôn, Nhuôn và rõ ràng bà Bốn, mẹ anh. Anh chỉ kịp kêu lên một tiếng, chụp lấy tay mẹ. Bà Bốn nói ngay trong tiếng thở hổn hển, rằng có anh lính trong quận lên ra nói với mẹ, bảo mẹ tìm cách báo lại cho cách mạng biết rằng sáng mai, hai đại đội vũ trang nguy sẽ hành quân lên đây, lần này quyết

định đánh làng. Không biết nhẩn ai, mẹ liều mạng lội sông vừa đi vừa chạy một hơi lên đây, đi từ chiều tới giờ mới tới. Thôi giờ mẹ về kéo chúng nó thấy mẹ vắng... — Mẹ hãy đợi con một chút! Nhanh lên! Mau lên! Ồi ban cán sự, ời xã đội! Cốc cốc, cốc... dậy, dậy, bớ làng! Cốc, cốc, cốc... Nghĩa, Nhuôn, ông Đùng cùng cán bộ hồi hã tổ chức người già đàn bà trẻ con sơ tán, tổ chiến đấu nào vũ khí đó chỗ đó. Muốn vào làng phải qua một lòng thung, hai bên thành đá cheo leo cao vút, anh em dân quân phục kích tầng tầng lớp lớp trên hai thành vách đó, ở trong cái thế trên nhòm xuống, bắn xuống. Bên dưới, tưởng không có gì, nhưng chính là một bãi chông mênh mông. Một cạm bẫy khổng lồ đang chờ giặc.

Tám giờ đúng, quả nhiên giặc đến. Đúng hai đại đội. Người làng già nhất chưa bao giờ thấy lính Diêm trang bị kỹ như thế: súng máy, súng bắn mìn, máy bộ đàm. Việc vận động chính trị giao cho Nhuôn. Nhuôn ngồi ở tầng dưới nhất trong rừng cầm loa nói ra trong lúc bọn lính nhích dần tới:

— Yêu cầu *quốc gia* đi về đi. *Quốc gia* tiến tới, đem súng ống cào làng dồn dân, chúng tôi, người Ba Na, phải chống lại. *Quốc gia* không dồn, chúng tôi không chống, *quốc gia* hãy về đi.

Một loạt súng hung hăng bắn ngay vào chỗ phát ra tiếng Nhuôn.

Nhuôn vẫn kiên nhẫn, Nhuôn kiên nhẫn suốt cả trận đánh:

— *Quốc gia* hãy về đi. Người Ba Na có làm gì *quốc gia* đâu, người Ba Na phải giữ xóm làng mình. *Quốc gia* hãy về đi.

Một phát mìn nã ngay vào chỗ Nhuôn, tiếng núi dội qua dội lại, đá đổ, đá lăn. Nhưng tiếng mìn chưa kịp tắt đã nghe văng cả thung lũng tiếng thét thất thanh của bọn lính nguy, cả hai đại đội hét kinh hoàng một lúc, chạy dạt ra phía sau, vừa chạy vừa ngã. Nhìn xuống dưới, thấy cả một tiểu đội sa xuống hầm chông, đang dẫy dựa la khóc. Khoảng trời xanh trước mặt, tua tua vằn vèo hàng trăm mũi tên nhắm đội quân nguy lao ra từ chỗ vô hình. Mỗi dân quân năm trăm mũi tên đặt cạnh mình, kéo thẳng dây cung, mím miệng bắn thật lực. Lũ giặc bất ngờ hốt hoảng đến cực độ chỉ còn biết cố sống cố chết chạy thoát ra khỏi tầm trận mưa tên. Tiếng loa của Nhuôn nín bật một lúc, tưởng người nói đã bị tiêu diệt rồi, bỗng lại cất lên bất ngờ kiên nhẫn làm lạnh xương sống.

— Vì *quốc gia* tàn bạo nên người Ba Na phải chống lại. Do *quốc gia* gây ra trước, không phải tại người Ba Na. *Quốc gia* hãy về đi, về thì không chết uổng.

Nhưng bọn địch lùi xa và cụm lại, vẫn chưa chịu về. Mọi người đoán rằng nó còn định làm gì nữa, ít ra là xung phong tấn công nữa, nên chưa vội rời vị trí.

Đúng nửa giờ sau, một chiếc máy bay bà già tới, đảo quanh núi mấy vòng, rồi ném xuống hai quả bom. Hai quả, nổ một quả, chỉ gây một cơn lốc đất đá, không làm thương vong ai. Máy bay đi, dịch lại tiến tới.

— *Quốc gia* thật độc ác, đem cả máy bay tới, quyết tiêu diệt người Ba Na. Người Ba Na phải chống lại. Lỗi của *quốc gia* không phải của người Ba Na, người nào còn sống hãy nhớ rõ. Giờ *quốc gia* hãy lui, không lui, người Ba Na lại bắn. Chỉ cho quốc gia tiến tới một tiểu đội để khiên thương vong thôi.

Một, hai, ba!

Giọng Nhuôn lánh lỏi, ra rả, kiên trì, rót vào tai bọn lính. Trận mưa tên chưa kịp bay ra, chúng đã dạt về phía sau lượt nữa.

Toàn thắng.

Địch chết bốn tên, bị thương mười ba tên. Ta vô sự.

XVII

Là ba năm bảy tháng bao nhiêu ngày? Cái ngày bắt đầu đó, cái đêm trăng sáng đó, cục cơm gói lũng lảng ở chòi rẫy đó? Ba năm để hiểu rằng sự thật địch vẫn khiếp sợ ta, đũa nào phi nghĩa đều khiếp sợ ta, quần chúng là với ta, ta có thể thắng được. Cuộc cách mạng nào cũng phải qua Phai Khắt và Nà Ngần. Cách mạng nhất định thành công. Bắc Nam nhất định thống nhất. Nghĩ đến hai tiếng “thống nhất”. Nghĩa chợt liên tưởng đến vợ. Ba năm, bảy tháng bao nhiêu ngày, hôm nay là lần đầu anh nghĩ lâu lâu đến em. Em và con. Mẹ con em đã ở trên bến an toàn, còn anh, anh còn chèo chống. Không viết thư cho em, chính là để giữ cho lòng mình can đảm, giữa cơn phong ba. Cái anh cần trong những năm qua chưa phải là tình yêu, mà là lòng can đảm. Chợt Nhuôn đi đến, hốt hải hỏi:

— Bà đâu?

Nghĩa nghe hỏi, đột ngột như đang mê, được lay một cái mạnh tỉnh dậy, ngơ ngác. Anh nhớ ra là mình có nhao tới cầm tay mẹ, mẹ báo tin xong là mẹ đòi về, anh gấp rút vội vã xếp trận vào trận đến nỗi không kịp nghĩ có thể về thật, và mẹ về rồi. “Vì mẹ cũng có việc của mẹ”. Con không kịp nói một lời thích hợp với mẹ, có với mẹ một cử chỉ thương yêu thích hợp. Và mọi việc qua nhanh đến nỗi, trong nỗi bàng hoàng của trận thắng đầu, trận thắng này quét sáng lên quãng đường đi sắp tới, tôi có cảm giác như cả việc mẹ tôi hiện ra báo tin cho tôi, việc đó là ở trong giấc mơ thôi. Một bà tiên báo mộng, giờ đã biến mất hoàn toàn. Nhưng dưới chân núi, tiếng bi bô tíu tít nói cười của mọi người đang đi lại dọn dẹp chiến trường, thắng lợi này là sự thực.

1977 — 1978

14 — TRUYỆN VIẾT TRÊN CAO NGUYÊN

LẦN chót, ông Toan thuyết phục con gái út, bây giờ là học sinh Trường Cao đẳng sư phạm thành phố Hồ Chí Minh “nên bớt hăng hái đi”. Trong câu chuyện, ông có một câu:

— Không nên nói Mỹ đến thế. Sự thật chúng nó hồn nhiên đến ngô nghê, nó thua là vì thế. Má và các chị con không muốn trong nhà có một con Việt cộng con.

Phương giận ba quá đến phát run, muốn bóp chết liền. Cô gái thường rất nhu mì, lần đầu tiên thấy muốn bóp chết như vậy, và với cha:

— Nói Việt cộng thì ba từng là Việt cộng, chứ con hiện nay chưa được làm Việt cộng đâu. Chẳng qua lòng yêu nước là danh dự của mỗi người. Con thấy phải thì con theo. Và để làm gì? Để làm cô giáo thôi hà, làm cách mạng bằng nghề đó, khỏi ăn bám xã hội và gia đình, mà mình được có một cái trước đây chưa có, đó là lý tưởng. Trời! Con không ngờ ba đến vậy! Cái thằng Mỹ thuê buồng nhà ta, toan cướp vợ của ba, để lại cho con một đứa em màu xám, mà ba má đem đi giấu con cũng không biết bây giờ nó ở đâu, vậy mà ba vẫn khen. Ba từng là đảng viên, chỉ vì sợ mà trệt dài, một đời ba bị hủy hoại chưa đủ hay sao?

Nhưng Phương chỉ nước mắt ràn rụa, tấm tức tấm tưởi trong cổ họng, không dám nói. Về sau, khi mọi người đã đi rồi, Phương trong cô quạnh, nhận ra dấu sao trong nhà ba cũng là người yêu thương cô nhất, và nói vậy thôi, chứ ông cũng là người hiểu cô nhất, chẳng qua đưa con gái út đi lại con đường ông đã từng đi.

Có khi về sau, Phương cũng có lúc tiếc giá hôm ấy mình nói ra được tâm tình lý lẽ của mình, kể được cặn kẽ cái phút — ngày ấy sinh viên chưa vào học, sáng chiều còn đến sinh hoạt ở Thảo cầm viên — Phương đang vừa hát vừa vỗ nhịp, bỗng thấy sáng trong đầu một lần chớp: cô bỗng thấy toàn bộ sự thật: gia đình mình bấy lâu nay sống trong một đồng bùn.

— Năm 1965, cái lý do nào khiến một thằng Mỹ cho má cái ơn được thầu gỗ làm sân bay Đà Nẵng? Nhà ta bỗng chốc giàu lên vì thế. Cảm thấy tội lỗi, ba má trốn vào Sài Gòn. Vào đây, má trở thành con rắn trong đám xuất nhập khẩu. Chị cả con chữa hoang, Chị thứ con chữa hoang. Má nữa. Ấy là con chỉ kể chuyện ấy thôi. Ba là một người chồng nhu nhược, không có tài cán gì, chỉ nghe theo má, ăn bám má: mỗi ngày ba chỉ hai việc, ra ngân hàng lãnh séc cho má rồi ra nhà hàng Brôda tán gẫu. Hành động vừa rồi của má, tự mình ăn

cấp hàng ở cửa hiệu mình rồi hô hoán lên là bị cạy cửa là một hành động phạm pháp. Chính ba có tham gia. Thật là kinh khủng... Con rất thương ba nhưng tuổi trẻ chúng con nhìn các việc đó bằng cách khác.

Nếu Phương rên lên được như thế với ba, chuyện gì sẽ xảy ra? Không, cuộc nói chuyện giữa ba với Phương hôm ấy, cô không ngờ là cuộc nói chuyện cuối cùng của hai cha con, ba là đại biểu gia đình cử ra để nói chuyện với con Việt cộng con, những người kia ghét mặt không thèm nói nữa, “mà ba nói với nó cũng được, không nói cũng được, coi như bỏ”. Tình hình quyết liệt như vậy mà Phương không biết.

Chiều thứ bảy tuần sau đó, như thường lệ, Phương từ nội trú trở về nhà, bấm chuông hoài huy, ba ơi, má ơi, chị hai, chị ba ơi hoài huy mà cả hai toà nhà hai tầng trong một khuôn viên không ai trả lời cô. Cả hai tòa nhà lặng im, sẫm tối khác thường, có thể sờ được sự sẫm tối đó và thấy nó lạnh, khí lạnh của một người đã chết — dấu sao thì hôm qua cũng còn vọng lại những giọng nói, những hơi ấm của người thân, của quá khứ thân và bây giờ tất cả những cái đó đã chết. Cô đang gọi ngày càng khẩn thiết, đột nhiên nín bặt, hiểu ra. Toàn thể gia đình cô đã bỏ nước, bỏ cô, đã như người ta nói — di tản.

Sự nhần tâm cùng cực của gia đình và những người ruột thịt làm tê điếng đến tận tim phổi, giật tỉnh dậy hết mọi tế bào trong cơ thể người con gái để cô nhận ra rõ hơn sự thật vô luân của nhà cô, của giai cấp cũ của cô, và sự thật về con đường cô quyết định tiếp tục đi. Không hỏi han ai nữa hết, không than thở với ai nữa hết, hỏi han than thở đều vô ích, cô quay ngoắt lại, chín giờ trở về nội trú Trường Cao đẳng sư phạm, với đoàn thanh niên với cô là đoàn viên.

Trên đây là câu chuyện của cô Kim Phương đăng nhiều trên báo chí thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội nữa, hồi ấy. Nó khuấy động suy nghĩ ưu ái của nhiều người trong cả nước, nhiều người quý trọng người con gái trong câu chuyện. Nhưng những người tốt trong những câu chuyện thời sự có rất nhiều, mỗi ngày lướt qua ta như những khuôn mặt qua các ô một con tàu. Năm năm đã qua, nào ai có nhớ Kim Phương, còn bản khoả người con gái ấy đang ở trụ số nào trên đường đời? Ai, ngoài những nhà văn vẫn mang tiếng là lẩn thẩn. Mà lẩn thẩn thật chứ không, tại sao ở xa hai nghìn ki lô mét, nhiều khi tôi mở mắt ngừng lên, tim đập thành thành vì những tiếng gọi “ba ơi, má ơi, chị hai, chị ba ơi” như rơi xuống giếng và chìm ngấm dưới đó của người con gái trần trụi nhất một tối thứ bảy nào. Không ai lẩn thẩn như tôi hôm nay, có dịp đi công tác ở thành phố Hồ Chí Minh, tìm tới cái số nhà ấy của đường Võ Văn Tần, đứng ngẩn ra một lúc nhìn nó, hai tòa nhà lầu của khuôn viên đó

bây giờ là Phòng Tài chính quận. Trước mặt số nhà đó, nhìn đăm đăm cái cổng sắt và nùm chuông điện, tôi quyết định đi tìm cho ra tung tích Kim Phương. Số phận một con người có hoàn cảnh đó phải là điều làm cho chúng ta quan tâm, và sự hiểu biết về nó có ích cho mọi người. Nếu không, tôi thật sự là một người lẩn thẩn.

Anh cán bộ Sở giáo dục thành phố ngo ngác nhìn tôi một lúc. Việc tôi ở xa quá mà len lỏi vào đây để tìm cho ra một hạt bụi rõ ràng làm cho anh kinh dị và hiểu hơn về nghề của chúng tôi. Anh sốt sắng đứng lên, mở một trong những cái tủ Mỹ của buồng làm việc, rút rất khó nhọc từ dưới đáy ra một tập giấy, từ tập giấy lại rút ra một tập hồ sơ mỏng nữa và anh đặt trên bàn trước mặt anh. Anh thuộc loại người rất bận việc, mỗi năm lướt qua hàng nghìn hàng vạn sinh viên, không ít thầy hay, trò giỏi nhưng có cái gì dựa vào như một kỷ vật mới nhớ được. Anh nhìn mà không xem tập hồ sơ và nói:

— Tôi nhớ cô nhỏ này rồi, chúng tôi được biết ngay tình hình gia đình của em, báo chí bây giờ nói tới dữ lắm, nhưng chúng tôi muốn để yên cho em học đến hết khóa hăng hay. Nếu em giữ được mức tiến bộ đó, chính sách sẽ như mọi em khác. Nếu em không thành thật hay có diễn biến tiêu cực, tạm thời chưa phân công. Cuối khóa, mỗi em phải làm một bản lí lịch, tôi tò mò xem em này ghi về mục gia đình ra sao. Khoản bố, mẹ, anh chị thoát tiên thầy em viết: chết, chết, chết, chết... rồi bỏ đi, thay vào đó những chữ di tản, rồi cũng tức thì bỏ đi mà vòng một vòng ghi gộp cho tất cả nhà: bỏ nước mà đi sau giải phóng. Tò mò tôi gọi em lên hỏi:

— Em đừng sợ — tôi nói. Không quan trọng gì, nhưng thầy muốn hiểu tâm tư em để phân bổ cho chính xác thôi. Em lần lượt nghĩ như thế nào để sau cùng ghi dứt khoát như vậy.

Em gái trả lời ngay, rất thản nhiên (lòng em đã lạng rồi, hết sóng gió rồi — tôi nghĩ):

— Đi di tản thì cũng như là chết, thừa thầy, ít nhất là đối với em. Em hiện thật sự mồ côi. Nhưng nói di tản không cũng chưa thật rõ. Di tản có nghĩa là ra đi vì tai nạn gì đó, đảng này thầy chắc biết, ba má em vốn rất giàu, rất an toàn...

— Nguyễn vọng em đi thực tập đâu?

— Em xin đi Đak Lak như có ghi trong đơn hưởng ứng lời kêu gọi tình nguyện của Đoàn — giọng em bỗng tin cậy và sôi nổi: Buôn Ma Thuột là điểm xuất phát giải phóng toàn miền Nam, nghe nói đó cũng là đỉnh cao nhất của Trường Sơn. Em muốn ra đời được phục vụ ở chỗ bắt đầu. Không phải lằng mằng đâu thầy, em không muốn ở Sài Gòn này đâu, ở Sài Gòn này em

buồn lắm, gặp nhiều trở lực lắm, chỉ có kéo lui mà không có thúc tới đâu thây. Em đã nghĩ kỹ và chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời yêu cầu của mình, dù có xảy ra tình hình như thế nào.

— Không có gì lôi kéo em sao? Người yêu chẳng hạn? Cô nhỏ trả lời dứt khoát và ráo hoảnh:

— Người đó cũng đã chết.

Tưởng người con trai em yêu cũng bỏ nước mà đi hóa ra anh ta sợ dính dáng, thật ra vì thấy Kim Phương bỗng chốc bơ vơ, chỉ còn cái nhà không. Một con người như vậy coi như chết cũng là phải. Trước lời yêu cầu khẩn thiết đó, chúng tôi báo cáo lên cấp trên. Cấp trên phê vào hồ sơ: “Đồng ý phân về Đak Lak, nhưng cần theo dõi giúp đỡ, sau thời gian thực tập, nếu muốn về thành phố Hồ Chí Minh, cho về”.

Tôi quyết định đi Buôn Ma Thuột. Nghe Buôn Ma Thuột nghĩ là xa xôi nhưng nó chỉ cách Sài Gòn có bốn mươi năm phút bay. Tôi đến sở Hàng không xin được sử dụng cái vé khứ hồi bằng cách đi vòng vo. Người ta bằng lòng và tôi chỉ phải trả một món tiền nhỏ. Một lúc sau tôi đã bay trên bầu trời Đak Lak. Tổ quốc ta mỗi địa phương một cảnh trí, cảnh trí nào nhìn từ trên cao, dãy núi dòng sông, những xóm nhà thị tứ, vườn tược, đền đài, ruộng nương, công trường lao động, đều cho ta những xúc động riêng. Đak Lak có một cảnh trí không giống nơi nào hết, kể cả Tây Bắc. Bên dưới toàn là rừng, ba phần tư của một vùng đất rộng nhất trong cả nước là rừng. Qua những làn mây trắng vùn vụt bay như khói, rừng bát ngát mờ mờ, liền một dải mênh mông như là thảm rêu dưới đáy biển. Cây nghe đến mấy ngàn loài, cây lá to, cây lá nhỏ, hấp thụ và phản chiếu ánh sáng mặt trời khác nhau, nhưng đều là xanh, xanh mà như có cung bậc, lúc thì mận mà, lúc thì êm dịu gây trong lòng ta một ấn tượng bao la rất kích thích. Có người nói to trong máy bay: “Đám tàn cây mập mạp màu mỡ ở giữa kia là rừng nguyên thủy đấy”. Tôi không ngờ đi tìm Kim Phương, một nhân vật của cuốn tiểu thuyết đang còn đang mơ mộng của tôi, tôi sẽ phải luồn vào đám tàn xanh ấy. Trên màu xanh, nổi lên đây đó, như gân lá, những nét chì đỏ rất mảnh thường là rất thẳng, ấy là những con đường mới làm trên đất đỏ ba zan nổi liền rừng già với một khu kinh tế mới, một lâm trường, một buôn làng. Tôi ngờ đâu sự lẩn thẩn của tôi, ngay xế chiều nay, dẫn tôi đến một buôn làng như thế.

Sửng sốt hơn nữa, một lúc sau, khi anh Ty phó giáo dục dẫn tôi đến trước một bản đồ, chìa thẳng một ngón tay vào một chấm nhỏ trong vùng xanh lục của bản đồ, nó còn mênh mông hơn trên máy bay nhìn xuống nữa, đến nỗi có cảm giác như đầu ngón tay lún vào đó như lún vào một chất dẻo.

— Nhà văn sẽ đi đến đây, anh nói kiểu cách. Đây là huyện Krông Buk. Còn đây là huyện Ea Sup. Đây là rừng xanh. Dưới vòm xanh của rừng già, đang rậm rịch có một cuộc đời đầy. Người dân miền núi không du canh du cư nữa, mà định cư tổ chức lại cách làm ăn, cách sống. Còn cô Kim Phương nhà văn đi tìm thật vất vả nhưng chẳng sợ bỏ công đâu. Cô nhỏ này là chiến sĩ thi đua của chúng tôi đây, vì sao, anh lên rồi sẽ rõ. Tôi cho anh mượn cái này. Xe sẽ chở anh lên ngay Chư Pong để anh kịp nhìn thấy buôn Chư Pong buổi chiều. Không phải là nghệ sĩ, tôi cũng cho cảnh Chư Pong buổi chiều đẹp tuyệt.

Cái mà anh đang cho tôi là một bức thư, chữ viết cẩn thận, si sít, rất đều, nét con gái của cô giáo Lê Kim Phương. Lần đầu tiên từ mấy năm nay, lặn lội hai nghìn mấy trăm dặm, bây giờ tôi mới có trong tay dấu tích của một người con gái có cơ trở nên hoang đường.

Nhân dân vùng rừng già này bao đời nay đã không có con đường nào khác là phá những khu rừng mà bản thân họ cũng biết là rất quý để đổi lấy những bữa cơm hằng ngày, mà cũng không đủ. Chính quyền và ngành lâm nghiệp đã có công rất lớn về việc trồng lại rừng.

Bề dài một trăm ki lô mét từ ngoài thị xã Buôn Ma Thuột đến ranh giới Gia Lai, năm mươi ki lô mét từ đông sang tây đến biên giới Campuchia, đã dày đặc những rừng mới: rừng thông ba lá, rừng đào lộn hột, rừng cà phê, rừng mít, rừng bằng lăng, khu một năm cây lúp xúp như những đàn cừu vô tận, khu ba năm cây đã cao bốn mét. Lớp vỏ ba zan có nơi nghe nói dày đến hai mươi mét, vốn là quê hương của mọi loại cây trên đời. Sao chúng phồng phao thế, mỡ màng thế, reo vui thế!

Cái buôn tôi sắp tới là một buôn như vậy, nó là buôn điểm của vùng này — tôi đã tìm hiểu như vậy khi ngồi đợi xe. Qua Hà Lan, Buôn Hồ, nói chung con đường 14 giờ rất đông vui, chúng tôi rẽ sang một con đường đất đỏ gọi là đường ông Kiên (tên ông bí thư tỉnh hồi đó), con đường dẫn đến một huyện gọi là Ea Sup và đi thẳng ra biên giới luôn: đường Trường Sơn nổi tiếng qua đây, nơi pháo binh và xe tăng ta ẩn và bất thần tỏa xuống các rừng phía nam, băng qua rừng cao su, giải phóng Buôn Ma Thuột là đây.

Tôi thấy kích thích đến hồi hộp. Chợt như tôi có kêu lên. Cảnh trí trước mắt tôi quá đẹp. Dưới chân một góc núi đỏ, những mái nhà dài hình chữ nhật soi bóng xuống một hồ nước, tôi ghi nhận và nhớ mãi cái bức tranh xanh rất hài hòa của nước, của rừng, của ruộng bậc thang, của các vườn nhà. Các cô gái đi lao động về, nhóm ba, nhóm hai trắng trẻo, mập mạp, đã khoác vội chiếc áo len đỏ, len xanh, len vàng, có cô cổ đeo dây chuyền màu vàng, có cô có đồng

hồ đeo tay, chiếc đồng hồ treo hờ hững trên búi tóc, sao họ vui thế, đẹp thế khi bụng chầu đi tắm giặt — buôn này là buôn kháng chiến mà họ vẫn có cái gì đáng đáp Sài Gòn. Dưới hồ, mấy cô tắm xong đang bước trên cầu, trùm váy rộng thay một cách thân nhiên sau khi đã cọ chân bằng một chiếc bàn chải. Nhà văn hóa có khuôn viên trồng hoa đang xây soi ra hồ, trước mặt hai cây săng lẻ cô thụ, một cây nẩy ra từ giữa thân một cây đa. Chư Pong là đây đây. Chúng tôi dừng xe lại.

Hỏi ai? Đẳng hả?

Một chùm trẻ con như từ cây săng lẻ rơi xuống và ùa tới. Một cụ già nhìn vào trong xe hỏi. Tôi gạt đầu, hiểu là bà con muốn nói trụ sở ủy ban, cũng được thôi. Thì đã nghe nói thêm:

— Đi họp. Chưa về mà. Tối về. Nhà kia!

Nha cũng là một cái nhà sàn nhỏ, không dài mà vuông vắn. Vườn nhà đã hình thành cây cối trong vườn đang độ thanh tươm, rất nhiều cây điều lá tím lá đỏ chĩa thẳng lên trời, những cây cà phê một năm đâm cành tua tủa, lúa mới trồng nằm chi chít dưới những chiếc nón bằng rạ. Đập ngay vào mắt tôi, chiếc rèm cửa bằng vải xanh và những đóa hồng màu rượu chát, màu vàng giống như hoa giả lấp ló đây đó trong vườn: “Nhà Kim Phương đây rồi!” tôi nói. Cô giáo vẫn giữ phong cách thành phố. Dù tối nay hay sáng mai, cô có không về, tôi cũng yên tâm. Mới nhìn qua buôn làng cô công tác, nhìn qua nhà cô ở, tôi đã nghĩ như vậy. Dẫu sao thì cuộc đời vẫn là thực chứ không phải mộng. Thầy Thấu ở ty đã cẩn thận bảo em nên suy nghĩ kỹ. Em nói ở Sài Gòn em có thì giờ suy nghĩ rồi, em muốn đến một xã vốn là căn cứ bên rìa Trường Sơn — Thế thì là buôn dân tộc? Buôn dân tộc cũng được, em mạnh bạo nói, các thầy cũng đã từng ở Trường Sơn hồi cùng còn trẻ như chúng em, và các thầy đã thắng, thầy thấu đất trả lời dứt khoát cho em vội, thầy để cho em suy nghĩ thêm một đêm nữa, thầy suy nghĩ một đêm nữa. Sáng hôm sau, thầy Thấu trầm giọng bảo em: “Đã đi làm cách mạng thì phải đương đầu với gian khổ đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng phải ý thức là mình làm cách mạng. Dạy dỗ như chúng ta đem ánh sáng văn hóa tới soi rọi cho tâm hồn bà con ngàn năm ở dưới các tàn lá âm u của rừng núi, không phải làm cách mạng thì là gì. Nhưng tránh nhất là liều, không nên liều. Thầy nói thật, thầy có biết hoàn cảnh em. Nếu em liều thì em cũng chẳng khác những người ra đi là mấy. Liều chết, liều sống: có cái gì giống nhau đây, em hiểu không!”. Em đã nức lên khóc khi nghe nhắc đến hoàn cảnh nhưng giọng em ráo hẳn liền, em nói: “Em cảm ơn thầy đã phân tích, em xin cố gắng sống có ý thức đúng về cuộc sống. Em luôn luôn nhớ em là đoàn viên thanh niên cộng sản.”

Như vậy, thầy Thấu phân em về Chư Pong.

Những câu chuyện anh Thấu kể vọng lại tôi một thoáng khi tôi bước xuống xe.

— Cô nhỏ là một cô gái biết giữ lời hứa. Cừ lắm, giỏi lắm.

Tôi bước ra khỏi xe.

Nhưng chủ nhà là một người đàn ông, một thanh niên E-đê.

Mới nhìn, thấy anh trắng trẻo, nét mặt thanh tú, quần áo bay xanh bộ đội, tưởng anh là cán bộ kinh. Anh đã cho mìn vào các bầu giầy nhựa đặt chi chít trước mặt, và đang dùng que tre để tra hạt vào bầu. Chắc anh là cán bộ hay công nhân lâm nghiệp gì đây. Thấy xe, thấy tôi, anh lạ lắm, mắt cứ nhìn trừng trừng, và anh đứng lên:

— Đồng chí hỏi tôi?

Tôi trả lời.

— Hơ Phương hả? Nó đi họp ngoài Buôn Hồ mà. Tôi có bảo nó ban đêm đừng về, lỡ gặp Ful rô mà.

Anh nói cặn kẽ, nhưng điệu bộ bần khoản rõ ràng. Không đợi tôi hỏi, anh nói điều bần khoản ấy ra:

— Đồng chí tới có việc chi? Đồng chí không phải là người nhà Hơ Phương lên bắt Hơ Phương về Sài Gòn chứ?

— Không phải — tôi nói.

— Cũng không phải là bạn bè thằng Nhiên chứ.

— Không. Tôi là nhà báo?

— Thiệt hả? Nhà báo làm báo Nhân Dân hả? Đảng hả? Vậy mà tôi sợ quá. Lúc nào tôi cũng sợ có người lên bắt Hơ Phương.

Mới nói đi đó, anh nói lại liền:

— Nói chơi chứ không sợ đâu. Hơ Phương cũng không sợ đâu. Mà mời đồng chí lên nhà chờ. Rồi tôi nấu cơm cho ăn. Bây giờ còn đi đâu.

Anh lái xe đưa xe tới trụ sở Ủy ban cho được an toàn. Tôi một mình leo lên nhà sàn. Một bên là nơi tiếp khách, có bàn ghế uống nước, có tủ, giường với một chiếc đài bán dẫn bên gối. Có kệ sách. Và một bức ảnh rất to của chủ nhà. Cô Kim Phương tôi tìm bấy nay đó, mặc áo hoa sắc sỡ, đang nhìn khách cười rất tươi — bức ảnh này chắc cô chụp hồi cô còn học ở Sài Gòn. Cảnh nhà bên trong đối với tôi thân thiết liền. Một phút sau tôi đã hỏi anh thanh niên:

— Cưới bao giờ?

Người con trai nói:

— Chưa được hai năm. Úi, hai đứa đều không có cha mẹ, lấy huyện với ty,

với đảng ủy xã làm cha mẹ. Không có gì: chỉ có rượu với thịt gà mà thôi, toàn của bà con cho.

Cơm nước xong, tôi nằm nghiêng bên cạnh Y Tlam, vừa nghe bi bô vừa hỏi. Anh trả lời rất dài, tôi lại hỏi nữa, vừa cố gắng tìm hiểu và phục chế câu chuyện của một chặng đời nữa của Kim Phương — trước mặt tôi là chiếc ảnh phóng to của cô thời con gái, khuôn mặt cô tròn, nấp dưới hai hàng mi dài là hai con người rất sâu và rất đen, một nụ cười có lẽ có đôi chút suy tư nhưng kiên nghị và trong sáng. Trong một phút hoặc vì tôi nhọc, hoặc vì, tôi tập trung suy nghĩ nhiều, nên tôi có một chốc lát nhầm lẫn: tôi thấy Kim Phương bước ra khỏi bức ảnh, đi lại trong nhà, chầm chầm nhìn tôi với nụ cười im lặng ấy, nói với tôi giọng ấm và lễ độ tôi vẫn ghi nhận ở các cô gái thành phố Hồ Chí Minh.

— Lúc mới tới, mặc dầu em cực lắm, thưa thầy (tự nhiên tiềm thức tôi nghĩ ra là gặp tôi, Kim Phương sẽ xưng hô với tôi như vậy). Những đêm đầu ngủ ở rừng này, cửa ngõ sơ sài, nghe nói voi có thể đi qua, hổ có thể về, Ful rô có thể tới sợ lắm, thầy. Ngay ngày đầu đã phải giải quyết việc ăn. Chợ búa xa, bà con không có tập quán đi chợ, có gì ăn nấy. Lần đầu bụng bát cơm ăn với rau rừng chấm muối ớt cũng thấy vui vui, nhưng mãi rồi nuốt không vào. Rồi mùa mưa bắt đầu liền. Đồng bào thương làm cho cái nhà trệt, tưởng làm nhà trệt là chiếu cố phong tục mình, nhưng không chú ý là buôn ở chỗ đất trũng, mưa xuống là nước suối duềnh lên, ào ào chảy tới tận buôn, trong nhà có gì để dưới đất trôi lênh bênh khắp nhà. Em đã hốt hoảng trèo lên bàn, có khi phải ngồi trên bàn cả ngày chờ nước rút. Vừa trèo xuống bàn, lắm khi phải trèo lên, vì mưa nữa, mưa thổi trời, thổi đất, mưa sáu tháng liền, phải nấu ăn cả trên bàn. Còn dạy... Em đã tha từng mảnh gỗ ở lâm trường về, không nói cái đó, chỉ nói việc dạy không cũng đâu có dễ: bắt đầu không phải một chữ i, chữ t mà bắt đầu ở chỗ nói sao cho các gia đình sáng sáng thôi không dắt các em cùng với con mèo, con chó, bu gà ra nướng nữa mà giao các em cho cô giáo. Và cô giáo bắt đầu dạy là dạy các em biết xỉ mũi, biết tắm giặt, biết công dụng của xà phòng. Mà muốn cho các em làm được phải bày cho cả buôn.

Tôi tư lự liên tưởng đến cảnh tắm giặt rộn rã nhìn thấy bên hồ ban chiều, cảnh các cô tắm sông tỉ mẩn cọ chân bằng bàn chải — các cô gái giản dị này trang phục có cái gì hơi giống cô giáo Kim Phương, người trong ảnh... Giọng ấm và lễ phép của Kim Phương, với hơi thở nồng nồng của cô tiếp tục phả một bên má tôi:

— Em cực lắm, thưa thầy. Nhiều lúc tự nhiên mình nghe bắt giác rừng một

cái mạnh ở chính giữa ngực mình. Ô hay, tại mình chọn lựa chớ ai bó buộc mà mình tủi? Nhớ lại những lời nói dẫn đo kỹ càng của thầy Đào, thầy Thấu... Các thầy ấy không biết là các thầy đã giúp em như thế nào đâu. Cảm kích nữa là hôm em mới về buôn, em sững sốt thấy bà con rất đông đi bầy cây số đón em tận đường ông Kiên, người mang xôi sớ cô giáo đói, người mang nước sớ cô giáo khát. Em run cả người khi nghe có bà mẹ thì thảo, mừng rỡ: “Vây là Đảng đã về!”. Trời ơi, thầy biết hoàn cảnh em đây, em mà bà con ngộ nhận như vậy. Về sau, em tìm hiểu: thì ra ở buôn, từ hồi đen tối, từ hồi chống Pháp, rồi chống Mỹ, vẫn có một cán bộ người Kinh ăn ở, chiến đấu với bà con bày cho bà con từng đường đi nước bước. Từ lúc Y Cun chết vì sốt rét ác tính, trên vẫn chưa cắt ai về thay, nay mới có em là cô giáo người Kinh. Ông A Ma Nhang, bí thư đảng ủy xã, một hôm đến nhà cho em một miếng thịt rừng rồi nói: “Cô giáo nè! Tao biết mày cực lắm chớ không phải không biết. Nhưng có là thanh niên tiên tiến Đảng mới đưa tới đây, tao tin mày vượt được hết. Bà con sống chưa sướng, chưa văn minh, hãy đưa bà con đi lên. Mày là cánh tay của tao...”. Vây đó. Mọi người, mọi sự việc dìu em đi từng ngày, dần dần em mới thấy ý nghĩa của cuộc sống của em, ý nghĩa ấy tới với em có lẽ từ ánh sáng của ngày mai, và ấy là khi em nhận ra đời sống của bà con trong buôn có thay đổi... Em không là gì hết, chỉ là cô giáo thôi, nhưng như là em thay Y Cun, cái gì cũng đến tay, là đầu mối của Ủy ban huyện, của đảng ủy xã, của lâm trường ngoài Buôn Hồ muốn xây dựng buôn này làm thí điểm cho một phương hướng làm ăn của bà con dân tộc. Tôi trở nên tự lự. Kim Phương liếc nhìn tôi một cái nhanh, và vẫn giữ giọng nghiêm trang ấy, tiếp tục nói:

— Em sắp đi đến việc thầy muốn hỏi, thưa thầy. Em là một cô giáo, nghĩa là một người trí thức. Là người trí thức đến với một dân tộc, phải thấy cái gì khác hơn những cái mà mới thoát nhìn ai cũng thấy, sự nghèo nàn và sự chậm trễ chẳng hạn. Và em đã khám phá ra, trong kinh nghiệm ở một buôn mà em thuộc từng người rằng dân tộc này, dân tộc E-đê, qua những phép nhà, phép làng của họ, qua những bài hát dài mà các già làng kể khan trong các tiệc rượu cần, họ có một nền văn hóa sâu xa của họ. Một dân tộc có cái khí phách như Đam San, đi bắt thần mặt trời làm vợ mình, cái khí phách ấy không phải là thường.

Cô gái trở lại hùng biện như tất cả cô gái Sài Gòn — tôi nghĩ thầm. Kim Phương trầm giọng xuống tâm sự:

— Mỗi tình của em với Y Tlam, em đã nhiều lần đánh giá, nó cũng tự nhiên như mọi tình yêu đẹp khác trên đời, em tự tìm thấy, không ai bó buộc —

không sự việc hoàn cảnh nào bó buộc được em. Khi thành lập đoàn xã, em phát hiện ra trong buôn có một thanh niên đi nghĩa vụ về, trong bộ đội đã học hết lớp bảy mà nay về nhà hằng ngày chỉ vác rựa đi theo các cha mẹ làm nương. Em mời lại hỏi “Anh xử sự vậy, không xấu hổ sao?” Đó là một chàng trai đẹp, khỏe, trắng trẻo. Nghe em hỏi, anh ngẩng phắt lên trả lời liền: “Nói chi nặng nề vậy?” Em biết mình lỡ lời, xin lỗi anh ta liền, khi ấy em mới giảng giải cho anh ta, rủ anh ta cùng làm việc và vô tình lặp lại với anh ta những lời ông A Ma Nhang nói với em. Chúng em cùng A Ma Nhang lần đầu tiên trong việc làm đập nước, đưa nước suối E Klóc về, nay đầu buôn xây dựng mấy trăm héc ta ruộng nước cho Chư Pong. Chúng em cũng lần đầu tiên trong việc đưa bà con ký hợp đồng trồng rừng với lâm nghiệp, và lâm nghiệp tính trả cho bằng con đường bảy ki lô mét vào buôn đó. Về sau, có xảy ra cho em một chuyện...

Vì đi vào những chi tiết sâu kín nhất của tâm tình, giọng Kim Phương trầm xuống nữa:

— Trên đường từ huyện về, một lần em bị phỉ Fulrô phục kích. Du kích đến kịp nhưng em bị choáng vì một cái gậy vào đầu. Tỉnh dậy, thấy mình ở dưới hầm và đang ở trong tay người nào. Hé mắt nhìn, nhận ra Y Tlam. Thì ra anh ta vẫn trông chừng em, em đi đâu xa, anh vẫn bí mật theo em, đề phòng bất trắc. Em vẫn là một đứa con gái có phần tinh nghịch, em rón một chút xem tư cách anh ta thế nào. Vì hầm chật, anh ta không đặt em xuống đất được, anh ta bưng em cẩn trọng như bưng một cái gì dễ vỡ lắm, cánh mũi anh ta phập phồng nhưng anh ta ngược mặt lên cao mãi cho khỏi chạm vào em, đến lúc đó, em mới cất tiếng: “Thôi, ta lên!”.

Nhưng nói như nhiều người nói rằng em lấy Y Tlam vì ơn cứu sống, không phải đâu thầy. Bản thân em đã gặp Đam San, nói làm sao cho thầy hiểu. Đến một lúc nào đó, mỗi người con gái phải đặt cho mình những câu hỏi cụ thể: mình cần những gì? Ngoài những cái mà bàn tay và ý chí của mình có thể tự lực? Tình yêu và hôn nhân, nó là cái gì? Một Kim Phương rất bảo thủ, rất nhiều ràng buộc vì tập quán và lễ thói của giai cấp bẩm sinh cãi nhau liên tục, với một Kim Phương rướn tới thích nghi với hiện thực và lý tưởng. Như vậy, thừa thầy. Em đã dạy Y Tlam học thêm, anh ta thi bổ túc văn hóa cấp ba ngoài huyện đầu, em lại cố nói cho các bạn của em ngoài lâm trường nhận anh ta vào làm. Bây giờ anh ta là đội phó đội ươm cây, anh ta có thể nói cả ngày với thầy về việc ươm cà phê hay thông ba lá... Sau cùng, em rủ Y Tlam đi Sài Gòn. Vâng đi Sài Gòn. Em làm chủ đời em hết mọi sự, em không sợ Sài Gòn. Cùng với Y Tlam, em đi gặp Nhiên là chủ một phòng trà ở đường

Công Lý cũ, nói đúng hơn anh ta không tìm được việc gì làm ít mà ăn nhiều, nên đã lấy đại mục chủ phòng trà ấy. Chúng em vào gặp lúc vợ nhiên đang thét lác cái gì đó. Nhác thấy chúng em, anh ta vội lẩn vào nhà trong. Thôi thế là đủ. Em đã có dịp so sánh hai cái đầu, cái đầu đã được cải tạo của Y Tlam và cái đầu của Nhiên. Hôm ấy ngay tại Sài Gòn nơi em sinh trưởng em nghiêm trang nói với Y Tlam về ý định của em. Chúng em nói với nhau tất cả...

Câu chuyện đã được phục chế, được kể đến tận cùng, Kim Phương đã bước trở vào lại trong khung ảnh với nụ cười trong trẻo trên môi, chỗ ấy vô tình ánh trăng tô lên một vệt sáng, nhưng âm vang giọng cô nói vẫn còn lạnh lốt mãi trong nhà sàn, át cả giọng nói chát phác rất vui của Y Tlam. Tôi nhẹ nhàng bước xuống đường, đến ô cửa, lùa qua một bên chiếc rèm vải. Trăng được thể ủa vào trong nhà như một cơn mưa phấn thông vàng. Trước mặt tôi là hồ nước sáng ngời, lộng lẫy, thơ mộng quá chừng. Mình cần cái gì? Tôi vô tình tự đặt lại câu hỏi của Kim Phương. Cảnh trí này là tuyệt diệu. Hạnh phúc này là quý giá. Tất cả tôi hoàn toàn bị Kim Phương thuyết phục. Nếu tôi ở địa vị cô, tôi cũng sẽ làm như cô. Tôi có làm được không? Một nhà văn bẩm sinh nhiều cái lạc hậu là tôi luôn luôn đương đầu với một nhà văn cũng là tôi muốn mang những quan niệm mới... Ngay việc đi tìm Kim Phương đây, cũng có cái khía cạnh pháp phông của nó. Vì sao pháp phông chứ: nhất định là nhân loại phải tiến lên bằng những con người mới của mình, và buôn làng này, cuộc đời này là soi rọi và xây dựng bởi những người này, không có ma thuật gì khác, không tìm ở đâu khác...

Ánh sáng toát ra từ một con người sống đẹp hắt sang ta, cho ta niềm vui, đồng thời cũng làm rõ mọi góc ngách còn đen tối trong tâm hồn ta, cũng cho ta niềm vui. Tôi bỗng thấy yên tâm, yên tâm đến trống rỗng, đến cái mức nghĩ rằng giá đêm này hay sáng mai, Kim Phương có không về thì tôi cũng có thể ra đi được. Tôi yên tâm đến cái mức nhớ và không cần vội đọc nữa bức thư thầy Thấu giao cho tôi trong đó Kim Phương chắc là có cảm ơn thầy và trình bày lý lẽ xin ở lại Đak Lak thêm một nhiệm kỳ. “Bỏ đây mà đi đối với em khác nào đi di tản, em không có gan, thưa thầy”. Về Buôn Ma Thuột, thậm chí về tới Hà Nội, tôi sẽ đọc.

Đêm rừng đầy tiếng động, tiếng cây lá trở mình, tiếng thì thầm của gió, tiếng rậm rịch của chân thú trên lá khô ở đâu xa, và tiếng róc rách của nước chảy vào các nương máng khác nhau, từ nương máng lại chảy vào ruộng mới. Không khí ngào ngạt đầy hương thơm của trăng và các giống hoa rừng. Anh thanh niên mà tôi ép nằm bên tôi để chuyện gẫu, đã nói luôn mồm, chân thật

đến dễ thương.

— Ông bí thư tỉnh hôm trước có ghé đây, bảo chúng tôi trong dăm năm cố gắng cho buôn đuổi kịp người Kinh. Được không đồng chí?

Đó là điều anh thiết tha. Và anh thiết tha với một điều khác mà tôi nghe anh buột mồm nói tiếp theo liền:

— Chu cha! Hồi chiều, tôi cứ sợ đồng chí là chú cậu gì nó, tới bắt nó...

Lần này Y Tlam không nói hết câu. Tôi thấy anh vùng ngồi dậy và đưa hai tay lên miệng hú một tiếng rất dài:

— Cái gì thế? tôi hỏi

Anh chạy đến góc nhà. Lấy một cái xà gạc hấp tấp trả lời tôi:

— Đồng chí ở nhà ngủ. Bọn con trai con gái rủ nhau đi đón Hơ Phương.

Chắc là nó có nhắn về. Đã bảo ở lại mà không nghe.

Và anh lao xuống nhà sàn. Buôn làng đi ngủ sớm phút chốc bừng dậy, sao sát tiếng hú gọi nhau, tiếng cười cẩu chí nhau, tiếng lịch kích của vũ khí nữa, và tiếng chân bước rảo đăn vào nhau. Dưới ánh trăng sáng rõ, thấy rõ đoàn người ra đi sao dài thế, đông thế, vui thế, sẵn lòng thế. Không gian vẫn đầy những bụi sáng nhảy múa như phấn thông, chợt nín bật, nhường chỗ cho giọng hát đồng ca của con gái.

— Tôi bắt chợt khóe mắt tôi đọng một giọt nước. Tim tôi cũng hồi hộp, hồi hộp vì mình sắp được gặp, được nắm trong tay bàn tay nóng ấm của nhân vật tưởng là hư ảo, mây nổi bèo trôi trong trí tưởng tượng của mình. Và, em biết không, Kim Phương, lúc ấy thầy bỗng thấy thèm, thèm lắm, thèm trong đời thầy, có một lần, được một dân một làng đồng thanh đưa đón như em đêm nay.

Buôn Ma Thuật tháng 10 tháng 11 - 1982

15 — GUỒNG MẶT ĐIỆN BIÊN

LÂU lắm họ mới lại gặp nhau. Và cùng đi công tác. Chuyển trước ở một vùng trung du. Phùng và Hân quen nhau, có dịp trao qua đổi lại một số ý kiến về những công việc hiện nay, hai người đánh giá thăm nhau kha khá, nhất là ở sự thành thật. Điểm thành thật ấy, mọi người xung quanh không biết, họ chỉ biết hai người có cái gì hợp nhau đấy, và bắt đầu nửa đùa nửa thật cặp ghé đôi bên, như thói thường vẫn thế, khi hai người nữ và nam đều còn đang tự do, cho dù Hân chỉ mới quá hai mươi và Phùng thì đã bốn mươi rồi. Chắc chắn là Phùng và Hân đều có nghe nhưng bỏ qua, cũng chẳng bỏ qua đâu, thật ra cũng có dừng lại ngẫm nghĩ một chút, nhưng việc ấy không ảnh hưởng gì đến cái tình bạn xa xa — xa đến nỗi tưởng không gọi được là tình bạn, nhưng lại có cái vốn quý trọng mà tình bạn hời hợt thường không có. Trong đám đông nhà báo ăn nói rất bạo dạn, Hân nhìn thấy Phùng thì mừng quá. Cô bước tới, xiết tay anh và thấp giọng hỏi dịu dàng:

— Anh cũng đi Điện Biên lần đầu ă?

— Lần thứ ba đấy cô ạ — Anh trả lời tươi cười và bất giác nói luôn — lần trước năm năm, nhân dịp lập khu tự trị Tây Bắc.

— Anh là chiến sĩ Điện Biên ư?

Không hiểu sao cô gái lại kêu lên thế. Phùng “vâng” một cách sê sàng, và đỏ mặt. Chừng như tiếng “vâng” ấy vẫn còn ồn áo quá, anh xóa bớt đi bằng một câu giảng giải xuề xòa:

— Tôi cũng là nhà báo như bây giờ thôi mà.

Nói xong, lại như thấy mình nhớ miệng mà hở hang thêm. Anh nín thinh. Đi thăm chiến trường cũ hôm nay, đoàn nhà báo có ý đi bằng cả một đội xe tải chở hàng lên Tây Bắc. Đây là một đôi xe tiên tiến, chỉ chênh với đội được phong là anh hùng có một tí. Nghe kể cuộc đời của mỗi anh đội trưởng ngẫu nhiên cũng là chiến sĩ Điện Biên cũ, cũng đã loang loáng thấy lóe lên, rền lên biết bao bom đạn, bao hiểm nghèo, bao gan dạ. Các nhà báo từng nhóm hai người chia nhau ngồi trong các lái, Hân và Phùng cùng lên một xe. Lái cho hai người là một người trai trẻ bề ngoài lù khù nhưng đã trải qua sáu năm đánh Giônxon và Níchxon thật sôi động, được làm lễ vào Đảng cách đây chỉ nửa tiếng đồng hồ. Chuyện này vừa xảy ra trước mắt các nhà báo, làm cho ai nấy đều kích động lắm. Hân bắt tay anh lái trước rồi mới vòng lại để bước lên xe.

Cô nói một cách tự nhiên:

— Tôi lại được ngồi chiếc xe vinh dự nhất trong cả đội xe hôm nay.
Tướng anh Phùng sẽ nói tiếp thêm một câu; anh chỉ nhào ra đặt bàn tay mình lên vai anh lái xe trẻ một chút, thế thôi.
Xe chưa chạy, nhìn lên đã thấy anh ta khép mi mắt lạ, anh ta cứ lim dim như thế, như không muốn nói chuyện, như ngủ.

o O o

“Ông tướng kì quặc thật đấy!”. Hân nói thầm. Nhưng cô bất chợt nghĩ hoài về cái quá khứ Điện Biên Phủ của người đàn ông ngồi cạnh. Con người hiền lành ấy không ngờ có cuộc đời giàu có dữ dội đến thế. Hay ngược lại: anh thật khéo giấu, trông anh như người chỉ biết có sách vở thôi. Cô nhớ chuyện cùng đi lần trước, buổi trưa, sau cuộc chuyện phiếm tráng miệng thường lệ, anh em đi ngủ cả, cô đột ngột rủ Phùng đi chơi. Cô không có tật ngủ trưa, Phùng cũng thế, thì hai người đi chơi, thế thôi. Vả, nghe báo cáo mãi, có thì giờ ngắm cảnh là cần chứ. Hai người đi loanh quanh trên những lối đi vàng nắng giữa các nương chuối mới trồng trong nông trường mịn một màu nõn biếc chốc chốc lại òa lên một cây mận hoa trắng đầy cành. Đang đi chợt Hân nhận xét thấy mình bắt đầu hồi hộp, cô đợi Phùng nói một câu chuyện gì bất cứ chuyện gì, để phá tan sự im lặng ấy, sự hồi hộp ấy. Đúng giữa lúc đó, Phùng nói ngắn gọn: “Thôi, ta quay về”.

Lần này, dù sao hai người cũng đã là bạn cũ. Ngược với người đàn ông, cô gái nói luôn mồm:

— Anh Thảo ạ, đến chỗ nghỉ anh phải kể chuyện anh nhé. mấy năm nay, chi bộ mới lại có một đảng viên mới và đảng ủy cục chỉ duyệt có mỗi anh đấy! ôi! Chúng tôi làm cái việc đi làm con người mới, con người mới là đây chứ còn ở đâu!

— Anh Thảo ạ, bọn Mỹ nó nhấc bổng chiếc xe anh lên rồi, thế mà lại rơi xuống mặt đường, anh vẫn tiếp tục chạy là thế nào nhỉ? Làm sao anh bình tĩnh được thế? Tại sao trận nào anh cũng thoát? Chuyến hàng nào anh cũng trót lọt? Mà anh không xin đổi tuyến? Thật tôi không hiểu đấy!

— Anh Thảo ạ, ai đoán được anh mới hai mươi bốn thôi nào? Trông anh già thế!

Câu gì anh lái xe cũng chỉ trả lời bằng một cái nhếch mép cười. Rõ chán, anh ta cũng lại ít nói!

Trong xe im lặng một lúc, chỉ nghe tiếng máy ô tô luôn luôn đổi cung bậc. Nhà cửa lóa nắng và cây cối hai bên đường xanh rực màu mùa mới tới ùa lại phía người đi xe, xe qua rồi vẫn mơ hồ nghe tiếng cười của cảnh vật còn đuổi theo. Cô gái quay sang ông anh đồng nghiệp, hỏi ngay thật:

— Anh thích chứ anh Phùng? Bọn nhép chúng em thỉnh thoảng còn được xõng chuồng. Chứ như anh, công tác chính là bàn, đọc và sửa, chắc ít có dịp đi lắm? Em nghe nói câu khuyên trứ danh các nhà báo phải chú ý tả cảnh, tả người nữa, cái câu gây nên bàn tán là của anh đấy.

Anh mở to mắt kinh ngạc, không ngờ người con gái thẳng thắn đến thế, và có phải vì trong sự thẳng thắn ấy có cái gì rõ ràng là có suy nghĩ đến anh nên anh xúc động không, anh bắt đầu nói:

— Có, tôi có thích, tôi thích lắm chứ cô.

— A! — Cô gái reo thầm, bỗng nhiên bắt được một cái tia sáng, bỗng nhiên khám phá thấy cái gì thật khác với cái người ta hay nói và cô cũng hay nghĩ về anh, dù cái đó chỉ mới là thoáng qua thôi, còn cần phải làm rõ hơn nữa. Cô đợi anh nói tiếp. Ngón tay anh hơi run, nét mặt anh dịu hẳn lại, rõ ràng là anh muốn bộc lộ nữa, nhưng anh chỉ nói có thể. Cô gái không chịu lùi bước, anh không chịu nói thì cô nói trước, cô là người nghĩ thì nói, có sao nói vậy, lời nói ở cô là cái áo của sự trung thực và đáng tin cậy.

— Anh là chiến sĩ Điện Biên Phủ, hay quá — cô thích dùng tiếng “chiến sĩ” để nói anh. Anh giảng thêm cho em nhé. Em có đọc tập bút ký vừa ra ấy, nhưng em không hiểu gì cả. Xê một, xê hai, dê một, dê hai, rồi a một, đòi nọ đòi kia nhức cả đầu. Em đâu có “bướu” quân sự! Nhất là anh chỉ rõ cho em ngày ấy anh đóng ở đâu, đi đứng thế nào dưới bom đạn năm năm ngày đêm là em thích lắm. Trước khi đi, em có nhờ các ông Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng giúp cho đấy, nghĩa là em tìm đọc các ông ấy. Lên đây mà em gặp cái cô Ngân là em thích nhất.

Phùng mắt hơi suy nghĩ, vẻ không hiểu.

— Cô ngân, nhân vật của anh Tưởng trong “Bốn năm sau” ấy mà. Cô bé hồi ấy là mười ba hay mười bốn tuổi, được một anh bộ đội cứu, bốn năm sau, mười bảy hay mười tám, lại gặp anh bộ đội ấy lên xây dựng nông trường đấy... Năm nay cô ấy mới ba ba, ba tư chứ bao nhiêu.

Người đàn ông hiểu ra mỉm cười. Hân đợi một lúc, không nghe anh nói gì, liền nói thêm:

— Theo anh, liệu em có tìm được cô Ngân ấy không? Em tin chuyện anh Tưởng kể là có thật, thế nào cũng có một phần thật nào đó. Anh tính, đối với báo em, mà em lại tìm ra được bằng xương bằng thịt cái cô Ngân vốn là hư ảo ấy, không những bằng xương bằng thịt mà lại còn là nông trường viên tiên tiến hay là “chiến sĩ quyết thắng” chẳng hạn thì cái bài báo của em, kèm theo cái ảnh cô ấy, trong dịp kỷ niệm Điện Biên Phủ này, không “ăn tiền” ư anh? Người đàn ông lịch sự khuyến khích:

— Cũng là ý hay đấy, cô thử tìm Ngàn xem.

Nhưng nhìn sang, thấy mắt anh đã lại hạ thấp. “Có lẽ anh ấy đang nhớ lại chuyện cũ” cô gái nghĩ thầm. Nét mặt anh rõ ràng là của người đang dẫn vào một cuộc hành trình khác song song với cuộc đi này. Cô gái thôi không muốn quấy động anh nữa. Cô yên lặng nghĩ về Ngàn. Nhưng cô nín thinh một lúc, chợt thấy mình buồn ngủ, nên lại nói.

o O o

Tính tình một người trải dưới mắt ta, và bỗng nhiên ta khám phá ra anh ta khác hẳn ta vẫn nghĩ. Anh khẽ đập vào tay cô đánh thức cô dậy.

— Gì vậy anh! Em có ngủ đâu! — Hân nói, hơi lạ về sự bạo dạn đột ngột của người đàn ông.

— Thác Bờ! — Phùng xướng to, giọng sôi nổi vô cớ. Tất cả các tác giả đều đã tả một Thác Bờ rất dữ dội, còn đây là Thác Bờ mùa khô kiệt, đây là một mùa khô kiệt nhất, nhìn nó không ra, cô xem: mỗi hòn đá thành một sư tử im lìm buồn cười chưa? Hân đưa mắt nhìn lòng sông lởm chởm chỉ chút những đá tai mèo phô tất cả cái bí mật của mình, nhận thấy quả thiên nhiên bao giờ cũng để dành một khía cạnh nào đó cho người tiếp xúc với nó. Nhưng cô chờ đợi Phùng nói một câu gì khác, và đó mới thật là câu chính. Đúng, sau đó mới là câu chính, và Phùng nói gần như thì thầm:

— Chúng tôi mấy anh văn nghệ bất thần gặp một trung đội Pháp ở đây.

Chúng tôi ít, địch đông, nhưng chúng tôi thật hăng, quần nhau với chúng suốt một đêm. Thế mà chúng thua chạy đấy. Chúng tôi mất Giang, năm ấy mười tám, vừa ở văn công quân đội chuyển sang muốn theo nghề làm báo. Có một cô gái trong đoàn rất tiện những khi làm công tác quần chúng. Chúng tôi nói, còn cô ấy vừa hát lại vừa ngâm được cả thơ. Chôn cô ấy ở chỗ kia, dưới gốc cây tẻch ở mép đồi xuống phà ấy, giờ không biết bố đi đâu rồi.

Thấy mắt người con gái nhìn mình dò xét, Phùng nhếch mép cười, tự nhiên nói, vừa quyết định buông thả những tình cảm vẫn kìm giữ chắt chứa bên trong mình, vừa chống chế:

— Từ quãng này trở đi, tôi còn nhiều kỷ niệm lắm cô ạ.

Lại dường như không quen nói một câu như thế, anh vội lảng đi.

— Xòm Lôm là ở đâu hở Thảo?

Thảo chưa kịp đáp, anh đã lặp lại câu hỏi:

— Ngã ba Xòm Lôm, nó ở quãng nào trên đường 6 này?

Thảo trả lời:

— Đã đến đâu! Giờ người ta không gọi là Xòm Lôm, người ta gọi là ngã ba Tạ Khoa.

— Ôi — người đàn ông kêu lên nữa, và không dẫn đo gì nữa, cuộn cuộn bộ lộ với người con gái — Đêm ấy trăng sáng, mà rét lắm cô ạ. Tôi viết bài thì bộ đội đã đi rồi, tôi phải một mình đuổi theo từ Thượng Bằng La bên Nghĩa Lộ đến đây, rồi từ đây lên Tuần Giáo, qua đèo Pha Đin lúc ấy còn hiểm trở hết chỗ nói, từ Tuần Giáo lại vào Điện Biên, mấy trăm cây số chỉ lèo đèo đi bộ thôi. Đến đây là đêm. Quãng này nổi tiếng nhiều hổ, sáng nào cũng nghe đêm qua có người bị hổ cắn. Để cho hổ tưởng mình có sợ, tưởng mình đông, tôi cứ vừa đi vừa hát, hát bài này chán lại hát bài khác, cứ thế đi suốt đêm chẳng ai cùng đường với mình. Thỉnh thoảng nghe rì rầm, sợ đụng phải Tây, tôi lại chui vào bụi ngòi. Không phải Tây, đó chỉ là đồng bào đi xuôi thôi. Đến sáng bạch, đến chỗ nghỉ mới gặp anh em dân công. Mà cái đồn Mộc Châu cũ ở đâu hử Thảo.

Tướng Thảo chỉ chú ý tới con đường bây giờ trở nên rất quanh co, Thảo vẫn lắng tai nghe:

— Đồn ở trong bản Hoa kia chứ anh!

— Không, đồn chính ở ngoài này, đâu ở bên trái ta đây.

Dường như hỏi thì hỏi vậy thôi, vết tích đồn Mộc Châu không quan trọng, ký ức không cũng đủ rồi, có ký ức và có con đường ngày trước khắc có đồn Mộc Châu. Thôi thúc bởi một nhu cầu nào đó, anh hạ giọng tiếp theo liền, và bỗng dưng nói những chuyện còn xa hơn con đường hai mươi năm nữa:

— Ngày ấy tôi đi đã khiếp, lên rừng xuống biển, chiến dịch nào cũng có mình. Cô nói đúng đấy: tất cả vốn đi một đời tôi là vốn ngày đó. Tôi quen anh Tô Hoài từ ngày ấy kia chứ. Hai anh em vừa gặp nhau ở Bắc Cạn, thoát cái, đã lại trong thấy nhau trên Suối Giàng nhìn xuống đồn Cửa Nhi, sang đây gặp anh Thi, anh Đỗ Nhuận... ông Thi ghi chép nhiều lắm những cũng rất mê các cuốn sổ ghi chép của tôi. Mở đầu chiến dịch Điện Biên là tôi vừa được thiếp của đồng chí Văn khen về bài tường thuật chiến dịch Tây Bắc nên tôi hăng lắm, khắp chiến trường cứ loăng quăng nơi nào cũng đi, được phép đến tận bản doanh đại tướng, mà cũng mục kích được tận mắt những giờ phút cuối cùng của A một. Ở Điện Biên đến bốn tháng, tôi ghi đến năm cuốn sổ đây, tôi vẫn còn giữ đấy...

Hình như thấy mình buột mồm mà lỡ lời, anh nói sang chuyện khác:

— Đây là nông trường Tô Hiệu trồng bông nổi tiếng đấy. Nà Sản kia. Ngày ấy giặc Pháp vừa nhổ cứ điểm con nhím ngồn ngang tiêu tụy đến phát sợ. Đàn bà con gái trong vùng mắc bệnh một trăm phần trăm, thấy cảnh đủ ứa nước mắt. Lơ thơ đôi cái bản nhỏ, đến cây chuối cũng không còn. Thế mà có bao nhiêu gạo, thịt, bà con cho người đưa lên chiến trường cả... Còn đây là

bản Búng Lao. Có phải sông Nậm Cô không, Thảo nhỉ? Đúng bản Búng Lao mà. Bộ chỉ huy đóng ở kia. Đồng bào ơi có phải đây là bản Búng Lao không? Anh thò đầu ra ngoài, đứng hẳn lên trong xe mà gọi hỏi, thuyết minh nhưng lại vô ý che khuất cái mình muốn giới thiệu.

“Không, đây mới thật là anh Phùng, anh Phùng hồi trẻ hồn nhiên hay nói, hay hát, vô tư, nhiều mơ mộng và đôi chút vụng về. Chính là chuyến hành hương này đã làm xôn xao lên những kỷ niệm cũ, và làm cho anh Phùng ấy trẻ lại.” Hân man mác nghĩ đến cái gì có thể làm thay đổi tính nết một con người, vừa mừng rỡ thấy ở Phùng thật tốt, thật chừng mực, anh thanh niên sôi nổi ngày trước vẫn còn. Nó còn là nhờ người kia, đi đã xa trên đường đời rồi, nhưng tâm sự vẫn quý trọng, tiếc nuối những mơ mộng ngông cuồng của tuổi trẻ. Hân có một cảm giác rất lạ như đang có ở trước mắt mình một cuốn sách cũ mà từng cơn gió ào ào lộng vào trong xe đang lách tách lật ngược từng tờ để cô đọc lướt. Đoàn xe đi suốt ngày suốt đêm, đem hàng cho ngày lễ Điện Biên đi chăm chỉ và vội vàng như đi chiến đấu. Những câu chuyện quá khứ xa lơ xa lắc kể lại trong xe, cái tâm trạng chìm đắm chập chờn của người nói lẫn người nghe làm cho con đường lên chiến trường cũ, một sợi chỉ trắng kéo dài qua màu xanh đậm menh mang của núi rừng, ướt đầm trong nắng mới, bông bênh trong ánh trắng, nhiều khi trở nên như hư ảo. Tháng tư, những cây ban hai bên đường vẫn còn cố giữ những đoá hoa trắng muốt có một chấm đỏ nõn nung, ấy là những đoá hoa lơ thơ cuối cùng dành cho người lên thăm miền Tây muộn. Thường thường là một trận mưa hoa trấu đỏ xuống mũi xe, làm rụng theo đôi lá téch vàng to. Việc cô nhắc thấy những nét thật về người đàn ông làm cho Hân ngăn người suy nghĩ. Vai trò bây giờ đã thay đổi: người nói nhiều lại là anh chứ không phải cô.

o O o

Phùng dường như trở nên say, hoặc không còn nhớ người mình nói với là ai, hoặc mình càng đẩy thêm những cánh cửa tâm sự thì càng nẩy nở bên trong mình một chút bạo dạn tin cậy thân tình, cứ lần ngược mãi về đằng trước.

Anh kể cho Hân nghe những chuyện không dính dáng gì đến Điện Biên Phủ nữa: “Tôi lên mười hai đã như là trẻ mồ côi. Bố tôi lấy người khác, một bà di rất khắc nghiệt, tâm tính của ông đối với tôi cũng thay đổi. Tôi bỏ nhà trốn theo kháng chiến không cần suy nghĩ. Tôi bắt đầu làm liên lạc cho báo Cứu Quốc ở Chợ Rã, rồi xếp chữ in... Sau Điện Biên Phủ, tiếp quản Hà Nội, tôi không buồn tìm bố, bố tôi cũng chẳng buồn tìm tôi, tôi nghe nói sau đó ông đi Nam... “Cổ Hân nghèn nghẹn. Ồ hay, anh nói với tôi chuyện đó làm gì? Tôi có là gì với anh đâu? Nhưng ngừng lên, cô gái thấy người đàn ông rõ

ràng không để ý đến điều đó, không cố tình coi cô “là gì” với anh cả. Anh vẫn điềm đạm, lịch sự, chân thật. Và, cô chợt nhớ ra một cách công bằng, buổi trưa hôm ấy, ở nông trường, cô bỗng dưng cũng kể cho anh câu chuyện của cô: “Tôi chỉ có hai anh em, anh tôi quý tôi lắm, bây giờ anh tôi ở trong Công Tum. Tôi đi học, ở tập thể, mà đi làm cũng tập thể...” Cô có coi anh “là gì” của cô mới nói thế đâu?

Đi ba ngày tới Điện Biên. Xuống xe cứ thấy lạ. Không một huyện lỵ nào trẻ, khỏe, sang trọng như vậy: đường nhựa, hồ thả cá, vườn hoa, bãi mát tinh, nhà chiếu bóng đến mấy cụm nhà giao tế, nhà cửa tân tiến... tất cả cái đó trong cái lòng chảo lõm xuống nơi trùng điệp núi non, cứ óng ánh như những món trang sức. Và những người phụ nữ, sao phụ nữ nhiều thế, đã vắn tàng cầu trước trán hay vẫn còn con gái, đều rất đẹp, da trắng, răng đều, ra đường ăn mặc cẩn thận như nhau, áo chèn làm nẩy cái ngực tròn, và chiếc váy xa tanh hoa bó sát lá thân hình, y phục ấy làm cho mọi người, bất luận tuổi tác thế nào, đều thật trẻ, thật nhanh nhẹn, thật hạnh phúc... Nếu không bảo, nếu không được chỉ cho thấy các tên đồi bằng vôi cắm trên các đỉnh, không thể nào ngờ được nơi đây vốn là cái bãi chiến trường ác liệt nhất, nó làm rẽ ngoặt mọi lịch sử: anh đang đứng trước cái cảnh vĩ đại đó.

Buổi sáng, mặt trời mọc bên dãy Pú Hồng Mèo, chiều mặt trời lặn sau dãy Pú Tà Co. Cần mẫn, công phu, mỗi người một cách làm việc, đoàn nhà báo thăm viếng tỉ mỉ nơi trước đây là mặt trận, bây giờ đồi núi vẫn còn đó, hầm hào của địch và của ta đối mặt nhau vẫn còn đó những nắm mộ anh hùng còn đó, và có thêm rành rành đó, minh chứng cho cái mục đích cao quý của người thắng trận: đội máy kéo, đội cà phê, đội lúa giống, đội lợn giống, tập trung thủy nông... và những con người, những con người với sự trù phú và sự đông vui làm yên tâm tất cả mọi người.

Hân theo Phùng đi khắp nơi, trông thấy các địa điểm và hiểu ra ngay những điều đã đọc trong sách mà không hiểu: “Anh có đến đây không?”. “— Có tôi có dự cuộc họp chi bộ cuối cùng ở đây. Lường trước đã có đến sáu mồi dây điện mà nghìn cân bộc phá dưới chân đồi có thể vẫn không nổ, hai đồng chí... thôi, đến kia tôi kể luôn”. “— Anh có đến đây không anh?”. “Có. Nơi tôi hẹn kể gộp với cô một thể là ở đây đây. Cảnh tôi tận mắt thấy ở đây, giống như ở A một. Kia là đồi C hai, cô có trông thấy cái ụ kia không, đó là cái ụ đại liên của giặc. Muốn lấy C hai phải tiêu diệt cái ụ đó, nhưng anh em phá mãi không được, động phải chiến sĩ nào ôm bộc lôi bò lên là chiến sĩ ấy bị lộ. Hai chiến sĩ mới toanh còn trẻ hơn tôi ngày đó, xin đi đánh. “Ôi, việc gì phải tới đặt bộc lôi đã rồi mới giật nụ xòe! Cho chúng em ôm bộc lôi chạy, vừa chạy

vừa giật. Địch mà bắn trúng, chúng em có đổ thì bọn lòi cũng vừa nổ. Anh đồng ý đi”. Trung đội trưởng xin lên trên, trên lại xin lên trên nữa, cuối cùng trên buộc đơn vị phải tổ chức yểm hộ. Đang ngồi trong hầm lo lắng, được tin trên cho phép, cả hai vùng dậy, mừng cuống lên, một cậu vội vã vai bạn: “Đi, mày!” Suốt đời tôi, hai mươi năm qua, lúc nào tôi cũng nhớ hai tiếng: “Đi, mày!” đó. Như họ là hai anh em vừa được bố cho đi đá bóng. Ba chân bốn cẳng chạy, sợ có thể có người tranh mất phần, sợ trên đổi ý. Một lúc sau, đơn vị tiêu diệt được ụ đại liên, chiếm đồi C hai nhưng chỉ còn có một cậu trở về.

Anh chỉ tay vào một đầu hầm bây giờ đất đã lấp mất một nửa:

— Thép Mới, Hữu Mai và tôi ở đây đây. Ba anh em văn nghệ chúng tôi có hôm đã phải tự biến thành ban chỉ huy đại đội để lo mọi việc: cả đại đội đi công tác, thắng lợi bằng ba yêu cầu của trên, nhưng bị xe tăng vây chặt phải tay không cào đất làm công sự chiến đấu lại, tất cả bị thương.

Người đàn ông nhìn xuống đầu hào cũ của mình, rõ ràng xúc động và bịn rịn. Và tại sao, tại sao chứ, Hân cũng lây cái sự lưu luyến đó, cô cũng không muốn rời con đường hào còn phảng phất cái bóng của anh cách đây hơn hai mươi năm.

Cuộc hành hương đã đến chỗ cuối của nó, cô biết. Hai người im lặng bước xồng xồng đồi tháng tư đầy hoa riêng. Cái giống hoa riêng thật lạ, một viên đỏ, một viên vàng, một viên tím, không nở to, tất cả màu cầu vồng thu lại trong thân một gang tay thật thẳng, không ở đâu ngoài các đồi Điện Biên có thấy cái giống hoa ấy. Phùng bỗng nói, giọng kéo dài, theo kiểu người Thái nói tiếng phổ thông làm ra vui:

— Ôi! Nhớ lắm thôi!

Anh vốn trầm lặng, không hay nói về mình, vụt trở nên sôi động như thế khi trở về thăm chiến trường cũ.

o O o

Năm ngày phải xê dịch luôn và ghi chép rất nhiều không cho phép Hân tự mình đi các ngã tìm nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Huy Tưởng như cô có ý định. Nhưng ngay buổi trưa đầu tiên ở Điện Biên, chỉ hai giờ sau khi làm việc với ban tuyên huấn huyện ủy, một cô gái Thái gõ cửa buồng Hân và không đợi Hân kịp đi ra, cô đã đẩy cửa bước vào, và rất vui, nói một câu thoát đầu làm cho Hân bàng hoàng:

— Em là Ngân. Anh Trục bảo chị đang cần gặp em.

Hân suýt rú lên nắm lấy cánh tay cô gái. Bàn tay cô ngón thật dài, thật mảnh mai, cô gái cười rất xinh, má có hai lúm đồng tiền, hai mắt lấp lánh của cô soi

cho hai lúm đồng tiền ấy. Cô cười khanh khách, giọng cười trong vắt cuộn cuộn, kéo dài; tay kia của cô, Hân cầm; tay này, cô cầm tay Hân, thật hồn nhiên:

— Nhưng em chỉ là Ngàn—em thôi, em không phải là Ngàn—ấy. Không phải mà. Em sinh năm 1950, đây chị tính xem. Thế nhưng thật vô lý, anh Trục đồ riết cho em “nhất định mày là Ngàn”. Em buồn cười quá “— Thì em vẫn là Ngàn!”. — Mày là Ngàn—ấy!” — em chỉ là Ngàn—em thôi”.

Ngàn—em ngồi xuống giường, nói một thôi, không đợi hỏi:

— Em cứ phải cãi nhau với các anh ấy nhọc quá. Em nêu lên đủ nét khác nhau: em là con gái Thái không phải con gái Kinh nhé — mẹ em người Thái là bà Vi Thị Chia ở bản Nà Tri không phải là bà cụ Điều có hàng nước ở phố Tự Do nhé — lúc cái ông nhà văn ấy lên Điện Biên “bốn năm sau” ấy, em chỉ mới lên tám thôi nhé — nhà em, anh ấy là người dưới xuôi ta thật nhưng anh ấy là công an vũ trang ở trên Mường Tè, là y sĩ rồi đi nghĩa vụ chứ, có phục viên là nông trường bao giờ đâu!

Cô gái Thái thở ra một cái to, tỏ ý thất vọng một cách vui vẻ:

— Nhưng các anh ấy vẫn cứ trêu em. Thế đấy, ai lại đi giới thiệu với cả người ngoài.

Cô chợt lại cười như nắc nẻ, hạ giọng nói tiếp, cô nói không dứt:

— Buồn cười là thấy các anh ấy cứ khăng khăng, em cũng đâm hoang mang. “Hay mình chính là Ngàn—ấy thật mà ông nhà văn có gia giảm đi đấy”. Em xem đi xem lại cuốn sách ấy đến mấy lần. Cũng có những nét giống quá cơ! Hân không cần hỏi, Ngàn nói luôn, chân thật kỳ quặc:

— Nhiều chỗ giống lắm thật đấy. Như bà cụ Điều ấy, người xuôi mà sao y hệt bà em! Nhất là cách đối xử với con, cứ bản thân bản thân, chốc chốc lại: Ngàn ơi, mày nhón nhiều rồi đấy. Giá anh Doan anh ấy xin mày... “Giống hệt! Và cái đoạn Ngàn với Doan gặp nhau, đi với nhau một đoạn đường tôi gặp mưa to ấy: không hẳn thế nhưng sao như là chuyện chúng em thế! Nhà văn họ tài thật, như là ông ấy có lò dò đi sau dõi chúng em không bằng!

Hân và Ngàn quen thân nhau như vậy. Ngàn hiện là cán bộ thường trực Đoàn ở huyện. Buồng Hân trọ có hai giường, một giường bỏ không. Không đợi Hân rủ, tối tối xong việc, Ngàn đến đây ngủ với Hân, giải chăn chiếu trên cái giường bỏ không, nhưng lại ngả xuống nằm cạnh Hân một cách tự nhiên. Hân không hết ngỡ ngàng khi im lặng lắng nghe chuyển sang người mình cái hơi nóng của cô gái có thể là nhân vật trong tiểu thuyết, và nghe nhân vật tiểu thuyết ấy rủ rỉ suốt đêm kể cho cô nghe đủ thứ chuyện đời ở Điện Biên.

Một hôm, cô gái Thái mang về cho Hân một tờ danh sách khá dài những đoàn

viên có tên là Ngàn ở trong huyện:

1 — Và Thị Ngàn, chủ tịch Hội phụ nữ ở Hon Vặt

2 — Lê Thị Pầu Ngàn, y sĩ phụ trách Xa Nạ ở Xam Mùn

3 — Bạc Thị Ngàn, phó chủ nhiệm hợp tác xã, bí thư chi đoàn Hua Thanh

4 — Vũ Thị Ngàn hiệu trưởng trường cấp I Thầm Phủng... nếu Ngàn là Pá trong tiếng Thái thì:

29— Hu Pá ủy viên tài mậu ở Con Cặng

39— Lý Thị Pá, phó bí thư chi đoàn lâm trường Nà Tấu, lái máy kéo.

.....

nếu Ngàn là Mùn thì:

41— Cầm Thị Mùn đội trưởng thanh niên xung phong ở Tây Trang

42— Lý Sáng Mùn học sinh lớp 10 trường phổ thông cấp 3 Điện Biên.

o O o

Không phải mỗi cô bạn Thái của Hân mà đến ngót năm mươi cô gái Điện Biên có khả năng mang số phận của Ngàn, nhân vật tiểu thuyết; và đẩy số phận ấy lên những mức thành đạt và hạnh phúc xa hơn rất nhiều những nét khởi đầu cuốn sách phác ra mười sáu năm về trước. Năm mươi cô gái Điện Biên ấy sống những cuộc đời rất khác nhau nhưng đồng thời cũng góp mỗi người một nét để chung đúc một cô Ngàn thật khỏe mạnh, thật vui sống. Tác giả cuốn sách mất đã lâu rồi nhưng rõ ràng là cuộc đời mà ông yêu mến đã tiếp tục những trang sách của ông.

“Lại thế nữa!”. Nằm ở phòng bên. Nghe cô gái Điện Biên kể một chuỗi các cô Ngàn, Phùng thốt lên và ngồi dậy, đẩy mạnh cánh cửa sổ cho ánh trăng lùa vào trong buồng, bỗng nhiên thấy thèm một cách háo hức địa vị của tác giả tuy ông đã chết. Và anh bỗng có cảm giác rất lạ rằng giờ đây, nếu anh ở lại Điện Biên, trong cảnh hiu quạnh, và giữa những khơi gợi thúc giục thầm kín của các kỷ niệm cũ, chắc hẳn này anh có thể viết tác phẩm suốt đời anh mơ ước là tác phẩm về Điện Biên, với nhân vật trung tâm là anh, với những Doan và Ngàn của anh, với chính những điều anh tai nghe mắt thấy, với chính tuổi trẻ của anh căm giận không cùng, yêu thương không cùng, rộn rã, hồi hộp, sôi sục, sống chết cho cuộc kháng chiến.

Một giờ trước, trong buổi họp cuối cùng giữa đoàn nhà báo và ban huyện ủy, mỗi người phải kể một kỷ niệm về Điện Biên Phủ, Phùng đến lượt mình kể chuyện “Bác Hồ cho gậy”, Anh kể:

— Xong hội nghị quyết định tiến quân lên Điện Biên, cán bộ chúng tôi từng nhóm vội vã trở về đơn vị. Đi đến Yên Thông, chợt nghe lóc cóc tiếng vó ngựa đằng sau. Chúng tôi ngoảnh lại, giật mình sững sờ sung sướng nhìn

thấy Bác. Bác mặc chiếc áo nâu để hở ngực đến chiếc khuy thứ ba, cổ Bác lấp lánh những giọt mồ hôi lấm tấm, vai Bác vắt một chiếc khăn mặt dài. Bác nhìn thấy chúng tôi, ghì cương lại, ghé xuống hỏi. Râu Bác ngày ấy còn đen nhánh: “Các chú đi chiến dịch đây à?”. Chúng tôi “vâng” rập ràng như một lũ trò nhỏ. Bác đang cầm chiếc gậy bằng sừng cọ, bỗng chìa thẳng gậy vào bọn tôi: “Cho các chú cái gậy này để đi chiến dịch” Thế rồi Người lại băng đi trên con đường núi...

Câu chuyện giản dị và xúc động gợi mọi người nhớ Bác Hồ. Chuyện Điện Biên Phủ và sau đây chuyện giải phóng miền Nam vang dậy gầm trời thật ra bắt đầu bằng chiếc gậy cọ ấy và bắt đầu bằng cái bóng Ông Cụ suốt đời bồn ba đường dài mà chẳng dành giữ cái gì cho mình.

Phùng đang kể, có cảm giác Hân rất vui. Anh không nhìn Hân, điềm nhiên ngó thẳng và anh bắt gặp hai mắt mở to của Ngân, cô bạn mới của Hân, con người cô gái di động luôn, ngẩn ra quan sát anh chăm chú.

Trông thấy bài ký mình mong mỗi lúc ra đi bây giờ chắc chắn có thể làm được, có những câu chuyện bất ngờ làm cho nó hay, nó hay hơn nữa, cảm giác thông suốt trong vắt về bài ký ấy gây cho Hân một nỗi sung sướng mê mẩn. Chính nỗi sung sướng ấy chứ không gì khác đã làm cho lòng cô thanh thản, bước ra khỏi trạng thái bối rối ban chiều ở trên đồi C một, và bình tĩnh nhìn thẳng vài sợi dây nối cô với Phùng.

Ở phòng bên, lúc bốn giờ sáng, Phùng có nghe ở bên kia, hai cô bạn thức giấc, cái giọng nói chuyện lấy từng tiếng một líu lo của cô gái Thái, rằng anh Phùng thật sướng, được Bác Hồ cho cái gậy cọ, em như anh ấy đi đâu em cũng mang cái gậy ấy theo, em chống gậy ấy đi suốt đời, tiếng Hân nhỏ nhẹ nói lạ có lẽ anh ấy kể chuyện ai đấy, không phải anh ấy đâu. Lại tiếng Ngân cãi không phải anh ấy thì còn ai, chị không chú ý sao, anh ấy tả Bác Hồ tí mĩ thế còn... Và Hân không trả lời nữa, có vẻ muốn tin theo lời Ngân.

Không ngờ lại thế, Phùng nằm một lúc lâu nữa vẫn loay hoay không biết trả lời Ngân thế nào cho đúng, nếu chốc nữa Ngân hỏi. Trong đám người Bác ghé xuống hôm ấy, đúng là có tôi chứ. Bác cho là Bác cho chung. Mà không phải chỉ cho chung đám người hôm ấy mà là cho chung tất cả mọi người, cả nước. Không phải ư, cô Ngân, mỗi chúng ta trong đời, hiện tại, đều được vũ trang một chiếc gậy của Bác mà đi....?

Nhưng sáng dậy, Hân không nhắc lại mà Ngân cũng không hỏi. Hôm nay Ngân phải xuống bản họp nên phải đi trước lúc đoàn nhà báo ra xe. Hai cô gái ôm nhau hôn hít quyến luyến mãi, người dặn phải lên, kẻ dặn phải xuống, lâu lắm mới chia tay nhau được.

o O o

Đúng ngày hẹn đội xe tiên tiến chở các nhà báo, đã về từ Hà Nội một lượt, giờ lại trở lên công tác, đến đón mọi người ở trụ sở huyện, Phùng và Hân xách túi cùng đi ra phía xe của Thảo. Anh lái xe đã nhận ra họ từ xa, cười chào họ phô cả hai hàm răng trắng.

— Hà Nội có gì lạ không, anh Thảo ơi? — cô gái vồn vã hỏi to.

Phùng chợt thấy mình đi gần Hân quá, vai cô cứ chạm vào giữa ngực áo anh. Kín đáo, anh bước qua một bước. Câu chuyện tranh cãi hồn nhiên vừa rồi về chuyện chiếc gậy nói cho Phùng một sự thật: mình là một thể hệ, cô ấy là một thể hệ khác...

Vô tình Hân cũng lại bước qua một bước để theo kịp anh. Buổi sáng ra đi, phong cảnh Điện Biên rất dịu dàng. Các sườn núi và đường sá trắng xóa hoa trầu, nắng mai nhắc bỗng từng quả cầu mù sương ném chúng bông bênh trong lòng chảo.

Phùng tự nhiên nói với Hân, không nghĩ trước:

— Cô Hân ạ, cô hãy viết cho báo tôi truyện cô Ngân ấy nhé.

Hân quay ngoắt lại, nhìn thấy Phùng vẫn còn vui, cô cười khanh khách một chuỗi dài để tỏ nỗi sung sướng của mình, và nói với anh rất bạo dạn và thân mật:

— Đừng hòng! Anh hãy viết lấy! Không ai giàu có bằng anh, sao anh không viết lấy?

Sợ người đàn ông không hiểu, Hân lợi dụng uy lực của mình, mà cô biết là có, nhìn thẳng mặt anh và nói dồn:

— Em buộc anh phải viết. Có được không? Anh hứa với em không?

Lần đầu tiên từ khi họ quen nhau, người đàn ông nhìn tường tận, thẳng trước mặt, tất cả khuôn mặt của cô gái. Anh rung mình vì thấy khuôn mặt ấy đẹp.

Anh luống cuống trả lời liêu:

— Có.

Sông Pắc Nặm, tháng 4-1974

Hà Nội, tháng 4-1976

Kho ebook online

<http://isach.info>